

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

1. Thông tin về học phần

Tên học phần: Triết học

Mã học phần: 0102000889

Số tín chỉ: 03 tín chỉ

Tổng số tiết quy chuẩn: 45 tiết

Phân bố thời gian:

Dạy học

Tổng thời gian học của sinh viên	Giờ trên lớp				Tổng thời gian học trên lớp và tự học
	L	T	P	O	
L - Lý thuyết					45 + 90 = 135
T - Bài tập					
P - Thực hành	30	0	15	0	
O - Thảo luận/seminar					

Loại học phần: Bài học

Học phần tiên quyết: Không

Học phần học trước: Không

Học phần học song hành: Không

Ngôn ngữ giảng dạy: Tiếng Việt Tiếng Anh:

Đơn vị phụ trách: Bộ môn Lý luận chính trị, Khoa Cơ bản.

2. Thông tin về các giảng viên

Giảng viên Bộ môn Lý luận chính trị - khoa Cơ bản phụ trách.

3. Mục tiêu của học phần (kỳ hiệu MT)

* Về kiến thức

MT1: Nắm vững tri thức cơ bản về Triết học Mác – Lênin theo quan điểm của Đảng Cộng sản Việt Nam.

MT2: Nắm một số phương pháp luận khoa học trong nghiên cứu, học tập các khoa học xã hội và nhân văn.

*** Về kỹ năng**

MT3: Van dụng được các kiến thức của học phần van học tập các học phânkhóa học xa hội và nhân van.

MT4: Hình thành được kỹ năng sống, vững vàng, tin tưởng, hào ve, phát huy các giá trị văn hóa, xã hội của chế độ xa hội chủ nghĩa và tin tưởng vào chủ nghĩa xa hội.

MT5: Ren luyện kỹ năng thuyết trình, ứng dụng công nghệ thông tin vào lý giải các van đề phức tạp của đời sống.

*** Về năng lực tự chủ và trách nhiệm**

MT6: Van dụng phù hợp kiến thức nhằm giáo dục sinh viên tin tưởng vào Đảng, Nhà nước, tin tưởng vào tương lai và hiết yêu que hương, yêu thương con người.

MT7: Có khả năng làm việc độc lập, làm việc nhóm, có trách nhiệm với bạn thân, xa hội và đạo đức nghề nghiệp.

4. Mức đóng góp của học phần cho chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo

Học phần (HP) đóng góp cho chuẩn đầu ra (CDR) của chương trình đào tạo (CTĐT), ta ký hiệu là PO, theo mức độ sau:

0 = Không đóng góp; 1 = Mức thấp; 2 = Mức trung bình; 3 = Mức cao

Mã HP	Tên HP	Mức độ đóng góp của học phần cho CDR của CTĐT								
		PO1	PO2	PO3	PO4	PO5	PO6	PO7	PO8	PO9
0102000889	Triết học Mac - Lenin	2	0	0	0	0	0	0	0	0
		PO10	PO11	PO12	PO13	PO14	PO15	PO16	PO17	
		0	0	0	0	0	1	0	0	

5. Chuẩn đầu ra của học phần (ký hiệu CO)

Mức tiêu HP	CDR của HP	Nội dung chuẩn đầu ra của học phần Hoàn thành học phần này, sinh viên đạt được:	CDR của CTĐT
Kiến thức			
MT1	CO1	Hiểu những quy luật van động, phát triển chung nhất của tự nhiên, xã hội và tư duy.	PO1
MT2	CO2	Xây dựng thế giới quan, phương pháp luận khoa học, cách mạng, van dụng vào hoạt động nhận thức khoa học và thực tiễn cuộc sống.	PO1
Kỹ năng			

MT3	CO3	Bước đầu biết vận dụng các nguyên lý cơ bản của triết học Mac Lenin vào nghiên cứu các khoa học cụ thể	PO1
MT4	CO4	Tăng hước xác lập thế giới quan, nhân sinh quan và phương pháp luận chung nhất để tiếp cận các khoa học chuyên ngành được đào tạo	PO1
Năng lực tự chủ và trách nhiệm			
MT5	CO5	Có ý thức bảo vệ, phô hiện những nguyên lý cơ bản của Chủ nghĩa Mac -Lenin, đấu tranh chống những quan điểm sai trái.	PO15
MT6	CO6	Củng cố và phát triển các năng lực như: Tìm hiểu các vấn đề xa hoi, năng lực tham gia các hoạt động xa hoi.	PO1
MT7	CO7	Có ý thức, thái độ đúng đắn trong việc thực hiện đường lối, chính sách, pháp luật của Đảng và Nhà nước.	PO15

6. Nội dung tóm tắt của học phần

Nội dung của học phần bao gồm 4 chương, nghiên cứu những quy luật vận động, phát triển chung nhất của tự nhiên, xã hội và tư duy: xây dựng thế giới quan, phương pháp luận khoa học, cách mạng, vận dụng vào hoạt động nhận thức khoa học và thực tiễn cách mạng

Xây dựng cho sinh viên phương pháp luận khoa học, tư duy khoa học, nền tảng của nhận thức về tự nhiên, xã hội và con người của Đảng Cộng sản Việt Nam

7. Phương pháp, hình thức tổ chức dạy học

Phương pháp, hình thức tổ chức dạy học	Mục đích	CBĐ của HP đạt được
Thuyết trình	Cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản nhất, có hệ thống, khoa học.	CO1, CO2
Thảo luận	Rèn luyện cho sinh viên làm việc nhóm và phát hiện vấn đề	CO3, CO4
Đãi thoại	Tạo cơ hội cho sinh viên phát triển tính sáng tạo, mai sác cá tính	CO4, CO5
Bài tập	Tập xây dựng và triển khai các ý tưởng khoa học.	CO6, CO7

8. Nhiệm vụ của sinh viên

Dự lớp: đọc trước giao trình, phát hiện vấn đề, nghe giảng, nêu các câu hỏi, tham gia thảo luận về các vấn đề do giảng viên và sinh viên khác đặt ra.

Chuẩn bị nội dung, tham gia thảo luận

Nghiên cứu: đọc tài liệu tham khảo.

Tìm hai tập, hoặc giải quyết tình huống để củng cố kiến thức đã học.

Tự học, tự nghiên cứu ở nhà những vấn đề mà giảng viên yêu cầu

9. Đánh giá kết quả học tập của sinh viên (thang điểm 10)

TT	Hình thức	Trọng số (%)	Tiêu chí đánh giá	CĐR của HP	Điểm tối đa
Đánh giá quá trình (trọng số 50%)					
1	Chuyên cần	10 10	+ Tính chu đáo, mức độ tích cực chuẩn bị bài và tham gia các hoạt động trong giờ học + Thời gian tham dự buổi học bắt buộc, vắng không quá 20% số tiết học. Tùy số tiết vắng, GV quyết định số điểm theo tỷ lệ vắng.	CO1, CO2, CO3, CO4	10
2	Kiểm tra thường xuyên	30	+ Kiểm tra trên lớp theo đề chung, đáp án, thang điểm của GV và quy về theo tỷ lệ (30%)	CO5, CO6	10
Thi kết thúc học phần (trọng số 50%)					
3	Bài thi dạng đề tự luận	50	+ Thi kết thúc học phần theo đề chung, đáp án, thang điểm quy về theo tỷ lệ (50%)	CO6, CO7	10

10. Học liệu

10.1. Tài liệu chính

[1] Phạm Văn Sinh - Phạm Quang Phan, *Giáo trình Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mac - Lenin*, Nhà xuất bản Chính trị quốc gia Sự thật, năm 2018

10.2. Tài liệu tham khảo

[2]. Nguyễn Ngọc Long - Nguyễn Hữu Vui, *Giáo trình triết học Mac - Lenin*, Nhà xuất bản Chính trị quốc gia Sự thật, năm 2006

11. Nội dung chi tiết của học phần

Tuần	Nội dung	Tài liệu	CAR của HP
1-2	<p>Chương mở đầu: Nhập môn Triết học Mác-Lênin</p> <p>1. Khai lược về chủ nghĩa Mác-Lênin</p> <p>2. Đối tượng, mục đích và yêu cầu về phương pháp học tập, nghiên cứu những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác-Lênin</p>	[1]	CO2, CO3
3 4	<p>Chương 1: Chủ nghĩa duy vật hiện chứng</p> <p>1. Chủ nghĩa duy vật và chủ nghĩa duy vật hiện chứng</p> <p>2. Quan điểm duy vật hiện chứng về vật chất, ý thức và mối quan hệ giữa vật chất và ý thức.</p>	[1]	CO1, CO6, CO7
5 6 7 8 9	<p>Chương 2: Phép hiện chứng duy vật</p> <p>1. Phép hiện chứng và phép hiện chứng duy vật</p> <p>2. Các nguyên lý cơ bản của phép hiện chứng duy vật</p> <p>3. Các cấp phạm trù cơ bản của phép hiện chứng duy vật</p> <p>4. Các quy luật cơ bản của phép hiện chứng duy vật</p> <p>5. Ý nghĩa nhận thức duy vật hiện chứng</p>	[1]	CO1, CO5, CO6
10 11 12 13	<p>Chương 3: Chủ nghĩa duy vật lịch sử</p> <p>1. Vai trò của sản xuất vật chất và quy luật quan hệ sản xuất phù hợp với trình độ phát triển của lực lượng sản xuất</p> <p>2. Biến chứng của cơ sở hạ tầng và kiến trúc thượng tầng</p> <p>3. Tôn tại xã hội quyết định ý thức xã hội và tính độc lập tương đối của ý thức xã hội</p> <p>4. Hình thái KT-XH và quá trình lịch sử - tự</p>	[1]	CO5, CO6

14	nhiên của sự phát triển các hình thái kinh tế - xã hội 5. Vai trò của đấu tranh giai cấp và cách mạng xã hội đối với sự vận động, phát triển của xã hội en đối kháng giai cấp 6. Quan điểm của chủ nghĩa duy vật lịch sử về con người và vai trò sáng tạo lịch sử của quần chúng nhân dân		
15	Tổng kết HP - Kiểm tra kết thúc HP		CO1, CO2, CO3, CO4

12. Cơ sở và thiết bị

- Phòng học có hàng lớn, máy chiếu, micro.

KHOA CƠ BẢN



Nguyễn Chí Thăng

BỘ MÔN



Huỳnh Văn Long

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

1. Thông tin về học phần

Tên học phần: Kinh tế chính trị

Mã học phần: 0102000641

Số tín chỉ: 02 tín chỉ

Tổng số tiết quy chuẩn: 30 tiết

Phân bố thời gian:

Tổng thời gian học của sinh viên	Giờ trên lớp				Tổng thời gian học trên lớp và tự học
L = Lý thuyết	L	T	P	O	30 + 30 = 60
T = Bài tập					
P = Thực hành	20	0	10	0	
O = Thảo luận/seminar					

Loại học phần: Bắt buộc

Học phần tiên quyết: Có

Học phần học trước: Triết học

Học phần học song hành: Không

Ngôn ngữ giảng dạy: Tiếng Việt Tiếng Anh:

Đơn vị phụ trách: Bộ môn Lý luận chính trị, Khoa Cơ bản

2. Thông tin về các giảng viên

Giảng viên Bộ môn Lý luận chính trị, khoa Cơ bản phụ trách

3. Mục tiêu của học phần (ký hiệu MT)

* Về kiến thức

MT1: Nắm những tri thức cơ bản về Kinh tế chính trị học theo quan điểm của Đảng Cộng sản Việt Nam.

MT2: Vận dụng các phương pháp luận khoa học vào nghiên cứu và học tập các khoa học xã hội và nhân văn.

*** Về kỹ năng**

- MT3: Vận dụng được các kiến thức của học phần vào học tập các học phần khoa học xã hội và nhân văn.
- MT4: Hình thành được kỹ năng sống, vững vàng, tin tưởng, hào vẻ và phát huy các giá trị văn hóa, xã hội của chế độ xã hội chủ nghĩa và tin tưởng vào chủ nghĩa xã hội.
- MT5: Rèn luyện kỹ năng thuyết trình, ứng dụng vào việc lý giải các vấn đề phức tạp của đời sống xã hội.

*** Về năng lực tự chủ và trách nhiệm**

- MT6: Vận dụng phù hợp các kiến thức được trang bị nhằm giáo dục sinh viên tin tưởng vào Đảng, Nhà nước, tin tưởng vào tương lai, yêu quê hương và yêu thương con người.
- MT7: Có khả năng làm việc độc lập, làm việc nhóm, có trách nhiệm với bản thân, xã hội và đạo đức nghề nghiệp.

4. Mức đóng góp của học phần cho chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo

Học phần (HP) đóng góp cho chuẩn đầu ra (CDR) của chương trình đào tạo (CTĐT), ta ký hiệu là PO, theo mức độ sau.

0 - Không đóng góp; 1 - Mức thấp; 2 - Mức trung bình; 3 - Mức cao

Mã HP	Tên HP	Mức độ đóng góp của học phần cho CDR của CTĐT								
		PO1	PO2	PO3	PO4	PO5	PO6	PO7	PO8	PO9
0102C0064	Kinh tế chính trị	2	0	0	0	0	0	0	0	0
		PO10	PO11	PO12	PO13	PO14	PO15	PO16	PO17	
		0	0	0	0	0	1	0	1	

5. Chuẩn đầu ra của học phần (ký hiệu CO):

Mục tiêu HP	CDR của HP	Nội dung chuẩn đầu ra của học phần Hoàn thành học phần này, sinh viên đạt được:	CDR của CTĐT
Kiến thức			
MT1	CO1	Nắm được các kiến thức cơ bản về hàng hóa, sản xuất hàng hóa và nội dung quy luật giá trị. Tiền tệ, nguồn gốc và bản chất của tiền.	PO1
MT2	CO2	Nắm được các kiến thức cơ bản về sự ra đời của phương thức sản xuất tư bản chủ nghĩa. Các kiến thức cơ bản về tiến công trong chủ nghĩa tư bản, tích lũy tư bản, tuần hoàn và chu chuyển tư bản.	PO1

		Các hình thái tư bản	
Kỹ năng			
MT3	CO3	Biết vận dụng các nguyên lý cơ bản của Kinh tế chính trị vào nghiên cứu thực tiễn xã hội.	PO1
MT4	CO4	Xác lập nhân thức đúng đắn về khoa học kinh tế chính trị và các khoa học chuyên ngành được đào tạo.	PO15
Năng lực tự chủ và trách nhiệm			
MT5	CO5	Có ý thức bảo vệ, phê bình những nguyên lý cơ bản của Kinh tế chính trị Mac - Lenin, đấu tranh chống những quan điểm sai trái.	PO1, PO15
MT6	CO6	Củng cố và phát triển các năng lực như: Tìm hiểu các vấn đề xã hội; năng lực tham gia các hoạt động xã hội.	PO17
MT7	CO7	Có ý thức, thái độ đúng đắn trong việc thực hiện đường lối, chính sách, pháp luật của Đảng và Nhà nước.	PO15

6. Nội dung tóm tắt của học phần

Môn học này nghiên cứu về học thuyết kinh tế của chủ nghĩa Mac – Lenin về phương thức sản xuất tư bản chủ nghĩa không chỉ bao gồm học thuyết của Mac về giá trị và giá trị thặng dư mà còn bao gồm học thuyết kinh tế của Lenin về chủ nghĩa tư bản độc quyền và chủ nghĩa tư bản độc quyền nhà nước. Nội dung các học thuyết này bao quát những nguyên lý cơ bản nhất của chủ nghĩa Mac – Lenin về phương thức sản xuất tư bản chủ nghĩa.

7. Phương pháp, hình thức tổ chức dạy học

Phương pháp, hình thức tổ chức dạy học	Mục đích	CBR của HP đạt được
Thuyết trình	Cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản, cơ hệ thống và khoa học	CO1, CO2
Thảo luận	Rèn luyện cho sinh viên làm việc nhóm và phát hiện vấn đề	CO3, CO4
Đại thoại	Tạo cơ hội cho sinh viên phát triển tính sáng tạo, rèn luyện bản thân	CO5, CO6
Bài tập	Thực tập xây dựng và triển khai các ý tưởng khoa học.	CO6, CO7

8. Nhiệm vụ của sinh viên:

Đur lớp, sinh viên đọc trước bài giảng, giao trình, phát hiện vấn đề, nêu các câu hỏi và tham gia thảo luận về các vấn đề do giảng viên và sinh viên đặt ra

Chuẩn bị nội dung tham gia thảo luận

Nghiên cứu tài liệu tham khảo

Tam bài tập, hoặc giải quyết tình huống để củng cố kiến thức đã học

Tự học, tự nghiên cứu những vấn đề mà giảng viên yêu cầu

9. Đánh giá kết quả học tập của sinh viên:

IT	Hình thức	Trọng số (%)	Tiêu chí đánh giá	CBĐR của HP	Điểm tối đa
Đánh giá qua trình (trọng số 50%)					
1	Chuyên cần	10 10	+ Tính chủ động, mức độ tích cực chuẩn bị bài và tham gia các hoạt động trong giờ học + Thời gian tham dự buổi học hết học, vắng không qua 20% số tiết học. Tuy số tiết vắng, GV quyết định số điểm theo tỷ lệ vắng	CO1, CO2, CO3	10
2	Kiểm tra thường xuyên	30	+ Kiểm tra trên lớp theo đề chung, đáp án, thang điểm của GV và quy về theo tỷ lệ (30%)	CO4, CO5	10
Thi kết thúc học phần (trọng số 50%)					
3	Bài thi dùng để tư luận	50	+ Thi kết thúc học phần theo đề chung, đáp án, thang điểm quy về theo tỷ lệ (50%)	CO5, CO6, CO7	10

10. Học liệu

10.1. Tài liệu học tập:

[1]. Phạm Văn Sinh - Phạm Quang Phan, *Giao trình Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác – Lenin*, Nhà xuất bản Chính trị quốc gia Sự thật, năm 2018.

10.2. Tài liệu tham khảo:

[2]. Nguyễn Ngọc Long - Nguyễn Hữu Vui, *Giao trình triết học Mác - Lenin*, Nhà xuất bản Chính trị quốc gia Sự thật, năm 2006

11. Nội dung chi tiết của học phần

Tuần	Nội dung	Tài liệu	CBR của HP
1	Bài 1: Học thuyết giá trị: -Điều kiện ra đời, đặc trưng và im thể của sản xuất hàng hóa. -Hàng hóa.	[1]	CO1
2	Bài 1: Học thuyết giá trị (tiếp theo) -Hàng hóa (II). -Tiền tệ	[1]	CO1
3	Bài 1: Học thuyết giá trị (tiếp theo): -Quy luật giá trị -Thảo luận về Bài 1	[1]	CO1
4	Bài 2: Học thuyết giá trị thặng dư: -Sự chuyển hóa của tiền thành tư bản	[1]	CO2
5	Bài 2: Học thuyết giá trị thặng dư (tiếp theo): -Sự sản xuất ra giá trị thặng dư. -Tiền công trong chủ nghĩa tư bản. -Tích lũy tư bản	[1]	CO2
6	Bài 2: Học thuyết giá trị thặng dư (tiếp theo): -Tuần hoàn và chu chuyển tư bản -Các hình thái tư bản	[1]	CO2, CO3
7	Bài 3: Chủ nghĩa tư bản độc quyền và chủ nghĩa tư bản độc quyền nhà nước: -Sự xuất hiện và phát triển -Những đặc trưng cơ bản	[1]	CO2, CO3
8	Bài 3: Chủ nghĩa tư bản độc quyền và chủ nghĩa tư bản độc quyền nhà nước (tiếp theo): Chủ nghĩa tư bản độc quyền nhà nước: Những biến hiện mới của CNTB ngày nay.	[1]	CO2, CO3
9	Bài 3: Chủ nghĩa tư bản độc quyền và chủ nghĩa tư bản độc quyền nhà nước (tiếp theo): -Những thành tựu, giới hạn và xu hướng vận động của CNTB ngày nay -Thảo luận toàn bài	[1]	CO1, CO2, CO3, CO4
10	Tổng kết môn học		

12. Cơ sở và thiết bị

- Phòng học cơ bản lớn, máy chiếu, micro.

KHOA CƠ BẢN



Nguyễn Chí Thăng

BỘ MÔN



Huỳnh Văn Long

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

1. Thông tin về học phần

Tên học phần: Chủ nghĩa xã hội khoa học

Mã học phần: 0102000890

Số tín chỉ: 02 tín chỉ

Tổng số tiết quy chuẩn: 30 tiết

Phân bố thời gian:

Tổng thời gian học của sinh viên	Giờ trên lớp				Tổng thời gian học trên lớp và tự học
L = Lý thuyết	L	T	P	O	30 + 60 = 90
T = Bài tập					
P = Thực hành	20	0	10	0	
O = Thảo luận/seminar					

Loại học phần: Bất học

Học phần tiên quyết: Cơ

Học phần học trước: Triết học; Kinh tế chính trị.

Học phần học song hành: Không

Ngôn ngữ giảng dạy: Tiếng Việt Tiếng Anh:

Đơn vị phụ trách: Bộ môn Lý luận chính trị, Khoa Cơ bản.

2. Thông tin về các giảng viên

Giảng viên Bộ môn Lý luận chính trị, Khoa Cơ bản phụ trách

3. Mục tiêu của học phần (ký hiệu MT)

* Về kiến thức

MT1: Nắm vững tri thức cơ bản về Chủ nghĩa xã hội khoa học theo quan điểm của Đảng Cộng sản Việt Nam.

MT2: Vận dụng các phương pháp luận khoa học vào nghiên cứu và học tập các khoa học xã hội và nhân văn

*** Về kỹ năng**

MT3: Vận dụng được các kiến thức của học phần vào học tập các học phần khoa học xã hội và nhân văn.

MT4: Hình thành được kỹ năng sống, vững vàng, tin tưởng, hào vẻ, phát huy các giá trị văn hóa, xã hội của chế độ xã hội chủ nghĩa và tin tưởng vào chủ nghĩa xã hội.

MT5: Rèn luyện kỹ năng thuyết trình, ứng dụng công nghệ thông tin vào lý giải các vấn đề phức tạp của đời sống.

*** Về năng lực tự chủ và trách nhiệm**

MT6: Vận dụng phù hợp các kiến thức được trang bị nhằm giáo dục sinh viên tin tưởng vào Đảng, Nhà nước, tin tưởng vào tương lai, yêu quê hương và yêu thương con người.

MT7: Có khả năng làm việc độc lập, làm việc nhóm, có trách nhiệm với bản thân, xã hội và dân tộc nghề nghiệp.

4. Mức đóng góp của học phần cho chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo

Học phần (HP) đóng góp cho chuẩn đầu ra (CDR) của chương trình đào tạo (CTĐT), ta ký hiệu là PO, theo mức độ sau:

0 – Không đóng góp, 1 – Mức thấp; 2 – Mức trung bình; 3 – Mức cao

Mã HP	Tên HP	Mức độ đóng góp của học phần cho CDR của CTĐT								
		PO1	PO2	PO3	PO4	PO5	PO6	PO7	PO8	PO9
01020-0890	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	0	0	0	0	0	0	0	0
		PO10	PO11	PO12	PO13	PO14	PO15	PO16	PO17	
		0	0	0	0	0	1	0	0	

5. Chuẩn đầu ra của học phần (ký hiệu CO)

Mục tiêu HP	CDR của HP	Nội dung chuẩn đầu ra của học phần Hoàn thành học phần này, sinh viên đạt được:	CDR của CTĐT
Kiến thức			
MT1	CO1	Phân tích, đánh giá được các vấn đề như: sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân, xây dựng nên dân chủ xã hội chủ nghĩa.	PO1
MT2	CO2	Vấn đề dân tộc ở Việt Nam trong quá trình xây dựng chủ nghĩa xã hội; gìn giữ và phát huy các giá trị văn hóa Việt Nam trong bối cảnh hội nhập quốc tế.	PO1

Ky nang			
MT3	CO3	+ Co nang luc nhan dien cac van de chinh tri – xa hoi trong thuc tien xay dung chu nghia xa hoi ở Việt Nam. + Riet giai quyét cac van de chinh tri - xa hoi nay sinh từ thực tiễn trong qua trình xay dung chu nghia xa hoi ở Việt Nam.	PO1
MT4	CO4	Riet van dung quan diem khoa hoc cua chu nghia Mac - Lenin de nhan dien đươc am mưu dien hien hoa binh cua cac the luc phan đöng, thu dich	PO15
Nang luc tư chủ và trách nhiệm			
MT5	CO5	Co y thuc chinh tri - xa hoi, thai do kien dinh ve lap trường, tư tưởng; có tinh than dau tranh han ve le phai, hao ve nhưng quan diem, chu trương, chính sách dung đăn cua Đang va Nha nước.	PO1
MT6	CO6	Co y thuc chong lai hieu hien thờ ơ ve chinh tri va nhưng quan diem sai trai, thu dich va nhưng hieu hien tiêu cực trong đời sống xa hoi.	PO15
MT7	CO7	Co lap trường tư tưởng vững vàng, tin van con đường qua độ len chu nghia xa hoi ma Đang va nhan dan ta da lua chon.	PO15

6. Nội dung tóm tắt của học phần

Học phần trang bị cho sinh viên các kiến thức về khoa học chủ nghĩa xã hội, nhân thức tổng hợp, toàn diện về chủ nghĩa xã hội, về nội dung, đặc điểm tư tưởng xã hội chủ nghĩa qua từng giai đoạn phát triển và con đường qua độ lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam, đặc biệt là các nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mac - Lenin, tư tưởng Hồ Chí Minh

7. Phương pháp, hình thức tổ chức dạy học

Phương pháp, hình thức tổ chức dạy học	Mục đích	CĐR của HP đạt được
Thuyết trình	Cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản, có hệ thống, khoa học	CO1, CO2
Thảo luận	Rèn luyện cho sinh viên làm việc nhóm và phát hiện vấn đề	CO3, CO4
Đời thoại	Tạo cơ hội cho sinh viên phát triển tính sáng tạo, mai sắc cá tính.	CO1, CO5
Bài tập	Tập xây dựng và triển khai các ý tưởng khoa học	CO1, CO2

8. Nhiệm vụ của sinh viên

Dù lớp: đọc trước giao trình, phát hiện vấn đề, nghe giảng, nêu các câu hỏi và tham gia thảo luận về các vấn đề do giảng viên và sinh viên khác đặt ra

Bài tập: chuẩn bị bài tập, tham gia giải và sửa bài tập trên lớp

Nghiên cứu: đọc tài liệu tham khảo.

Làm bài tập ứng dụng hoặc bài tập tình huống để củng cố kiến thức đã được học

Tham khảo các tài liệu do giảng viên hướng dẫn

Tự học, tự nghiên cứu ở nhà những vấn đề mà giảng viên yêu cầu.

9. Đánh giá kết quả học tập của sinh viên (thang điểm 10)

TT	Hình thức	Trong số (%)	Tiêu chí đánh giá	CĐR của HP	Điểm tối đa
Đánh giá qua trình (trong số 50%)					
1	Chuyên cần	10	+ Tính chủ động, mức độ tích cực chuẩn bị bài và tham gia các hoạt động trong giờ học.	CO1, CO2, CO3	10
		10	+ Thời gian tham dự buổi học hết hoặc, vắng không quá 20% số tiết học. Tỷ số tiết vắng, GV quyết định số điểm theo tỷ lệ vắng.		
2	Kiểm tra thường xuyên	30	+ Kiểm tra trên lớp theo đề chung, đáp án, thang điểm của GV và quy về theo tỷ lệ (30%).	CO4, CO5	10
Thi kết thúc học phần (trong số 50%)					
3	Bài thi dạng đề tự luận	50	+ Thi kết thúc học phần theo đề chung, đáp án, thang điểm quy về theo tỷ lệ (50%)	CO5, CO6, CO7	10

10. Học liệu

10.1. Tài liệu học tập

[1]. Phạm Văn Sinh - Phạm Quang Phan, *Giao trình Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác – Lenin*, Nhà xuất bản Chính trị quốc gia Sự thật, năm 2018

10.2. Tài liệu tham khảo:

[2]. Nguyễn Ngọc Long - Nguyễn Hữu Vui, *Giao trình triết học Mác - Lenin*, Nhà xuất bản Chính trị quốc gia Sự thật, năm 2006

11. Nội dung chi tiết của học phần

Tuần	Nội dung	Tài liệu	CR của HP
1-2	<p>Chương VII: Sự mệnh lịch sử của giai cấp công nhân và cách mạng xã hội chủ nghĩa.</p> <p>-Giáo viên Kết hợp phương pháp truyền thông và hiện đại trong giảng dạy</p> <p>-Trước khi đến lớp : SV làm việc theo nhóm nghiên cứu các vấn đề theo hướng dẫn của GV; viết thành báo cáo chung.</p> <p>-Đến lớp: Các nhóm trao đổi, thảo luận; Giáo viên nhận xét, đánh giá, kết luận</p>	[1]	CO1
3-4	<p>Chương VIII: Những vấn đề chính trị - xã hội có tính quy luật trong tiến trình cách mạng xã hội chủ nghĩa</p> <p>-Giáo viên Kết hợp phương pháp truyền thông và hiện đại trong giảng dạy</p> <p>-Trước khi đến lớp : SV làm việc theo nhóm nghiên cứu các vấn đề theo hướng dẫn của GV; viết thành báo cáo chung.</p> <p>-Đến lớp: Các nhóm trao đổi, thảo luận; Giáo viên nhận xét, đánh giá, kết luận</p>	[1]	CO2, CO3
5-6	<p>Chương VIII: Những vấn đề chính trị - xã hội có tính quy luật trong tiến trình cách mạng xã hội chủ nghĩa (tiếp theo)</p>	[1]	CO3, CO5, CO7
7-8	<p>Chương IX: Chủ nghĩa xã hội hiện thực và triển vọng</p> <p>-Giáo viên Kết hợp phương pháp truyền thông và hiện đại trong giảng dạy</p> <p>-Trước khi đến lớp : SV làm việc theo nhóm nghiên cứu các vấn đề theo hướng dẫn của GV; viết thành báo cáo chung.</p> <p>- Đến lớp: Các nhóm trao đổi, thảo luận; Giáo viên nhận xét, đánh giá, kết luận</p>	[1]	CO3, CO4, CO6

Tuần	Nội dung	Tài liệu	CBĐ của IIP
9-10	<p>- SV thực hiện các bài báo cáo nhóm theo chủ đề đã được học tham ở buổi học trước. Giáo viên Kết hợp phương pháp truyền thông và hiện đại trong giảng dạy</p> <p>- Trước khi đến lớp : SV làm việc theo nhóm nghiên cứu các vấn đề theo hướng dẫn của GV; viết thành báo cáo chung.</p> <p>- Đến lớp: Các nhóm trao đổi, thảo luận; Giáo viên nhận xét, đánh giá, kết luận.</p>		C03, C04

12. Cơ sở và thiết bị

- Phòng học cỡ hàng lớn và máy chiếu, micro.

KHOA CƠ BẢN



Nguyễn Chí Thống

BỘ MÔN



Huỳnh Văn Long

ĐỀ CƯƠNG HỌC PHẦN

1. Thông tin về học phần

Tên học phần: Tư tưởng Hồ Chí Minh

Mã học phần: 0102000900

Số tín chỉ: 02 tín chỉ

Tổng số tiết quy chuẩn: 30 tiết

Phân bố thời gian:

Tổng thời gian học của sinh viên	Giờ trên lớp				Tổng thời gian học trên lớp và tự học
	L	T	P	Q	
L = Lý thuyết					30 + 30 = 60
T = Hai tập					
P = Thực hành	20	0	10	0	
Q = Thảo luận/seminar					

Loại học phần: Rắt buộc

Học phần tiên quyết: Không

Học phần học trước: Không

Học phần học song hành: Không

Ngôn ngữ giảng dạy: Tiếng Việt Tiếng Anh:

Đơn vị phụ trách: Bộ môn Lý luận chính trị, Khoa Cơ bản

2. Thông tin về các giảng viên

Giảng viên Bộ môn Lý luận chính trị, Khoa Cơ bản phụ trách

3. Mục tiêu của học phần (kỳ hiệu MT)

* Về kiến thức

MT1: Nắm những tri thức cơ bản về Tư tưởng Hồ Chí Minh theo quan điểm của Đảng Cộng sản Việt Nam.

MT2: Vận dụng các phương pháp luận khoa học vào trong nghiên cứu và học tập các khoa học về chính trị, xã hội và nhân văn

*** Về kỹ năng**

MT3: Vận dụng các kiến thức cơ bản vào học tập các học phần về xã hội và nhân văn.

MT4: Trở thành được kỹ năng sống, vững vàng, tin tưởng, bao vệ, phát huy các giá trị văn hóa, xã hội của chế độ xã hội chủ nghĩa, tin tưởng vào Đảng và chủ nghĩa xã hội.

MT5: Rèn luyện kỹ năng thuyết trình, bồi dưỡng tình cảm cách mạng và niềm tin vào việc lý giải các vấn đề phức tạp của đời sống xã hội.

*** Về năng lực tự chủ và trách nhiệm**

MT6: Vận dụng phù hợp các kiến thức được tiếp thu để giáo dục sinh viên về lý tưởng của Đảng, Nhà nước, tin tưởng vào tương lai, yêu quê hương và yêu thương con người.

MT7: Có khả năng làm việc độc lập, làm việc nhóm, có trách nhiệm với bản thân, xã hội và có đạo đức nghề nghiệp.

4. Mục đóng góp của học phần cho chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo

Học phần (HP) đóng góp cho chuẩn đầu ra (CDR) của chương trình đào tạo (CTĐT), ta ký hiệu là PO, theo mức độ sau:

0 - Không đóng góp; 1 - Mức thấp; 2 - Mức trung bình; 3 - Mức cao

Mã HP	Tên HP	Mức độ đóng góp của học phần cho CDR của CTĐT								
		PO1	PO2	PO3	PO4	PO5	PO6	PO7	PO8	PO9
000100210	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	0	0	0	0	0	0	0	0
		PO10	PO11	PO12	PO13	PO14	PO15	PO16	PO17	
		0	0	0	0	0	1	0	0	

5. Chuẩn đầu ra của học phần (ký hiệu CO)

Mục tiêu HP	CDR của HP	Nội dung chuẩn đầu ra của học phần Hoàn thành học phần này, sinh viên đạt được:	CDR của CTĐT
Kiến thức			
MT1	CO1	Phân tích, đánh giá được các vấn đề như: Cơ sở và quá trình hình thành TTHCM. Nội dung cốt lõi của TTHCM.	PO1
MT2	CO2	Những nội dung cơ bản của TTHCM: Về độc lập dân tộc, về xây dựng CNXH, về xây dựng nhà nước của dân, do dân, vì dân, về đại đoàn kết, về đạo đức, về các giá trị văn hóa Việt Nam	PO1
Kỹ năng			
MT3	CO3	Có năng lực nhận diện các vấn đề chính trị - xã hội trong thực tiễn xây dựng chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam. Biết giải quyết các vấn đề chính trị - xã hội nảy sinh trong thực tiễn của quá trình xây dựng chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam	PO1

MT4	CO4	Biết vận dụng quan điểm khoa học của HCM để nhận diện được các vấn đề phức tạp của xã hội.	PO1
Nâng lực tự chủ và trách nhiệm			
MT5	CO5	Có ý thức chính trị - xã hội, thái độ kiên định về lập trường, tư tưởng, có tinh thần đấu tranh bạo và le phái, bạo và những quan điểm, chủ trương, chính sách đúng đắn của Đảng và Nhà nước	PO1
MT6	CO6	Có ý thức chống lại hiệu ứng thờ ơ về chính trị và những quan điểm sai trái, thù địch cũng như những biểu hiện tiêu cực trong đời sống xã hội.	PO15
MT7	CO7	Có lập trường tư tưởng vững vàng, tin vào con đường qua đó lên chủ nghĩa xã hội mà Bác Hồ và nhân dân ta đã lựa chọn	PO15

6. Nội dung tóm tắt của học phần

Môn học có 08 chương, bao gồm những nội dung cơ bản của Tư tưởng Hồ Chí Minh. Cung cấp cho sinh viên những hiểu biết cơ bản về:

- Tư tưởng Hồ Chí Minh;
- Những cơ sở của đường lối xây dựng đất nước ở Việt Nam;
- Vận dụng kiến thức vào việc lý giải và có thái độ đúng đắn về con đường đi lên chủ nghĩa xã hội của nước ta

7. Phương pháp, hình thức tổ chức dạy học

Phương pháp, hình thức tổ chức dạy học	Mục đích	CĐR của HP đạt được
Thuyết trình	Cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản, cơ hệ thống, có tính khoa học và hấp dẫn	CO1, CO2
Thảo luận	Rèn luyện cho sinh viên làm việc nhóm và phát hiện vấn đề	CO3, CO4
Đời thoại	Tạo cơ hội cho sinh viên phát triển tính sáng tạo, mai sắc cá tính	CO1, CO5
Hai tập	Tập xây dựng và triển khai các ý tưởng khoa học.	CO1, CO2

8. Nhiệm vụ của sinh viên

Dự lớp: đọc trước giáo trình, phát hiện vấn đề, nghe giảng, nêu các câu hỏi và tham gia thảo luận về các vấn đề do giảng viên và sinh viên khác đặt ra.

Chuẩn bị nội dung, tham gia thảo luận

Nghiên cứu, đọc tài liệu tham khảo.

Tìm bài tập, hoặc giải quyết tình huống để củng cố kiến thức đã học.

Tự học, tự nghiên cứu ở nhà những vấn đề mà giảng viên yêu cầu.

9. Đánh giá kết quả học tập của sinh viên (thang điểm 10)

TT	Hình thức	Trọng số (%)	Tiêu chí đánh giá	CĐR của HP	Điểm tối đa
Đánh giá qua trình (trọng số 50%)					
1	Chuyên cần	10 10	+ Tính chủ động, mức độ tích cực chuẩn bị bài và tham gia các hoạt động trong giờ học. + Thời gian tham dự buổi học bất hủc, vắng không quá 20% số tiết học. Tỷ số tiết vắng. GV quyết định số điểm theo tỷ lệ vắng	CO1, CO2, CO3	2
2	Kiểm tra thường xuyên	30	+ Kiểm tra trên lớp theo đề chung, đáp án, thang điểm của GV và quy về theo tỷ lệ (30%)	CO4, CO5	3
Thi kết thúc học phần (trọng số 50%)					
3	Bài thi dung đề tự luận	50	+ Thi kết thúc học phần theo đề chung, đáp án, thang điểm quy về theo tỷ lệ (50%)	CO5, CO6, CO7	5

10. Học liệu

10.1. Tài liệu học tập:

[1]. Đặng Xuân Kỳ, *Giáo trình Tư tưởng Hồ Chí Minh*. Nhà xuất bản Chính trị quốc gia Sự thật, năm 2012

[2]. Huỳnh Văn Long - Khoa Năng lập. *Đào giảng môn học Tư tưởng Hồ Chí Minh*, Học môn Tự luận Chính trị, năm 2018.

10.2. Tài liệu tham khảo:

[3]. Phạm Ngọc Anh, *Giáo trình Tư tưởng Hồ Chí Minh*. Nhà xuất bản Chính trị quốc gia Sự thật, năm 2017.

11. Nội dung chi tiết của học phần

Tuần	Nội dung	Tài liệu	CBR của HP
1	<p>Hai mở đầu: Giới thiệu môn học và kế hoạch học tập</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nắm được yêu cầu môn học. Chỉ dẫn về cách tìm tài liệu học tập - Nắm được cách thức đánh giá môn học (đề cao việc đến lớp học). 	[1]	CO2, CO3
2 + 3	<p>Bài 1: Cơ sở, quá trình hình thành và sự phát triển tư tưởng Hồ Chí Minh.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nắm được 2 cơ sở hình thành TTHCM, nhấn mạnh cơ sở chủ quan - T y giai các chặng đường hình thành và phát triển TTHCM, đặc biệt làm sáng tỏ những phẩm chất căn quy của HCM 	[1]	CO1, CO6, CO7
4	<p>Bài 2: Tư tưởng Hồ Chí Minh về vấn đề dân tộc và cách mạng giải phóng dân tộc</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tính khoa học và cách mạng sâu sắc của tư tưởng HCM về vấn đề dân tộc. - Những điểm chính của tư tưởng HCM về cách mạng giải phóng dân tộc 	[1]	CO1, CO5, CO6
5	<p>Bài 3: Tư tưởng Hồ Chí Minh về Chủ nghĩa xã hội và con đường quá độ lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam</p> <ul style="list-style-type: none"> - Quan điểm cơ bản khoa học, cách mạng và nhân văn của HCM về CNXH. - Con đường, biện pháp tiến lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam 	[1]	CO5, CO6
6	<p>Bài 4: Tư tưởng Hồ Chí Minh về Đảng Công sản Việt Nam.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Quan niệm của HCM về vai trò và bản chất của ĐCS Việt Nam. - Nội dung và giá trị tư tưởng Hồ Chí Minh về xây dựng ĐCS Việt Nam trong sạch, vững mạnh 	[1]	CO1, CO6, CO7
7	<p>Bài 5: Tư tưởng Hồ Chí Minh về Đại đoàn kết dân tộc và đoàn kết quốc tế.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Vấn đề đại đoàn kết dân tộc trong tư tưởng và hoạt động thực tiễn của HCM. - Tư tưởng HCM về đoàn kết quốc tế (thành quả và 	[1]	CO5, CO6, CO7

Tuan	Nội dung	Tài liệu	CĐR của HP
	hạn chế).		
8	Bài 6: Tư tưởng Hồ Chí Minh về xây dựng Nhà nước của dân, do dân, vì dân. - Xây dựng nhà nước thể hiện quyền làm chủ của nhân dân. - Xây dựng nhà nước có tính nhân dân, tính dân tộc. - Xây dựng nhà nước có pháp lý, trong sạch, hiệu quả.	[1]	CO1, CO2, CO7
9	Bài 7: Tư tưởng Hồ Chí Minh về văn hóa, đạo đức và xây dựng con người mới. - Tư tưởng HCM về nền văn hóa mới (5 điểm) ở VN. - Về sức mạnh và chuẩn mực đạo đức cách mạng. - Về con người mới và chiến lược "trồng người".	[1]	CO2, CO3, CO4
10	Bài 8: Tổng kết môn học - Những trọng điểm của các bài. - Hướng dẫn ôn thi và cách làm bài thi tốt. - Công bố các loại điểm: chuyên cần và thường xuyên.		CO1, CO2, CO3, CO4

12. Cơ sở và thiết bị

- Phòng học có bảng lớn, máy chiếu, micro

KHOA CƠ BẢN



Nguyễn Chí Thăng

BỘ MÔN



Huỳnh Văn Long

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

1. Thông tin về học phần

Tên học phần: Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam

Mã học phần: 0102000869

Số tín chỉ: 02 tín chỉ

Tổng số tiết quy chuẩn: 30 tiết

Phân bổ thời gian:

Tổng thời gian học của sinh viên	Giờ trên lớp				Tổng thời gian học trên lớp và tự học
L = Lý thuyết	L	T	P	O	
T = Bài tập					
P = Thực hành	20	0	0	10	30 + 60 = 90
O = Thảo luận/seminar					

Loại học phần: Bắt buộc

Học phần tiên quyết: Có

Học phần học trước: Triết học

Học phần học song hành: Không

Ngôn ngữ giảng dạy: Tiếng Việt Tiếng Anh:

Đơn vị phụ trách: Bộ môn Lý luận chính trị, Khoa Cơ bản

2. Thông tin về các giảng viên

Giảng viên bộ môn Lý luận chính trị, Khoa Cơ bản phụ trách.

3. Mục tiêu của học phần (ký hiệu MT)

* Về kiến thức

MT1: Nắm những tri thức cơ bản về Đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam theo quan điểm của Đảng ta.

MT2: Nắm phương pháp luận khoa học trong nghiên cứu và học tập các khoa học xã hội và nhân văn.

*** Về kỹ năng**

MT3: Ứng dụng được các kiến thức của học phần vào học tập các học phần khoa học xã hội và nhân văn, tin tưởng vào sự lãnh đạo của Đảng trong công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội.

MT4: Hình thành được kỹ năng sống, vững vàng, tin tưởng, bảo vệ và phát huy các giá trị văn hóa, xã hội của Đảng và chế độ xã hội chủ nghĩa.

MT5: Rèn luyện kỹ năng thuyết trình, ứng dụng công nghệ thông tin vào lý giải các vấn đề phức tạp của đời sống.

*** Về năng lực tự chủ và trách nhiệm**

MT6: Vận dụng phù hợp kiến thức được trang bị để giáo dục sinh viên tin tưởng vào Đảng, Nhà nước, tin tưởng vào tương lai và biết yêu quê hương, yêu thương con người.

MT7: Có khả năng làm việc độc lập, làm việc nhóm, có trách nhiệm với bản thân, xã hội và đạo đức nghề nghiệp.

4. Mức đóng góp của học phần cho chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo

Học phần (HP) đóng góp cho chuẩn đầu ra (CĐR) của chương trình đào tạo (CTĐT), ta ký hiệu là PO, theo mức độ sau:

0 = Không đóng góp; 1 = Mức thấp; 2 = Mức trung bình; 3 = Mức cao

Mã HP	Tên HP	Mức độ đóng góp của học phần cho CĐR của CTĐT								
		PO1	PO2	PO3	PO4	PO5	PO6	PO7	PO8	PO9
0102000869	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	2	0	0	0	0	0	0	0	0
		PO10	PO11	PO12	PO13	PO14	PO15	PO16	PO17	
		0	0	0	0	0	1	0	0	

5. Chuẩn đầu ra của học phần (ký hiệu CO)

Mục tiêu HP	CĐR của HP	Nội dung chuẩn đầu ra của học phần Hoàn thành học phần này, sinh viên đạt được:	CĐR của CTĐT
Kiến thức			
MT1	CO1	Phân tích, đánh giá được các vấn đề như: Sự ra đời của Đảng cộng sản Việt Nam; đường lối của Đảng trong cách mạng giải phóng dân tộc.	PO1
MT2	CO2	Nắm các nội dung chính về đường lối của Đảng trong quá trình xây dựng chủ nghĩa xã hội, công nghiệp hóa, xây dựng kinh tế, xây dựng hệ thống chính trị, gìn giữ và phát huy các giá trị văn hóa Việt Nam trong bối cảnh hội nhập quốc tế.	PO1

Kỹ năng			
MT3	CO3	Có năng lực nhận diện các vấn đề chính trị – xã hội trong thực tiễn xây dựng chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam. Biết giải quyết các vấn đề chính trị - xã hội nảy sinh từ thực tiễn trong quá trình xây dựng chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam.	PO15
MT4	CO4	Biết vận dụng quan điểm khoa học của Đảng để nhận diện được âm mưu diễn biến hòa bình của các thế lực phản động, thù địch.	PO1
Năng lực tự chủ và trách nhiệm			
MT5	CO5	Có ý thức chính trị - xã hội, thái độ kiên định về lập trường, tư tưởng, có tinh thần đấu tranh bảo vệ lẽ phải, bảo vệ những quan điểm, chủ trương, chính sách đúng đắn của Đảng và Nhà nước.	PO1
MT6	CO6	Có ý thức chống lại biểu hiện thờ ơ về chính trị và những quan điểm sai trái, thù địch và những biểu hiện tiêu cực trong đời sống xã hội.	PO15
MT7	CO7	Có lập trường tư tưởng vững vàng, tin vào con đường quá độ lên chủ nghĩa xã hội mà Đảng và nhân dân ta đã lựa chọn.	PO15

6. Nội dung tóm tắt của học phần

Trang bị cho sinh viên những kiến thức, giúp sinh viên phân tích được những vấn đề cơ bản về sự ra đời của Đảng Cộng sản Việt Nam, đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam, bao gồm hệ thống quan điểm, chủ trương về mục tiêu, phương hướng, nhiệm vụ và giải pháp của cách mạng Việt Nam, thể hiện qua Cương lĩnh, Nghị quyết của Đảng trong tiến trình lãnh đạo cách mạng Việt Nam, từ cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân đến cách mạng xã hội chủ nghĩa, đặc biệt là đường lối của Đảng trong thời kỳ đổi mới trên một số lĩnh vực cơ bản của đời sống xã hội.

7. Phương pháp, hình thức tổ chức dạy học

Phương pháp, hình thức tổ chức dạy học	Mục đích	CĐR của HP đạt được
Thuyết trình	Cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản, có hệ thống và khoa học.	CO1, CO2
Thảo luận	Rèn luyện cho sinh viên làm việc nhóm và phát hiện vấn đề	CO3, CO4
Đối thoại	Tạo cơ hội cho sinh viên phát triển tính sáng tạo, mài sắc cá tính.	CO1, CO5
Bài tập	Tập xây dựng và triển khai các ý tưởng khoa học.	CO1, CO2

8. Nhiệm vụ của sinh viên

Dự lớp: đọc trước giáo trình, phát hiện vấn đề, nghe giảng, nêu các câu hỏi và tham gia thảo luận về các vấn đề do giảng viên và sinh viên khác đặt ra.

Chuẩn bị nội dung, tham gia thảo luận.

Nghiên cứu đọc tài liệu tham khảo.

Làm bài tập, hoặc giải quyết tình huống để củng cố kiến thức đã học.

Tự học, tự nghiên cứu ở nhà những vấn đề mà giảng viên yêu cầu.

9. Đánh giá kết quả học tập của sinh viên (thang điểm 10)

TT	Hình thức	Trọng số (%)	Tiêu chí đánh giá	CĐR của HP	Điểm tối đa
Đánh giá quá trình (trọng số 50%)					
1	Chuyên cần	10 10	+ Tính chủ động, mức độ tích cực chuẩn bị bài và tham gia các hoạt động trong giờ học. + Thời gian tham dự buổi học bắt buộc, vắng không quá 20% số tiết học. Tùy số tiết vắng, GV quyết định số điểm theo tỷ lệ vắng.	CO1, CO2, CO3	10
2	Kiểm tra thường xuyên	30	+ Kiểm tra trên lớp theo đề chung, đáp án, thang điểm của GV và quy về theo tỷ lệ (30%). + Hình thức kiểm tra: Tự luận.	CO4, CO5	10
Thi kết thúc học phần (trọng số 50%)					
3	Bài thi dùng đề tự luận	50	+ Thi kết thúc học phần theo đề chung, đáp án, thang điểm quy về theo tỷ lệ (50%). + Hình thức thi: Tự luận.	CO5, CO6, CO7	10

10. Học liệu

10.1. Tài liệu học tập

[1]. Nguyễn Viết Thông, *Giáo trình Đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam*, Nhà xuất bản Chính trị quốc gia Sự thật, năm 2017.

[2]. Tập bài giảng Đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam của Trường Đại học Nam Cần Thơ, năm 2017.

10.2. Tài liệu tham khảo

[3] Vũ Dương Ninh, *Cách mạng Việt Nam trên bàn cờ quốc tế lịch sử và vấn đề*, Nhà xuất bản Chính trị quốc gia Sự thật, năm 2017

11. Nội dung chi tiết của học phần:

Tuần	Nội dung	Tài liệu	CĐR của HP
1	Chương mở đầu: Đối tượng, nhiệm vụ và phương pháp nghiên cứu môn Đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam.	[1], [2]	CO2, CO3
2	Chương 1: Sự ra đời của Đảng Cộng sản Việt Nam và Cương lĩnh chính trị đầu tiên của Đảng - Hoàn cảnh lịch sử ra đời của Đảng Cộng sản Việt Nam. - Hội nghị thành lập Đảng và Cương lĩnh chính trị đầu tiên của Đảng. - Thảo luận nhóm tại lớp	[1], [2]	CO1, CO6, CO7
3	Chương 2: Đường lối đấu tranh giành chính quyền (1930-1945) - Chủ trương đấu tranh từ năm 1930 đến năm 1939. - Chủ trương đấu tranh từ năm 1939 đến 1945 - Thảo luận nhóm tại lớp	[1], [2]	CO1, CO5, CO6
4	Chương 3: Đường lối kháng chiến chống thực dân Pháp và đế quốc Mỹ xâm lược (1945-1975). - Đường lối kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược (1945-1954) - Đường lối kháng chiến chống Mỹ cứu nước, thống nhất Tổ quốc (1954-1975) - Thảo luận nhóm tại lớp	[1], [2]	CO5, CO6
5	Chương 4: Đường lối công nghiệp hóa - Công nghiệp hóa thời kỳ trước đổi mới - Công nghiệp hóa, hiện đại hóa thời kỳ đổi mới. - Thảo luận nhóm tại lớp	[1], [2]	CO1, CO6, CO7
6	Chương 5: Đường lối xây dựng nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa - Quá trình đổi mới nhận thức về kinh tế thị trường - Tiếp tục hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa ở nước ta - Thảo luận nhóm tại lớp	[1], [2]	CO5, CO6, CO7
7	Chương 6: Đường lối xây dựng Hệ thống chính trị	[1], [2]	CO1, CO2,

Tuần	Nội dung	Tài liệu	CĐR của HP
	<ul style="list-style-type: none"> - Đường lối xây dựng Hệ thống chính trị trước đổi mới (1945-1985) - Đường lối xây dựng Hệ thống chính trị thời kỳ đổi mới. - Thảo luận nhóm tại lớp 		CO7
8	<p>Chương 7: Đường lối xây dựng, phát triển văn hóa và giải quyết các vấn đề xã hội</p> <ul style="list-style-type: none"> - Quá trình nhận thức và nội dung đường lối xây dựng và phát triển văn hóa Quá trình nhận thức và chủ trương giải quyết các vấn đề xã hội - Thảo luận nhóm tại lớp 	[1], [2]	CO2, CO3, CO4
9	<p>Chương 8: Đường lối đối ngoại</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đường lối đối ngoại từ năm 1975 đến năm 1986 - Đường lối đối ngoại, hội nhập quốc tế thời kỳ đổi mới. - Thảo luận nhóm tại lớp 	[1], [2]	CO1, CO2, CO3, CO4
10	<p>Tổng kết môn học</p> <ul style="list-style-type: none"> Giải đáp các thắc mắc về chương trình Công bố điểm chuyên cần và kiểm tra thường xuyên 		CO1, CO2, CO3, CO4, CO7

12. Cơ sở và thiết bị

- Phòng học có bảng lớn, máy chiếu, micro.

KHOA CƠ BẢN



Nguyễn Chí Thắng

BỘ MÔN



Huỳnh Văn Long

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

1. Thông tin về học phần

Tên học phần: Pháp luật đại cương

Mã học phần: 01.02.00.0891

Tổng số tiết quy chuẩn: 30

Phân bố thời gian: học kỳ 1

Tổng thời gian học của sinh viên	Giờ trên lớp				Tổng thời gian học trên lớp và tự học
	L	T	P	Q	
L – Lý thuyết					
T – Bài tập					
P – Thực hành	15	0	0	15	30 + 60 = 90
Q – Thảo luận/seminar					

Loại học phần: Bài học

Học phần tiên quyết: Không

Học phần học trước: Không

Học phần học song hành: Không

Ngôn ngữ giảng dạy: Tiếng Việt Tiếng Anh

Đơn vị phụ trách: Khoa Luật

2. Thông tin giảng viên: khoa Luật (đại học Nam Cần Thơ)

3. Mục tiêu của học phần (kv hiệu MT)

* Về kiến thức

MT1: Xác định được các khái niệm, đặc điểm của nhà nước và pháp luật, xác định được vị phạm pháp luật và trách nhiệm pháp lý.

MT2: Mô tả được khái quát về vị trí pháp lý, cơ cấu tổ chức và hoạt động của các cơ quan nhà nước trong bộ máy nhà nước;

MT3: Xác định được các ngành luật và mô tả được một số chế định pháp luật cơ bản trong các ngành luật trong hệ thống pháp luật Việt Nam.

*** Về kỹ năng**

MT4: Có khả năng xác định được các vấn đề phát sinh trong thực tiễn thuộc đối tượng điều chỉnh phạm vi điều chỉnh của ngành luật nào và có thể vận dụng pháp luật để giải quyết mọi số tình huống pháp lý đơn giản thường gặp trong đời sống

MT5: Có khả năng thuyết trình, đưa ra quan điểm và có khả năng lập luận để bảo vệ quan điểm của mình.

MT6: Có khả năng tự học, tự nghiên cứu và cập nhật kiến thức.

*** Về năng lực tự chủ và trách nhiệm**

MT7: Có năng lực làm việc độc lập và làm việc theo nhóm một cách sáng tạo.

MT8: Có năng lực hợp tác trong công việc và tự chịu trách nhiệm theo nhóm công tác.

4. Mức đóng góp của học phần cho chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo

Học phần (HP) đóng góp cho chuẩn đầu ra (CĐR) của chương trình đào tạo (CTĐT), ta ký hiệu là PO, theo mức độ sau:

0 – Không đóng góp; 1 – Mức thấp; 2 = Mức trung bình; 3 = Mức cao

Mã HP	Tên HP	Mức độ đóng góp của học phần cho CĐR của CTĐT								
		PO1	PO2	PO3	PO4	PO5	PO6	PO7	PO8	PO9
000891	Pháp luật đại cương	0	0	3	0	0	0	0	0	0
		PO10	PO11	PO12	PO13	PO14	PO15	PO16	PO17	
		0	1	1	1	0	1	1	1	

5. Chuẩn đầu ra của học phần (ký hiệu CO)

Mức tiên HP	CĐR của HP	Nội dung CĐR của học phần Hoàn thành học phần này, sinh viên đạt được:	CĐR của CTĐT
Kiến thức			
MT1	CO1	Xác định được các đặc điểm của nhà nước và pháp luật: nêu và phân tích được khái niệm và các đặc điểm về phạm pháp luật và trách nhiệm pháp lý	PO1
MT1	CO2	Mô tả được các loại trách nhiệm pháp lý trong hệ thống pháp luật Việt Nam	PO1
	CO3	Mô tả được vị trí pháp lý, chức năng nhiệm vụ, cơ cấu tổ chức và hoạt động của các cơ quan nhà nước	PO1

MT2		được quy định trong hiến pháp Việt Nam.	
MT3	CO4	Mô tả được các ngành luật, các chế định pháp luật cơ bản trong hệ thống pháp luật Việt Nam. Phân tích được một số quy định cơ bản của các lĩnh vực pháp luật như dân sự, hình sự, hôn nhân, thương mại, đại gia đình và lao động.	PO1
Kỹ năng			
MT4	CO5	Có khả năng tư duy cập nhật được các văn bản pháp luật cần thiết trong thực tiễn cuộc sống. Có khả năng vận dụng một số quy định cơ bản của pháp luật để giải quyết được một số tình huống pháp lý tương đối đơn giản phát sinh trong thực tiễn.	PO11, PO12, PO13
MT5	CO6	Có khả năng thuyết trình, khả năng làm việc nhóm. Có khả năng tư duy, tư duy cập nhật kiến thức để nâng cao trình độ.	PO11, PO12, PO13
Năng lực tự chủ và trách nhiệm			
MT6 MT7	CO7	Có năng lực làm việc độc lập và làm việc theo nhóm một cách sáng tạo; Có năng lực hợp tác trong công việc và tự chịu trách nhiệm theo nhóm công tác.	PO15, PO16, PO17

6. Nội dung tóm tắt của học phần

Học phần cung cấp các kiến thức cơ bản về nhà nước và pháp luật, giới thiệu một số chế định pháp luật cơ bản của các ngành luật trong Hệ thống pháp luật Việt Nam.

7. Phương pháp, hình thức tổ chức dạy học

Phương pháp, hình thức tổ chức dạy học	Mục đích	CĐR của HP đạt được
Thuyết giảng	Cung cấp cho sinh viên hệ thống kiến thức nền tảng của môn học một cách khoa học, logic.	CO1, CO2, CO3, CO4, CO5, CO6
Thảo luận	Thông qua việc hỏi đáp giữa giảng viên và sinh viên để làm rõ các nội dung kiến thức trong môn học.	CO1, CO2, CO3, CO4, CO5, CO6
Học case nhóm	Giúp sinh viên có khả năng tư duy và có kỹ năng thuyết trình.	CO1, CO2, CO3, CO4, CO5, CO6
Nghiên cứu hai học,	Giúp người học tăng cường năng	CO1, CO2, CO3, CO4.

đọc tài liệu tham khảo	học tư học, tự nghiên cứu.	CO5, CO6, CO7
------------------------	----------------------------	---------------

8. Nhiệm vụ của sinh viên

Du lịch: đọc trước giao trình, phát hiện vấn đề, nghe giảng, nêu các câu hỏi và tham gia thảo luận về các vấn đề do giảng viên và sinh viên khác đặt ra.

Bài tập: chuẩn bị hai tập, tham gia giải và sửa hai tập trên lớp

Nghiên cứu: đọc tài liệu tham khảo

Tìm hai tập ứng dụng hoặc hai tập tình huống để củng cố kiến thức đã được học

Tham khảo các tài liệu do giảng viên hướng dẫn.

Tự học, tự nghiên cứu ở nhà nhưng vẫn đề mà giảng viên yêu cầu

9. Danh giá kết quả học tập của sinh viên (thang điểm 10)

TT	Hình thức	Trọng số (%)	Tiêu chí danh giá	CAR của HP	Điểm tối đa
Đánh giá qua trình (trọng số 50%)					
1	Chuyên cần	20	+ Tính chu đáo, mức độ tích cực chuẩn bị hai và tham gia các hoạt động trong giờ học + Thời gian tham dự buổi học bắt buộc	CO1, CO2, CO3, CO4, CO5, CO6, CO7	10
2	Hai kiểm tra giữa kỳ	30	+ Theo đáp án, thang điểm của giảng viên	CO1, CO2, CO3, CO4, CO5, CO6, CO7	10
Thi kết thúc học phần (trọng số 50%)					
3	Thi kết thúc HP	50	Theo đáp án, thang điểm của giảng viên	CO1, CO2, CO3, CO4, CO5, CO6, CO7	10

10. Học liệu

10.1. Tài liệu chính

[1]- Nguyễn Thị Cẩm Hồng – Nguyễn Chí Dũng (2018), *Giao trình pháp luật đại cương*, Nxb Đại học Cần Thơ, TP. Cần Thơ

10.2. Tài liệu tham khảo:

- [2]. Hiến pháp năm 2013
- [3]. Bộ luật Dân sự năm 2015
- [4]. Bộ Luật Hình sự năm 2015
- [5]. Luật hôn nhân gia đình năm 2014;
- [6]. Luật doanh nghiệp năm 2014
- [7]. Luật đất đai năm 2013

11. Nội dung chi tiết học phần

Tuần	Nội dung	Tài liệu	CĐR của HP
1	1. Những vấn đề chung về nhà nước và pháp luật		
	<p>Chương 1: NHỮNG VẤN ĐỀ CHUNG VỀ NHÀ NƯỚC VÀ PHÁP LUẬT</p> <p>1.1. Những vấn đề chung về nhà nước</p> <p>1.1.1. Khai niệm, đặc điểm của nhà nước</p> <p>1.1.2. Hình thức nhà nước</p> <p>1.2. Những vấn đề chung về pháp luật</p> <p>1.2.1. Khai niệm, đặc điểm pháp luật</p> <p>1.2.2. Vi phạm pháp luật và trách nhiệm pháp lý</p>	[1]	CO1, CO4, CO5, CO6, CO7, CO8
2	Chương 2: QUYỀN CON NGƯỜI, QUYỀN VÀ NGHĨA VỤ CƠ BẢN CỦA CÔNG DÂN		
	<p>2.1. Khai niệm, đặc điểm quyền con người</p> <p>2.1.1. Khai niệm quyền con người</p> <p>2.1.2. Đặc điểm của quyền con người</p> <p>2.2. Khai niệm quyền và nghĩa vụ cơ bản của công dân</p> <p>2.2.1. Khai niệm công dân</p> <p>2.2.2. Khai niệm quyền và nghĩa vụ cơ bản của công dân</p> <p>2.3. Quyền con người, quyền và nghĩa vụ cơ bản của công dân theo quy định của Hiến pháp hiện hành</p>	[1]	CO2, CO3, CO4, CO5, CO6, CO7, CO8

	<p>2.3.1. Các quyền, nghĩa vụ trong lĩnh vực chính trị</p> <p>2.3.2. Các quyền, nghĩa vụ trong lĩnh vực kinh tế xã hội</p> <p>2.3.3. Các quyền, nghĩa vụ trong lĩnh vực tư do dân chủ, tư do cá nhân</p>		
3	CHƯƠNG 3: BỘ MÁY NHÀ NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM		
	<p>3.1. Khái quát chung về bộ máy nhà nước Việt Nam</p> <p>3.1.1. Khái niệm bộ máy nhà nước Việt Nam</p> <p>3.1.2. Đặc điểm của bộ máy nhà nước</p> <p>3.1.3. Hệ thống tổ chức bộ máy chính quyền ở Việt Nam</p> <p>3.2. Các nguyên tắc tổ chức và hoạt động của bộ máy nhà nước Việt Nam</p> <p>3.2.1. Nguyên tắc Đảng lãnh đạo trong quản lý hành chính nhà nước</p> <p>3.2.2. Nguyên tắc tập trung dân chủ</p> <p>3.2.3. Nguyên tắc nhân dân tham gia quản lý hành chính nhà nước</p> <p>3.2.4. Nguyên tắc hình đồng giữa các dân tộc</p> <p>3.2.5. Nguyên tắc pháp chế xã hội chủ nghĩa</p> <p>3.3. Bộ máy nhà nước Việt Nam theo quy định của pháp luật hiện hành</p> <p>3.3.1. Chế độ độc lập – Chủ tịch nước</p> <p>3.3.2. Hệ thống cơ quan quyền lực nhà nước</p> <p>3.3.3. Hệ thống cơ quan hành chính nhà nước (còn gọi là hệ thống cơ quan quản lý nhà nước)</p> <p>3.3.4. Hệ thống cơ quan xét xử</p> <p>3.3.5. Hệ thống cơ quan kiểm sát</p>	[1]	CO2, CO3, CO4, CO5, CO6, CO7, CO8
4	Chương 4: LUẬT DÂN SỬ VÀ LUẬT TỐ TỤNG DÂN SỬ		

	<p>4.1. Pháp luật dân sự</p> <p>4.1.1. Tài sản và quyền sở hữu tài sản</p> <p>4.1.2. Hợp đồng dân sự</p> <p>4.1.3. Pháp luật thừa kế</p> <p>4.2. Pháp luật tố tụng dân sự</p> <p>4.2.1. Khởi kiện, thủ lý vụ án dân sự</p> <p>4.2.2 Quy trình khởi kiện</p>	[1]	CO3, CO4, CO5, CO6, CO7, CO8
	Chương 5: PHÁP LUẬT KINH DOANH - THƯƠNG MẠI		
5	<p>5.1. Pháp luật về chủ thể kinh doanh</p> <p>5.1.1. Khai quát về kinh doanh và chủ thể kinh doanh</p> <p>5.1.2. Quy định về các loại hình doanh nghiệp</p> <p>5.1.3. Quy định về pháp nhân doanh nghiệp</p> <p>5.1.4. Hợp tác xã</p> <p>5.1.5. Hộ kinh doanh</p> <p>5.2. Pháp luật về thương mại</p> <p>5.2.1. Quy định về mua bán hàng hóa</p> <p>5.2.1. Quy định về chế tài trong thương mại</p> <p>5.3. Quy chế trong tài thương mại</p> <p>5.3.1. Trung tâm trong tài (Trong tài quy chế)</p> <p>5.3.2. Hội đồng trong tài do các bên thỏa thuận thành lập (Trong tài vụ việc)</p> <p>5.3.3. Chức năng của Trọng tài thương mại</p> <p>5.3.4. Nguyên tắc giải quyết tranh chấp</p> <p>5.3.5. Tham quyền của Trọng tài thương mại</p> <p>5.3.6. Điều kiện giải quyết tranh chấp hàng Trọng tài</p> <p>5.3.7. Thủ tục giải quyết tranh chấp</p> <p>5.4. Pháp luật về cạnh tranh</p> <p>5.4.1. Hành vi cạnh tranh không lành mạnh</p>	[1]	CO3, CO4, CO5, CO6, CO7, CO8

	Chương 6: PHÁP LUẬT HÌNH SỰ		
6	<p>6.1. Một số vấn đề về pháp luật hình sự</p> <p>6.1.1. Khái niệm Luật hình sự</p> <p>6.2. Chế định tội phạm</p> <p>6.2.1. Khái niệm tội phạm</p> <p>6.2.2. Các dấu hiệu của tội phạm</p> <p>6.2.3. Các yếu tố cấu thành tội phạm</p> <p>6.2.4. Trách nhiệm hình sự</p> <p>6.2.5. Người chịu trách nhiệm hình sự</p> <p>6.2.6. Thời hiệu truy cứu trách nhiệm hình sự</p> <p>6.2.7. Các nguyên tắc xử lý của Luật hình sự Việt Nam</p> <p>6.3. Chế định về hình phạt</p> <p>6.3.1. Đặc điểm của hình phạt</p> <p>6.3.2. Các loại hình phạt theo quy định pháp luật hiện hành</p> <p>6.3.3. Những quy định đối với pháp nhân thương mại phạm tội</p> <p>6.3.4. Nguyên tắc xử lý đối với người chưa thành niên phạm tội</p> <p>6.4. Một số tội phạm cơ bản theo quy định của Bộ luật hình sự</p> <p>6.4.1. Các tội xâm phạm an ninh quốc gia</p> <p>6.4.2. Các tội phạm xâm phạm tính mạng, sức khỏe, danh dự và nhân phẩm của con người</p> <p>6.4.3. Các tội phạm xâm phạm quyền tự do của con người, quyền tự do dân chủ của công dân</p> <p>6.4.4. Các tội phạm về tham nhũng</p>	[1]	CO3, CO4, CO5, CO6, CO7, CO8, CO9
7	<i>Kiểm tra giữa kỳ</i>		
8	Chương 7: PHÁP LUẬT HÔN NHÂN VÀ GIA ĐÌNH		
	7.1. Điều kiện kết hôn		CO3.

	<p>7.2. Quan hệ nhân thân và quan hệ tài sản giữa vợ và chồng</p> <p>7.2.1. Quan hệ nhân thân giữa vợ chồng</p> <p>7.2.2. Quan hệ tài sản giữa vợ chồng</p> <p>7.3. Quy định pháp luật về ly hôn</p> <p>7.3.1. Quyền yêu cầu tòa án giải quyết việc ly hôn</p> <p>7.3.3. Việc trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng con sản khi ly hôn</p> <p>7.3.4. Giải quyết tài sản của vợ chồng khi ly hôn</p>	[1]	CO4, CO5, CO6, CO7, CO8
	Chương 8: PHÁP LUẬT ĐẤT ĐAI		
9	<p>8.1. Giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất</p> <p>8.1.1. Các khái niệm cơ bản</p> <p>8.1.2. Hình thức sử dụng đất</p> <p>8.1.3. Chuyển mục đích sử dụng đất</p> <p>8.1.4. Thẩm quyền giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất</p> <p>8.2. Thu hồi đất, bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi nhà nước thu hồi đất</p> <p>8.2.1. Khái niệm thu hồi đất</p> <p>8.2.2. Các trường hợp Nhà nước thu hồi đất</p> <p>8.2.3. Thẩm quyền thu hồi đất</p> <p>8.2.4. Bồi thường khi Nhà nước thu hồi đất</p> <p>8.2.5. Hỗ trợ khi Nhà nước thu hồi đất</p> <p>8.3. Giao dịch về quyền sử dụng đất</p> <p>8.3.1. Điều kiện để thực hiện các giao dịch đất đai</p> <p>8.3.2. Hình thức của giao dịch đất đai</p> <p>8.3.3. Các trường hợp được giao dịch quyền sử dụng đất</p> <p>8.3.4. Những trường hợp không được nhận chuyển nhượng, nhận tặng cho quyền sử dụng đất</p> <p>8.3.5. Trường hợp họ gia đình, cá nhân chuyển</p>	[1]	

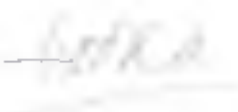
	<p>nhượng, tăng cho quyền sử dụng đất có điều kiện</p> <p>8.3.6. Một số hạn chế khác trong việc nhận thế chấp, góp vốn, tăng cho, nhận thừa kế quyền sử dụng đất</p> <p>8.4. Giải quyết tranh chấp, khiếu nại, tố cáo về đất đai</p> <p>8.4.1. Khai niệm tranh chấp đất đai</p> <p>8.4.2. Tham quyền, trình tự, thủ tục giải quyết tranh chấp đất đai</p> <p>8.4.3. Giải quyết khiếu nại, tố cáo về đất đai</p>		
	Chương 9: PHÁP LUẬT LAO ĐỘNG		
10	<p>9.1. Hợp đồng lao động</p> <p>9.1.1. Khai niệm hợp đồng lao động</p> <p>9.1.2. Phân loại hợp đồng lao động</p> <p>9.1.3. Giao kết hợp đồng lao động</p> <p>9.1.4. Chăm dứt hợp đồng lao động</p> <p>9.2. Thời giờ làm việc, thời giờ nghỉ ngơi</p> <p>9.2.1. Thời giờ làm việc</p> <p>9.2.2. Thời giờ nghỉ ngơi</p> <p>9.3. Ký luật lao động</p> <p>9.3.1. Khai niệm ký luật lao động</p> <p>9.3.2. Trách nhiệm ký luật</p> <p>9.4. Bảo hiểm xã hội</p> <p>9.4.1. Khai niệm bảo hiểm xã hội</p> <p>9.4.2. Chức năng của bảo hiểm xã hội</p> <p>9.4.3. Các loại hình bảo hiểm xã hội</p> <p>9.4.4. Các chế độ bảo hiểm</p>	[1]	CO3, CO4, CO5, CO6, CO7, CO8, CO9
	Chương 10: LUẬT HÀNH CHÍNH VÀ LUẬT TỔ TỤNG HÀNH CHÍNH		
11	<p>10.1. Một số vấn đề chung về Luật hành chính</p> <p>10.1.1. Khai niệm, đối tượng, phương pháp điều chỉnh của Luật hành chính</p>	[1]	CO3, CO4, CO5, CO6,

	10.1.2. Vi phạm hành chính, xử lý vi phạm hành chính 10.1.3. Pháp luật về căn hộ công chức, viên chức 10.1.3.1. Khái niệm căn hộ, công chức, viên chức 10.2. Luật tố tụng hành chính Việt Nam 10.2.1. Khái niệm Luật tố tụng hành chính 10.2.2. Khởi kiện vụ án hành chính 10.2.3. Các thủ tục giải quyết vụ án hành chính		C07, C08, C09
--	--	--	------------------

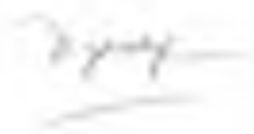
12. Cơ sở và thiết bị

- Phòng học có hàng km, phấn, máy chiếu, micro

TRƯỞNG KHOA
(ký tên)



P. TRƯỞNG BỘ MÔN
(ký tên)



7

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TRƯỜNG ĐẠI HỌC NAM CẦN THƠ Học lập - Tự do - Hạnh phúc
ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

1. Thông tin về học phần

Tên học phần: Đào đức hành nghề dược

Mã học phần: 0102000460

Số tín chỉ: 02 tín chỉ

Tổng số tiết quy chuẩn: 30 tiết

Phân bố thời gian:

Tổng thời gian học của sinh viên	Giờ trên lớp				Tổng thời gian học trên lớp và tự học
	L	T	P	O	
L = Lý thuyết	1	T	P	O	20 + 10 + 60 = 90
T = Bài tập					
P = Thực hành	20	0	0	10	
O = Thảo luận/seminar					

Loại học phần: Bắt buộc

Học phần tiên quyết: Không

Học phần học trước: Không

Học phần học song hành: Không

Ngôn ngữ giảng dạy: Tiếng Việt

Đơn vị phụ trách: Bộ môn Quản lý & Kinh tế Dược

2. Thông tin về các giảng viên: Giảng viên Bộ môn Quản lý & Kinh tế Dược

3. Mục tiêu của học phần (kí hiệu MT)

+ **Về kiến thức:**

MT1: Hiểu được các nguyên tắc đạo đức cơ bản trong các lĩnh vực hành nghề dược

+ **Về kỹ năng:**

MT2: Vận dụng được những nguyên tắc đạo đức nghề nghiệp, tuân thủ pháp luật, thực hiện đúng và đầy đủ các nghĩa vụ của người cán bộ y tế trong chăm sóc, bảo vệ và nâng cao sức khỏe nhân dân

+ **Về năng lực tự chủ và trách nhiệm**

MT3: Thực hiện đúng các quy định về đạo đức nghề nghiệp, quy định về hoạt động chuyên môn

MT4: Có ý thức học tập phát triển nghề nghiệp suốt đời.

4. Mức đóng góp của học phần cho chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo

Học phần đóng góp cho chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo (PO) theo mức độ sau:

0 - Không đóng góp; 1 - Mức thấp; 2 - Mức trung bình; 3 - Mức cao

Mã HP	Tên HP	Mức đóng góp của học phần cho CĐR của CTĐT								
		PO1	PO2	PO3	PO4	PO5	PO6	PO7	PO8	PO9
0102000 460	Đạo đức hành nghề được	1	0	0	1	2	0	0	0	0
		PO10	PO11	PO12	PO13	PO14	PO15	PO16	PO17	
		1	2	2	2	2	3	2	3	

5. Chuẩn đầu ra của học phần (CO)

Mức tiên HP	CĐR của HP	Nội dung CĐR của học phần Hoàn thành học phần này, sinh viên đạt được:	CĐR của CTĐT
Kiến thức			
MT1	CO1	Hiển được các nguyên tắc đạo đức cơ bản trong các lĩnh vực hành nghề được	PO1, PO4, PO5
Kỹ năng			
MT2	CO2	Vận dụng được những nguyên tắc đạo đức nghề nghiệp, tuân thủ pháp luật, thực hiện đúng và đầy đủ các nghĩa vụ của người cán bộ y tế trong chăm sóc, bảo vệ và nâng cao sức khỏe nhân dân	PO10, PO11, PO12, PO13, PO14
Năng lực tự chủ và trách nhiệm			
MT3	CO3	Thực hiện đúng các quy định về đạo đức nghề nghiệp, quy định về hoạt động chuyên môn.	PO15, PO16
MT4	CO4	Có ý thức học tập phát triển nghề nghiệp suốt đời	PO17

6. Nội dung tóm tắt của học phần

Gồm 5 bài. Học phần này đề cập đến những nguyên lý cơ bản của đạo đức và đạo đức của người cán bộ y tế trong chăm sóc sức khỏe cho nhân dân, đặc biệt là đạo đức của người được si với bệnh nhân, với đồng nghiệp và với cộng đồng.

7. Phương pháp, hình thức tổ chức dạy học

Phương pháp, hình thức tổ chức dạy học	Mục đích	CĐR của HP đạt được
Thuyết trình	Cung cấp cho sinh viên hệ thống kiến thức nền tảng của môn học một cách khoa học, logic.	CO1, CO2
Thảo luận	Thông qua việc hỏi đáp giữa giảng viên và sinh viên để làm rõ các nội dung kiến thức trong môn học.	CO1, CO2, CO3
Nghiên cứu bài học, đọc tài liệu tham khảo	Giúp người học tăng cường năng lực tự học, tự nghiên cứu.	CO2, CO4

8. Nhiệm vụ của sinh viên

- Dự lập: đọc trước giao trình, phát hiện vấn đề, nghe giảng.
- Nghiên cứu: đọc tài liệu tham khảo, tham gia thuyết trình.
- Thảo luận theo nhóm các vấn đề liên quan đến bài học; tham gia đóng góp ý kiến, xây dựng bài tại lớp
- Tham khảo các tài liệu do giảng viên hướng dẫn
- Tự học, tự nghiên cứu ở nhà những vấn đề đã được nghe giảng tại lớp

9. Đánh giá kết quả học tập của sinh viên (thang điểm 10)

TT	Hình thức	Trọng số (%)	Tiêu chí đánh giá	CĐR của HP	Điểm tối đa
Đánh giá qua trình (trọng số 50%)					
1	Chuyên cần	10	- Tính chủ động, mức độ tích cực chuẩn bị bài và tham gia các hoạt động trong giờ học	CO1, CO2, CO3, CO4	10
		10	- Thời gian tham dự buổi học bài học, vắng không quá 20% số tiết học. Tỷ số tiết vắng, GV quyết định số điểm theo tỷ lệ vắng	CO1, CO2, CO3, CO4	10
2	Kiểm tra giữa kỳ	30	- Sinh viên làm một bài kiểm tra cá nhân - Tiêu chí đánh giá bài kiểm tra (giảng viên nêu cụ thể)	CO1, CO2	10

Thi kết thúc học phần (trọng số 50%)					
1	Thi kết thúc HP	50	- Thi kết thúc học phần + Hình thức thi: trắc nghiệm + Tiêu chí đánh giá hai thí: theo đáp án của giảng viên ra đề	CO1, CO2	10

10. Học liệu

10.1. Tài liệu chính

[1] Bộ môn Bộ môn Quản lý & Kinh tế dược, Khoa Dược, Trường ĐH Nam Cần Thơ (2022). *Bài giảng Đạo đức hành nghề dược*.

10.2. Tài liệu tham khảo

[2] Nguyễn Thị Thái Hằng, Lê Việt Hưng (2013), *Pháp Chế Dược*, NXB Giáo dục

[3] Bộ Y tế (2021). Thông tư 08/2021/TT-BYT ban hành *Nguyên tắc Đạo đức hành nghề Dược*

[4] Bộ Y tế (2014). Thông tư 07/2014/TT-BYT ban hành *Quy định về quy tắc ứng xử của công chức, viên chức, người lao động làm việc tại các cơ sở y tế*

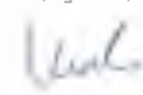
11. Nội dung chi tiết học phần

Tuần	Nội dung	Số tiết	Tài liệu	CĐR của HP
1	Bài 1. Giới thiệu về đạo đức hành nghề dược	6	[1] (trang 1)	CO1, CO2
2	Bài 2. Đạo đức trong kinh doanh và thông tin quảng cáo thuốc	6	[1] (trang 19)	CO1, CO2, CO3
3	Bài 3. Quy tắc về đạo đức trong chăm sóc dược	6	[1] (trang 30)	CO1, CO2, CO3
4	Bài 4. Quy tắc tương tác với chuyên gia y tế trong đạo đức dược	6	[1] (trang 33)	CO1, CO2, CO4
5	Bài 5. Đạo đức trong nghiên cứu thực nghiệm	6	[1] (trang 44)	CO1, CO2

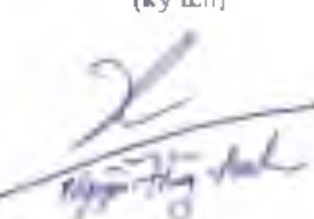
12. Cơ sở và thiết bị

- Phòng học cơ bản lớn, phân, micrô, máy chiếu và loa

TRƯỞNG KHOA
(ky tên)


TS. Thái Thị Kim

TRƯỞNG BỘ MÔN
(ky tên)


Nguyễn Thị Thanh

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

1. Thông tin về học phần

Tên học phần: Xác suất và thống kê Y học

Mã học phần: 0101000883

Số tín chỉ: 03 tín chỉ

Tổng số tiết quy chuẩn: 45 tiết

Phân bố thời gian:

Tổng thời gian học của sinh viên	Giờ trên lớp				Tổng thời gian học trên lớp và tự học
	L	T	P	O	
L – Lý thuyết					45 + 90 = 135
T – Bài tập					
P – Thực hành	30	15	0	0	
O – Thảo luận/seminar					

Loại học phần: Bài học

Học phần tiên quyết: Cơ

Học phần học trước: Toàn các cấp 1

Học phần học song hành: Không

Ngôn ngữ giảng dạy: Tiếng Việt: Tiếng Anh:

Đơn vị phụ trách: Bộ môn Toán - Khoa Cơ bản

2. Thông tin về các giảng viên

Giảng viên Bộ môn Toán - Khoa Cơ bản phụ trách.

3. Mục tiêu của học phần (kỳ hiệu MT)

• Về kiến thức

MT1: Hiểu các khái niệm về xác suất, biến ngẫu nhiên, một số quy luật xác suất, ước lượng, kiểm định, hồi quy tuyến tính.

MT2: Hiểu được vai trò và ứng dụng của xác suất, thống kê trong các ngành khoa học khác và ứng dụng vào đời sống.

MT3: Đưa ra quyết định thông qua việc phân tích về số liệu.

MT4: Người học sẽ xây dựng cho mình tác phong làm việc cụ thể, chi tiết và khoa học, tránh lối làm việc đại khái, cảm tính và không thực hành.

* *Về kỹ năng*

MT5: Nhận biết các mô hình thống kê đơn giản và ứng dụng vào các bài toán thuộc chuyên ngành học của mình.

MT6: Sử dụng ít nhất một phần mềm thống kê để giải các bài toán thống kê (Excel, SPSS, R, ...)

MT7: Sinh viên phải tham gia học tập và giải quyết các vấn đề được đặt ra.

* *Về năng lực tự chủ và trách nhiệm*

MT8: Có khả năng làm việc độc lập và làm việc nhóm; có đạo đức nghề nghiệp và có khả năng sáng tạo trong công việc.

MT9: Nhận thức được tầm quan trọng của các vấn đề được cuộc sống đặt ra để tìm kiếm giải pháp làm tăng hiệu quả công việc.

4. Mức đóng góp của học phần cho chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo

Học phần (HP) đóng góp cho chuẩn đầu ra (CĐR) của chương trình đào tạo (CTĐT) ký hiệu là PO, theo mức độ sau:

0 = Không đóng góp; 1 = Mức thấp; 2 = Mức trung bình; 3 = Mức cao

Mã HP	Tên HP	Mức độ đóng góp của học phần cho CĐR của CTĐT								
		PO1	PO2	PO3	PO4	PO5	PO6	PO7	PO8	PO9
010100081	Xác suất và thống kê Y học	0	0	1	0	0	2	0	0	0
		PO10	PO11	PO12	PO13	PO14	PO15	PO16	PO17	
		0	0	0	2	0	0	0	0	

5. Chuẩn đầu ra của học phần (ký hiệu CO)

Mục tiêu HP	CĐR của HP	Nội dung CĐR của học phần Hoàn thành học phần này, sinh viên đạt được:	CĐR của CTĐT
MT1	CO1	Nắm các khái niệm cơ bản về lý thuyết xác suất.	PO3
MT1 MT2	CO2	Nắm các công thức tính xác suất, hiểu ngay nhiên, một số luật phân phối xác suất thường gặp, lý thuyết mẫu, ước lượng, kiểm định giả thuyết thống kê.	PO13
MT1 MT2 MT3	CO3	Vận dụng các kiến thức về xác suất thống kê vào các lĩnh vực khoa học - công nghệ và kinh tế.	PO13
MT1	CO4	Vận dụng phương pháp chung và những phương pháp đặc thù của xác suất, thống kê vào giải quyết	PO3

MT2		các bài toán từ thực tế.	
MT5 MT6 MT7	CO5	Phân tích, tổng hợp và xử lý số liệu trên nền kiến thức về xác suất, thống kê để đưa ra kết luận.	PO13
MT5 MT6 MT7	CO6	Thảo luận được trên các đồ thị, biểu hàng để trình bày rõ ràng, để từ đó đưa ra nhận xét, đánh giá phù hợp	PO13
MT1 MT2 MT3 MT5 MT6	CO7	Vận dụng được kiến thức để giải các bài tập xác suất thống kê và giải các vấn đề cơ bản trong cuộc sống	PO13
MT8 MT9	CO8	Sưu tầm, tra cứu tài liệu từ các nguồn khác nhau để phục vụ cho học phần.	PO6
MT8 MT9	CO9	Có thái độ tích cực, tác phong cần thận, tinh thần hợp tác trong học tập và công việc.	PO6

6. Nội dung tóm tắt của học phần

Nội dung môn học gồm hai phần là Xác suất và Thống kê:

- Phần xác suất cung cấp cho sinh viên các kiến thức về phép thử ngẫu nhiên, biến cố, xác suất của biến cố, các phương pháp tính xác suất, đại lượng ngẫu nhiên và các phân phối xác suất, các đặc trưng của đại lượng ngẫu nhiên, một số phân phối thường gặp trong thực tế.

- Phần thống kê giới thiệu cho sinh viên các bài toán cơ bản của thống kê và cách giải quyết bài toán ước lượng, bài toán kiểm định giả thiết và hồi quy tuyến tính.

7. Phương pháp, hình thức tổ chức dạy học

Phương pháp, hình thức tổ chức dạy học	Mục đích	CĐR của HP đạt được
Thuyết trình	Cung cấp cho sinh viên hệ thống kiến thức nền tảng của môn học một cách khoa học, logic	CO1, CO2, CO3, CO4
Thảo luận	Thông qua việc hỏi đáp giữa giáo viên và sinh viên để làm rõ các nội dung kiến thức trong học phần	CO5, CO6, CO7
Bài tập	Giúp sinh viên hiểu rõ và biết vận dụng các nội dung học phần vào các	CO8, CO9

	vấn đề thực tiễn	
Nghiên cứu hai học, đọc tài liệu tham khảo	Giúp người học tăng cường năng lực tự học, tự nghiên cứu.	CO8, CO9

8. Phương pháp, hình thức tổ chức sinh viên tự học

TT	Tên bài/Nội dung cơ bản	Phương pháp tự học	Tài liệu tham khảo
1	Các quy tắc đếm.	SV đọc tài liệu và làm bài tập theo hướng dẫn	[1]
2	Phép thu, hiển cô, xác suất của biến cố	SV đọc tài liệu và làm bài tập theo hướng dẫn	[1]
3	Công thức tính xác suất	SV đọc tài liệu và làm bài tập theo hướng dẫn	[1]
4	Công thức tính xác suất (t1) + bài tập.	SV đọc tài liệu và làm bài tập theo hướng dẫn	[1]
5	Biến ngẫu nhiên + tham số đặc trưng.	SV đọc tài liệu và làm bài tập theo hướng dẫn	[1]
6	Tuất phân phối xác suất + bài tập.	SV đọc tài liệu và làm bài tập theo hướng dẫn	[1]
7	Tổng thể và mẫu + sắp xếp mẫu.	SV đọc tài liệu và làm bài tập theo hướng dẫn	[1]
8	Các đặc trưng của mẫu + bài tập Kiểm tra t liêt.	SV đọc tài liệu và làm bài tập theo hướng dẫn	[1]
9	Ước lượng khoảng cho tham số trung bình, tỉ lệ	SV đọc tài liệu và làm bài tập theo hướng dẫn	[1]
10	Ước lượng khoảng cho tham số phương sai + bài tập.	SV đọc tài liệu và làm bài tập theo hướng dẫn	[1]
11	Tổng quan bài toán kiểm định.	SV đọc tài liệu và làm bài tập theo hướng dẫn	[1]
12	Một số kiểm định liên quan đến tỷ lệ	SV đọc tài liệu và làm bài tập theo hướng dẫn	[1]
13	Một số kiểm định liên quan đến trung bình	SV đọc tài liệu và làm bài tập theo hướng dẫn	[1]
14	Kiểm định sự độc lập và suất phân phối xác suất	SV đọc tài liệu và làm bài tập theo hướng dẫn	[1]
15	Bài tập	SV đọc tài liệu và làm bài tập theo hướng dẫn	[1]

9. Nhiệm vụ của sinh viên

Đọc trước giao trình, phát hiện vấn đề, nghe giảng, nêu các câu hỏi và tham gia thảo luận về các vấn đề do giảng viên và sinh viên khác đặt ra

Bài tập: chuẩn bị bài tập, phát hiện vấn đề, tham gia giải và sửa bài tập trên lớp.

Nghiên cứu: đọc tài liệu tham khảo, tham gia thuyết trình

Thảo luận to hoặc thuyết trình tại lớp do giảng viên phân công.

Làm bài tập ứng dụng, hoặc bài tập tình huống để củng cố các kiến thức (lý thuyết) đã được học.

Tham khảo các tài liệu do giảng viên hướng dẫn.

Tự học, tự nghiên cứu ở nhà nhưng vấn đề đã được nghe giảng tại lớp

10. Đánh giá kết quả học tập của sinh viên (thang điểm 10)

TT	Hình thức	Trọng số (%)	Tiêu chí đánh giá	CĐR của HP	Thang điểm
1	Chuyên cần	10	+ Tính chủ động, mức độ tích cực chuẩn bị bài và tham gia các hoạt động trong giờ học.	CO1, CO2, CO3, CO4	10
		10	+ Thời gian tham dự buổi học hết học, vắng không quá 20% số tiết học. Tuy số tiết vắng, GV quyết định số điểm theo tỷ lệ vắng.	CO5, CO6, CO7	
2	Thường xuyên	30	+ Sinh viên làm một bài kiểm tra cá nhân. Hình thức kiểm tra: Tự luận.	CO8, CO9	10
3	Thi kết thúc HP	50	+ Thu kết thúc học phần + Hình thức thi: Tự luận + Tiêu chí đánh giá bài thi: Theo đáp án của giảng viên ra đề.	CO8, CO9	10

11. Rubrix đánh giá môn học

TT	Chuẩn đầu ra học phần	Nội dung đánh giá	Không đạt (<4.0)	Trung bình yếu/ Trung bình khá (4.0- 6.99)	Khá (7.0- 7.99)	Giỏi/ Xuất sắc (8.0- 10.0)	Điểm tối đa (thang điểm 10)
1	<p>CO1: Nắm các khái niệm cơ bản về lý thuyết xác suất.</p> <p>CO2: Nắm các công thức tính xác suất, hiện ngẫu nhiên, một số luật phân phối xác suất thường gặp, lý thuyết ma trận, ước lượng, kiểm định giả thuyết thống kê.</p>	Kiến thức	Tính toán dựa trên công thức	Tính toán và phân tích kết quả tính toán kết quả tính toán	Tính toán và đánh giá kết quả tính toán kết quả tính toán	Tính toán, phân tích và đánh giá kết quả tính toán kết quả tính toán	3
2	<p>CO3: Vận dụng các kiến thức về xác suất thống kê vào các lĩnh vực khoa học - công nghệ và kinh tế.</p> <p>CO4: Vận dụng phương pháp chung và những phương pháp đặc thù của xác suất, thống kê vào giải quyết các bài toán từ thực tế.</p> <p>CO5: Phân tích, tổng hợp và xử lý số liệu trên nền kiến thức về xác suất, thống kê để đưa ra kết luận.</p> <p>CO6: Thao tác được trên các đồ thị, biểu hàng để trình bày rõ ràng, dễ từ đó đưa ra nhận xét, đánh giá phù hợp.</p>	Kỹ năng	Tính toán dựa trên công thức	Tính toán và phân tích kết quả tính toán kết quả tính toán	Tính toán và đánh giá kết quả tính toán kết quả tính toán	Tính toán, phân tích và đánh giá kết quả tính toán kết quả tính toán	5
3	<p>CO7: Vận dụng được kiến thức để giải các bài tập xác suất thống kê và giải các vấn đề cơ bản trong cuộc sống.</p> <p>CO8: Sưu tầm, tra cứu tài liệu từ các nguồn khác nhau để phục vụ cho học phần.</p> <p>CO9: Có thái độ tích cực, tác phong cẩn thận, tinh thần hợp tác trong học tập và công việc.</p>	Năng lực tự chủ và trách nhiệm	Tính toán dựa trên công thức	Tính toán và phân tích kết quả tính toán kết quả tính toán	Tính toán và đánh giá kết quả tính toán kết quả tính toán	Tính toán, phân tích và đánh giá kết quả tính toán kết quả tính toán	2

12. Học liệu

12.1. Tài liệu học tập

[1] Lê Đại Nghiệp, *Bài giảng Lý thuyết xác suất và thống kê toán*, Bộ môn toán - Khoa Cơ bản, năm 2017.

12.2. Tài liệu tham khảo

[2] Lê Sĩ Đông, *Xác suất thống kê và ứng dụng*, Nhà xuất bản Giáo dục, năm 2011.

[3] Đinh Văn Đăng, *Bài tập xác suất và thống kê*, Nhà xuất bản Giáo dục, năm 2011

13. Nội dung chi tiết học phần

T. số	Nội dung chính	Tài liệu	CĐR của HP
1	Các quy tắc đếm	[1]	CO2, CO3, CO5.
2	Phép thu, hiện cổ, xác suất của hiện cổ	[1]	CO2, CO3, CO5, CO6, CO7, CO9
3	Công thức tính xác suất.	[1]	CO1, CO2, CO3, CO5, CO6, CO7, CO8
4	Công thức tính xác suất (tr) + bài tập.	[1]	CO1, CO2, CO3, CO5, CO9, CO10, CO11
5	Hiện ngẫu nhiên + tham số đặc trưng.	[1]	CO1, CO2, CO3, CO8, CO9, CO10, CO11, CO12
6	Luật phân phối xác suất + bài tập.	[1]	CO1, CO2, CO3, CO6, CO7, CO10, CO11, CO12
7	Tổng thể và mẫu + sắp xếp mẫu	[1]	CO1, CO2, CO3, CO8, CO9, CO10
8	Các đặc trưng của mẫu + bài tập. Kiểm tra t-kiểm	[1]	CO2, CO3, CO8, CO9, CO10, CO11
9	Ước lượng khoảng cho tham số trung bình, tỉ lệ.	[1]	CO2, CO3, CO7, CO9, CO10, CO11, CO12
10	Ước lượng khoảng cho tham số phương sai + bài tập.	[1]	CO1, CO2, CO3, CO5, CO6, CO10, CO11, CO12
11	Tổng quan hai toán kiểm định	[1]	CO1, CO2, CO3, CO8, CO9, CO10, CO11, CO12
12	Một số kiểm định liên quan đến tỷ lệ	[1]	CO1, CO2, CO3, CO5, CO8, CO10, CO11, CO12
13	Một số kiểm định liên quan đến trung bình.	[1]	CO1, CO2, CO3, CO5, CO8, CO9, CO11, CO12
14	Kiểm định sự độc lập và luật phân phối xác suất.	[1]	CO1, CO2, CO3, CO6, CO7, CO9, CO11, CO12
15	Bài tập	[1]	CO1, CO2, CO3

14. Cơ sở và thiết bị

- Phòng học cỡ hạng lớn, máy chiếu, phấn, micrô

KHOA CƠ BẢN



Nguyễn Chí Thăng

BỘ MÔN



Lê Đại Nghiệp

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

1. Thông tin về học phần

Tên học phần: Tin học căn bản

Mã học phần: 0102000896

Số tín chỉ: 3

Tổng số tiết quy chuẩn: 60

Lý thuyết: 02 tổng số tiết quy chuẩn 30

Thực hành: 01 tổng số tiết quy chuẩn 30

Phân bổ thời gian:

Tổng thời gian học của sinh viên	Giờ trên lớp				Tổng thời gian học trên lớp và tự học
	L	T	P	O	
L = Lý thuyết T = Bài tập P = Thực hành O = Thảo luận/seminar	30	0	30	0	60 + 90 = 150

Loại học phần: Bắt buộc

Học phần tiên quyết: Không

Học phần học trước: Không

Học phần học song hành: Không

Ngôn ngữ giảng dạy: Tiếng Việt Tiếng Anh:

Đơn vị phụ trách: Khoa Công nghệ thông tin

2. Thông tin giảng viên : Giảng viên khoa công nghệ thông tin

3. Mục tiêu của học phần (kí hiệu MT):

* Về kiến thức

MT1: Tiếp thu kiến thức tin học căn bản áp dụng vào quá trình học tập của sinh viên bao gồm: Xử lý văn bản bằng MS Word, tính toán bằng bảng tính MS Excel, trình chiếu bằng MS Power Point.

MT2: Vận dụng các hiểu biết về tin học căn bản áp dụng vào quá trình học tập của sinh viên.

MT3: Có kiến thức cơ bản tin học sau khi ra trường có thể sử dụng những kỹ năng liên quan đến tin học văn phòng và ứng dụng để phục vụ cho công việc thực tế.

* Về kỹ năng

MT4: Biết cách sử dụng máy vi tính đúng cách.

MT5: Hiểu biết các phần mềm cơ bản trên Windows như: MS Word, Excel,...

MT6: Vận dụng vào việc soạn thảo các văn bản, các mẫu đơn, thư mời,...

MT7: Vận dụng vào việc xử lý dữ liệu thông thường trên bảng tính Excel.

MT8: Sử dụng thành thạo Internet và Email.

MT9: Có sáng kiến vận dụng kiến thức đã học để phục vụ học tập, làm việc thực tế.

*** Về năng lực tự chủ và trách nhiệm**

MT10: Có khả năng làm việc độc lập và làm việc nhóm, có đạo đức nghề nghiệp và có khả năng sáng tạo trong công việc.

MT11: Tự tin, hứng thú, biết áp dụng kiến thức đã học vào thực tế.

4. Mức đóng góp của học phần cho chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo

Học phần đóng góp cho chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo (PO) theo mức độ như sau: 0 = Không đóng góp; 1 = Mức thấp; 2 = Mức trung bình; 3 = Mức cao

Mã HP	Tên HP	Mức độ đóng góp của học phần cho CDR của CTĐT								
		PO1	PO2	PO3	PO4	PO5	PO6	PO7	PO8	PO9
000896	Tin học căn bản	0	0	1	0	0	0	0	0	0
		PO10	PO11	PO12	PO13	PO14	PO15	PO16	PO17	
		2	1	1	0	0	0	1	1	

5. Chuẩn đầu ra của học phần (CO)

Mục tiêu HP	CDR của HP	Nội dung CDR của học phần Hoàn thành học phần này, sinh viên cần đạt được:	CDR của CTĐT
Kiến thức			
MT1, MT2, MT4, MT5, MT6, MT7, MT8	CO1	Có kiến thức về tin học tương đương chuẩn kỹ năng công nghệ thông tin cơ bản.	PO3
MT1, MT5, MT6	CO2	Biết soạn thảo các văn bản thông thường, các mẫu đơn, thư mời,...	PO3
MT1, MT2, MT5, MT6, MT7, MT8	CO3	Sử dụng tốt các phần mềm văn phòng phục vụ tính toán, trình chiếu	PO3

Mục tiêu HP	CDR của HP	Nội dung CDR của học phần Hoàn thành học phần này, sinh viên cần đạt được:	CDR của CTĐT
MT3, MT10, MT11	CO4	Vận dụng kiến thức đã học để phục vụ học tập, làm việc liên quan đến tin học văn phòng	PO3
Kỹ năng			
MT1, MT2, MT4	CO5	Biết cách sử dụng máy vi tính đúng cách	PO4, PO5, PO6, PO10
MT1, MT5	CO6	Hiểu biết các phần mềm cơ bản trên Windows như: MS Word, Excel,...	PO4, PO5, PO6, PO10
MT1, MT6	CO7	Vận dụng vào việc soạn thảo các văn bản, các mẫu đơn, thư mời,...	PO4, PO5, PO6, PO10
MT1, MT7	CO8	Vận dụng vào việc xử lý dữ liệu thông thường trên bảng tính Excel.	PO4, PO5, PO6, PO10
MT1, MT8	CO9	Sử dụng thành thạo, Power Point, Internet và Email	PO4, PO5, PO6, PO10
MT1, MT9	CO10	Kết hợp các kiến thức đã học vào việc giải quyết các vấn đề thực tế	PO4, PO5, PO6, PO10
Năng lực tự chủ và trách nhiệm			
MT10	CO11	Có khả năng làm việc độc lập và làm việc nhóm, có đạo đức nghề nghiệp và có khả năng sáng tạo trong công việc.	PO11, PO12, PO13, PO14
MT11	CO12	Tự tin, hứng thú, biết áp dụng kiến thức đã học vào thực tế	PO16, PO17

6. Nội dung tóm tắt của học phần

Môn học trang bị cho sinh viên kiến thức cơ bản về hệ điều hành Windows 7, công cụ quản lý Windows Explorer, các công cụ hỗ trợ gõ tiếng Việt trong Windows, công cụ soạn thảo Microsoft Word (MS Word), các thao tác cơ bản trong MS Word, định dạng văn bản, một số thao tác trên các đối tượng hình ảnh, thao tác trên bảng biểu, định dạng và in ấn trong Word, một số tính năng nâng cao của MS Word. Tổng quan về Microsoft Excel (MS Excel), các thao tác cơ bản trên Excel, một số hàm cơ bản trong Excel, thao tác cơ bản trên cơ sở dữ liệu dùng Excel, tạo biểu đồ trong Excel, định dạng và in ấn trong Excel, một số khái niệm và thao tác trên MS Power Point, các kiến thức sử dụng Internet và Email..

7. Phương pháp, hình thức tổ chức dạy học

Phương pháp, hình thức tổ chức dạy học	Mục đích	CĐR của HP đạt được
Thuyết trình	Cung cấp cho sinh viên hệ thống kiến thức nền tảng của môn học một cách khoa học, logic.	CO1, CO2, CO3, CO5, CO6, CO7, CO8, CO9
Thảo luận	Thông qua việc hỏi đáp giữa giáo viên và sinh viên để làm rõ các nội dung kiến thức trong môn học.	CO1, CO2, CO3, CO5, CO6, CO7, CO8, CO9
Bài tập	Giúp sinh viên hiểu rõ và biết vận dụng các nội dung môn học vào các vấn đề thực tiễn.	CO10, CO12
Nghiên cứu bài học, đọc tài liệu tham khảo	Giúp người học tăng cường năng lực tự học, tự nghiên cứu.	CO10, CO11

8. Nhiệm vụ của sinh viên

- Dự lớp: Đọc trước giáo trình, phát hiện vấn đề, nghe giảng, nêu các câu hỏi và tham gia thảo luận về các vấn đề do giáo viên và sinh viên khác đặt ra.
- Bài tập: Chuẩn bị bài tập, phát hiện vấn đề, tham gia giải và sửa bài tập trên lớp.
- Nghiên cứu: Đọc tài liệu tham khảo, tham gia thuyết trình.
- Thảo luận tổ hoặc thuyết trình tại lớp do giảng viên phân công.
- Làm bài tập ứng dụng hoặc bài tập tình huống để củng cố kiến thức (lý thuyết) đã được học.
- Tham khảo các tài liệu do giảng viên hướng dẫn.
- Tự học, tự nghiên cứu ở nhà những vấn đề đã được nghe giảng tại lớp.

9. Đánh giá kết quả học tập của sinh viên

9.1. Thang điểm đánh giá

Sử dụng thang 10 điểm cho tất cả các hình thức đánh giá trong học phần.

9.2. Hình thức, tiêu chí đánh giá và trọng số điểm

TT	Hình thức	Trọng số (%)	Tiêu chí đánh giá	CĐR của HP	Điểm tối đa
1	Chuyên cần	10	- Tính chủ động, mức độ tích cực chuẩn bị bài và tham gia các hoạt động trong giờ học	CO1, CO2, CO3, CO5, CO6, CO7, CO8, CO9	10

		10	- Thời gian tham dự buổi học bắt buộc	CO1, CO2, CO3, CO5, CO6, CO7, CO8, CO9	10
2	Bài kiểm tra định kỳ	30	- Theo đáp án, thang điểm của giảng viên	CO1, CO2, CO3, CO4, CO5, CO6, CO7, CO8, CO9, CO10	10
3	Thi kết thúc HP	50	- Theo đáp án, thang điểm của giảng viên	CO1, CO2, CO3, CO4, CO5, CO6, CO7, CO8, CO9	10

10. Học liệu

10.1. Tài liệu chính

[1] Huỳnh Võ Hữu Trí, Kiều Tiên Bình, Trần Huỳnh Khang, Nguyễn Thiện Nhơn (2016). *Bài giảng Tin học căn bản*. Trường Đại học Nam Cần Thơ.

10.2. Tài liệu tham khảo

- [1] Trần Đình Khang (Chủ biên); Nguyễn Hồng Phương, Đỗ Bá Lâm, Nguyễn Linh Giang (2019). *Giáo trình Tin học đại cương*. Nhà xuất bản Bách Khoa Hà Nội
- [2] Phạm Thị Anh Lê (chủ biên); Nguyễn Thị Hạnh (2014). *Giáo trình Tin Học Đại Cương - Tập 1*. Nhà xuất bản Đại học sư phạm.
- [3] Hoàng Kiếm, Nguyễn Đức Thắng, Đinh Nguyễn Anh Dũng (2014). *Giáo trình Tin học đại cương*. Nhà xuất bản Đại học Quốc gia Tp.Hồ Chí Minh.
- [4] Phạm Thị Anh Lê (chủ biên); Nguyễn Trí Trung, Kiều Phương Thùy, Phạm Thị Lan (2015). *Giáo trình Tin Học Đại Cương - Tập 2*. Nhà xuất bản Đại học sư phạm.
- [5]. Phạm Thị Anh Lê (chủ biên); Nguyễn Trí Trung, Kiều Phương Thùy, Phạm Thị Lan (2014). *Giáo trình Tin Học Đại Cương - Tập 3*. Nhà xuất bản Đại học sư phạm.
- [6]. Nguyễn Đình Tê, Hoàng Đức Hải (2008). *Microsoft Word 2007 Căn bản & Thủ thuật*. Nhà Xuất Bản Lao động xã hội.

11. Nội dung chi tiết học phần

Tuần	Nội dung	Số tiết	Tài liệu	CĐR của HP
	1. Kiến thức cơ bản về máy tính và hệ điều hành windows			
1	- Thông tin	6		CO1, CO2, CO4, CO05,

Tuần	Nội dung	Số tiết	Tài liệu	CDR của HP
	<ul style="list-style-type: none"> - Biểu diễn thông tin trên máy tính - Tin học - Phần cứng (hardware) - Phần mềm (software) - Khái niệm hệ điều hành - Các đối tượng do hệ điều hành quản lý - Hệ điều hành Windows - Thay đổi cấu hình máy tính - Taskbar - Trình quản lý Windows Explorer - Thao tác với thư mục và tập tin - Thao tác với các Shortcuts - Thao tác với đĩa - Các chương trình hỗ trợ tiếng Việt - Sử dụng chương trình Vietkey - Sử dụng Unikey <p>Thực hành chương 1: Vận dụng kiến thức đã học thực hiện các thao tác trên hệ điều hành Windows, nhập các đoạn văn bản đơn giản</p>		[1] Chương 1. Trang 1-49	CO6, CO7, CO12
	2. Giới thiệu tổng quát và định dạng văn bản			
2+3	<ul style="list-style-type: none"> - Giới thiệu tổng quát Microsoft Word - Nhập và hiệu chỉnh văn bản - Thao tác trên tập tin - Khối văn bản và các lệnh xử lý khối 	12	[1] Chương 2. Trang 50-89.	CO1, CO2, CO4, CO6, CO7, CO10, CO11, CO12

Tuần	Nội dung	Số tiết	Tài liệu	CDR của HP
	<ul style="list-style-type: none"> - Trình bày màn hình – trang in - Định dạng văn bản trong Microsoft Word - Định dạng đoạn văn bản(Paragraph) - Kẻ đường viền và tô nền cho đoạn văn bản - Đánh dấu (bullets) và đánh số thứ tự (numbering) - Định dạng cột (Column) - Tạo ký tự rơi (Drop cap) - Định dạng tab <p>Thực hành chương 2: Vận dụng kiến thức đã học thực hiện các thao tác xử lý định dạng văn bản theo mẫu</p>			
	<p>3. Thao tác trên các đối tượng hình ảnh và bảng biểu</p>			
4	<ul style="list-style-type: none"> - Công thức toán học - Chèn và định dạng hộp văn bản (Text box) - Sử dụng thanh công cụ vẽ - Chèn và định dạng chữ nghệ thuật (WordArt) - Chèn và định dạng hình ảnh (Picture) - Biểu Bảng - Các thao tác trên bảng - Sắp xếp và định dạng dữ liệu trong bảng 	6	[1] Chương 3. Trang 90-107.	CO1, CO2, CO4, CO6, CO7, CO10, CO11, CO12
	<p>Thực hành chương 3: Vận dụng kiến thức đã học thực hiện các thao tác xử lý định dạng văn bản theo mẫu</p>			CO1, CO2, CO3, CO4, CO5, CO6, CO7, CO8

Tuần	Nội dung	Số tiết	Tài liệu	CDR của HP
	4. In văn bản và các tính năng khác			
4	<ul style="list-style-type: none"> - Cách in văn bản ra giấy - Tìm kiếm và thay thế những định dạng đặc biệt - Kiểm tra chính tả và văn phạm Thực hành chương 4: Vận dụng kiến thức đã học thực hiện các thao tác xử lý định dạng văn bản theo mẫu, thực hiện các bài tập ôn tập xử lý văn bản		[1] Chương 4. Trang 108-114.	CO1, CO2, CO4, CO6, CO7, CO10, CO11, CO12
5	Kiểm tra giữa kỳ			
	5. Giới thiệu tổng quan về Microsoft Excel 2010			
5	<ul style="list-style-type: none"> - Giới thiệu tổng quan về Excel 2010 - Các thao tác cơ bản trên một workbook - Địa chỉ Ô và vùng địa chỉ - Các thao tác nhập liệu và chỉnh sửa - Các kiểu dữ liệu thông dụng được Excel 2010 hỗ trợ - Các loại địa chỉ Thực hành chương 5: Vận dụng kiến thức đã học thực hiện các thao tác xử lý bảng tính cơ bản	6	[1] Chương 5. Trang 115-163.	CO1, CO3, CO4, CO6, CO8, CO10, CO11, CO12
	6. Các hàm thông dụng trong Microsoft Excel			
6+7	<ul style="list-style-type: none"> - Hàm và cách sử dụng hàm trong MS Excel 2010 - Các hàm thông dụng Thực hành chương 6: Vận dụng kiến thức đã học thực hiện các thao tác xử lý, tính toán	12	[1] Chương 6. Trang 164-180.	CO1, CO3, CO4, CO6, CO8, CO10, CO11, CO12


Tuần	Nội dung	Số tiết	Tài liệu	CĐR của HP
	bảng tính phức tạp dựa trên nội dung đã học			
	7. Các hàm cơ sở dữ liệu			
8	<ul style="list-style-type: none"> - Khái niệm về cơ sở dữ liệu (CSDL) - Các hàm trên CSDL - Các thao tác trên dữ liệu Thực hành chương 7: Vận dụng kiến thức đã học thực hiện các thao tác xử lý, tính toán bảng tính phức tạp dựa trên nội dung đã học	6	[1] Chương 7. Trang 181-195.	CO1, CO3, CO4, CO6, CO8, CO10, CO11, CO12
	8. Vẽ biểu đồ và in ấn trong MS Excel			
8	<ul style="list-style-type: none"> - Các hàm thống kê và vẽ biểu đồ - In ấn trong Excel Thực hành chương 8: Vận dụng kiến thức đã học thực hiện các thao tác xử lý, tính toán bảng tính phức tạp dựa trên nội dung đã học	6	[1] Chương 8. Trang 196-210.	CO1, CO3, CO4, CO6, CO8, CO10, CO11, CO12
	9. Soạn, trình bày báo cáo với Microsoft Powerpoint			
9	<ul style="list-style-type: none"> - Giới thiệu tổng quát Microsoft PowerPoint - Xây dựng nội dung bài thuyết trình - Tạo các hiệu ứng hoạt hình - Tạo hiệu ứng trang - In ấn trong Microsoft PowerPoint Thực hành chương 9: Vận dụng kiến thức đã học thực hiện các thao tác tạo bảng trình chiếu theo yêu cầu và thực hiện trình chiếu	6	[1] Chương 9. Trang 211-245	CO1, CO3, CO4, CO6, CO9, CO10, CO11, CO12

Tuần	Nội dung	Số tiết	Tài liệu	CDR của HP
	10. Internet và Email			
10	<ul style="list-style-type: none"> - Giới thiệu Internet - Một số khái niệm Internet - Các dịch vụ thông dụng trên internet - Khởi động và thoát khỏi Internet Explorer - Các thành phần trong màn hình Internet Explorer - Làm việc với các trang Web - Tìm kiếm thông tin - Giới thiệu dịch vụ thư điện tử - Điện toán đám mây và các ứng dụng của điện toán đám mây <p>Thực hành chương 10: Vận dụng kiến thức đã học thực hiện các thao tác tạo địa chỉ mail, sử dụng các dịch vụ miễn phí trên nền điện toán đám mây của Google</p>	6	[1] Chương 10. Trang 246-265	CO1, CO3, CO4, CO6, CO9, CO10, CO11, CO12

12. Cơ sở và thiết bị

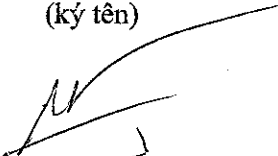
- Phòng học máy vi tính, máy chiếu

TRƯỜNG KHOA
(ký tên)



Nguyễn Văn Linh

P. TRƯỜNG BỘ MÔN
(ký tên)



Huỳnh Văn Hùng

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

1. Thông tin về học phần

Tên học phần: Tin học ứng dụng được.

Mã học phần: 0102000532

Số tín chỉ: 03 (tín chỉ (Lý thuyết: 02; Thực hành: 01)

Tổng số tiết quy chuẩn: 60 tiết

Phân bố thời gian:

Tổng thời gian học của sinh viên	Giờ lên lớp				Tổng thời gian học trên lớp và tự học
	L	T	P	Ô	
L - Lý thuyết					
T - Bài tập	30	60	30	0	60 + 60 = 120
P - Thực hành					
Ô - Thảo luận/Seminar					

Loại học phần: Bắt buộc

Học phần tiên quyết: Không

Học phần học trước: Không

Học phần học song hành: Không

Ngôn ngữ giảng dạy: Tiếng Việt

Đơn vị phụ trách: Bộ môn Quản lý & Kinh tế Dược

2. Thông tin về các giảng viên:

Giảng viên Bộ môn Quản lý & Kinh tế Dược, Khoa Dược, ĐH Nam Cần Thơ

3. Mục tiêu của học phần (kí hiệu MT)

*** Về kiến thức**

MT1. Hiểu, phân tích, trình bày được các khái niệm, nguyên tắc, thao tác cơ bản và nâng cao trong sử dụng Microsoft Word vào soạn thảo văn bản và thực hiện các công việc liên học văn phòng

MT2. Hiểu, phân tích, trình bày được các khái niệm, nguyên tắc, thao tác cơ bản trong sử dụng Microsoft Excel vào quản lý, tính toán và xử lý dữ liệu.

MT3. Hiểu, phân tích, trình bày được các khái niệm, nguyên tắc, thao tác cơ bản và nâng cao trong sử dụng SPSS vào phân tích, xử lý dữ liệu thống kê và nghiên cứu khoa học

MT4. Hiểu, phân tích, trình bày được các khái niệm, nguyên tắc, thao tác cơ bản và nâng cao trong sử dụng ChemDraw vào vẽ công thức hóa học, thí nghiệm và phân tích, tìm hiểu chất.

*** Về kỹ năng**

MT5. Ứng dụng được các nguyên tắc, phương pháp, thao tác cơ bản và nâng cao trong sử dụng các phần mềm tin học có liên quan vào thực tế

MT6. Có khả năng tự xây dựng, hoàn thiện các báo cáo, nghiên cứu khoa học

MT7. Có khả năng phân tích, tổng hợp, thống kê các kết quả khảo sát, nghiên cứu, các báo cáo, dự báo, kiểm định liên quan hoạt động sản xuất, kinh doanh, quản lý chất lượng thuốc thuộc lĩnh vực chuyên ngành.

*** Về năng lực tự chủ và trách nhiệm**

MT8. Nhận thức được vai trò, trách nhiệm chuyên môn, tuân thủ hành nghề được theo quy định của pháp luật và chính sách của Đảng, Nhà nước

MT9. Tự tin, chủ động, cầu tiến trong công việc và học tập nâng cao trình độ, kiến thức và kỹ năng

MT10. Có kỹ năng, phương pháp trong làm việc cá nhân và phối hợp nhóm.

4. Mức đóng góp của học phần cho chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo

Học phần (HP) đóng góp cho chuẩn đầu ra (CDR) của chương trình đào tạo (CTĐT), mã ký hiệu là PO, theo mức độ sau:

0 - Không đóng góp; 1 - Mức thấp; 2 - Mức trung bình; 3 = Mức cao

Mã HP	Tên HP	Mức độ đóng góp của học phần cho CDR của CTĐT								
		PO1	PO2	PO3	PO4	PO5	PO6	PO7	PO8	PO9
01020 00532	Tin học ứng dụng được	0	0	2	1	1	1	1	1	1
		PO10	PO11	PO12	PO13	PO14	PO15	PO16	PO17	
		1	1	1	1	1	1	1	1	

5. Chuẩn đầu ra của học phần (CO)

Mục tiêu HP	CDR của HP	Nội dung CDR của học phần	CDR của CTĐT
Kiến thức			
MT1	CO1	Hiểu, phân tích, trình bày được các khái niệm, nguyên tắc, thao tác cơ bản và nâng cao trong sử dụng Microsoft Word vào soạn thảo văn bản và thực hiện các công việc tin học văn phòng.	PO3, PO4, PO5, PO6
MT2	CO2	Hiểu, phân tích, trình bày được các khái niệm, nguyên tắc, thao tác cơ bản trong sử dụng Microsoft Excel vào quản lý, tính toán và xử lý dữ liệu.	PO3, PO4, PO5, PO6
MT3	CO3	Hiểu, phân tích, trình bày được các khái niệm, nguyên tắc, thao tác cơ bản và nâng cao trong sử dụng SPSS vào phân tích, xử lý dữ liệu thống kê và nghiên cứu khoa học.	PO3, PO4, PO5, PO6
MT4	CO4	Hiểu, phân tích, trình bày được các khái niệm, nguyên tắc, thao tác cơ bản và nâng cao trong sử dụng ChemDraw vào vẽ công thức hóa học, thí nghiệm và phân tích, tìm hiểu chất.	PO3, PO4, PO5, PO6
Kỹ năng			
MT5	CO5	Ứng dụng được các nguyên tắc, phương pháp, thao tác cơ bản và nâng cao trong sử dụng các phần mềm tin học có liên quan vào thực tế.	PO7, PO8, PO9, PO11, PO11, PO12, PO13, PO14
MT6	CO6	Có khả năng tự xây dựng, hoàn thiện các báo cáo, nghiên cứu khoa học.	PO7, PO8, PO9, PO11, PO11, PO12, PO13, PO14
MT7	CO7	Có khả năng phân tích, tổng hợp, thống kê các kết quả khảo sát, nghiên cứu, các báo cáo, dự báo, kiểm định liên quan hoạt động sản xuất, kinh doanh, quản lý chất lượng thuốc thuộc lĩnh vực chuyên ngành.	PO7, PO8, PO9, PO11, PO11, PO12, PO13, PO14

Mục tiêu HP	CBR của HP	Nội dung CBR của học phần	CBR của CTĐT
Năng lực tự chủ và trách nhiệm			
MT8	CO8	Nhận thức được vai trò, trách nhiệm chuyên môn, luôn tuân thủ hành nghe được theo quy định của pháp luật và chính sách của Đảng, Nhà nước	PO15, PO15, PO16
MT9	CO9	Tự tin, chủ động, cầu tiến trong công việc và học tập nâng cao trình độ, kiến thức và kỹ năng	PO12, PO16, PO17
MT10	CO10	Có kỹ năng, phương pháp trong làm việc cá nhân và phối hợp nhóm.	PO12, PO16

6. Nội dung tóm tắt của học phần

Sự phát triển của khoa học kỹ thuật, đặc biệt là công nghệ thông tin mang đến nhiều cơ hội, tiến ích và hỗ trợ dành cho mọi lĩnh vực cũng người sử dụng. Tuy nhiên, để ứng dụng thành công vào thực tế, mỗi chuyên ngành, công việc đều đòi hỏi người sử dụng phải nắm được đầy đủ, hoàn chỉnh những kiến thức, kỹ năng từ cơ bản đến nâng cao và các hệ thống phương pháp luận có liên quan trong tiến hành phân tích, khảo sát, nghiên cứu, đề luận đảm bảo về hiệu quả, tính chính xác trong thực hiện. Từ thực tế này, học phần Tin học ứng dụng được được xây dựng nhằm trang bị cho người học tất cả các kiến thức, kỹ năng cần thiết liên quan việc tiếp cận và sử dụng 04 phần mềm cơ bản nhất trong chuyên ngành, theo các phiên bản mới nhất là Microsoft Word, Microsoft Excel, IBM SPSS Statistic, ChemDraw, giúp người học đạt chuẩn yêu cầu về năng lực trong thực hiện công việc sau khi ra trường

7. Phương pháp, hình thức tổ chức dạy học

Phương pháp, hình thức tổ chức dạy học	Mục đích	CBR của HP đạt được
Thuyết giảng lý thuyết	Cung cấp cho sinh viên hệ thống kiến thức nền tảng của môn học một cách khoa học, logic	CO1, CO2, CO3
Thảo luận nhóm	Thông qua việc hỏi đáp giữa giảng viên và sinh viên để làm rõ các nội dung kiến thức trong môn học	CO1, CO2, CO3, CO4, CO5, CO6, CO7
Nghiên cứu hai học, đọc tài liệu tham khảo	Giúp người học tăng cường năng lực tư học, tự nghiên cứu,	CO1, CO2, CO3, CO4, CO5, CO6, CO7, CO8, CO9, CO10

Phương pháp, hình thức tổ chức dạy học	Mục đích	CBR của HP đạt được
Thực hành	Giúp người học rèn luyện tính cẩn thận, chính xác, tỉ mỉ, phân tích và biết cách giải quyết các vấn đề, đồng thời thanh toán trạng sử dụng các phần mềm vào các giải quyết các yêu cầu công việc, nhiệm vụ trong môi trường thực tế	CO1, CO2, CO3, CO4, CO5, CO6, CO7, CO8, CO9, CO10

8. Nhiệm vụ của sinh viên

- Dự lớp học trước giao trình, phát hiện vấn đề, nghe giảng.
- Thảo luận theo nhóm các vấn đề liên quan đến bài học: tham gia đóng góp ý kiến, xây bài tại lớp.
- Nghiên cứu đọc tài liệu tham khảo
- Tham khảo các tài liệu do giảng viên hướng dẫn
- Tự học, tự nghiên cứu ở nhà những vấn đề đã được nghe giảng tại lớp.

9. Đánh giá kết quả học tập của sinh viên (thang điểm 10)

ST	Hình thức	Trong số (%)	Tiêu chí đánh giá	CBR của HP	Điểm tối đa
1	Chuyên cần	10	Tính chủ động, mức độ tích cực chuẩn bị bài và tham gia các hoạt động trong giờ học	CO1, CO2, CO3, CO4, CO5, CO6, CO7	10
		10	Thời gian tham dự buổi học bắt buộc, vắng không quá 20% số tiết học Tuy số tiết vắng, GV quyết định số điểm theo tỷ lệ vắng	CO1, CO2, CO3, CO4, CO5, CO6, CO7	10
2	Kiểm tra giữa kỳ	30	- Sinh viên làm bài kiểm tra thực hành, tính trung bình - Tiêu chí đánh giá bài kiểm tra (giảng viên nêu cụ thể)	CO1, CO2, CO3, CO4, CO5, CO6, CO7	10
3	Thi kết thúc HP	50	- Thi kết thúc học phần + Hình thức thi: trắc nghiệm + Tiêu chí đánh giá bài thi: Theo đáp án của giảng viên ra đề	CO1, CO2, CO3, CO4, CO5, CO6, CO7	10

10. Học liệu

10.1 Tài liệu chính

[1] Bộ môn Tổ chức – Quản lý dược Đại học Nam Cần Thơ (2018). *Tin học ứng dụng dược*.

10.2. Tài liệu tham khảo

[2] Hoàng Minh Hằng (2014). *Thực hành tin học và ứng dụng trong y sinh học*. NXB Giáo dục

11. Nội dung chi tiết học phần

11.1. Lý thuyết

Tuần	Nội dung	Số tiết	Tài liệu	CĐR của HP
1	Bài 1: Microsoft Word Ứng dụng nền tảng trong soạn thảo văn bản & tin học văn phòng	5	[1] (Trang 03)	CO1, CO2, CO3, CO4, CO5, CO6, CO7
2, 3	Bài 2: Microsoft Excel Ứng dụng nền tảng trong quản lý và xử lý dữ liệu	10	[1] (Trang 60)	CO1, CO2, CO3, CO4, CO5, CO6, CO7
4, 5	Bài 3: SPSS – Phần mềm chuyên dụng trong phân tích thống kê của nghiên cứu khoa học	10	[1] (Trang 124)	CO1, CO2, CO3, CO4, CO5, CO6, CO7
6	Bài 4: ChemDraw - Phần mềm chuyên dụng trong vẽ và gô tên công thức hóa học	5	[1] (Trang 159)	CO1, CO2, CO3, CO4, CO5, CO6, CO7

11.2. Thực hành

Tuần	Nội dung	Số tiết	Tài liệu	CĐR của HP
1	Bài 1: Thực hành Microsoft Word – Soạn thảo, chỉnh sửa hợp đồng, báo cáo, tổng kết kết quả sản xuất, kinh doanh	5	[1] (Trang 03)	CO1, CO2, CO3, CO4, CO5, CO6, CO7
2	Bài 2: Thực hành Microsoft Excel – Phân tích, chỉnh sửa dữ liệu và sử dụng các hàm lệnh trong tính toán	5	[1] (Trang 15)	CO1, CO2, CO3, CO4, CO5, CO6, CO7
3	Bài 3: Thực hành Microsoft Excel – Vẽ biểu đồ và làm hàng thông kê Pivot Table	5	[1] (Trang 18)	CO1, CO2, CO3, CO4, CO5, CO6, CO7
4	Bài 4: Thực hành SPSS – Phân tích thống kê và kiểm định (Phần 1)	5	[1] (Trang 03)	CO1, CO2, CO3, CO4, CO5, CO6, CO7
5	Bài 5: Thực hành SPSS – Phân tích thống kê và kiểm định (Phần 2)	5	[1] (Trang 03)	CO1, CO2, CO3, CO4, CO5, CO6, CO7
6	Bài 4: Thực hành ChemDraw – Vẽ công thức hóa học và gọi tên danh pháp IUPAC của các chất	10	[1] (Trang 60)	CO1, CO2, CO3, CO4, CO5, CO6, CO7

12. Cơ sở và thiết bị

- Phòng học có hàng lớn, bàn, ghế, máy chiếu, loa
- Phòng học có trang bị đầy đủ máy vi tính cho sinh viên thực hành và đã được cài đặt đầy đủ các phần mềm

TRƯỞNG KHOA

(Ký và ghi rõ họ tên)


TS. Tô Hữu Khoa

TRƯỞNG BỘ MÔN

(Ký và ghi rõ họ tên)


Nguyễn Thị Anh

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

1. Thông tin về học phần

Tên học phần: **Vật lý đại cương (Fundamentals of physics)**

Mã học phần: 0101000902

Số tín chỉ: 02

Tổng số tiết quy chuẩn: 30

Phân bố thời gian:

Tổng thời gian học của sinh viên	Giờ trên lớp				Tổng thời gian học trên lớp và tự học
	L	T	P	O	
L - Lý thuyết T = Bài tập P = Thực hành O = Thảo luận/seminar	20	10	0	0	30 + 60 = 90

Loại học phần: **Bắt buộc**

Học phần tiên quyết: **Không**

Học phần học trước: **Không**

Học phần học song hành: **Không**

Ngôn ngữ giảng dạy: Tiếng Việt Tiếng Anh:

Đơn vị phụ trách: Bộ môn Vật lý; Khoa Cơ học

2. Thông tin về các giảng viên

Giảng viên Bộ môn Vật lý; Khoa Cơ học phụ trách

3. Mục tiêu của học phần (ki hiệu MT):

* Về kiến thức

MT1: Trình bày được các kiến thức vật lý đại cương cơ bản nhất phục vụ cho ngành mình theo học

MT2: Có khả năng vận dụng các kiến thức cơ bản để giải thích các quy luật vật lý về cơ học, nhiệt học và ứng dụng vào chuyên ngành khối kỹ thuật.

Về kỹ năng

MT3: Đọc, phân tích, kiểm chứng và đánh giá được các định luật cơ bản của Vật lý

MT4: Nắm vững các phương pháp các bài toán cơ nhiệt nhằm ứng dụng trong thực tế sau này.

Về năng lực tự chủ và trách nhiệm

MT5: Làm quen với phương pháp tư duy của khoa học thực nghiệm, gắn kết kiến thức lý thuyết với thực tiễn nghề nghiệp.

MT6: Tạo lập thái độ trung thực, nghiêm túc, chính xác trong tư duy khoa học và thao tác chuyên môn.

4. Mức đóng góp của học phần cho chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo

Học phần đóng góp cho chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo (PO) theo mức đo sau:

0 – Không đóng góp; 1 – Mức thấp; 2 – Mức trung bình, 3 = Mức cao

Mã HP	Tên HP	Mức đo đóng góp của học phần cho CDR của CTĐT								
		PO1	PO2	PO3	PO4	PO5	PO6	PO7	PO8	PO9
080.C30902	Vật lý đại cương	2	0	0	0	2	0	0	0	0
		PO10	PO11	PO12	PO13	PO14	PO15	PO16	PO17	
		0	0	0	0	0	0	0	0	

5. Chuẩn đầu ra của học phần (CO)

Mục tiêu HP	CDR của HP	Nội dung CDR của học phần Hoàn thành học phần này, sinh viên đạt được:	CDR của CTĐT
Kiến thức			
MT1	CO1	Biết được các khái niệm cơ bản, bản chất vật lý, định tính, định lượng các phần Cơ – nhiệt.	PO5
MT2	CO2	Vận dụng các kiến thức cơ bản để hiểu và giải thích được hiện tượng trong cuộc sống, các quy luật ứng dụng trong kỹ thuật.	PO5
MT2 MT3	CO3	Áp dụng các công thức tính toán, tính toán chính xác các đại lượng có liên quan đến các vấn đề gặp phải.	PO5
MT1 MT2	CO4	Hiểu được bản chất, đặc điểm, sự ảnh hưởng của các yếu tố vật lý liên quan đến kỹ thuật.	PO1
MT1 MT2 MT4	CO5	Mô tả được nguyên lý cấu tạo và nguyên tắc hoạt động của một số kỹ thuật Vật lý của động cơ nhiệt, động cơ đốt trong, máy làm lạnh, ...	PO1
Kỹ năng			

MT3 MT4	CO6	Phân tích, đo đạc, kiểm chứng và đánh giá được các đặc điểm đại lượng về cơ học, động lực học, vật rắn, công - năng lượng, nhiệt học...	PO1
Năng lực tự chủ và trách nhiệm			
MT5 MT6	CO7	Tham gia với phương pháp tư duy của khoa học thực nghiệm, gắn kết kiến thức lý thuyết với thực tiễn nghề nghiệp. Tạo lập thái độ trung thực, nghiêm túc, chính xác trong tư duy khoa học và thao tác chuyên môn.	PO1

6. Nội dung tóm tắt cấu học phần

Vật lý đại cương là một môn khoa học cơ nhiều ứng dụng trong các khối ngành kỹ thuật, trang bị kiến thức, giúp sinh viên nắm được các hiện tượng, định luật trong cơ sở điện, bao gồm: Động học, Động lực học, Động lực học vật rắn quay, Công - năng lượng. Tiếp đến là các thuyết và các nguyên lý trong nhiệt động học: Thuyết động học phân tử các chất khí, Nguyên lý thứ nhất và thứ hai nhiệt động học

7. Phương pháp, hình thức tổ chức dạy học

Phương pháp, hình thức tổ chức dạy học	Mục đích	CĐR của HP đạt được
Thuyết trình	Cung cấp cho sinh viên hệ thống kiến thức nền tảng của môn học một cách khoa học, logic.	CO1, CO2, CO3, CO4
Thảo luận	Thông qua việc hỏi đáp giữa giảng viên và sinh viên để làm rõ các nội dung kiến thức trong môn học.	CO5, CO6
Hai tập	Giúp sinh viên hiểu rõ và biết vận dụng các nội dung môn học vào các vấn đề thực tiễn	CO6, CO7
Nghiên cứu hai học, đọc tài liệu tham khảo	Giúp người học tăng cường năng lực tự học, tự nghiên cứu.	CO6, CO7

8. Nhiệm vụ của sinh viên

- Dự lớp: đọc trước giáo trình, phát hiện vấn đề, nghe giảng, nêu các câu hỏi và tham gia thảo luận về các vấn đề do giảng viên và sinh viên khác đặt ra.
- Bài tập: chuẩn bị bài tập, phát hiện vấn đề, tham gia giải và sửa bài tập trên lớp
- Nghiên cứu: đọc tài liệu tham khảo, tham gia thuyết trình.
- Thảo luận tổ hoặc thuyết trình tại lớp do giảng viên phân công
- Làm hai tập ứng dụng hoặc hai tập tình huống để củng cố kiến thức (lý thuyết) đã được học.
- Tham khảo các tài liệu do giảng viên hướng dẫn.

- Tự học, tự nghiên cứu ở nhà những vấn đề đã được nghe giảng tại lớp.

9. Đánh giá kết quả học tập của sinh viên (thang điểm 10)

TT	Hình thức	Trong số (%)	Tiền chỉ đánh giá	CDR của HP	Điểm tối đa
1	Chuyên cần	10	- Tính chủ động, mức độ tích cực chuẩn bị bài và tham gia các hoạt động trong giờ học - Thời gian học dư thừa học bài học	CO1, CO2, CO3, CO4	5
2	Bài tập cá nhân	10	Chất lượng sản phẩm giao nộp	CO5, CO6	10
3	Bài kiểm tra giữa kỳ	30	Theo đáp án, thang điểm của giảng viên	CO6, CO7	10
4	Thi kết thúc HP	50	Theo đáp án, thang điểm của giảng viên	CO6, CO7	10

10. Học liệu

10.1. Tài liệu học tập

[1] Trường Đại học Nam Cần Thơ, 2018. *Giáo trình vật lý đại cương (khối ngành kỹ thuật)*. Bộ môn vật lý, Khoa Cơ bản

10.2. Tài liệu tham khảo

[2] David Haliday, *Cơ sở vật lý*, NXB Giáo dục Việt Nam. (Tập 1 - 2016; Tập 2 - 2013; Tập 3 - 2017; Tập 4 - 2015; Tập 5 - 2015; Tập 6 - 2016)

11. Nội dung chi tiết học phần

Tuan	Nội dung	Tài liệu	CDR của HP
	Chương 1: ĐỘNG HỌC CHẤT ĐIỂM		
1	- Những khái niệm mở đầu. - Vận tốc. - Gia tốc.	[1] Chương 1	CO1, CO2, CO3, CO4, CO5, CO6, CO7

	- Một số chuyên đề cơ đặc biệt Bài tập chương 1.		
	Chương 2: ĐỘNG LỰC HỌC CHẤT ĐIỂM		
2-3	- Các định luật Newton. - Các định lý về động lượng - Định luật bảo toàn động lượng - Chuyển động tương đối, nguyên lý tương đối, lực quán tính - Mô men động lượng - Bài tập chương 2.	[1] Chương 2.	CO1, CO2, CO3, CO4, CO5, CO6, CO7
	Chương 3: ĐỘNG LỰC HỌC VẬT RẮN QUAY		
4	- Phương trình cơ bản vật rắn vẫn quay. - Mô men động lượng của một hệ chất điểm - Định luật bảo toàn mô men động lượng. - Bài tập chương 3.	[1] Chương 3.	CO1, CO2, CO3, CO4, CO5, CO6, CO7
	Chương 4: CÔNG – NĂNG LƯỢNG		
5	- Công – công suất. - Năng lượng – định luật bảo toàn năng lượng. - Bài tập chương 4.	[1] Chương 4.	CO1, CO2, CO3, CO4, CO5, CO6, CO7
	Chương 5: TRƯỜNG HẤP DẪN		
6	- Định luật Newton về lực hấp dẫn vũ trụ. - Trường hấp dẫn - Chuyển động trong trường hấp dẫn của quả đất.	[1] Chương 5.	CO1, CO2, CO3, CO4, CO5, CO6, CO7
	Kiểm tra giữa kỳ		
7	- Kiểm tra giữa kỳ. - Bài tập chương 5.	[1] Chương 5.	CO1, CO2, CO3, CO4, CO5, CO6, CO7
	Chương 6: THUYẾT ĐỘNG HỌC PHÂN TỬ CÁC CHẤT KHÍ		
8	- Các định luật thực nghiệm và phương trình trạng thái chất khí.	[1] Chương 6.	CO1, CO2, CO3, CO4,

	<ul style="list-style-type: none"> - Thuyết động học phân tử của chất khí, nội năng của khí lý tưởng - Bài tập chương 6. 		CO5, CO6, CO7
	Chương 7: NGUYÊN LÝ THỨ NHẤT NHIỆT ĐỘNG HỌC		
9	<ul style="list-style-type: none"> - Khai niệm về hệ nhiệt động - Nguyên lý thứ nhất của nhiệt động học - Khảo sát các quá trình cân bằng của khí lý tưởng. - Bài tập chương 7 	[1] Chương 7.	CO1, CO2, CO3, CO4, CO5, CO6, CO7
	Chương 8: NGUYÊN LÝ THỨ HAI NHIỆT ĐỘNG HỌC		
10	<ul style="list-style-type: none"> - Những hạn chế của nguyên lý thứ nhất nhiệt động học. - Quá trình thuận nghịch và quá trình không thuận nghịch - Nguyên lý thứ hai của nhiệt động học - Chu trình Carnot và định lý Carnot. - Biểu thức định lượng của nguyên lý thứ hai. - Bài tập chương 8 	[1] Chương 8.	CO1, CO2, CO3, CO4, CO5, CO6, CO7

12. Yêu cầu của giảng viên đối với học phần

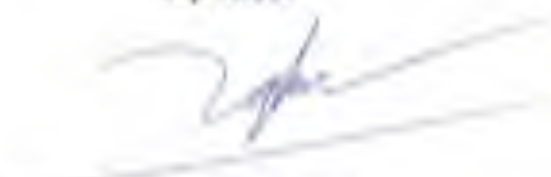
- Phòng học có bảng lm, máy chiếu
- Phương tiện: Lồng âm

KHOA CƠ BẢN



Nguyễn Chí Thăng

BỘ MÔN



Nguyễn Hải Đăng

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

1. Thông tin về học phần

Tên học phần: **Thực hành Vật lý đại cương (Physics experiments)**

Mã học phần: 0101000902

Số tín chỉ: 01

Tổng số tiết quy chuẩn: 30

Phân bố thời gian:

Tổng thời gian học của sinh viên	Giờ trên lớp				Tổng thời gian học trên lớp và tự học
	L	T	P	Q	
L - Lý thuyết					
T - Bài tập					
P = Thực hành	00	00	30	0	30 + 60 = 90
Q - Thảo luận/seminar					

Loại học phần: **Bắt buộc**

Học phần tiên quyết: **Không**

Học phần học trước: **Vật lý đại cương**

Học phần học song hành: **Không**

Ngôn ngữ giảng dạy: **Tiếng Việt** **Tiếng Anh**:

Đơn vị phụ trách: **Bộ môn Vật lý; Khoa Cơ học**

2. Thông tin về các giảng viên

Giảng viên Bộ môn Vật lý: **Khoa Cơ học phụ trách**

3. Mục tiêu của học phần (kí hiệu MT)

* Về kiến thức

MT1: **Nắm vững được các lý thuyết về sai số, các phép đo trực tiếp, gián tiếp, về đồ thị với các đại lượng liên quan.**

MT2: **Ôn tập lại các kiến thức đã được học lý thuyết để ứng dụng vào thực hành.**

Về kỹ năng

MT3: **Độc lập, phân tích, kiểm chứng và đánh giá được các định luật cơ bản của Vật lý.**

MT4: Dung thí nghiệm kiểm chứng lại công thức vật lý được dẫn ra từ con đường lý thuyết.

MT5: Biết sử dụng các thiết bị đo lường trong thí nghiệm vật lý

Về năng lực tự chủ và trách nhiệm

MT6: Làm quen với phương pháp tư duy của khoa học thực nghiệm, gắn kết kiến thức lý thuyết với thực tiễn nghề nghiệp.

MT7: Tạo lập thái độ trung thực, nghiêm túc, chính xác trong tư duy khoa học và thao tác chuyên môn.

4. Mức đóng góp của học phần cho chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo

Học phần đóng góp cho chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo (**PO**) theo mức độ sau:

0 – Không đóng góp; 1 – Mức thấp; 2 – Mức trung bình; 3 = Mức cao

Mã HP	Tên HP	Mức độ đóng góp của học phần cho CDR của CTĐT								
		PO1	PO2	PO3	PO4	PO5	PO6	PO7	PO8	PO9
0101000902	Thực hành vật lý đại cương	2	0	0	0	2	0	0	0	0
		PO10	PO11	PO12	PO13	PO14	PO15	PO16	PO17	
		0	0	0	0	0	0	0	0	

5. Chuẩn đầu ra của học phần (CO)

Mức hiệu HP	CDR của HP	Nội dung CDR của học phần Hoàn thành học phần này, sinh viên đạt được:	CDR của CTĐT
Kiến thức			
MT1	CO1	Nhieu rõ lý thuyết của hai thí nghiệm.	PO5
MT2	CO2	Biết xử lý kết quả thí nghiệm.	PO5
MT2 MT3	CO3	Áp dụng các công thức tính toán, tính toán chính xác các đại lượng có liên quan đến các vấn đề gặp phải.	PO5
MT1 MT2	CO4	Nhieu được bản chất, đặc điểm, sự ảnh hưởng của các yếu tố vật lý liên quan đến kĩ thuật.	PO1
MT1 MT2 MT4	CO5	Mô tả được nguyên lý cấu tạo và nguyên tắc hoạt động của một số kỹ thuật Vật lý của động cơ nhiệt, động cơ đốt trong, máy làm lạnh...	PO1
Kỹ năng			
MT3	CO6	Phân tích, đo đạc, kiểm chứng và đánh giá được các	PO1

MT4		đặc điểm đại lượng về cơ học, động lực học, vật rắn, công – năng lượng, nhiệt học...	
Năng lực tự chủ và trách nhiệm			
MT5 MT6	CO7	Tam quen với phương pháp tư duy của khoa học thực nghiệm, gắn kết kiến thức lý thuyết với thực tiễn nghề nghiệp. Tân lập thái độ trung thực, nghiêm túc, chính xác trong tư duy khoa học và thao tác chuyên môn.	PO1, PO5

6. Nội dung tóm tắt của học phần

Học phần Thực hành Vật lý đại cương trang bị cho sinh viên kiến thức về các phép đo, sai số, đồ thị. Các bài thí nghiệm về cơ học, nhiệt học, điện học,... Qua đó giúp sinh viên thấy sự gắn kết giữa lý thuyết và thực tiễn.

7. Phương pháp, hình thức tổ chức dạy học

Phương pháp, hình thức tổ chức dạy học	Mục đích	CĐR của HP đạt được
Thuyết trình	Cung cấp cho sinh viên hệ thống kiến thức nền tảng của môn học một cách khoa học, logic	CO1, CO2, CO3, CO4
Thảo luận	Thông qua việc hỏi đáp giữa giáo viên và sinh viên để làm rõ các nội dung kiến thức trong môn học.	CO5, CO6
Bài tập, làm thí nghiệm	Giúp sinh viên hiểu rõ và biết vận dụng các nội dung môn học vào các vấn đề thực tiễn	CO6, CO7
Nghiên cứu tài liệu tham khảo, đọc tài liệu tham khảo	Giúp người học tăng cường năng lực tự học, tự nghiên cứu.	CO6, CO7

8. Nhiệm vụ của sinh viên

- Dự lớp: đọc trước giáo trình, phát hiện vấn đề, nghe giảng, nêu các câu hỏi và tham gia thảo luận về các vấn đề do giáo viên và sinh viên khác đặt ra.
- Làm thí nghiệm: chuẩn bị kỹ các bài thí nghiệm, thao tác chính xác tuân thủ đúng theo giảng viên hướng dẫn.
- Nghiên cứu: đọc tài liệu tham khảo, tham gia thuyết trình
- Thảo luận tổ hoặc thuyết trình tại lớp do giảng viên phân công
- Làm bài tập ứng dụng hoặc bài tập tình huống để củng cố kiến thức (lý thuyết) đã được học.
- Tham khảo các tài liệu do giảng viên hướng dẫn.
- Tự học, tự nghiên cứu ở nhà những vấn đề đã được nghe giảng tại lớp

9. Đánh giá kết quả học tập của sinh viên (thang điểm 10)

TT	Hình thức	Trọng số (%)	Tiêu chí đánh giá	CĐR của HP	Điểm tối đa
1	Chuyên cần	20	- Tính chủ động, mức độ tích cực chuẩn bị bài và tham gia các hoạt động trong giờ học - Thời gian tham dự buổi học bất học	CO1, CO2, CO3, CO4	10
2	Bài phục trình cá nhân	30	Chất lượng sản phẩm giao nộp	CO5, CO6, CO7	10
4	Thi kết thúc HP	50	Theo đáp án, thang điểm của giảng viên	CO6, CO7	10

10. Học liệu

10.1. Tài liệu học tập

[1] Trường Đại học Nam Cần Thơ, 2018. *Giao trình thực hành vật lý đại cương (khóa ngành kỹ thuật)*, Bộ môn vật lý, Khoa Cơ bản.

10.2. Tài liệu tham khảo

[2] David Haliday, *Cơ sở vật lý*, NXB Giáo dục Việt Nam, (Tập 1 - 2016; Tập 2 - 2013; Tập 3 - 2017; Tập 4 - 2015; Tập 5 - 2015; Tập 6 - 2016).

11. Nội dung chi tiết học phần

Tuần	Nội dung	Tài liệu	CĐR của HP
	Hai mở đầu: LÝ THUYẾT CÁC BÀI THI NGHIỆM VẬT LÝ VÀ DỤNG CỤ CÁC BÀI THI NGHIỆM		
1	- Nội quy phòng thí nghiệm - Phương pháp đánh giá. - Phân bài thí nghiệm cho các nhóm sinh viên - Lý thuyết sai số, đo thị và giới thiệu các bài thí nghiệm	[1] Bài mở đầu	CO1, CO2, CO3, CO4, CO5, CO6, CO7

	Bài 1: SỬ DỤNG THUỐC KÉP PANME		
2	<ul style="list-style-type: none"> - Mục đích bài thí nghiệm - Lý thuyết bài thí nghiệm. - Dụng cụ bài thí nghiệm. - Tiến hành thí nghiệm và xử lý số liệu thí nghiệm. 	[1] Bài 1.	C01, C02, C03, C04, C05, C06, C07
	Bài 2: XÁC ĐỊNH GIA TỐC TRONG TRƯỜNG HỢNG CON LẮC TOÀN HỌC VÀ CON LẮC THUẬN NGHỊCH		
3	<ul style="list-style-type: none"> - Mục đích bài thí nghiệm. - Lý thuyết bài thí nghiệm. - Dụng cụ bài thí nghiệm - Tiến hành thí nghiệm và xử lý số liệu thí nghiệm 	[1] Bài 2	C01, C02, C03, C04, C05, C06, C07
	Bài 3: ĐO GIA TỐC VÀ HỆ SỐ MA SÁT TRÊN MẶT PHẪNG NGHIÊNG		
4	<ul style="list-style-type: none"> - Mục đích bài thí nghiệm - Lý thuyết bài thí nghiệm - Dụng cụ ba: thí nghiệm. - Tiến hành thí nghiệm và xử lý số liệu thí nghiệm. 	[1] Bài 3.	C01, C02, C03, C04, C05, C06, C07
	Bài 4: KHẢO SÁT NHIỆT NỒNG CHÁY VÀ ĐẶC ĐẶC CỦA THIẾT		
5	<ul style="list-style-type: none"> - Mục đích bài thí nghiệm. - Lý thuyết bài thí nghiệm. - Dụng cụ bài thí nghiệm. - Tiến hành thí nghiệm và xử lý số liệu thí nghiệm 	[1] Bài 4.	C01, C02, C03, C04, C05, C06, C07
	Bài 5: ĐỘ TỈ TRỌNG CHẤT LỎNG		
6	<ul style="list-style-type: none"> - Mục đích bài thí nghiệm - Lý thuyết bài thí nghiệm - Dụng cụ bài thí nghiệm - Tiến hành thí nghiệm và xử lý số liệu thí nghiệm. 	[1] Bài 5	C01, C02, C03, C04, C05, C06, C07

12. Yêu cầu của giảng viên đối với học phần

- Phòng học có hàng lớn, máy chiếu
- Phương tiện: đầy đủ các hai thí nghiệm

KHOA CƠ BẢN



Nguyễn Chí Thăng

BỘ MÔN



Nguyễn Hải Đăng

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

Tên học phần: HÓA ĐẠI CƯƠNG - VÔ CƠ (General and Inorganic Chemistry)

Mã học phần: 0102000275

1. Thông tin về học phần

Số tín chỉ: 2

- Lý thuyết: 2

Tổng số tiết quy chuẩn: 30

Phân bố thời gian:

Tổng thời gian học của sinh viên	Giờ trên lớp				Tổng thời gian học trên lớp và tự học
	L	T	P	O	
L = Lý thuyết T = Bài tập P = Thực hành O = Thảo luận/seminar	25	5	0	0	30 + 60 = 90

Loại học phần: Bắt buộc

Học phần tiên quyết: Không

Học phần học trước: Không

Học phần học song hành: Không

Ngôn ngữ giảng dạy: Tiếng Việt

2. Đơn vị phụ trách (giảng viên phụ trách): Bộ môn Hóa cơ bản, Khoa Y, Trường Đại học Nam Cần Thơ.

3. Mục tiêu của học phần (kí hiệu MT):

* Về kiến thức

MT1: Giải thích được một số quy luật vận động của các chất, nắm được chiều hướng của phản ứng cũng như các yếu tố ảnh hưởng đến phản ứng hóa học.

MT2: Giải thích được cấu tạo phân tử và tính chất của chúng, trạng thái tập hợp của vật chất. Tính toán được năng lượng trao đổi, xác định được chiều hướng và giới hạn của các quá trình hóa học.

MT3: Giải thích được bản chất của dung dịch phân tử, dung dịch điện ly và các tính chất đặc trưng của chúng. Tính toán và điều khiển các cân bằng trong dung dịch điện ly.

MT4: Trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về tính chất vật lý, tính chất hoá học, phương pháp điều chế, ứng dụng các đơn chất, hợp chất của các nguyên tố phi kim và kim loại trong bảng hệ thống tuần hoàn các nguyên tố hóa học của Mendeleev.

*** Về kỹ năng**

MT5: Vận dụng kiến thức về cấu tạo nguyên tử để giải thích các tính chất đặc trưng và khả năng phản ứng của các nguyên tố.

MT6: Ứng dụng tính chất tuần hoàn của các nguyên tố để hệ thống hóa tính chất vật lý và hóa học của các đơn chất và các hợp chất của chúng.

MT7: Sử dụng tốt kiến thức về môn học để giải thích được các hiện tượng xảy ra trong tự nhiên và ứng dụng thực tiễn trong đời sống liên quan đến ngành học.

*** Về năng lực tự chủ và trách nhiệm**

MT8: Có khả năng làm việc độc lập, hỗ trợ nhau trong quá trình làm việc nhóm trong giờ thực hành. Rèn luyện tính chính xác, tỉ mỉ, trung thực, khách quan.

MT9: Nhận thức được tầm quan trọng của việc vận dụng các kiến thức cơ bản hóa học cần thiết để sinh viên có thể học tiếp những môn học cơ sở liên quan đến chuyên ngành Dược và Y đa khoa.

4. Mức đóng góp của học phần cho chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo

Học phần đóng góp cho chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo (PO) theo mức độ sau:

0 = Không đóng góp; 1 = Mức thấp; 2 = Mức trung bình; 3 = Mức cao

Mã HP	Tên HP	Mức độ đóng góp của học phần cho CDR của CTĐT										
		PO1	PO2	PO3	PO4	PO5	PO6	PO7	PO8	PO9	PO10	PO11
0102000275	Hóa đại cương - Vô cơ	0	1	3	0	3	0	3	0	3	0	2
		PO12	PO13	PO14	PO15	PO16	PO17					
		2	2	0	0	3	3					

5. Chuẩn đầu ra của học phần (CO)

Mục tiêu HP	CDR của HP	Nội dung CDR của học phần Hoàn thành học phần này, sinh viên đạt được:	CDR của CTĐT
Kiến thức			
MT1 MT2	CO1	Giải thích được một số quy luật vận động của các chất, nắm được chiều hướng của phản ứng cũng như các yếu tố ảnh hưởng đến phản ứng hóa học.	PO3,PO5
MT3	CO2	Giải thích được bản chất của dung dịch phân tử, dung dịch điện ly và các tính chất đặc trưng của	PO3,PO5

		chúng. Tính toán và điều khiển các cân bằng trong dung dịch điện ly	
MT4	CO3	Giải thích được nguyên nhân sự khác nhau về tính chất của các loại nguyên tố s, p, d, f.... Giải thích được năng lượng liên kết, tính khử và tính oxy hóa của tất cả các nguyên tố thuộc các phân nhóm.	PO3,PO5
MT4	CO4	Trình bày được trạng thái tự nhiên, tính chất lý hóa cũng như các ứng dụng quan trọng của các nguyên tố IA, IB, IIA, IIB, IIIA,...	PO3,PO5
Kỹ năng			
MT5 MT6	CO5	Vận dụng kiến thức về cấu tạo nguyên tử, tính chất tuần hoàn các nguyên tố để giải thích các tính chất đặc trưng và khả năng phản ứng của các nguyên tố, hệ thống hóa tính chất vật lý và hóa học của các đơn chất và các hợp chất của chúng.	PO7, PO9, PO11, PO12, PO13
MT7	CO6	Sử dụng tốt kiến thức về môn học để giải thích được các hiện tượng xảy ra trong tự nhiên và ứng dụng thực tiễn trong đời sống liên quan đến ngành học	PO7, PO9, PO11, PO12, PO13
MT8	CO7	Thực hiện được một số thí nghiệm trong phòng thí nghiệm: thí nghiệm về định tính và tốc độ phản ứng và cân bằng hóa học	PO7, PO9, PO11, PO12, PO13
Năng lực tự chủ và trách nhiệm			
MT9	CO8	Có thái độ nghiêm túc trong học tập; Biết cách học tập, làm việc theo nhóm.	PO16, PO17
MT10	CO9	Nhận thức được tầm quan trọng của việc vận dụng các kiến thức cơ bản hóa học cần thiết để sinh viên có thể học tiếp những môn học cơ sở liên quan đến chuyên ngành Dược.	PO16, PO17

6. Nội dung tóm tắt của học phần

Nội dung của học phần gồm hai phần:

Phần Hóa học đại cương cung cấp một cách có hệ thống kiến thức cơ bản về cấu tạo các chất hoá học, về sự tương tác và cách thức vận động của chúng trong tự nhiên. Giúp cho sinh viên nắm được một số quy luật về sự vận động của các chất. Dự đoán khả năng, chiều hướng và giới hạn của các quá trình hoá học, những hiện tượng kèm theo cũng như các yếu tố thúc đẩy hoặc kìm hãm các quá trình đó.

Phần Hóa vô cơ giúp sinh viên nắm được kiến thức cơ bản và có hệ thống về cấu tạo, bản chất liên kết, tính chất lý-hóa học, khả năng phản ứng, phương pháp điều chế, và ứng dụng các đơn chất và hợp chất của các nguyên tố kim loại, phi kim trên cơ sở lý thuyết về cấu tạo chất và các quá trình hóa học. Biết vận dụng những lý luận cơ bản về hóa học các

nguyên tố kim loại, phi kim vào việc tìm hiểu và giải thích các hiện tượng hóa học có liên quan đến thực tiễn trong đời sống liên quan đến ngành học.

7. Phương pháp, hình thức tổ chức dạy học

Phương pháp, hình thức tổ chức dạy học	Mục đích	CĐR của HP đạt được
Thuyết trình	Cung cấp cho sinh viên hệ thống kiến thức nền tảng của môn học một cách khoa học, logic.	CO1, CO2, CO3, CO4, CO5, CO6, CO7
Thảo luận	Thông qua việc hỏi đáp giữa giảng viên và sinh viên để làm rõ các nội dung kiến thức trong môn học.	CO1, CO2, CO3, CO4, CO5, CO6, CO7
Bài tập	Giúp sinh viên hiểu rõ và biết vận dụng các nội dung môn học vào các vấn đề thực tiễn.	CO5, CO6, CO7
Trình bày nhóm	Giúp sinh viên có thái độ nghiêm túc trong học tập, biết cách học tập, làm việc theo nhóm.	CO5, CO6, CO7
Nghiên cứu bài học, đọc tài liệu tham khảo	Giúp sinh viên tăng cường năng lực tự học, tự nghiên cứu.	CO8, CO9

8. Phương pháp, hình thức tổ chức sinh viên tự học

STT	Tên bài/Nội dung cụ thể	Phương pháp tự học	Tài liệu tham khảo
-----	-------------------------	--------------------	--------------------

1	<p>Chương 1: Một số khái niệm và định luật cơ bản hóa học</p> <p>Chương 2: Cấu tạo nguyên tử, bảng tuần hoàn các nguyên tố hóa học</p> <p>Chương 3: Cấu tạo phân tử - Liên kết hóa học</p> <p>Chương 4: Phức chất</p> <p>Chương 5: Nhiệt động hóa học</p> <p>Chương 6: Động hóa học và cân bằng hóa học</p> <p>Chương 7: Dung dịch</p> <p>Chương 8: Các nguyên tố kim loại khối s, p</p> <p>Chương 9: Các nguyên tố kim loại khối d</p> <p>Chương 10: Các nguyên tố phi kim</p>	<p>Đọc trước tài liệu ở mỗi chương, trước khi bắt đầu buổi học</p>	<p>Bộ môn Hóa <input type="checkbox"/> Khoa Y <input type="checkbox"/> Trường Đại học Nam Cần Thơ (2022), <i>Bài giảng Hóa đại cương-Vô cơ.</i></p>
2	<p>Chương 1: Một số khái niệm và định luật cơ bản hóa học</p> <p>Chương 2: Cấu tạo nguyên tử, bảng tuần hoàn các nguyên tố hóa học</p> <p>Chương 3: Cấu tạo phân tử - Liên kết hóa học</p> <p>Chương 4: Phức chất</p> <p>Chương 5: Nhiệt động hóa học</p> <p>Chương 6: Động hóa học và cân bằng hóa học</p> <p>Chương 7: Dung dịch</p> <p>Chương 8: Các nguyên tố kim loại khối s, p</p> <p>Chương 9: Các nguyên tố kim loại khối d</p> <p>Chương 10: Các nguyên tố phi kim</p>	<p>Làm bài tập sau khi học xong các bài lý thuyết</p>	<p>Bộ môn Hóa <input type="checkbox"/> Khoa Y <input type="checkbox"/> Trường Đại học Nam Cần Thơ (2022), <i>Bài giảng Hóa đại cương-Vô cơ.</i></p>
3	<p>Chương 1: Một số khái niệm và định luật cơ bản hóa học</p> <p>Chương 2: Cấu tạo nguyên tử, bảng tuần hoàn các nguyên tố hóa học</p> <p>Chương 3: Cấu tạo phân tử - Liên kết hóa học</p> <p>Chương 4: Phức chất</p> <p>Chương 5: Nhiệt động hóa học</p>	<p>Học nhóm. Chia làm 10 nhóm, mỗi nhóm sẽ tìm hiểu về một chương trong bài học</p>	<p>Bộ môn Hóa <input type="checkbox"/> Khoa Y <input type="checkbox"/> Trường Đại học Nam Cần Thơ (2022), <i>Bài giảng Hóa đại cương-Vô cơ.</i></p>

Chương 6: Động hóa học và cân bằng hóa học		
Chương 7: Dung dịch		
Chương 8: Các nguyên tố kim loại khối s, p		
Chương 9: Các nguyên tố kim loại khối d		
Chương 10: Các nguyên tố phi kim		

9. Nhiệm vụ của sinh viên

- Dự lớp: đọc trước bài giảng, giáo trình, phát hiện vấn đề, nghe giảng, nêu các câu hỏi và tham gia thảo luận về các vấn đề do giáo viên và sinh viên khác đặt ra.
- Bài tập: chuẩn bị bài tập, phát hiện vấn đề, tham gia giải và sửa bài tập trên lớp, học nhóm.
- Nghiên cứu: đọc tài liệu tham khảo, tham gia làm việc nhóm, trình bày – báo cáo.
- Thực hành: thuộc quy trình kỹ thuật trước khi thực hành (theo bảng kiểm thực hành), có thái độ nghiêm túc trong học tập, biết cách học tập, làm việc theo nhóm.
- Thực hiện đúng quy trình kỹ thuật một thủ thuật ít nhất 2 - 3 lần trong một buổi thực hành (kỹ thuật rửa dụng cụ, đun nóng, cân hóa chất, pha chế các dung dịch acid, base, muối, lấy hóa chất,...).
- Tìm kiếm, tham khảo các tài liệu do giảng viên hướng dẫn.
- Tự học, tự nghiên cứu ở nhà những vấn đề đã được nghe giảng tại lớp.

10. Đánh giá kết quả học tập của sinh viên (thang điểm 10)

TT	Hình thức	Trọng số (%)	Tiêu chí đánh giá	Điểm tối đa
Lý thuyết				
1	Chuyên cần	10	- Tính chủ động, mức độ tích cực chuẩn bị bài và tham gia các hoạt động trong giờ học - Tham dự buổi học bắt buộc tối thiểu là 80%	10
2	Bài tập cá nhân	10	Được cộng điểm vào điểm chuyên cần.	10
3	Bài kiểm tra định kỳ	30	Bài kiểm tra trắc nghiệm theo đáp án, thang điểm của giảng viên	10
4	Thi kết thúc HP	50	- Hình thức thi: Trắc nghiệm - Tiêu chí đánh giá: Theo đáp án, thang điểm của giảng viên ra đề	10

11. Rubric đánh giá môn học

STT	Chuẩn đầu ra học phần	Nội dung đánh giá	Không đạt (<4.0)	Trung bình yếu/Trung bình khá (4.0-6.99)	Khá (7.0-7.99)	Giỏi/Xuất sắc (8.0-10.0)	Điểm (thang điểm 10)
1	CO1, CO2, CO3, CO4	Kiến thức	<p>Chưa giải thích được một số quy luật vận động của các chất, nắm được chiều hướng của phản ứng cũng như các yếu tố ảnh hưởng đến phản ứng hóa học. Chưa Giải thích được bản chất của dung dịch phân tử, dung dịch điện ly và các tính chất đặc trưng của chúng. Chưa tính toán và điều khiển các cân bằng trong dung dịch điện ly</p>	<p>Hiểu và giải thích được một số quy luật vận động của các chất, nắm được chiều hướng của phản ứng</p> <p>Hiểu và giải thích được bản chất của dung dịch phân tử, dung dịch điện ly và các tính chất đặc trưng của chúng.</p>	<p>Hiểu và giải thích được một số quy luật vận động của các chất, nắm được chiều hướng của phản ứng cũng như các yếu tố ảnh hưởng đến phản ứng hóa học.</p> <p>Hiểu và giải thích được bản chất của dung dịch phân tử, dung dịch điện ly</p> <p>Hiểu được những kiến thức cơ bản về tính chất vật lý, tính chất hoá học các đơn chất, hợp chất của các nguyên tố phi kim và kim loại trong bảng hệ thống tuần hoàn các nguyên tố hóa học của Mendeleev.</p>	<p>Hiểu và giải thích được một số quy luật vận động của các chất, nắm được chiều hướng của phản ứng cũng như các yếu tố ảnh hưởng đến phản ứng hóa học.</p> <p>Hiểu và giải thích được bản chất của dung dịch phân tử, dung dịch điện ly và các tính chất đặc trưng của chúng.</p> <p>Tính toán và điều khiển các cân bằng trong dung dịch điện ly</p> <p>Hiểu được những kiến thức cơ bản về tính chất vật lý, tính chất hoá học, phương pháp điều chế, ứng dụng các đơn chất, hợp chất của các nguyên tố phi kim và kim loại trong bảng hệ thống tuần hoàn các nguyên tố hóa học của Mendeleev.</p>	

	CO5, CO6, CO7	Kỹ năng	<p>Chưa vận dụng kiến thức về cấu tạo nguyên tử để giải thích các tính chất đặc trưng và khả năng phản ứng của các nguyên tố.</p> <p>Chưa ứng dụng tính chất tuần hoàn của các nguyên tố để hệ thống hóa tính chất vật lý và hóa học của các đơn chất và các hợp chất của chúng.</p> <p>Chưa sử dụng tốt kiến thức về môn học để giải thích được các hiện tượng xảy ra trong tự nhiên và ứng dụng thực tiễn trong đời sống liên quan đến ngành học.</p>	<p>Vận dụng được kiến thức về cấu tạo nguyên tử để giải thích các tính chất đặc trưng và khả năng phản ứng của các nguyên tố.</p> <p>Chưa ứng dụng tính chất tuần hoàn của các nguyên tố để hệ thống hóa tính chất vật lý và hóa học của các đơn chất và các hợp chất của chúng.</p> <p>Chưa sử dụng tốt kiến thức về môn học để giải thích được các hiện tượng xảy ra trong tự nhiên và ứng dụng thực tiễn trong đời sống liên quan đến ngành học.</p>	<p>Vận dụng được kiến thức về cấu tạo nguyên tử để giải thích các tính chất đặc trưng và khả năng phản ứng của các nguyên tố.</p> <p>Ứng dụng tính chất tuần hoàn của các nguyên tố để hệ thống hóa tính chất vật lý và hóa học của các đơn chất và các hợp chất của chúng.</p>	<p>Vận dụng được kiến thức về cấu tạo nguyên tử để giải thích các tính chất đặc trưng và khả năng phản ứng của các nguyên tố.</p> <p>Ứng dụng tính chất tuần hoàn của các nguyên tố để hệ thống hóa tính chất vật lý và hóa học của các đơn chất và các hợp chất của chúng.</p> <p>Sử dụng tốt kiến thức về môn học để giải thích được các hiện tượng xảy ra trong tự nhiên và ứng dụng thực tiễn trong đời sống liên quan đến ngành học.</p>
	CO8, CO9	Năng lực tự chủ, tự chịu trách nhiệm	<p>· Thái độ học tập thiếu nghiêm túc, cầu thả, sai sót. · Không có khả năng tự tìm hiểu tài liệu, tự nghiên cứu và giải quyết các vấn đề phát sinh. · Không có tinh thần làm việc nhóm, hỗ trợ giúp đỡ nhau trong học tập, ý lại, gây mất đoàn kết. Thụ động trong công việc. Không nhận thức được tầm quan trọng của các kiến thức cơ bản liên quan đến ngành học</p>	<p>· Thái độ làm việc nghiêm túc, còn một số sai sót nhỏ, có thể khắc phục sau khi được hướng dẫn. · Có khả năng tự tìm hiểu tài liệu tự nghiên cứu và giải quyết các vấn đề phát sinh. · Có tinh thần làm việc nhóm, hỗ trợ, giúp đỡ nhau. · Biết phân chia, sắp xếp công việc theo sự phân công, hỗ trợ giúp đỡ nhau trong giờ học lý thuyết và thực hành</p>	<p>Thái độ làm việc nghiêm túc, cẩn thận, sai sót được hạn chế. · Có khả năng tự tìm hiểu tài liệu tự nghiên cứu và giải quyết các vấn đề phát sinh. · Có tinh thần làm việc nhóm, hỗ trợ, giúp đỡ nhau.</p>	<p>· Thái độ làm việc nghiêm túc, cẩn thận, sai sót được hạn chế, có thể tự khắc phục sai sót. · Có tinh thần làm việc nhóm, hỗ trợ, giúp đỡ nhau. · nhân viên hướng dẫn và bạn bè. · Có sáng kiến cải tiến công việc. Nhận thức được tầm quan trọng của các kiến thức cơ bản liên quan đến ngành học</p>

12. Học liệu

12.1. Tài liệu học tập

[1] Bộ môn Hóa cơ bản □ Khoa Y □ Trường Đại học Nam Cần Thơ (2022), *Bài giảng Hóa đại cương-Vô cơ*.

12.2. Tài liệu tham khảo

[2] PGS. TSKH. Phan An (2012), *Hóa học cơ sở*, Nhà xuất bản Y học.

[3] Nguyễn Đức Vận (2008), *Hóa học Vô cơ*, Nhà xuất bản Khoa học và Kỹ thuật.

[4] Lê Thành Phước (2015), *Hóa đại cương - vô cơ : Tập 2 Cơ chế phản ứng. Các trạng thái cân bằng. Pin điện hóa. Hóa học hữu cơ Sách đào tạo Dược sĩ Đại học*. Nhà xuất bản Y học.

13. Nội dung chi tiết học phần

Tuần	Nội dung	Tài liệu	CĐR của HP
	Lý thuyết		
1	Chương 1: Một số khái niệm và định luật cơ bản hóa học		
	1.1 Khái niệm cơ bản 1.2 Những định luật cơ bản	[1]. Trang 1-4	CO1, CO5, CO6
1	Chương 2: Cấu tạo nguyên tử và bảng tuần hoàn hóa học		
	2.1 Thành phần cấu tạo của nguyên tử 2.2 Những mẫu nguyên tử cổ điển 2.3 Những tiên đề của cơ học lượng tử hay đặc tính của hạt vi mô 2.4 Khái niệm cơ bản về cơ học lượng tử 2.5 Nguyên tử hydro 2.6 Quy luật phân bố các electron trong nguyên tử 2.7 Hệ thống tuần hoàn các nguyên tố hóa học	[1]. Trang 5-23	CO1, CO5, CO6
2	Chương 3: Liên kết hóa học và cấu tạo phân tử		
	3.1 Một số đại lượng có liên quan đến liên kết 3.2 Những thuyết cổ điển về liên kết 3.3 Thuyết liên kết hóa trị 3.4 Thuyết orbital phân tử 3.5 Sự phân cực của phân tử	[1]. Trang 24-42	CO1, CO5, CO6
3	Chương 4: Phức chất		
	4.1 Định nghĩa và các thành phần của phức chất		CO1, CO5, CO6

	4.2 Cách gọi tên phức chất 4.3 Phân loại phức chất 4.4 Bản chất của liên kết trong phức chất	[1]. Trang 46-57	
4	Chương 5: Nhiệt động hóa học		
	5.1 Một số khái niệm và định nghĩa 5.2 Nguyên lý thứ nhất của nhiệt động lực học 5.3 Nhiệt hóa học 5.4 Nguyên lý thứ II của nhiệt động lực học	[1]. Trang 58-75	CO1, CO5, CO6
5	Chương 6: Động hóa học và cân bằng hóa học		
	6.1 Một số khái niệm 6.2 Ảnh hưởng của nồng độ đến tốc độ phản ứng 6.3 Ảnh hưởng của nhiệt độ đến tốc độ phản ứng 6.4 Ảnh hưởng của xúc tác đến tốc độ phản ứng 6.5 Cân bằng phản ứng	[1]. Trang 76-91	CO1, CO5, CO6
6,7	Chương 7: Dung dịch		
	7.1 Định nghĩa và phân loại dung dịch 7.2 Nồng độ dung dịch 7.3 Áp suất thẩm thấu của dung dịch 7.4 Nhiệt độ sôi và nhiệt độ đông đặc của dung dịch 7.5 Một số khái niệm và đại lượng về dung dịch chất điện ly 7.6 Acid và base 7.7 Sự điện ly của các acid hay base yếu nhiều nấc 7.8 Sự điện ly của các acid amine 7.9 pH của dung dịch muối 7.10 Dung dịch đệm 7.11 Dung dịch điện ly của các chất ít tan, tích số tan	[1]. Trang 92-120	CO1, CO5, CO6
8	Chương 8: Các nguyên tố kim loại khối s, p		
	8.1 Kim loại nhóm IA – Kim loại kiềm 8.2 Kim loại nhóm IIA – Kim loại kiềm thổ 8.3 Nguyên tố kim loại nhóm IIIA 8.4 Nguyên tố kim loại nhóm IVA	[1] Trang 121-150	CO3, CO4, CO6, CO9
9	Chương 9: Các nguyên tố kim loại khối d		

	<p>9.1 Khái quát về kim loại chuyển tiếp</p> <p>9.2 Kim loại nhóm VIIIB họ sắt: Fe; Co; Ni</p> <p>9.3 Kim loại nhóm IB</p> <p>9.4 Kim loại nhóm IIB</p> <p>9.5 Kim loại nhóm VIB – Nhóm Crom: Cr; Mo; W</p> <p>9.6 Kim loại nhóm VIIB – Nhóm Mangan</p>	[1]. Trang 151-194	CO3, CO4, CO6, CO9
10	Chương 10: Các nguyên tố phi kim		
	<p>10.1 Hydro – Nước</p> <p>10.2 Các nguyên tố phi kim nhóm VIIA</p> <p>10.3 Các nguyên tố phi kim nhóm VIA</p> <p>10.4 Các nguyên tố phi kim nhóm VA</p> <p>10.5 Các nguyên tố phi kim nhóm IVA</p>	[1] Trang 195-228	CO3, CO4, CO6, CO9

12. Yêu cầu của giảng viên đối với học phần

- Phòng học có bảng lớn, máy chiếu, phấn, micrô, máy chiếu và loa.

TRƯỞNG KHOA

(Ký và ghi rõ họ tên)



TS.BSCKII. THÁI VIẾT TẶNG

TRƯỞNG BỘ MÔN

(Ký và ghi rõ họ tên)



Lê Văn Ril

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

Tên học phần: **THỰC HÀNH HÓA ĐẠI CƯƠNG - VÔ CƠ**
(Experimental General and Inorganic Chemistry)

Mã học phần: 0102000277

1. Thông tin về học phần

Số tín chỉ: 1

- Thực hành: 1 Tổng số tiết quy chuẩn: 30

Phân bổ thời gian:

Tổng thời gian học của sinh viên	Giờ trên lớp				Tổng thời gian học trên lớp và tự học
L = Lý thuyết T = Bài tập P = Thực hành O = Thảo luận/seminar	L	T	P	O	
	0	0	30	0	30 + 60 = 90

Loại học phần: Bắt buộc

Học phần tiên quyết: Không

Học phần học trước: Không

Học phần học song hành: Không

Ngôn ngữ giảng dạy: Tiếng Việt □

2. Đơn vị phụ trách (giảng viên phụ trách): Bộ môn Hóa cơ bản, Khoa Y, Trường Đại học Nam Cần Thơ.

3. Mục tiêu của học phần (kí hiệu MT):

* Về kiến thức

MT1: Giúp sinh viên có kiến thức về hóa học thực nghiệm, củng cố và phát triển kiến thức lý thuyết. Phương pháp nghiên cứu và ứng dụng lý thuyết trong thực hành hóa học.

MT2: Trang bị cho sinh viên hiểu rõ cơ sở lý thuyết các phản ứng hoá đại cương, hóa vô cơ thông qua các bài thực hành, từ đó có thể giải thích các vấn đề thực tiễn trong hoá học.

MT3: Sử dụng thành thạo các dụng cụ, thiết bị thí nghiệm, cách pha chế hóa chất, kỹ thuật an toàn phòng thí nghiệm, tìm hiểu về các thiết bị mới, nâng cao nhận thức của bản thân qua các thí nghiệm hóa học.

* Về kỹ năng

MT4: Rèn luyện cho sinh viên những kỹ năng tìm kiếm và nghiên cứu tài liệu học phần Thực hành hóa học, kỹ năng vận dụng lý thuyết và thực hành vào nghiên cứu khoa học, thực tiễn và khái quát hóa được kiến thức để áp dụng vào nghề nghiệp liên quan đến hóa học.

MT5: Rèn luyện cho sinh viên những kỹ năng cơ bản về việc sử dụng các dụng cụ thí nghiệm, cách pha chế hóa chất và sử dụng hóa chất một cách an toàn, kỹ năng viết báo cáo kết quả thực nghiệm khoa học, phân tích, xử lý kết quả khi thực tập.

MT6: Rèn luyện cho sinh viên khả năng nghiên cứu các vấn đề liên quan giữa lý thuyết và thực hành kiểm tra các phản ứng hóa học vô cơ đã học nhằm phục vụ cho nghề nghiệp sau này.

*** Về năng lực tự chủ và trách nhiệm**

MT7: Tuân thủ quy định an toàn thí nghiệm, an toàn hóa chất, xử lý hóa chất nhằm hạn chế gây ô nhiễm môi trường sống và giáo dục sinh viên vấn đề môi trường sống xung quanh.

MT8: Có khả năng làm việc độc lập, hỗ trợ nhau trong quá trình làm việc nhóm trong giờ thực hành. Rèn luyện tính chính xác, tỉ mỉ, trung thực, khách quan.

MT9: Nhận thức được tầm quan trọng của việc vận dụng các kiến thức cơ bản hóa học cần thiết để sinh viên có thể học tiếp những môn học cơ sở liên quan đến chuyên ngành Dược và Y đa khoa.

4. Mức đóng góp của học phần cho chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo

Học phần đóng góp cho chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo (PO) theo mức độ sau:

0 = Không đóng góp; 1 = Mức thấp; 2 = Mức trung bình; 3 = Mức cao

Mã HP	Tên HP	Mức độ đóng góp của học phần cho CĐR của CTĐT										
		PO1	PO2	PO3	PO4	PO5	PO6	PO7	PO8	PO9	PO10	PO11
0102000277	Thực hành Hóa đại cương - Vô cơ	0	0	0	1	0	2	2	1	0	1	1
		PO12	PO13	PO14	PO15	PO16	PO17					
		1	1	0	0	2	1					

5. Chuẩn đầu ra của học phần (CO)

Mục tiêu HP	CĐR của HP	Nội dung CĐR của học phần Hoàn thành học phần này, sinh viên đạt được:	CĐR của CTĐT
Kiến thức			

MT1 MT2	CO1	Lập kế hoạch, chuẩn bị cho một thí nghiệm	PO4, PO6
MT3	CO2	Giải thích được các thao tác thực hiện trong các bài thực hành	PO4, PO6
Kỹ năng			
MT4 MT5	CO3	Phân tích kết quả thí nghiệm	PO7, PO8, PO10, PO11, PO12, PO13
MT4 MT5	CO4	Xử lý được số liệu, kết quả thí nghiệm	PO7, PO8, PO10, PO11, PO12, PO13
MT4 MT5	CO5	Giải thích được số liệu, kết quả thí nghiệm	PO7, PO8, PO10, PO11, PO12, PO13
MT4 MT5	CO6	Làm việc nhóm hiệu quả	PO2, PO3, PO4, PO5, PO12
MT6	CO7	Phát triển năng lực phân tích, tổng hợp, so sánh và hình thành tư duy phản biện	PO7, PO8, PO10, PO11, PO12, PO13
Năng lực tự chủ và trách nhiệm			
MT7	CO8	Tuân thủ đúng các quy định an toàn và có ý thức bảo vệ môi trường	PO16, PO17
MT8	CO9	Xử lý kết quả và hoàn thành bài báo cáo thí nghiệm đúng thời gian qui định	PO16, PO17
MT9	CO10	Có tác phong và cách thức làm việc chuẩn mực	PO16, PO17

6. Nội dung tóm tắt của học phần

Nội dung của học phần góp phần củng cố, minh họa các kiến thức Hóa đại cương, Hóa vô cơ đã học thông qua các bài thí nghiệm. Bên cạnh đó, nội dung của học phần giúp cho sinh viên nắm vững các thao tác, kỹ thuật cơ bản trong thí nghiệm hóa học, cách sử dụng một số dụng cụ thí nghiệm và an toàn trong thí nghiệm. Tạo nền tảng để sinh viên học tốt các môn cơ sở ngành và chuyên ngành liên quan đến khối ngành sức khỏe.

7. Phương pháp, hình thức tổ chức dạy học

Phương pháp, hình thức tổ chức dạy học	Mục đích	CDR của HP đạt được
Thuyết trình	Cung cấp cho sinh viên hệ thống kiến thức nền tảng của môn học một cách khoa học, logic.	CO1, CO2, CO3, CO4, CO5, CO6, CO7
Thảo luận	Thông qua việc hỏi đáp giữa giảng viên và sinh viên để	CO1, CO2, CO3, CO4, CO5, CO6, CO7

	làm rõ các nội dung kiến thức trong môn học.	
Thí nghiệm	Giúp sinh viên nắm vững các thao tác, kỹ thuật cơ bản trong thí nghiệm hóa học	CO5, CO6, CO7
Trực quan	Giúp sinh viên có thái độ nghiêm túc, hứng thú trong học tập.	CO5, CO6, CO7
Nghiên cứu bài học, đọc tài liệu tham khảo	Giúp sinh viên tăng cường năng lực tự học, tự nghiên cứu.	CO8, CO9

8. Phương pháp, hình thức tổ chức sinh viên tự học

STT	Tên bài/Nội dung cụ thể	Phương pháp tự học	Tài liệu tham khảo
4	Bài 1: Dụng cụ và kỹ thuật thực nghiệm cơ bản trong phòng thí nghiệm. Tốc độ phản ứng và cân bằng hoá học Bài 2: Dung dịch điện ly – Dung dịch đệm Bài 3: Chuẩn độ dung dịch Bài 4: Các nguyên tố kim loại nhóm A Bài 5: Các nguyên tố kim loại nhóm B Bài 6: Các nguyên tố phi kim	Học nhóm. Chia làm 6 nhóm, mỗi nhóm sẽ tìm hiểu về một bài trong nội dung thực hành.	Bộ môn Hóa <input type="checkbox"/> Khoa Y <input type="checkbox"/> Trường Đại học Nam Cần Thơ (2022), <i>Bài giảng Thực hành Hóa đại cương – Vô cơ</i>

9. Nhiệm vụ của sinh viên

- Dự lớp: đọc trước bài giảng, giáo trình, phát hiện vấn đề, nghe giảng, nêu các câu hỏi và tham gia thảo luận về các vấn đề do giáo viên và sinh viên khác đặt ra.
- Bài tập: chuẩn bị bài tập, phát hiện vấn đề, tham gia giải và sửa bài tập trên lớp, học nhóm.
- Nghiên cứu: đọc tài liệu tham khảo, tham gia làm việc nhóm, trình bày – báo cáo.
- Thực hành: thuộc quy trình kỹ thuật trước khi thực hành (theo bảng kiểm thực hành), có thái độ nghiêm túc trong học tập, biết cách học tập, làm việc theo nhóm.
- Thực hiện đúng quy trình kỹ thuật một thủ thuật ít nhất 2 - 3 lần trong một buổi thực hành (kỹ thuật rửa dụng cụ, đun nóng, cân hóa chất, pha chế các dung dịch acid, base, muối, lấy hóa chất,...).
- Tìm kiếm, tham khảo các tài liệu do giảng viên hướng dẫn.
- Tự học, tự nghiên cứu ở nhà những vấn đề đã được nghe giảng tại lớp.

10. Đánh giá kết quả học tập của sinh viên (thang điểm 10)

TT	Hình thức	Trọng số (%)	Tiêu chí đánh giá	Điểm tối đa
Thực hành				
1	Chuyên cần (ý thức, tác phong...)	20	- Tuân thủ các quy định, nội quy và thực tập nghiêm túc trong giờ thực hành. - Tham dự buổi học bắt buộc là 100%	10
2	Bài báo cáo tại lớp	30	- Nộp bài báo cáo của từng bài thực hành	10
3	Kiểm tra	50	- Làm bài kiểm tra tự luận (thao tác, kỹ năng thực hành,...)	10

11. Rubric đánh giá môn học

STT	Chuẩn đầu ra học phần	Nội dung đánh giá	Không đạt (<4.0)	Trung bình yếu/Trung bình khá (4.0-6.99)	Khá (7.0-7.99)	Giỏi/Xuất sắc (8.0-10.0)	Điểm tối đa (thang điểm)
1	CO1, CO2, CO3, CO4	Kiến thức	<p>Chưa có kiến thức về hóa học thực nghiệm, củng cố và phát triển kiến thức lý thuyết. Phương pháp nghiên cứu và ứng dụng lý thuyết trong thực hành hóa học.</p> <p>Chưa hiểu rõ cơ sở lý thuyết các phản ứng hoá đại cương, hóa vô cơ thông qua các bài thực hành, từ đó có thể giải thích các vấn đề thực tiễn trong hoá học.</p> <p>Chưa sử dụng thành thạo các dụng cụ, thiết bị thí nghiệm, cách pha chế hóa chất, kỹ thuật an toàn phòng thí nghiệm, tìm hiểu về các thiết bị mới, nâng cao nhận thức của bản thân qua các thí nghiệm hóa học.</p>	<p>Có kiến thức về hóa học thực nghiệm, củng cố và phát triển kiến thức lý thuyết. Phương pháp nghiên cứu và ứng dụng lý thuyết trong thực hành hóa học.</p> <p>Chưa hiểu rõ cơ sở lý thuyết các phản ứng hoá đại cương, hóa vô cơ thông qua các bài thực hành, từ đó có thể giải thích các vấn đề thực tiễn trong hoá học.</p>	<p>Có kiến thức về hóa học thực nghiệm, củng cố và phát triển kiến thức lý thuyết. Phương pháp nghiên cứu và ứng dụng lý thuyết trong thực hành hóa học.</p> <p>Hiểu rõ cơ sở lý thuyết các phản ứng hoá đại cương, hóa vô cơ thông qua các bài thực hành, từ đó có thể giải thích các vấn đề thực tiễn trong hoá học.</p>	<p>Có kiến thức về hóa học thực nghiệm, củng cố và phát triển kiến thức lý thuyết. Phương pháp nghiên cứu và ứng dụng lý thuyết trong thực hành hóa học.</p> <p>Hiểu rõ cơ sở lý thuyết các phản ứng hoá đại cương, hóa vô cơ thông qua các bài thực hành, từ đó có thể giải thích các vấn đề thực tiễn trong hoá học.</p> <p>Sử dụng thành thạo các dụng cụ, thiết bị thí nghiệm, cách pha chế hóa chất, kỹ thuật an toàn phòng thí nghiệm, tìm hiểu về các thiết bị mới, nâng cao nhận thức của bản thân qua các thí nghiệm hóa học. Mendeleev.</p>	1

	CO5, CO6, CO7	Kỹ năng	<p>Chưa có kỹ năng tìm kiếm và nghiên cứu tài liệu học phần Thực hành hóa học, kỹ năng vận dụng lý thuyết và thực hành vào nghiên cứu khoa học, thực tiễn và khái quát hóa được kiến thức để áp dụng vào nghề nghiệp liên quan đến hóa học.</p>	<p>Có kỹ năng tìm kiếm và nghiên cứu tài liệu học phần Thực hành hóa học, kỹ năng vận dụng lý thuyết và thực hành vào nghiên cứu khoa học, thực tiễn và khái quát hóa được kiến thức để áp dụng vào nghề nghiệp liên quan đến hóa học.</p> <p>Có kỹ năng cơ bản về việc sử dụng các dụng cụ thí nghiệm, cách pha chế hóa chất và sử dụng hóa chất một cách an toàn.</p>	<p>Có kỹ năng tìm kiếm và nghiên cứu tài liệu học phần Thực hành hóa học, kỹ năng vận dụng lý thuyết và thực hành vào nghiên cứu khoa học, thực tiễn và khái quát hóa được kiến thức để áp dụng vào nghề nghiệp liên quan đến hóa học.</p> <p>Có kỹ năng cơ bản về việc sử dụng các dụng cụ thí nghiệm, cách pha chế hóa chất và sử dụng hóa chất một cách an toàn, kỹ năng viết báo cáo kết quả thực nghiệm khoa học, phân tích, xử lý kết quả khi thực tập.</p>	<p>Có kỹ năng tìm kiếm và nghiên cứu tài liệu học phần Thực hành hóa học, kỹ năng vận dụng lý thuyết và thực hành vào nghiên cứu khoa học, thực tiễn và khái quát hóa được kiến thức để áp dụng vào nghề nghiệp liên quan đến hóa học.</p> <p>Có kỹ năng cơ bản về việc sử dụng các dụng cụ thí nghiệm, cách pha chế hóa chất và sử dụng hóa chất một cách an toàn, kỹ năng viết báo cáo kết quả thực nghiệm khoa học, phân tích, xử lý kết quả khi thực tập.</p> <p>Có khả năng nghiên cứu các vấn đề liên quan giữa lý thuyết và thực hành kiểm tra các phản ứng hóa học đã học nhằm phục vụ cho nghề nghiệp sau này</p>
	CO8, CO9	Năng lực tự chủ, tự chịu trách nhiệm	<p>· Thái độ học tập thiếu nghiêm túc, cầu thả, sai sót. Không có khả năng tự tìm hiểu tài liệu, tự nghiên cứu và giải quyết các vấn đề phát sinh. Không có tinh thần làm việc nhóm, hỗ trợ giúp đỡ nhau trong học tập, ý lại, gây mất đoàn kết. Thụ động trong công việc. Không nhận thức được tầm quan trọng của các kiến thức cơ bản liên quan đến ngành học</p>	<p>· Thái độ làm việc nghiêm túc, còn một số sai sót nhỏ, có thể khắc phục sau khi được hướng dẫn. Có khả năng tự tìm hiểu tài liệu tự nghiên cứu và giải quyết các vấn đề phát sinh. Có tinh thần làm việc nhóm, hỗ trợ, giúp đỡ nhau. Biết phân chia, sắp xếp công việc theo sự phân công, hỗ trợ giúp đỡ</p>	<p>Thái độ làm việc nghiêm túc, cẩn thận, sai sót được hạn chế. Có khả năng tự tìm hiểu tài liệu tự nghiên cứu và giải quyết các vấn đề phát sinh. Có tinh thần làm việc nhóm, hỗ trợ, giúp đỡ nhau.</p>	<p>· Thái độ làm việc nghiêm túc, cẩn thận, sai sót được hạn chế, có thể tự khắc phục sai sót. Có tinh thần làm việc nhóm, hỗ trợ, giúp đỡ nhau. nhân viên hướng dẫn và bạn bè. Có sáng kiến cải tiến công việc. Nhận thức được tầm quan trọng của các kiến thức cơ bản liên quan đến ngành học</p>

				nhau trong giờ học lý thuyết và thực hành		
--	--	--	--	---	--	--

12. Học liệu

12.1. Tài liệu học tập

[1] Bộ môn Hóa cơ bản □ Khoa Y □ Trường Đại học Nam Cần Thơ (2022), *Bài giảng Thực hành Hóa đại cương-Vô cơ*.

12.2. Tài liệu tham khảo

[2] Nguyễn Văn Đạt, Mai Việt Sanh – Võ Hồng Thái – Ngô Kim Liên (2019), *Thực hành Hóa đại cương*, Nhà xuất bản Đại học Cần Thơ.

[3] TS. Hồ Văn Thành, TS. Đặng Thị Quỳnh Lan (2016), *Giáo Trình Thực Hành Hóa Vô Cơ*, Nhà xuất bản Đại học Quốc gia TP. Hồ Chí Minh.

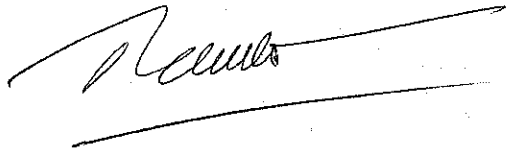
13. Nội dung chi tiết học phần

Tuần	Nội dung	Tài liệu	CDR của HP
1	Bài 1: Dụng cụ và kỹ thuật thực nghiệm cơ bản trong phòng thí nghiệm. Tốc độ phản ứng và cân bằng hoá học	[2] Trang 18-23	CO6, CO7, CO8, CO9
2	Bài 2: Chuẩn độ dung dịch	[2] Trang 24-27	CO6, CO7, CO8, CO9
3	Bài 3: Dung dịch điện ly, pH và dung dịch đệm	[2] Trang 28-31	CO6, CO7, CO8, CO9
4	Bài 4: Kim loại phân nhóm A	[2] Trang 32-35	CO6, CO7, CO8, CO9
5	Bài 5: Kim loại phân nhóm B	[2] Trang 36-38	CO6, CO7, CO8, CO9
6	Bài 6: Phi kim và phức chất	[2] Trang 39-43	CO6, CO7, CO8, CO9

12. Yêu cầu của giảng viên đối với học phần

--Phòng học có bảng lớn, máy chiếu, phấn, micrô, máy chiếu và loa.

TRƯỞNG KHOA
(Ký và ghi rõ họ tên)



TS.BSCKII. THÁI VIẾT TĂNG

TRƯỞNG BỘ MÔN
(Ký và ghi rõ họ tên)



Lê Văn Rìl

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

1: Thông tin về học phần

Tên học phần: Sinh học đại cương

Mã học phần: 0102000892

Số tín chỉ: 2

Tổng số tiết quy chuẩn: 30

Phân bổ thời gian:

Tổng thời gian học của sinh viên	Giờ trên lớp				Tổng thời gian học trên lớp và tự học
L = Lý thuyết T = Bài tập P = Thực hành O = Thảo luận/seminar	L	T	P	O	
	25	0	0	5	30 + 60 = 90

Loại học phần: Bắt buộc

Học phần tiên quyết: Không

Học phần học trước: Không

Học phần học song hành: Không

Ngôn ngữ giảng dạy: Tiếng Việt Tiếng Anh:

Đơn vị phụ trách: Bộ môn Sinh học

2. Thông tin giảng viên: GV bộ môn Sinh học

3. Mục tiêu của học phần (kí hiệu MT):

* Về kiến thức

MT1: Mô tả thành phần của tế bào, sự trao đổi chất và năng lượng.

MT2: Giải thích được sự di truyền và biến dị, nguồn gốc sự sống và đa dạng sinh học.

MT3: Trình bày được những kiến thức cơ bản về ADN, ARN, sao chép ADN, phiên mã và mã di truyền, hoạt động gen, đột biến gen.

MT4: Mô tả được sinh tổng hợp Protein.

MT5: Nêu được các phương pháp phân tích ADN

• Về năng lực tự chủ và trách nhiệm

MT5: Có khả năng làm việc độc lập và làm việc nhóm, có đạo đức nghề nghiệp và có khả năng sáng tạo trong công việc.

MT6: Tích cực trong việc học tập, tỉ mỉ, cẩn thận trong thực hành thao tác, tự nghiên cứu.

4. Mức đóng góp của học phần cho chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo

Học phần đóng góp cho chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo (PO) theo mức độ sau:

0 = Không đóng góp; 1 = Mức thấp; 2 = Mức trung bình; 3 = Mức cao

Mã HP	Tên HP	Mức độ đóng góp của học phần cho CĐR của CTĐT								
		PO1	PO2	PO3	PO4	PO5	PO6	PO7	PO8	PO9
0102000892	Sinh học đại cương	0	0	0	1	0	1	1	1	1
		PO10	PO11	PO12	PO13	PO14	PO15	PO16	PO17	
		1	1	1	1	1	1	1	1	

5. Chuẩn đầu ra của học phần (CO)

Mục tiêu HP	CĐR của HP	Nội dung CĐR của học phần Hoàn thành học phần này, sinh viên đạt được:	CĐR của CTĐT
Kiến thức			
MT1	CO1	Mô tả thành phần của tế bào, sự trao đổi chất và năng lượng	PO4, PO6, PO7, PO8, PO9, PO10, PO11, PO12, PO13, PO14
MT2	CO2	Giải thích được sự di truyền và biến dị, nguồn gốc sự sống và đa dạng sinh học.	PO4, PO6, PO7, PO8, PO9, PO10, PO11, PO12, PO13, PO14
MT3	CO3	Trình bày được những kiến thức cơ bản về ADN, ARN, sao chép ADN, phiên mã và mã di truyền, hoạt động gen, đột biến gen	PO4, PO5, PO6
MT4	CO4	Mô tả được sinh tổng hợp Protein	PO4, PO6, PO7, PO8, PO9, PO10, PO11, PO12, PO13, PO14
MT5	CO5	Nêu được các phương pháp phân tích ADN	PO4, PO6, PO7, PO8, PO9, PO10,

Mục tiêu HP	CĐR của HP	Nội dung CĐR của học phần Hoàn thành học phần này, sinh viên đạt được:	CĐR của CTĐT
			PO11, PO12,PO13,PO14
Năng lực tự chủ và trách nhiệm			
MT8 MT9	CO6	Có khả năng làm việc độc lập và làm việc nhóm, có đạo đức nghề nghiệp và có khả năng sáng tạo trong công việc. Tích cực trong việc học tập, tỉ mỉ, cẩn thận trong thực hành thao tác, tự nghiên cứu	PO15,PO16, PO17

6. Nội dung tóm tắt của học phần

Học phần này trình bày về cấu trúc, hoạt động của tế bào sơ hạch và chân hạch, cơ sở vật chất di truyền cấp độ phân tử, cơ chế sự tự nhân đôi, phiên mã, tổng hợp protein, cơ chế điều hòa hoạt động của gen, đột biến gen và các phương pháp phân tích ADN.

7. Phương pháp, hình thức tổ chức dạy học

Phương pháp, hình thức tổ chức dạy học	Mục đích	CĐR của HP đạt được
Thuyết trình	Cung cấp cho sinh viên hệ thống kiến thức nền tảng của môn học một cách khoa học, logic.	CO1, CO2, CO3, CO4, CO5
Thảo luận	Thông qua việc hỏi đáp giữa giáo viên và sinh viên để làm rõ các nội dung kiến thức trong môn học.	CO1, CO2, CO3, CO4, CO5
Nghiên cứu bài học, đọc tài liệu tham khảo	Giúp người học tăng cường năng lực tự học, tự nghiên cứu.	CO7

8. Nhiệm vụ của sinh viên

- Dự lớp: đọc trước giáo trình, phát hiện vấn đề, nghe giảng, nêu các câu hỏi và tham gia thảo luận về các vấn đề do giáo viên và sinh viên khác đặt ra.
- Nghiên cứu: đọc tài liệu tham khảo, tham gia thuyết trình.
- Thảo luận tổ hoặc thuyết trình tại lớp do giảng viên phân công.
- Thực hành để củng cố kiến thức (lý thuyết) đã được học.
- Tham khảo các tài liệu do giảng viên hướng dẫn.
- Tự học, tự nghiên cứu ở nhà những vấn đề đã được nghe giảng tại lớp.

9. Đánh giá kết quả học tập của sinh viên (thang điểm 10)

T T	Hình thức	Trọng số (%)	Tiêu chí đánh giá	CĐR của HP	Điểm tối đa
1	Chuyên cần	10	- Tính chủ động, mức độ tích cực chuẩn bị bài và tham gia các hoạt động trong giờ học - Thời gian tham dự buổi học bắt buộc	CO1, CO2, CO3, CO4, CO5, CO6	5 5
3	Bài kiểm tra định kỳ	25	Theo đáp án, thang điểm của giảng viên	CO1, CO2, CO3, CO4, CO5, CO6	10
4	Thi kết thúc HP	50	Theo đáp án, thang điểm của giảng viên	CO1, CO2, CO3, CO4, CO5, CO6	10

10. Học liệu

10.1. Tài liệu học tập

10.1. Tài liệu học tập

[1] Nguyễn Thị Hồng Nhung (chủ biên); Lê Nguyễn Uyên Chi, Trần Khánh Linh,...(biên soạn) (2017), Sinh học tế bào và di truyền học : Giáo trình giảng dạy đại học, NXB Y học

10.2. Tài liệu tham khảo

[2] Nguyễn Văn Thanh (chủ biên); Trần Cát Đông, Huỳnh Thị Ngọc Lan,...(biên soạn) (2014), Sinh học phân tử (dùng cho đào tạo dược sĩ đại học), Giáo dục.

[3] Trịnh Văn Bảo, Trần Thị Thanh Hương (2016), Di truyền y học: Dùng cho đào tạo cho bác sĩ đa khoa, NXB Giáo Dục

11. Nội dung chi tiết học phần

Tuần	Nội dung	Số tiết	Tài liệu	CĐR của HP
1	1. Cấu trúc tế bào	3		
	1. Các bào quan tế bào 2. Cấu trúc tế bào prokaryota 3. Cấu trúc tế bào eukaryota		[1]	CO1, CO2, CO3, CO4, CO5, CO7
2	2. Sự vận chuyển vật chất qua màng	3		
	1. Tính thấm của màng phospholipid		[1]	CO1, CO2, CO3, CO4,

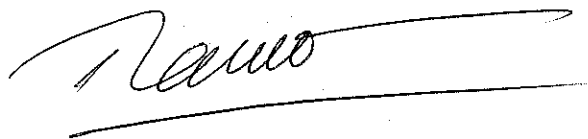
	2. Các hình thức vận chuyển vật chất qua màng tế bào			CO5, CO7
3	3. Sự trao đổi chất và năng lượng	3		
	1.Năng lượng sinh học 2.Sự trao đổi chất trong tế bào 3. Sự hô hấp tế bào 4. Sự quang hợp		[1]	CO1, CO2, CO3, CO4, CO5, CO7
4	4. Sự phân chia tế bào	3		
	1. Chu trình tế bào 2. Sự nguyên phân 3. Sự giảm phân		[1]	CO1, CO2, CO3, CO4, CO5, CO7
5	5. Sao chép ADN <i>Kiểm tra giữa kỳ</i>	3		
	1.Quá trình sao chép ADN ở E.coli 2. Sự sao chép ADN ở tế bào nhân thật 3.Sửa sai khi sao chép		[1]	CO1, CO2, CO3, CO4, CO5, CO7
6	6. Các loại ARN Sự phiên mã và mã di truyền	3		
	1. Cấu trúc và chức năng từng loại ARN 2. Sự phiên mã ở tế bào nhân sơ 3. Sự phiên mã ở tế bào nhân thật 4. Mã di truyền		[1]	CO1, CO2, CO3, CO4, CO5, CO7
7	7. Sinh tổng hợp protein	3		
	1.Quá trình dịch mã ở tế bào nhân sơ và nhân thật 2. Sự chính xác quá trình dịch mã 3. Các yếu tố ức chế sự dịch mã		[1]	CO1, CO2, CO3, CO4, CO5, CO7
8	8. Điều hòa hoạt động của gen	3		
	1. Điều hòa quá trình sao chép.		[1]	CO1, CO2, CO3, CO4,

	2. Điều hòa quá trình phiên mã. 3. Điều hòa quá trình dịch mã.			CO5, CO7
9	9. Đột biến gen	3		
	1. Các loại đột biến, nguyên nhân gây đột biến 2. Cơ chế chống đột biến 3. Các tình trạng đột biến và protein đột biến		[1]	CO1, CO2, CO3, CO4, CO5, CO7
10	10. Các phương pháp phân tích ADN	3		
	<i>Ôn tập</i>			
	1. Chiết tách ADN 2. Các phương pháp định lượng ADN 3. Kỹ thuật cắt, nối, lai và ứng dụng. 4. PCR		[1]	CO1, CO2, CO3, CO4, CO5, CO7

12. Cơ sở và thiết bị

- Phòng học có bảng lớn, máy chiếu
- Phương tiện: tăng âm

TRƯỞNG KHOA
(ký tên)



TS. BSKII. THÁI VIẾT TĂNG

TRƯỞNG BỘ MÔN
(ký tên)



Nguyễn Huỳnh Anh D. Kiên

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

Tên học phần: Sinh học đại cương-Thực hành

Mã học phần: 0102000957

1. Thông tin về học phần

Số tín chỉ: 1

Tổng số tiết quy chuẩn: 30

Phân bố thời gian:

Tổng thời gian học của sinh viên	Giờ trên lớp				Tổng thời gian học trên lớp và tự học
L = Lý thuyết T = Bài tập P = Thực hành O = Thảo luận/seminar	L	T	P	O	
	0	0	30	0	30 + 60 = 90

Loại học phần: Bắt buộc

Học phần tiên quyết: Không

Học phần học trước: Không

Học phần học song hành: Không

Ngôn ngữ giảng dạy: Tiếng Việt Tiếng Anh:

Đơn vị phụ trách: Bộ môn Sinh học

2. Thông tin giảng viên : GV bộ môn Sinh học

3. Mục tiêu của học phần (kí hiệu MT):

* Về kiến thức

MT1: Mô tả thành phần của tế bào, sự trao đổi chất và năng lượng.

MT2: Giải thích được sự di truyền và biến dị, nguồn gốc sự sống và đa dạng sinh học.

MT3: Trình bày được những kiến thức cơ bản về ADN, ARN, sao chép ADN, phiên mã và mã di truyền, hoạt động gen, đột biến gen.

MT4: Mô tả được sinh tổng hợp Protein.

MT5: Nêu được các phương pháp phân tích ADN

● Về kỹ năng

MT6: Thực hành sử dụng kính hiển vi và cách làm tiêu bản hiển vi.

MT7: Quan sát hình dạng và cấu trúc của tế bào, sự sinh sản của tế bào, sự vận chuyển các chất qua màng tế bào, hiện tượng ưu trương, nhược trương.

● **Về năng lực tự chủ và trách nhiệm**

MT8: Có khả năng làm việc độc lập và làm việc nhóm, có đạo đức nghề nghiệp và có khả năng sáng tạo trong công việc.

MT9: Tích cực trong việc học tập, tỉ mỉ, cẩn thận trong thực hành thao tác, tự nghiên cứu.

4. Mức đóng góp của học phần cho chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo

Học phần đóng góp cho chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo (PO) theo mức độ sau:

0 = Không đóng góp; 1 = Mức thấp; 2 = Mức trung bình; 3 = Mức cao

Mã HP	Tên HP	Mức độ đóng góp của học phần cho CĐR của CTĐT								
		PO1	PO2	PO3	PO4	PO5	PO6	PO7	PO8	PO9
01020 00957	Sinh học đại cương-TH	0	0	0	1	0	1	1	1	1
		PO10	PO11	PO12	PO13	PO14	PO15	PO16	PO17	
		1	1	1	1	1	1	1	1	

5. Chuẩn đầu ra của học phần (CO)

Mục tiêu HP	CĐR của HP	Nội dung CĐR của học phần Hoàn thành học phần này, sinh viên đạt được:	CĐR của CTĐT
Kiến thức			
MT1	CO1	Mô tả thành phần của tế bào, sự trao đổi chất và năng lượng	PO4, PO5, PO6
MT2	CO2	Giải thích được sự di truyền và biến dị, nguồn gốc sự sống và đa dạng sinh học.	PO4, PO5, PO6
MT3	CO3	Trình bày được những kiến thức cơ bản về ADN, ARN, sao chép ADN, phiên mã và mã di truyền, hoạt động gen, đột biến gen	PO4, PO5, PO6
MT4	CO4	Mô tả được sinh tổng hợp Protein	PO4, PO5, PO6
MT5	CO5	Nêu được các phương pháp phân tích ADN	PO4, PO5, PO6
Kỹ năng			

MT6 MT7	CO6	Thực hành sử dụng kính hiển vi và cách làm tiêu bản hiển vi Quan sát hình dạng và cấu trúc của tế bào, sự sinh sản của tế bào, sự vận chuyển các chất qua màng tế bào, hiện tượng ưu trương, nhược trương	PO7, PO8, PO9, PO10, PO11, PO12, PO13, PO14
Năng lực tự chủ và trách nhiệm			
MT8 MT9	CO7	Có khả năng làm việc độc lập và làm việc nhóm, có đạo đức nghề nghiệp và có khả năng sáng tạo trong công việc. Tích cực trong việc học tập, tỉ mỉ, cẩn thận trong thực hành thao tác, tự nghiên cứu	PO16, PO17

6. Nội dung tóm tắt của học phần

Học phần này trình bày về cấu trúc, hoạt động của tế bào sơ hạch và chân hạch, cơ sở vật chất di truyền cấp độ phân tử, cơ chế sự tự nhân đôi, phiên mã, tổng hợp protein, cơ chế điều hòa hoạt động của gen, đột biến gen và các phương pháp phân tích ADN.

7. Phương pháp, hình thức tổ chức dạy học

Phương pháp, hình thức tổ chức dạy học	Mục đích	CĐR của HP đạt được
Thảo luận	Thông qua việc hỏi đáp giữa giáo viên và sinh viên để làm rõ các nội dung kiến thức trong môn học.	CO1, CO2, CO3, CO4, CO5
Thực hành	Giúp sinh viên hiểu rõ và biết vận dụng các nội dung môn học vào các vấn đề thực tiễn.	CO6
Nghiên cứu bài học, đọc tài liệu tham khảo	Giúp người học tăng cường năng lực tự học, tự nghiên cứu.	CO7

8. Nhiệm vụ của sinh viên

- Dự lớp: đọc trước giáo trình, phát hiện vấn đề, nghe giảng, nêu các câu hỏi và tham gia thảo luận về các vấn đề do giáo viên và sinh viên khác đặt ra.
- Nghiên cứu: đọc tài liệu tham khảo, tham gia thuyết trình.
- Thảo luận tổ hoặc thuyết trình tại lớp do giảng viên phân công.
- Thực hành để củng cố kiến thức (lý thuyết) đã được học.
- Tham khảo các tài liệu do giảng viên hướng dẫn.
- Tự học, tự nghiên cứu ở nhà những vấn đề đã được nghe giảng tại lớp.

9. Đánh giá kết quả học tập của sinh viên (thang điểm 10)

T T	Hình thức	Trọng số (%)	Tiêu chí đánh giá	CDR của HP	Điểm tối đa
2	Thực hành	100%	Chất lượng sản phẩm giao nộp	CO1 ³⁷	10

10. Học liệu

10.1. Tài liệu học tập

[1] Bộ môn Sinh học – Trường Đại học Nam Cần Thơ (2022), *Giao Trình Sinh học đại cương*.

[2] Bộ môn Sinh học – Trường Đại học Nam Cần Thơ (2022), *Giao Trình thực hành Sinh học đại cương*.

11. Nội dung chi tiết học phần

Tuần	Nội dung	Số tiết	Tài liệu	CDR của HP
1	Bài 1. Cấu tạo kính hiển vi	5	[2]	
	1. Cấu tạo KHV 2. Cách sử dụng KHV 3. Cách làm tiêu bản		[2]	CO1, CO2, CO6, CO7
2	Bài 2. Quan sát tế bào thực vật, động vật	5		
	1. Quan sát tế bào thực vật: tế bào vảy hành tây 2. Quan sát tế bào má miệng 3. Quan sát tế bào hồng cầu máu người		[2]	CO1, CO2, CO6, CO7
3	Bài 3. Quan sát một số bào quan trong tế bào	5		
	1. Quan sát lục lạp trong tế bào rong đuôi chồn 2. Quan sát sắc lạp trong ớt 3. Quan sát tinh bột ở khoai tây 4. Quan sát vô sắc lạp trong tế bào biểu bì của lá rau lang		[2]	CO1, CO2, CO6, CO7
4	Bài 4. Sự trao đổi nước và chất hòa tan ở tế bào thực vật, động vật	5		
	1. Quan sát tế bào thực vật (bông búp) trong môi trường đẳng trương và ưu trương		[2]	CO1, CO2, CO6, CO7

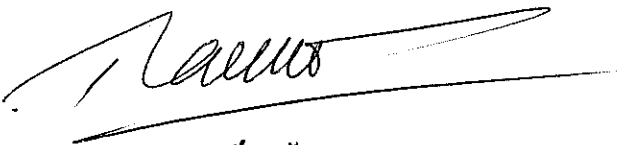
	2. Quan sát tế bào động vật (máu ếch) trong môi trường đẳng trương, ưu trương và nhược trương			
5	Bài 5. Sự nguyên phân	5		
	Quan sát và nhận diện các kỳ trong quá trình nguyên phân		[2]	CO1, CO2, CO6, CO7
6	Bài 6. Sự giảm phân	5		
	Quan sát và nhận diện các kỳ trong quá trình giảm phân (2 lần phân bào)		[2]	CO1, CO2, CO6, CO7

12. Cơ sở và thiết bị

- Phòng học có bảng lớn, máy chiếu, đầy đủ dụng cụ hóa chất, thiết bị theo dự trù
- Phương tiện: tăng âm

Cần Thơ, ngày tháng năm 2022

TRƯỞNG KHOA
(ký tên)



TS. BSKII. THÁI VIẾT TĂNG

TRƯỞNG BỘ MÔN
(ký tên)



Nguyễn Văn Khoa

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

Tên học phần: Hóa Hữu cơ 1 (Organic Chemistry 1)

Mã học phần: 0102000262

1. Thông tin về học phần

Số tín chỉ: 2

- Lý thuyết: 2

Tổng số tiết quy chuẩn: 30

Phân bổ thời gian:

Tổng thời gian học của sinh viên	Giờ trên lớp				Tổng thời gian học trên lớp và tự học
L = Lý thuyết	L	T	P	O	30 + 60 = 90
T = Bài tập					
P = Thực hành	25	5	0	0	
O = Thảo luận/seminar					

Loại học phần: Bắt buộc

Học phần tiên quyết: Hóa đại cương

Học phần học trước: Hóa đại cương, Hóa vô cơ

Học phần học song hành: Không

Ngôn ngữ giảng dạy: Tiếng Việt □

2. Đơn vị phụ trách: Bộ môn Hóa cơ bản, Khoa Y, Trường Đại học Nam Cần Thơ.

3. Mục tiêu của học phần (kí hiệu MT):

* Về kiến thức

MT1: Trang bị cho sinh viên các kiến thức cơ bản về sự hình thành, cấu trúc phân tử hợp chất hữu cơ, các loại phản ứng và cơ chế phản ứng trong hóa học hữu cơ, khái niệm về acid – base trong hóa hữu cơ, mối quan hệ giữa cấu trúc và tính chất của các hợp chất hữu cơ.

MT2: Trang bị cho sinh viên kiến thức cơ bản về các nhóm hợp chất hydrocarbon (hydrocarbon no, hydrocarbon không no, hydrocarbon thơm), các hợp chất hữu cơ có nhóm chức alcol, phenol, ether, hợp chất carbonyl (aldehyde và ketone), hợp chất carboxylic acid, dẫn xuất carboxylic acid và amine.

* Về kỹ năng

MT3: Kỹ năng tìm kiếm tài liệu, tổng hợp, phân tích và đánh giá kiến thức có liên quan thông qua các trang mạng internet, thư viện và các phương tiện khác, sử dụng các phần mềm máy tính ứng dụng trong hóa học hữu cơ.

MT4: Biết liên hệ và vận dụng các kiến thức cơ bản về hóa hữu cơ vào những ngành khoa học khác, đặc biệt giải thích các vấn đề liên quan đến ngành Y-Dược học khi học các môn cơ sở ngành và chuyên ngành như Hóa sinh, Hóa dược, kiểm nghiệm, dược liệu,...

MT5: Kỹ năng làm việc độc lập, cũng như làm việc nhóm, kỹ năng tự học và cập nhật kiến thức chuyên môn thích ứng với yêu cầu của công việc.

*** Về năng lực tự chủ và trách nhiệm**

MT6: Tự giác thực hiện tốt các quy định an toàn nghề nghiệp cho bản thân, cộng đồng, trung thực và có trách nhiệm trong công tác chuyên môn. Có ý thức tự học và nâng cao trình độ.

MT7: Có ý thức bảo vệ, gìn giữ môi trường tự nhiên xung quanh. Nhận thức được tầm quan trọng của việc học và sử dụng Hóa hữu cơ làm nền tảng cho các môn học khác liên quan đến chuyên ngành Dược.

4. Mức đóng góp của học phần cho chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo

Học phần đóng góp cho chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo (PO) theo mức độ sau:

0 = Không đóng góp; 1 = Mức thấp; 2 = Mức trung bình; 3 = Mức cao

Mã HP	Tên HP	Mức độ đóng góp của học phần cho CĐR của CTĐT										
		PO1	PO2	PO3	PO4	PO5	PO6	PO7	PO8	PO9	PO10	PO11
0102000262	Hóa hữu cơ 1	0	0	0	3	3	0	3	0	3	0	2
		PO12	PO13	PO14	PO15	PO16	PO17					
		2	2	0	0	3	3					

5. Chuẩn đầu ra của học phần (CO)

Mục tiêu HP	CĐR của HP	Nội dung CĐR của học phần Hoàn thành học phần này, sinh viên đạt được:	CĐR của CTĐT
Kiến thức			
MT1	CO1	Nắm vững kiến thức cơ bản về sự hình thành, cấu trúc phân tử, các phản ứng và cơ chế trong hóa hữu cơ.	PO4,PO5
MT1	CO2	Nắm vững khái niệm về acid – base, cấu trúc hóa học lập thể ảnh hưởng đến tính chất hợp chất hữu cơ.	PO4,PO5

MT2	CO3	Nêu được đặc điểm cấu tạo, từ đó xác định tính chất vật lý, tính chất hóa học, phương pháp điều chế và ứng dụng của các nhóm hợp chất hữu cơ hydrocarbon.	PO4,PO5
MT2	CO4	Nêu được đặc điểm cấu tạo, từ đó xác định tính chất vật lý, tính chất hóa học, phương pháp điều chế và ứng dụng của các nhóm hợp chất hữu cơ có nhóm chức	PO4,PO5
Kỹ năng			
MT3	CO5	Có khả năng nhận dạng, phân tích và giải quyết các vấn đề trong thực tiễn liên quan đến hóa hữu cơ. Sử dụng công cụ máy tính trong hóa hữu cơ	PO7, PO9, PO11, PO12, PO13
MT4 MT5	CO6	Biết liên hệ và vận dụng các kiến thức cơ bản về hóa hữu cơ vào những ngành khoa học khác, đặc biệt giải thích các vấn đề liên quan đến ngành Y-Dược học.	PO7, PO9, PO11, PO12, PO13
Năng lực tự chủ và trách nhiệm			
MT9	CO7	- Có thái độ nghiêm túc trong học tập; Biết cách học tập, làm việc theo nhóm.	PO16, PO17
MT10	CO8	Nhận thức được tầm quan trọng của việc học và sử dụng Hóa hữu cơ, làm nền tảng cho các môn học khác liên quan đến chuyên ngành Dược.	PO16, PO17.

6. Nội dung tóm tắt của học phần

Học phần Hóa hữu cơ 1 cung cấp cho sinh viên các kiến thức nền tảng về cơ sở lý thuyết Hóa hữu cơ bao gồm cơ sở lý thuyết về hệ thống các loại phản ứng hóa hữu cơ như: sự hình thành, cấu trúc, cấu tạo và bản chất các liên kết trong hợp chất hữu cơ, các loại phản ứng, cơ chế phản ứng, các hiệu ứng điện tử và yếu tố lập thể trong phản ứng hóa hữu cơ. Mối quan hệ giữa cấu trúc và tính chất của hợp chất hữu cơ, khái niệm acid – base và tìm hiểu về các nhóm hợp chất hydrocarbon (alkane, alkene, alkadiene, hydrocarbon thơm), các hợp chất hữu cơ có nhóm chức (alcol, phenol, ether, aldehyde, ketone, carboxylic acid, dẫn xuất carboxylic acid và amine).

7. Phương pháp, hình thức tổ chức dạy học

Phương pháp, hình thức tổ chức dạy học	Mục đích	CDR của HP đạt được
Thuyết trình	Cung cấp cho sinh viên hệ thống kiến thức nền tảng của môn học một cách khoa học, logic.	CO1, CO2, CO3, CO4
Thảo luận	Thông qua việc hỏi đáp giữa giảng viên và sinh viên để làm rõ các nội dung kiến thức trong môn học.	CO1, CO2, CO3, CO4, CO5
Bài tập	Giúp sinh viên hiểu rõ và biết vận dụng các nội dung môn học vào các vấn đề thực tiễn.	CO4, CO5, CO6
Trình bày nhóm	Giúp sinh viên có thái độ nghiêm túc trong học tập, biết cách học tập, làm việc theo nhóm.	CO6, CO7
Nghiên cứu bài học, đọc tài liệu tham khảo	Giúp sinh viên tăng cường năng lực tự học, tự nghiên cứu.	CO7, CO8

8. Phương pháp, hình thức tổ chức sinh viên tự học

STT	Tên bài/Nội dung cụ thể	Phương pháp tự học	Tài liệu tham khảo
1	<p>Chương 1: Cấu trúc điện tử của nguyên tử carbon và sự tạo thành liên kết trong hợp chất hữu cơ</p> <p>Chương 2: Các hiệu ứng điện tử trong hóa hữu cơ</p> <p>Chương 3: Cấu trúc phân tử hợp chất hữu cơ và đồng phân</p> <p>Chương 4: Khái niệm acid base trong hóa hữu cơ</p> <p>Chương 5: Các loại phản ứng trong hóa hữu cơ và khái niệm về cơ chế phản ứng</p> <p>Chương 6: Các phương pháp hóa học và vật lý xác định cấu tạo chất hữu cơ</p> <p>Chương 7: Alkane và cycloalkane (hydrocarbon no)</p> <p>Chương 8: Alkene</p> <p>Chương 9: Alkyne</p>	<p>Đọc trước tài liệu ở mỗi chương, trước khi bắt đầu buổi học</p>	<p>Bộ môn Hóa cơ bản □ Khoa Y □ Trường Đại học Nam Cần Thơ (2022), <i>Bài giảng Hóa hữu cơ 1.</i></p>

<p>Chương 10: Hệ thống liên hợp và alkadiene</p> <p>Chương 11: Arene. Hydrocarbon thơm</p> <p>Chương 12: Dẫn xuất halogene</p> <p>Chương 13: Alcol</p> <p>Chương 14: Phenol</p> <p>Chương 15: Ether</p> <p>Chương 16: Aldehyde – Ketone</p> <p>Chương 17: Acid carboxylic</p> <p>Chương 18: Các dẫn xuất của acid carboxylic</p> <p>Chương 19: Hợp chất amine</p>		
<p>2</p> <p>Chương 1: Cấu trúc điện tử của nguyên tử carbon và sự tạo thành liên kết trong hợp chất hữu cơ</p> <p>Chương 2: Các hiệu ứng điện tử trong hóa hữu cơ</p> <p>Chương 3: Cấu trúc phân tử hợp chất hữu cơ và đồng phân</p> <p>Chương 4: Khái niệm acid base trong hóa hữu cơ</p> <p>Chương 5: Các loại phản ứng trong hóa hữu cơ và khái niệm về cơ chế phản ứng</p> <p>Chương 6: Các phương pháp hóa học và vật lý xác định cấu tạo chất hữu cơ</p> <p>Chương 7: Alkane và cycloalkane (hydrocarbon no)</p> <p>Chương 8: Alkene</p> <p>Chương 9: Alkyne</p> <p>Chương 10: Hệ thống liên hợp và alkadiene</p> <p>Chương 11: Arene. Hydrocarbon thơm</p> <p>Chương 12: Dẫn xuất halogene</p> <p>Chương 13: Alcol</p> <p>Chương 14: Phenol</p> <p>Chương 15: Ether</p>	<p>Làm bài tập sau khi học xong các bài lý thuyết</p>	<p>Bộ môn Hóa cơ bản □ Khoa Y □ Trường Đại học Nam Cần Thơ (2022), Bài giảng Hóa hữu cơ 1.</p>

	<p>Chương 16: Aldehyde – Ketone</p> <p>Chương 17: Acid carboxylic</p> <p>Chương 18: Các dẫn xuất của acid carboxylic</p> <p>Chương 19: Hợp chất amine</p>		
3	<p>Chương 1: Cấu trúc điện tử của nguyên tử carbon và sự tạo thành liên kết trong hợp chất hữu cơ</p> <p>Chương 2: Các hiệu ứng điện tử trong hóa hữu cơ</p> <p>Chương 3: Cấu trúc phân tử hợp chất hữu cơ và đồng phân</p> <p>Chương 4: Khái niệm acid base trong hóa hữu cơ</p> <p>Chương 5: Các loại phản ứng trong hóa hữu cơ và khái niệm về cơ chế phản ứng</p> <p>Chương 6: Các phương pháp hóa học và vật lý xác định cấu tạo chất hữu cơ</p> <p>Chương 7: Alkane và cycloalkane (hydrocarbon no)</p> <p>Chương 8: Alkene</p> <p>Chương 9: Alkyne</p> <p>Chương 10: Hệ thống liên hợp và alkadiene</p> <p>Chương 11: Arene. Hydrocarbon thơm</p> <p>Chương 12: Dẫn xuất halogene</p> <p>Chương 13: Alcol</p> <p>Chương 14: Phenol</p> <p>Chương 15: Ether</p> <p>Chương 16: Aldehyde – Ketone</p> <p>Chương 17: Acid carboxylic</p> <p>Chương 18: Các dẫn xuất của acid carboxylic</p> <p>Chương 19: Hợp chất amine</p>	<p>Học nhóm. Chia làm 10 nhóm, mỗi nhóm sẽ tìm hiểu về một chương trong bài học</p>	<p>Bộ môn Hóa cơ bản <input type="checkbox"/></p> <p>Khoa Y <input type="checkbox"/> Trường Đại học Nam Cần Thơ (2022), <i>Bài giảng Hóa hữu cơ 1.</i></p>

9. Nhiệm vụ của sinh viên

- Dự lớp: đọc trước bài giảng, giáo trình, phát hiện vấn đề, nghe giảng, nêu các câu hỏi và tham gia thảo luận về các vấn đề do giáo viên và sinh viên khác đặt ra.
- Bài tập: chuẩn bị bài tập, phát hiện vấn đề, tham gia giải và sửa bài tập trên lớp, học nhóm.
- Nghiên cứu: đọc tài liệu tham khảo, tham gia làm việc nhóm, trình bày – báo cáo.
- Tìm kiếm, tham khảo các tài liệu do giảng viên hướng dẫn.
- Tự học, tự nghiên cứu ở nhà những vấn đề đã được nghe giảng tại lớp.

10. Đánh giá kết quả học tập của sinh viên (thang điểm 10)

TT	Hình thức	Trọng số (%)	Tiêu chí đánh giá	Điểm tối đa
1	Chuyên cần	10	- Tính chủ động, mức độ tích cực chuẩn bị bài và tham gia các hoạt động trong giờ học - Tham dự buổi học bắt buộc tối thiểu là 80%	10
2	Bài tập cá nhân	10	Được cộng điểm vào điểm chuyên cần.	10
3	Bài kiểm tra định kỳ	30	Bài kiểm tra trắc nghiệm theo đáp án, thang điểm của giảng viên	10
4	Thi kết thúc HP	50	Theo đáp án, thang điểm của giảng viên	10

11. Rubric đánh giá môn học

STT	Chuẩn đầu ra học phần	Nội dung đánh giá	Không đạt (<4.0)	Trung bình yếu/Trung bình khá (4.0-6.99)	Khá (7.0-7.99)	Giỏi/Xuất sắc (8.0-10.0)	Điểm tối đa (thang điểm)
1	CO1, CO2, CO3, CO4	Kiến thức	Chưa có kiến thức cơ bản về sự hình thành, cấu trúc phân tử hợp chất hữu cơ, các loại phản ứng và cơ chế phản ứng trong hóa học hữu cơ, khái niệm về acid – base trong hóa hữu cơ, mối quan hệ giữa cấu trúc và tính chất của các hợp chất hữu cơ. Chưa có kiến thức cơ bản về các nhóm hợp chất hydrocarbon	Có kiến thức cơ bản về sự hình thành, cấu trúc phân tử hợp chất hữu cơ, các loại phản ứng và cơ chế phản ứng trong hóa học hữu cơ, khái niệm về acid – base trong hóa hữu cơ, mối quan hệ giữa cấu trúc và tính chất của các hợp chất hữu cơ. Chưa có kiến thức cơ bản về các nhóm hợp chất	Có kiến thức cơ bản về sự hình thành, cấu trúc phân tử hợp chất hữu cơ, các loại phản ứng và cơ chế phản ứng trong hóa học hữu cơ, khái niệm về acid – base trong hóa hữu cơ, mối quan hệ giữa cấu trúc và tính chất của các hợp chất hữu cơ. Có kiến thức cơ bản về các nhóm hợp chất	Có kiến thức cơ bản về sự hình thành, cấu trúc phân tử hợp chất hữu cơ, các loại phản ứng và cơ chế phản ứng trong hóa học hữu cơ, khái niệm về acid – base trong hóa hữu cơ, mối quan hệ giữa cấu trúc và tính chất của các hợp chất hữu cơ. Có kiến thức cơ bản về các nhóm hợp chất	1

			(hydrocarbon no, hydrocarbon không no, hydrocarbon thơm), các hợp chất hữu cơ có nhóm chức alcol, phenol, ether, hợp chất carbonyl (aldehyde và ketone), hợp chất carboxylic acid, dẫn xuất carboxylic acid và amine.	hydrocarbon (hydrocarbon no, hydrocarbon không no, hydrocarbon thơm), các hợp chất hữu cơ có nhóm chức alcol, phenol, ether, hợp chất carbonyl (aldehyde và ketone), hợp chất carboxylic acid, dẫn xuất carboxylic acid và amine.	hydrocarbon (hydrocarbon no, hydrocarbon không no, hydrocarbon thơm), các hợp chất hữu cơ có nhóm chức alcol, phenol, ether.	hydrocarbon (hydrocarbon no, hydrocarbon không no, hydrocarbon thơm), các hợp chất hữu cơ có nhóm chức alcol, phenol, ether, hợp chất carbonyl (aldehyde và ketone), hợp chất carboxylic acid, dẫn xuất carboxylic acid và amine.
	CO5, CO6, CO7	Kỹ năng	<p>Chưa biết cách tìm kiếm tài liệu, tổng hợp, phân tích và đánh giá kiến thức có liên quan thông qua các trang mạng internet, thư viện và các phương tiện khác, sử dụng các phần mềm máy tính ứng dụng trong hóa học hữu cơ.</p> <p>Chưa biết liên hệ và vận dụng các kiến thức cơ bản về hóa hữu cơ vào những ngành khoa học khác, đặc biệt giải thích các vấn đề liên quan đến ngành Y-Dược học khi học các môn cơ sở ngành và chuyên ngành như Hóa sinh, Hóa dược, kiểm nghiệm, dược liệu,...</p> <p>Chưa có khả năng làm việc độc lập, cũng như làm việc nhóm, kỹ năng tự học và cập nhật kiến thức chuyên môn thích ứng với yêu cầu của công việc.</p>	<p>Biết cách tìm kiếm tài liệu, tổng hợp, phân tích và đánh giá kiến thức có liên quan thông qua các trang mạng internet, thư viện và các phương tiện khác, sử dụng các phần mềm máy tính ứng dụng trong hóa học hữu cơ.</p> <p>Chưa biết liên hệ và vận dụng các kiến thức cơ bản về hóa hữu cơ vào những ngành khoa học khác, đặc biệt giải thích các vấn đề liên quan đến ngành Y-Dược học khi học các môn cơ sở ngành và chuyên ngành như Hóa sinh, Hóa dược, kiểm nghiệm, dược liệu,...</p> <p>Chưa có khả năng làm việc độc lập, cũng như làm việc nhóm, kỹ năng tự học và cập nhật kiến thức chuyên môn thích ứng với yêu cầu của công việc.</p>	<p>Biết cách tìm kiếm tài liệu, tổng hợp, phân tích và đánh giá kiến thức có liên quan thông qua các trang mạng internet, thư viện và các phương tiện khác, sử dụng các phần mềm máy tính ứng dụng trong hóa học hữu cơ.</p> <p>Biết liên hệ và vận dụng các kiến thức cơ bản về hóa hữu cơ vào những ngành khoa học khác, đặc biệt giải thích các vấn đề liên quan đến ngành Y-Dược học khi học các môn cơ sở ngành và chuyên ngành như Hóa sinh, Hóa dược, kiểm nghiệm, dược liệu,...</p> <p>Chưa có khả năng làm việc độc lập, cũng như làm việc nhóm, kỹ năng tự học và cập nhật kiến thức chuyên môn thích ứng với yêu cầu của công việc.</p>	<p>Biết tìm kiếm tài liệu, tổng hợp, phân tích và đánh giá kiến thức có liên quan thông qua các trang mạng internet, thư viện và các phương tiện khác, sử dụng các phần mềm máy tính ứng dụng trong hóa học hữu cơ.</p> <p>Biết liên hệ và vận dụng các kiến thức cơ bản về hóa hữu cơ vào những ngành khoa học khác, đặc biệt giải thích các vấn đề liên quan đến ngành Y-Dược học khi học các môn cơ sở ngành và chuyên ngành như Hóa sinh, Hóa dược, kiểm nghiệm, dược liệu,...</p> <p>Có khả năng làm việc độc lập, cũng như làm việc nhóm, kỹ năng tự học và cập nhật kiến thức chuyên môn thích ứng với yêu cầu của công việc.</p>

	CO8, CO9	Năng lực tự chủ, tự chịu trách nhiệm	Rèn luyện cho sinh viên tính chuyên cần, nhiệt huyết trong học tập, nghiên cứu khoa học và có lòng yêu nghề, tìm hiểu những vấn đề thực tiễn trong đời sống, sản xuất liên quan đến Hóa hữu cơ.	· Thái độ làm việc nghiêm túc, còn một số sai sót nhỏ, có thể khắc phục sau khi được hướng dẫn.· Có khả năng tự tìm hiểu tài liệu tự nghiên cứu và giải quyết các vấn đề phát sinh.· Có tinh thần làm việc nhóm, hỗ trợ, giúp đỡ nhau.· Biết phân chia, sắp xếp công việc theo sự phân công, hỗ trợ giúp đỡ nhau trong giờ học lý thuyết và thực hành	Thái độ làm việc nghiêm túc, cẩn thận, sai sót được hạn chế.· Có khả năng tự tìm hiểu tài liệu tự nghiên cứu và giải quyết các vấn đề phát sinh.· Có tinh thần làm việc nhóm, hỗ trợ, giúp đỡ nhau.	· Thái độ làm việc nghiêm túc, cẩn thận, sai sót được hạn chế, có thể tự khắc phục sai sót.· Có tinh thần làm việc nhóm, hỗ trợ, giúp đỡ nhau.· nhân viên hướng dẫn và bạn bè.· Có sáng kiến cải tiến công việc. Nhận thức được tầm quan trọng của các kiến thức cơ bản liên quan đến ngành học
--	-------------	--------------------------------------	---	---	---	---

12. Học liệu

12.1. Tài liệu học tập

[1] Bộ môn Hóa cơ bản □ Khoa Y □ Trường Đại học Nam Cần Thơ (2022), *Bài giảng Hóa hữu cơ 1*.

12.2. Tài liệu tham khảo

[2] PGS.TS.Trương Thế Kỳ(2011), *Hóa hữu cơ*, Nhà xuất bản Y học.

[3] Trương Thế Kỳ(2011), *Danh pháp các hợp chất hữu cơ*, Nhà xuất bản Y học.

[4] Đặng Như Tại (2016) – Ngô Thị Thuận, *Hóa học hữu cơ tập 1*, Nhà xuất bản giáo dục.

13. Nội dung chi tiết học phần

Tuần	Nội dung	Tài liệu	CĐR của HP
1	Chương 1: Cấu trúc điện tử của nguyên tử carbon và sự tạo thành liên kết trong hợp chất hữu cơ		
	1.1 Cấu trúc điện tử của nguyên tử carbon 1.2. Sự tạo thành các liên kết	[1]. Trang 10-20	CO1, CO2, CO3, CO4, CO5
1	Chương 2: Các hiệu ứng điện tử trong hóa hữu cơ		
	2.1. Hiệu ứng cảm ứng 2.2 Hiệu ứng liên hợp (hiệu ứng cộng hưởng)	[1]. Trang 21-30	CO1, CO2, CO3, CO4, CO5

	2.3. Hiệu ứng siêu liên hợp		
1	Chương 3: Cấu trúc phân tử hợp chất hữu cơ và đồng phân		
	3.1. Đồng phân phẳng 3.2. Đồng phân lập thể - đồng phân không gian 3.3. Tác dụng sinh học của đồng phân quang học	[1]. Trang 31-45	CO1, CO2, CO3, CO4, CO8.
2	Chương 4: Khái niệm acid base trong hóa hữu cơ		
	- Các khái niệm về acid base - Yếu tố ảnh hưởng đến tính acid base trong hóa hữu cơ	[1]. Trang 46-52	CO1, CO2, CO3, CO4, CO8.
2	Chương 5: Các loại phản ứng trong hóa hữu cơ và khái niệm về cơ chế phản ứng		
	5.1. Các loại phản ứng trong hoá hữu cơ 5.2. Khái niệm về cơ chế phản ứng 5.3. Cơ chế phản ứng cộng hợp 5.4. Cơ chế phản ứng tách loại	[1]. Trang 53-66	CO1, CO2, CO3, CO5, CO8.
2	Chương 6: Các phương pháp hóa học và vật lý xác định cấu tạo chất hữu cơ		
	6.1. Phương pháp hoá học 6.2. Phương pháp vật lý	[1]. Trang 67-82	CO1, CO2, CO3, CO5, CO8.
3	Chương 7: Alkane và cycloalkane (hydrocarbon no)		
	- Nguồn gốc thiên nhiên, cấu tạo, đồng phân, cấu dạng. - Danh pháp - Phương pháp điều chế - Tính chất lý học - Tính chất hóa học	[1]. Trang 83-98	CO1, CO2, CO3, CO6, CO8.
	Chương 8: Alkene		

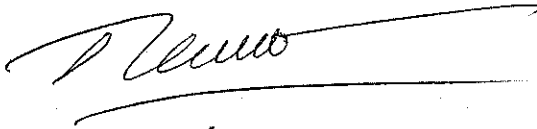
	<ul style="list-style-type: none"> - Cấu tạo của alkene, đồng phân - Danh pháp - Phương pháp điều chế - Tính chất lý học - Tính chất hóa học 	[1] Trang 99-115	CO1, CO2, CO3, CO6, CO8.
4	Chương 9: Alkyne		
	<ul style="list-style-type: none"> - Cấu tạo của alkene, đồng phân - Danh pháp - Phương pháp điều chế - Tính chất lý học - Tính chất hóa học 	[1]. Trang 116-126	CO1, CO2, CO3, CO7, CO8.
4	Chương 10: Hệ thống liên hợp và alkadiene		
	<ul style="list-style-type: none"> - Hệ thống allylic - Hệ thống liên hợp bậc cao - Phản ứng Diels-Alder 	[1] Trang 127-136	CO1, CO2, CO3, CO7, CO8.
5	Chương 11: Arene. Hydrocarbon thơm		
	<ul style="list-style-type: none"> - Khái niệm, cấu tạo, đồng phân, danh pháp - Phương pháp điều chế - Tính chất lý học - Tính chất hóa học 	[1] Trang 137-150	CO1, CO3, CO5, CO6, CO7, CO8,
5	Chương 12: Dẫn xuất halogene		
	<ul style="list-style-type: none"> - Khái niệm, danh pháp - Phương pháp điều chế - Tính chất lý học - Tính chất hóa học 	[1] Trang 152-165	CO1, CO3, CO5, CO6, CO7, CO8,
6	Chương 13: Alcol		
	<ul style="list-style-type: none"> - Khái niệm, cấu tạo, đồng phân, danh pháp - Phương pháp điều chế - Tính chất lý học - Tính chất hóa học 	[1] Trang 166-183	CO1, CO2, CO3, CO4, CO5
6	Chương 14: Phenol		
	<ul style="list-style-type: none"> - Khái niệm, danh pháp - Phương pháp điều chế - Tính chất lý học - Tính chất hóa học 	[1] Trang 184-196	CO1, CO2, CO3, CO4, CO5

6	Chương 15: Ether		
	- Khái niệm, cấu tạo, danh pháp - Phương pháp điều chế - Tính chất lý học - Tính chất hóa học	[1] Trang 197-202	CO1, CO2, CO3, CO4, CO5
7	Chương 16: Aldehyde - Ketone		
	- Khái niệm, cấu tạo, đồng phân, danh pháp - Phương pháp điều chế - Tính chất lý học - Tính chất hóa học	[1] Trang 203-215	CO1, CO2, CO3, CO4, CO5
8	Chương 17: Acid carboxylic		
	- Khái niệm, cấu tạo, đồng phân, danh pháp - Phương pháp điều chế - Tính chất lý học - Tính chất hóa học	[1] Trang 216-230	CO1, CO2, CO3, CO4, CO5
9	Chương 18: Các dẫn xuất của acid carboxylic		
	- Ester - Anhydride acid - Halogenide acid - Amide - Nitril	[1] Trang 231-247	CO1, CO2, CO3, CO4, CO5
10	Chương 19: Hợp chất amine		
	- Khái niệm, cấu tạo, đồng phân, danh pháp - Phương pháp điều chế - Tính chất lý học - Tính chất hóa học	[1] Trang 248-265	CO1, CO2, CO3, CO4, CO5

14. Yêu cầu của giảng viên đối với học phần

- Phòng học có bảng lớn, máy chiếu, phấn, micrô, máy chiếu và loa.

TRƯỜNG KHOA
(ký tên)



TS.BSCKII. THÁI VIẾT TẶNG

TRƯỜNG BỘ MÔN
(ký tên)



Lê Văn Rìl

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

Tên học phần: Thực hành Hóa Hữu cơ 1 (Experimental Organic Chemistry 1)

Mã học phần: 0102000953

1. Thông tin về học phần

Số tín chỉ: 1

- Thực hành: 1

Tổng số tiết quy chuẩn: 30

Phân bố thời gian:

Tổng thời gian học của sinh viên	Giờ trên lớp				Tổng thời gian học trên lớp và tự học
	L	T	P	O	
L = Lý thuyết T = Bài tập P = Thực hành O = Thảo luận/seminar	0	0	30	0	30 + 60 = 90

Loại học phần: Bắt buộc

Học phần tiên quyết: Hóa đại cương, Hóa hữu cơ 1

Học phần học trước: Hóa đại cương, Hóa vô cơ

Học phần học song hành: Không

Ngôn ngữ giảng dạy: Tiếng Việt □

2. Đơn vị phụ trách: Bộ môn Hóa cơ bản, Khoa Y, Trường Đại học Nam Cần Thơ.

3. Mục tiêu của học phần (kí hiệu MT):

* Về kiến thức

MT1: Trang bị cho sinh viên các kiến thức cơ bản về tính chất vật lý, tính chất hóa học, phương pháp điều chế và ứng dụng hợp chất hữu cơ thông qua các bài thực hành, từ đó có thể giải thích các vấn đề trong hóa học liên quan đến thực tiễn và ngành Y Dược.

MT2: Trang bị cho sinh viên kiến thức cơ bản về việc sử dụng các dụng cụ, thiết bị hóa chất thí nghiệm một cách hợp lý và chính xác.

* Về kỹ năng

MT3: Rèn luyện cho sinh viên những kỹ năng cơ bản về việc sử dụng các dụng cụ, thiết bị phòng thí nghiệm, cách pha chế hóa chất và sử dụng hóa chất một cách an toàn, kỹ năng phân tích, xử lý kết quả sau khi thực tập.

MT4: Rèn luyện cho sinh viên những kỹ năng tìm kiếm và nghiên cứu tài liệu học phần Hóa hữu cơ, kỹ năng vận dụng lý thuyết và thực hành vào nghiên cứu khoa học, thực tiễn và khái quát hóa được kiến thức để áp dụng vào nghề nghiệp liên quan đến Y – Dược.

MT5: Kỹ năng làm việc độc lập, cũng như làm việc nhóm, kỹ năng tự học và cập nhật kiến thức chuyên môn thích ứng với yêu cầu của công việc.

*** Về năng lực tự chủ và trách nhiệm**

MT6: Tự giác thực hiện tốt các quy định an toàn nghề nghiệp cho bản thân, cộng đồng, trung thực và có trách nhiệm trong công tác chuyên môn. Có ý thức tự học và nâng cao trình độ.

MT7: Có ý thức bảo vệ, gìn giữ môi trường tự nhiên xung quanh. Nhận thức được tầm quan trọng của việc học và sử dụng các kiến thức cơ bản về lý thuyết và thực hành Hóa hữu cơ làm nền tảng cho các môn học khác liên quan đến chuyên ngành Y Dược.

4. Mức đóng góp của học phần cho chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo

Học phần đóng góp cho chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo (PO) theo mức độ sau:

0 = Không đóng góp; 1 = Mức thấp; 2 = Mức trung bình; 3 = Mức cao

Mã HP	Tên HP	Mức độ đóng góp của học phần cho CDR của CTĐT										
		PO1	PO2	PO3	PO4	PO5	PO6	PO7	PO8	PO9	PO10	PO11
0102000953	Hóa hữu cơ 1-TH	0	0	0	1	0	2	2	1	0	1	1
		PO12	PO13	PO14	PO15	PO16	PO17					
		1	1	0	0	2	1					

5. Chuẩn đầu ra của học phần (CO)

Mục tiêu HP	CDR của HP	Nội dung CDR của học phần Hoàn thành học phần này, sinh viên đạt được:	CDR của CTĐT
Kiến thức			
MT1	CO1	Mô tả được những kiến thức cơ bản khi làm việc trong phòng thí nghiệm: kỹ thuật an toàn khi sử dụng hóa chất, cách sử dụng dụng cụ, thiết bị.	PO4, PO6
MT1	CO2	Biết cách pha chế các loại nồng độ dung dịch, các thuốc thử cần sử dụng trong bài thực hành	PO4, PO6

MT2	CO3	Hiểu rõ được phương pháp tổng hợp và tính chất các chất hữu cơ trong bài thực hành.	PO4, PO6
MT2	CO4	Mô tả và giải thích được các thao tác, kỹ thuật thực hiện trong các bài thực hành	PO4, PO6
Kỹ năng			
MT3	CO5	Phân tích và giải thích được các hiện tượng xảy, kết quả trong các thí nghiệm	PO7, PO8, PO10, PO11, PO12, PO13
MT4 MT5	CO6	Xử lý được số liệu, kết quả thí nghiệm trong các bài điều chế tổng hợp, tính hiệu suất phản ứng	PO7, PO8, PO10, PO11, PO12, PO13
		Phân tích và giải thích được kết quả quy trình điều chế tổng hợp hợp chất hữu cơ.	
		Làm việc nhóm hiệu quả	
		Phát triển năng lực phân tích, tổng hợp, so sánh và hình thành tư duy phân biện	
Năng lực tự chủ và trách nhiệm			
MT9	CO7	Tuân thủ đúng các quy định an toàn phòng thí nghiệm và có ý thức bảo vệ môi trường	PO16, PO17
MT10	CO8	Xử lý kết quả và hoàn thành bài báo cáo thí nghiệm đúng thời gian qui định	PO16, PO17.
		Có tác phong và cách thức làm việc chuẩn mực	

6. Nội dung tóm tắt của học phần

Học phần Thực hành Hóa hữu cơ 1 bao gồm hai phần lý thuyết và thực hành. Phần lý thuyết bao gồm những vấn đề chung về quy định và kỹ thuật an toàn phòng thí nghiệm, các kỹ thuật cơ bản sử dụng dụng cụ, thiết bị và hướng dẫn pha chế dung dịch. Phần thực hành bao gồm các bài thí nghiệm để kiểm tra tính chất, định tính và điều chế các hợp chất hữu cơ phù hợp với các phản ứng hóa học đặc trưng đã được học ở học phần Hóa hữu cơ. Đáp ứng được những yêu cầu cần thiết cho sinh viên ngành Dược.

7. Phương pháp, hình thức tổ chức dạy học

Phương pháp, hình thức tổ chức dạy học	Mục đích	CĐR của HP đạt được
--	----------	---------------------

Thuyết trình	Cung cấp cho sinh viên hệ thống kiến thức nền tảng của môn học một cách khoa học, logic.	CO1, CO2, CO3, CO4, CO5, CO6, CO7
Thảo luận	Thông qua việc hỏi đáp giữa giảng viên và sinh viên để làm rõ các nội dung kiến thức trong môn học.	CO1, CO2, CO3, CO4, CO5, CO6, CO7
Thí nghiệm	Giúp sinh viên nắm vững các thao tác, kỹ thuật cơ bản trong thí nghiệm hóa học	CO5, CO6, CO7
Trực quan	Giúp sinh viên có thái độ nghiêm túc, hứng thú trong học tập.	CO5, CO6, CO7
Nghiên cứu bài học, đọc tài liệu tham khảo	Giúp sinh viên tăng cường năng lực tự học, tự nghiên cứu.	CO8, CO9

8. Phương pháp, hình thức tổ chức sinh viên tự học

STT	Tên bài/Nội dung cụ thể	Phương pháp tự học	Tài liệu tham khảo
4	<p>Bài 1: Dụng cụ và kỹ thuật thực nghiệm cơ bản trong phòng thí nghiệm. Định tính các hợp chất hydrocarbon và dẫn xuất hydrocarbon, alcol, phenol, ether</p> <p>Bài 2: Định tính các hợp chất aldehyde và ketone</p> <p>Bài 3: Định tính các hợp chất carboxylic acid, ester, amine</p> <p>Bài 4: Phản ứng sulfon hóa. Điều chế para-toluene sulfonate natri</p> <p>Bài 5: Đồng phân cis-trans</p> <p>Bài 6: Phản ứng ester hóa: điều chế ester isoamyl acetate</p>	Học nhóm. Chia làm 6 nhóm, mỗi nhóm sẽ tìm hiểu về một bài trong nội dung thực hành.	Bộ môn Hóa cơ bản □ Khoa Y □ Trường Đại học Nam Cần Thơ (2022), <i>Bài giảng Thực hành Hóa hữu cơ 1.</i>

9. Nhiệm vụ của sinh viên

- Dự lớp: đọc trước bài giảng, giáo trình, phát hiện vấn đề, nghe giảng, nêu các câu hỏi và tham gia thảo luận về các vấn đề do giáo viên và sinh viên khác đặt ra.
- Bài tập: chuẩn bị bài tập, phát hiện vấn đề, tham gia giải và sửa bài tập trên lớp, học nhóm.
- Nghiên cứu: đọc tài liệu tham khảo, tham gia làm việc nhóm, trình bày – báo cáo.

- Thực hành: thuộc quy trình kỹ thuật trước khi thực hành (theo bảng kiểm thực hành), có thái độ nghiêm túc trong học tập, biết cách học tập, làm việc theo nhóm.
- Thực hiện đúng quy trình kỹ thuật một thủ thuật ít nhất 2 - 3 lần trong một buổi thực hành (kỹ thuật rửa dụng cụ, đun nóng, cân hóa chất, pha chế các dung dịch acid, base, muối, lấy hóa chất,...).
- Tìm kiếm, tham khảo các tài liệu do giảng viên hướng dẫn.
- Tự học, tự nghiên cứu ở nhà những vấn đề đã được nghe giảng tại lớp.

10. Đánh giá kết quả học tập của sinh viên (thang điểm 10)

TT	Hình thức	Trọng số (%)	Tiêu chí đánh giá	Điểm tối đa
1	Chuyên cần (ý thức, tác phong...)	20	- Tuân thủ các quy định, nội quy và thực tập nghiêm túc trong giờ thực hành. - Tham dự buổi học bắt buộc là 100%	10
2	Bài kiểm tra tại lớp	30	Kiểm tra sự chuẩn bị bài ở mỗi buổi thực tập	10
3	Thực tập	50	Viết lại các bài phức trình, sau mỗi buổi thực tập	10

11. Rubric đánh giá môn học

STT	Chuẩn đầu ra học phần	Nội dung đánh giá	Không đạt (<4.0)	Trung bình yếu/Trung bình khá (4.0-6.99)	Khá (7.0-7.99)	Giỏi/Xuất sắc (8.0-10.0)	Điểm tối đa (thang điểm)
1	CO1, CO2, CO3, CO4	Kiến thức	Không nắm được kiến thức cơ bản về tính chất vật lý, tính chất hóa học, phương pháp điều chế và ứng dụng hợp chất hữu cơ thông qua các bài thực hành, từ đó có thể giải thích các vấn đề trong hóa học liên quan đến thực tiễn và ngành Y Dược. Không nắm được kiến thức cơ bản về việc sử dụng các dụng cụ, thiết	Nắm được kiến thức cơ bản về tính chất vật lý, tính chất hóa học, phương pháp điều chế và ứng dụng hợp chất hữu cơ thông qua các bài thực hành Không nắm được kiến thức cơ bản về việc sử dụng các dụng cụ, thiết bị hóa chất thí nghiệm một cách hợp lý và chính xác.	Nắm được kiến thức cơ bản về tính chất vật lý, tính chất hóa học, phương pháp điều chế và ứng dụng hợp chất hữu cơ thông qua các bài thực hành, từ đó có thể giải thích các vấn đề trong hóa học liên quan đến thực tiễn và ngành Y Dược. Không nắm được kiến thức cơ bản về việc sử dụng các dụng cụ, thiết	Nắm được kiến thức cơ bản về tính chất vật lý, tính chất hóa học, phương pháp điều chế và ứng dụng hợp chất hữu cơ thông qua các bài thực hành, từ đó có thể giải thích các vấn đề trong hóa học liên quan đến thực tiễn và ngành Y Dược. Nắm được kiến thức cơ bản về việc sử dụng các dụng cụ, thiết bị	1

			bị hóa chất thí nghiệm một cách hợp lí và chính xác.	bị hóa chất thí nghiệm một cách hợp lí và chính xác.	hóa chất thí nghiệm một cách hợp lí và chính xác.	
2	CO5, CO6, CO7	Kỹ năng	<p>Chưa có kĩ năng cơ bản về việc sử dụng các dụng cụ, thiết bị phòng thí nghiệm, cách pha chế hóa chất và sử dụng hóa chất một cách an toàn, kĩ năng phân tích, xử lí kết quả sau khi thực tập.</p> <p>Chưa có kỹ năng tìm kiếm và nghiên cứu tài liệu học phần Hóa hữu cơ, kỹ năng vận dụng lý thuyết và thực hành vào nghiên cứu khoa học, thực tiễn và khái quát hóa được kiến thức để áp dụng vào nghề nghiệp liên quan đến Y – Dược.</p> <p>Chưa có kỹ năng làm việc độc lập, cũng như làm việc nhóm, kỹ năng tự học và cập nhật kiến thức chuyên môn thích ứng với yêu cầu của công việc.</p>	<p>Có kĩ năng cơ bản về việc sử dụng các dụng cụ, thiết bị phòng thí nghiệm, cách pha chế hóa chất và sử dụng hóa chất một cách an toàn, kĩ năng phân tích, xử lí kết quả sau khi thực tập.</p> <p>Chưa có kỹ năng tìm kiếm và nghiên cứu tài liệu học phần Hóa hữu cơ, kỹ năng vận dụng lý thuyết và thực hành vào nghiên cứu khoa học, thực tiễn và khái quát hóa được kiến thức để áp dụng vào nghề nghiệp liên quan đến Y – Dược.</p> <p>Chưa có kỹ năng làm việc độc lập, cũng như làm việc nhóm, kỹ năng tự học và cập nhật kiến thức chuyên môn thích ứng với yêu cầu của công việc.</p>	<p>Có kĩ năng cơ bản về việc sử dụng các dụng cụ, thiết bị phòng thí nghiệm, cách pha chế hóa chất và sử dụng hóa chất một cách an toàn, kĩ năng phân tích, xử lí kết quả sau khi thực tập.</p> <p>Có kỹ năng tìm kiếm và nghiên cứu tài liệu học phần Hóa hữu cơ, kỹ năng vận dụng lý thuyết và thực hành vào nghiên cứu khoa học, thực tiễn và khái quát hóa được kiến thức để áp dụng vào nghề nghiệp liên quan đến Y – Dược.</p> <p>Chưa có kỹ năng làm việc độc lập, cũng như làm việc nhóm, kỹ năng tự học và cập nhật kiến thức chuyên môn thích ứng với yêu cầu của công việc.</p>	<p>Có kĩ năng cơ bản về việc sử dụng các dụng cụ, thiết bị phòng thí nghiệm, cách pha chế hóa chất và sử dụng hóa chất một cách an toàn, kĩ năng phân tích, xử lí kết quả sau khi thực tập.</p> <p>Có kỹ năng tìm kiếm và nghiên cứu tài liệu học phần Hóa hữu cơ, kỹ năng vận dụng lý thuyết và thực hành vào nghiên cứu khoa học, thực tiễn và khái quát hóa được kiến thức để áp dụng vào nghề nghiệp liên quan đến Y – Dược.</p> <p>Có kỹ năng làm việc độc lập, cũng như làm việc nhóm, kỹ năng tự học và cập nhật kiến thức chuyên môn thích ứng với yêu cầu của công việc.</p>

3	CO8, CO9	Năng lực tự chủ, tự chịu trách nhiệm	Không tuân thủ đúng các quy định an toàn phòng thí nghiệm và không có ý thức bảo vệ môi trường Không xử lý kết quả và hoàn thành bài báo cáo thí nghiệm đúng thời gian qui định Có tác phong và cách thức làm việc không chuẩn mực	· Tuân thủ đúng các quy định an toàn phòng thí nghiệm và có ý thức bảo vệ môi trường Xử lý kết quả và hoàn thành bài báo cáo thí nghiệm đúng thời gian qui định Có tác phong và cách thức làm việc không chuẩn mực	Thái độ làm việc nghiêm túc, cẩn thận, sai sót được hạn chế.· Có khả năng tự tìm hiểu tài liệu tự nghiên cứu và giải quyết các vấn đề phát sinh.· Tuân thủ đúng các quy định an toàn phòng thí nghiệm và có ý thức bảo vệ môi trường Xử lý kết quả và hoàn thành bài báo cáo thí nghiệm đúng thời gian qui định	· Thái độ làm việc nghiêm túc, cẩn thận, sai sót được hạn chế.· Có khả năng tự tìm hiểu tài liệu tự nghiên cứu và giải quyết các vấn đề phát sinh.· Có tinh thần làm việc nhóm, hỗ trợ, giúp đỡ nhau. Tuân thủ đúng các quy định an toàn phòng thí nghiệm và có ý thức bảo vệ môi trường Xử lý kết quả và hoàn thành bài báo cáo thí nghiệm đúng thời gian qui định Có tác phong và cách thức làm việc chuẩn mực
---	-------------	--------------------------------------	--	--	--	---

12. Học liệu

12.1. Tài liệu học tập

[1] Bộ môn Hóa cơ bản □ Khoa Y □ Trường Đại học Nam Cần Thơ (2021), *Bài giảng Thực hành Hóa hữu cơ 1*.

12.2. Tài liệu tham khảo

[2] PGS.TS.Trương Thế Kỳ(2017), *Hóa hữu cơ*, Nhà xuất bản Y học.

[3] Đặng Như Tại (2016) – Ngô Thị Thuận, *Hóa học hữu cơ tập 1*, Nhà xuất bản giáo dục.

13. Nội dung chi tiết học phần

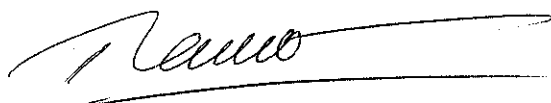
Tuần	Nội dung	Tài liệu	CDR của HP
1	<i>Chương 1: Những vấn đề chung</i>	[2] Chương 1: Trang 1-25	CO1, CO2, CO3, CO4, CO5, CO6, CO7, CO8, CO9
1	<i>Chương 2: Những dụng cụ đơn giản và kỹ thuật cơ bản trong thí nghiệm Hóa hữu cơ</i>		
	<i>Chương 3: Nội dung thực hành</i>		
1	Bài 1: Định tính các hợp chất hydrocarbon và dẫn xuất hydrocarbon, alcol, phenol, ether	[2] Trang 26-31	CO5, CO6, CO7, CO8

2	Bài 2: Định tính các hợp chất aldehyde và ketone	[2] Trang 32-37	CO5, CO6, CO7, CO8
3	Bài 3: Định tính các hợp chất carboxylic acid, ester, amine	[2] Trang 38-43	CO5, CO6, CO7, CO8
4	Bài 4: Phản ứng sulfon hóa. Điều chế para-toluene sulfonate natri	[2] Trang 44-47	CO5, CO6, CO7, CO8
5	Bài 5: Đồng phân <i>cis-trans</i>	[2] Trang 48-49	CO5, CO6, CO7, CO8
6	Bài 6: Phản ứng ester hóa: điều chế ester isoamyl acetate	[2] Trang 50-53	CO5, CO6, CO7, CO8

14. Yêu cầu của giảng viên đối với học phần

- Phòng thực hành có đầy đủ các trang thiết bị, máy móc và hóa chất cần thiết như: tủ hút, bếp đun, bộ đun hoàn lưu, đèn soi UV, cân điện tử, bếp đun cách thủy,...

TRƯỜNG KHOA
(ký tên)



TS. B.SCKII. THÁI VIẾT TẶNG

TRƯỜNG BỘ MÔN
(ký tên)



Lê Văn Ril

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

Tên học phần: Hóa Hữu cơ 2 (Organic Chemistry 2)

Mã học phần: 0102000264

1. Thông tin về học phần

Số tín chỉ: 2

- Lý thuyết: 2

Tổng số tiết quy chuẩn: 30

Phân bổ thời gian:

Tổng thời gian học của sinh viên	Giờ trên lớp				Tổng thời gian học trên lớp và tự học
	L	T	P	O	
L = Lý thuyết T = Bài tập P = Thực hành O = Thảo luận/seminar	25	5	0	0	30 + 60 = 90

Loại học phần: Bắt buộc

Học phần tiên quyết: Hóa đại cương, Hóa hữu cơ 1

Học phần học trước: Hóa đại cương, Hóa vô cơ, Hóa hữu cơ 1

Học phần học song hành: Không

Ngôn ngữ giảng dạy: Tiếng Việt □

2. Đơn vị phụ trách: Bộ môn Hóa cơ bản, Khoa Y, Trường Đại học Nam Cần Thơ.

3. Mục tiêu của học phần (kí hiệu MT):

* Về kiến thức

MT1: Trang bị cho sinh viên các kiến thức cơ bản về danh pháp, cấu tạo, tính chất, điều chế và ứng dụng của nhóm hợp chất hữu cơ tạp chức (halogeno acid, hydroxy acid, carbohydrate, acid amine, peptide,..) liên quan đến ngành Y – Dược

MT2: Trang bị cho sinh viên các kiến thức cơ bản về danh pháp, cấu tạo, tính chất, điều chế và ứng dụng của nhóm hợp chất hữu cơ dị vòng, hợp chất thiên nhiên liên quan đến ngành Y – Dược

* Về kỹ năng

MT3: Kỹ năng tìm kiếm tài liệu, tổng hợp, phân tích và đánh giá kiến thức có liên quan thông qua các trang mạng internet, thư viện và các phương tiện khác, sử dụng các phần mềm máy tính ứng dụng trong hóa học hữu cơ.

MT4: Biết liên hệ và vận dụng các kiến thức cơ bản về hóa hữu cơ vào những ngành khoa học khác, đặc biệt giải thích các vấn đề liên quan đến ngành Y-Dược học khi học các môn cơ sở ngành và chuyên ngành như Hóa sinh, Hóa dược, kiểm nghiệm, dược liệu,...

MT5: Kỹ năng làm việc độc lập, cũng như làm việc nhóm, kỹ năng tự học và cập nhật kiến thức chuyên môn thích ứng với yêu cầu của công việc.

*** Về năng lực tự chủ và trách nhiệm**

MT6: Tự giác thực hiện tốt các quy định an toàn nghề nghiệp cho bản thân, cộng đồng, trung thực và có trách nhiệm trong công tác chuyên môn. Có ý thức tự học và nâng cao trình độ.

MT7: Có ý thức bảo vệ, gìn giữ môi trường tự nhiên xung quanh. Nhận thức được tầm quan trọng của việc học và sử dụng Hóa hữu cơ làm nền tảng cho các môn học khác liên quan đến chuyên ngành Dược.

4. Mức đóng góp của học phần cho chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo

Học phần đóng góp cho chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo (PO) theo mức độ sau:

0 = Không đóng góp; 1 = Mức thấp; 2 = Mức trung bình; 3 = Mức cao

Mã HP	Tên HP	Mức độ đóng góp của học phần cho CDR của CTĐT										
		PO1	PO2	PO3	PO4	PO5	PO6	PO7	PO8	PO9	PO10	PO11
0102000264	Hóa hữu cơ 2	0	0	0	3	3	0	3	0	3	0	2
		PO12	PO13	PO14	PO15	PO16	PO17					
		2	2	0	0	3	3					

5. Chuẩn đầu ra của học phần (CO)

Mục tiêu HP	CDR của HP	Nội dung CDR của học phần Hoàn thành học phần này, sinh viên đạt được:	CDR của CTĐT
Kiến thức			
MT1	CO1	Nắm vững kiến thức cơ bản về sự phân loại hợp chất hữu cơ (đơn chức, đa chức, tạp chức, hợp chất dị vòng)	PO4, PO5
MT1	CO2	Nêu được đặc điểm cấu tạo, từ đó xác định tính chất vật lý, tính chất hóa học, phương pháp điều chế và ứng dụng của các nhóm hợp chất hữu cơ tạp chức	PO4, PO5

MT2	CO3	Nêu được đặc điểm cấu tạo, từ đó xác định tính chất vật lý, tính chất hóa học, phương pháp điều chế và ứng dụng của các nhóm hợp chất hữu cơ dị vòng	PO4, PO5
MT2	CO4	Nêu được đặc điểm cấu tạo, từ đó xác định tính chất vật lý, tính chất hóa học, phương pháp điều chế và ứng dụng của các nhóm hợp chất thiên nhiên	PO4, PO5
Kỹ năng			
MT3	CO5	Có khả năng nhận dạng, phân tích và giải quyết các vấn đề trong thực tiễn liên quan đến hóa hữu cơ. Sử dụng công cụ máy tính trong hóa hữu cơ	PO7, PO9, PO11, PO12, PO13
MT4 MT5	CO6	Biết liên hệ và vận dụng các kiến thức cơ bản về hóa hữu cơ vào những ngành khoa học khác, đặc biệt giải thích các vấn đề liên quan đến ngành Y-Dược học.	PO7, PO9, PO11, PO12, PO13
Năng lực tự chủ và trách nhiệm			
MT9	CO7	- Có thái độ nghiêm túc trong học tập; Biết cách học tập, làm việc theo nhóm.	PO16, PO17
MT10	CO8	Nhận thức được tầm quan trọng của việc học và sử dụng Hóa hữu cơ, làm nền tảng cho các môn học khác liên quan đến chuyên ngành Dược.	PO16, PO17.

6. Nội dung tóm tắt của học phần

Học phần Hóa hữu cơ 2 cung cấp cho người học các kiến thức cơ bản về danh pháp, cấu tạo, tính chất vật lý, tính chất hóa học, phương pháp điều chế và ứng dụng của các nhóm hợp chất tạp chức (hydroxy acid, halogeno acid, carbohydrate, acid amine, peptide), nhóm hợp chất dị vòng, tạo nền tảng vững chắc cho sinh viên học các môn học khác liên quan đến chuyên ngành Y - Dược như Hóa Dược, Hóa sinh, Dược liệu,...

7. Phương pháp, hình thức tổ chức dạy học

Phương pháp, hình thức tổ chức dạy học	Mục đích	CDR của HP đạt được
--	----------	---------------------

Thuyết trình	Cung cấp cho sinh viên hệ thống kiến thức nền tảng của môn học một cách khoa học, logic.	CO1, CO2, CO3, CO4
Thảo luận	Thông qua việc hỏi đáp giữa giảng viên và sinh viên để làm rõ các nội dung kiến thức trong môn học.	CO1, CO2, CO3, CO4, CO5
Bài tập	Giúp sinh viên hiểu rõ và biết vận dụng các nội dung môn học vào các vấn đề thực tiễn.	CO4, CO5, CO6
Trình bày nhóm	Giúp sinh viên có thái độ nghiêm túc trong học tập, biết cách học tập, làm việc theo nhóm.	CO6, CO7
Nghiên cứu bài học, đọc tài liệu tham khảo	Giúp sinh viên tăng cường năng lực tự học, tự nghiên cứu.	CO7, CO8

8. Phương pháp, hình thức tổ chức sinh viên tự học

STT	Tên bài/Nội dung cụ thể	Phương pháp tự học	Tài liệu tham khảo
1	1. Nhóm hợp chất tạp chức (Halogeno acid) 2. Hydroxy acid 3. Hợp chất hai chức có chứa nhóm carbonyl 4. Carbohydrate 5. Acid amine; peptide; protide 6. Khái quát chung về hợp chất dị vòng 7. Hợp chất dị vòng 5 cạnh 1 dị tố 8. Hợp chất dị vòng 5 cạnh nhiều dị tố 9. Hợp chất dị vòng 6 cạnh 1 dị tố 10. Hợp chất dị vòng 6 cạnh nhiều dị tố 11. Hợp chất thiên nhiên (Terpene) 12. Hợp chất thiên nhiên (Steroid)	Đọc trước tài liệu ở mỗi chương, trước khi bắt đầu buổi học	Bộ môn Hóa cơ bản □ Khoa Y □ Trường Đại học Nam Cần Thơ (2022), <i>Bài giảng Hóa hữu cơ 2</i> .

2	<ol style="list-style-type: none"> 1. Nhóm hợp chất tạp chức (Halogeno acid) 2. Hydroxy acid 3. Hợp chất hai chức có chứa nhóm carbonyl 4. Carbohydrate 5. Acid amine; peptide; protide 6. Khái quát chung về hợp chất dị vòng 7. Hợp chất dị vòng 5 cạnh 1 dị tố 8. Hợp chất dị vòng 5 cạnh nhiều dị tố 9. Hợp chất dị vòng 6 cạnh 1 dị tố 10. Hợp chất dị vòng 6 cạnh nhiều dị tố 11. Hợp chất thiên nhiên (Terpene) 12. Hợp chất thiên nhiên (Steroid) 	<p>Làm bài tập sau khi học xong các bài lý thuyết</p>	<p>Bộ môn Hóa cơ bản □ Khoa Y □ Trường Đại học Nam Cần Thơ (2022), <i>Bài giảng Hóa hữu cơ 2.</i></p>
3	<ol style="list-style-type: none"> 1. Nhóm hợp chất tạp chức (Halogeno acid) 2. Hydroxy acid 3. Hợp chất hai chức có chứa nhóm carbonyl 4. Carbohydrate 5. Acid amine; peptide; protide 6. Khái quát chung về hợp chất dị vòng 7. Hợp chất dị vòng 5 cạnh 1 dị tố 8. Hợp chất dị vòng 5 cạnh nhiều dị tố 9. Hợp chất dị vòng 6 cạnh 1 dị tố 10. Hợp chất dị vòng 6 cạnh nhiều dị tố 11. Hợp chất thiên nhiên (Terpene) 12. Hợp chất thiên nhiên (Steroid) 	<p>Học nhóm. Chia làm 10 nhóm, mỗi nhóm sẽ tìm hiểu về một chương trong bài học</p>	<p>Bộ môn Hóa cơ bản □ Khoa Y □ Trường Đại học Nam Cần Thơ (2022), <i>Bài giảng Hóa hữu cơ 2.</i></p>

9. Nhiệm vụ của sinh viên

- Dự lớp: đọc trước bài giảng, giáo trình, phát hiện vấn đề, nghe giảng, nêu các câu hỏi và tham gia thảo luận về các vấn đề do giáo viên và sinh viên khác đặt ra.
- Bài tập: chuẩn bị bài tập, phát hiện vấn đề, tham gia giải và sửa bài tập trên lớp, học nhóm.
- Nghiên cứu: đọc tài liệu tham khảo, tham gia làm việc nhóm, trình bày – báo cáo.
- Tìm kiếm, tham khảo các tài liệu do giảng viên hướng dẫn.
- Tự học, tự nghiên cứu ở nhà những vấn đề đã được nghe giảng tại lớp.

10. Đánh giá kết quả học tập của sinh viên (thang điểm 10)

TT	Hình thức	Trọng số (%)	Tiêu chí đánh giá	Điểm tối đa
1	Chuyên cần	10	- Tính chủ động, mức độ tích cực chuẩn bị bài và tham gia các hoạt động trong giờ học - Tham dự buổi học bắt buộc tối thiểu là 80%	10
2	Bài tập cá nhân	10	Được cộng điểm vào điểm chuyên cần.	10
3	Bài kiểm tra định kỳ	30	Bài kiểm tra trắc nghiệm theo đáp án, thang điểm của giảng viên	10
4	Thi kết thúc HP	50	Theo đáp án, thang điểm của giảng viên	10

11. Rubric đánh giá môn học

STT	Chuẩn đầu ra học phần	Nội dung đánh giá	Không đạt (<4.0)	Trung bình yếu/Trung bình khá (4.0-6.99)	Khá (7.0-7.99)	Giỏi/Xuất sắc (8.0-10.0)	Điểm tối đa (th: đi: 1)
1	CO1, CO2, CO3, CO4	Kiến thức	Chưa có kiến thức cơ bản về danh pháp, cấu tạo, tính chất, điều chế và ứng dụng của nhóm hợp chất hữu cơ tạp chức (halogeno acid, hydroxy acid, carbohydrate, acid amine, peptide,...) liên quan đến ngành Y – Dược	Có kiến thức cơ bản về danh pháp, cấu tạo, tính chất của nhóm hợp chất hữu cơ tạp chức (halogeno acid, hydroxy acid, carbohydrate, acid amine, peptide,...) liên quan đến ngành Y – Dược	Có kiến thức cơ bản về danh pháp, cấu tạo, tính chất, điều chế và ứng dụng của nhóm hợp chất hữu cơ tạp chức (halogeno acid, hydroxy acid, carbohydrate, acid amine, peptide,...) liên quan đến ngành Y – Dược	Có kiến thức cơ bản về danh pháp, cấu tạo, tính chất, điều chế và ứng dụng của nhóm hợp chất hữu cơ tạp chức (halogeno acid, hydroxy acid, carbohydrate, acid amine, peptide,...) liên quan đến ngành Y – Dược	1

		Chưa có kiến thức cơ bản về danh pháp, cấu tạo, tính chất, điều chế và ứng dụng của nhóm hợp chất hữu cơ dị vòng, hợp chất thiên nhiên liên quan đến ngành Y - Dược	Chưa có kiến thức cơ bản về danh pháp, cấu tạo, tính chất, điều chế và ứng dụng của nhóm hợp chất hữu cơ dị vòng, hợp chất thiên nhiên liên quan đến ngành Y - Dược	Chưa có kiến thức cơ bản về danh pháp, cấu tạo, tính chất, điều chế và ứng dụng của nhóm hợp chất hữu cơ dị vòng, hợp chất thiên nhiên liên quan đến ngành Y - Dược	Có kiến thức cơ bản về danh pháp, cấu tạo, tính chất, điều chế và ứng dụng của nhóm hợp chất hữu cơ dị vòng, hợp chất thiên nhiên liên quan đến ngành Y - Dược
CO5, CO6, CO7	Kỹ năng	<p>Chưa biết cách tìm kiếm tài liệu, tổng hợp, phân tích và đánh giá kiến thức có liên quan thông qua các trang mạng internet, thư viện và các phương tiện khác, sử dụng các phần mềm máy tính ứng dụng trong hóa học hữu cơ.</p> <p>Chưa biết liên hệ và vận dụng các kiến thức cơ bản về hóa hữu cơ vào những ngành khoa học khác, đặc biệt giải thích các vấn đề liên quan đến ngành Y-Dược học khi học các môn cơ sở ngành và chuyên ngành như Hóa sinh, Hóa dược, kiểm nghiệm, dược liệu,...</p> <p>Chưa có khả năng làm việc độc lập, cũng như làm việc nhóm, kỹ năng tự học và cập nhật kiến thức chuyên môn thích ứng với yêu cầu của công việc.</p>	<p>Biết cách tìm kiếm tài liệu, tổng hợp, phân tích và đánh giá kiến thức có liên quan thông qua các trang mạng internet, thư viện và các phương tiện khác, sử dụng các phần mềm máy tính ứng dụng trong hóa học hữu cơ.</p> <p>Chưa biết liên hệ và vận dụng các kiến thức cơ bản về hóa hữu cơ vào những ngành khoa học khác, đặc biệt giải thích các vấn đề liên quan đến ngành Y-Dược học khi học các môn cơ sở ngành và chuyên ngành như Hóa sinh, Hóa dược, kiểm nghiệm, dược liệu,...</p> <p>Chưa có khả năng làm việc độc lập, cũng như làm việc nhóm, kỹ năng tự học và cập nhật kiến thức chuyên môn thích ứng với yêu cầu của công việc.</p>	<p>Biết cách tìm kiếm tài liệu, tổng hợp, phân tích và đánh giá kiến thức có liên quan thông qua các trang mạng internet, thư viện và các phương tiện khác, sử dụng các phần mềm máy tính ứng dụng trong hóa học hữu cơ.</p> <p>Biết liên hệ và vận dụng các kiến thức cơ bản về hóa hữu cơ vào những ngành khoa học khác, đặc biệt giải thích các vấn đề liên quan đến ngành Y-Dược học khi học các môn cơ sở ngành và chuyên ngành như Hóa sinh, Hóa dược, kiểm nghiệm, dược liệu,...</p> <p>Chưa có khả năng làm việc độc lập, cũng như làm việc nhóm, kỹ năng tự học và cập nhật kiến thức chuyên môn thích ứng với yêu cầu của công việc.</p>	<p>Biết tìm kiếm tài liệu, tổng hợp, phân tích và đánh giá kiến thức có liên quan thông qua các trang mạng internet, thư viện và các phương tiện khác, sử dụng các phần mềm máy tính ứng dụng trong hóa học hữu cơ.</p> <p>Biết liên hệ và vận dụng các kiến thức cơ bản về hóa hữu cơ vào những ngành khoa học khác, đặc biệt giải thích các vấn đề liên quan đến ngành Y-Dược học khi học các môn cơ sở ngành và chuyên ngành như Hóa sinh, Hóa dược, kiểm nghiệm, dược liệu,...</p> <p>Có khả năng làm việc độc lập, cũng như làm việc nhóm, kỹ năng tự học và cập nhật kiến thức chuyên môn thích ứng với yêu cầu của công việc.</p>

	CO8, CO9	Năng lực tự chủ, tự chịu trách nhiệm	Rèn luyện cho sinh viên tính chuyên cần, nhiệt huyết trong học tập, nghiên cứu khoa học và có lòng yêu nghề, tìm hiểu những vấn đề thực tiễn trong đời sống, sản xuất liên quan đến Hóa hữu cơ.	· Thái độ làm việc nghiêm túc, còn một số sai sót nhỏ, có thể khắc phục sau khi được hướng dẫn. · Có khả năng tự tìm hiểu tài liệu tự nghiên cứu và giải quyết các vấn đề phát sinh. · Có tinh thần làm việc nhóm, hỗ trợ, giúp đỡ nhau. · Biết phân chia, sắp xếp công việc theo sự phân công, hỗ trợ giúp đỡ nhau trong giờ học lý thuyết và thực hành	Thái độ làm việc nghiêm túc, cẩn thận, sai sót được hạn chế. · Có khả năng tự tìm hiểu tài liệu tự nghiên cứu và giải quyết các vấn đề phát sinh. · Có tinh thần làm việc nhóm, hỗ trợ, giúp đỡ nhau.	· Thái độ làm việc nghiêm túc, cẩn thận, sai sót được hạn chế, có thể tự khắc phục sai sót. · Có tinh thần làm việc nhóm, hỗ trợ, giúp đỡ nhau. · nhân viên hướng dẫn và bạn bè. · Có sáng kiến cải tiến công việc Nhận thức được tầm quan trọng của các kiến thức cơ bản liên quan đến ngành học
--	----------	--------------------------------------	---	--	---	---

12. Học liệu

12.1. Tài liệu học tập

[1] Bộ môn Hóa cơ bản □ Khoa Y □ Trường Đại học Nam Cần Thơ (2022), *Bài giảng Hóa hữu cơ 2*.

12.2. Tài liệu tham khảo

[2] PGS.TS.Trương Thế Kỹ (2011), *Hóa hữu cơ*, Nhà xuất bản Y học.

[3] Trương Thế Kỹ(2013), *Danh pháp các hợp chất hữu cơ*, Nhà xuất bản Y học.

[4] Đặng Như Tại (2015) – Ngô Thị Thuận, *Hóa học hữu cơ tập 2*, Nhà xuất bản giáo dục.

13. Nội dung chi tiết học phần

Tuần	Nội dung	Số tiết	Tài liệu	CDR của HP
1	1. Nhóm hợp chất tạp chức (Halogeno acid)	2		
	<ul style="list-style-type: none"> – Phương pháp điều chế – Các phản ứng hóa học của halogeno acid – Một số halogeno acid có nhiều ứng dụng – Câu hỏi lượng giá 		[1] Chương 1: Trang 07-13	CO1, CO2, CO3, CO4, CO5, CO6, CO7, CO8, CO9
2	2. Hydroxy acid	3		

	<ul style="list-style-type: none"> - Danh pháp - Đồng phân - Điều chế - Tính chất lý học - Tính chất hóa học - Ứng dụng - Câu hỏi lượng giá 		[1] Chương 2: Trang 14- 24	CO1, CO2, CO3, CO4, CO5, CO6, CO7, CO8, CO9
3	3. Hợp chất hai chức có chứa nhóm carbonyl	2		
	<ul style="list-style-type: none"> - Hydroxy - aldehyde và hydroxy - ketone - Keto - aldehyde, keto - acid, keto - ester - Câu hỏi lượng giá 		[1] Chương 3: Trang 25- 30	CO1, CO2, CO3, CO4, CO5, CO6, CO7, CO8, CO9
4-5	4. Carbohydrate	4		
	<ul style="list-style-type: none"> - Monosaccharide - Ologosaccharide - Polysaccharide - Câu hỏi lượng giá 		[1] Chương 4: Trang 31- 55	CO1, CO2, CO3, CO4, CO5, CO6, CO7, CO8, CO9
5-6	5. Acid amine; peptide; protide	4		
	<ul style="list-style-type: none"> - Acid amine - Peptide - Protide - Câu hỏi lượng giá 		[1] Chương 5: Trang 56- 71	CO1, CO2, CO3, CO4, CO5, CO6, CO7, CO8, CO9
7	6. Khái quát chung về hợp chất dị vòng	2		

	<ul style="list-style-type: none"> – Định nghĩa – Phân loại hợp chất dị vòng – Danh pháp hợp chất dị vòng – Cấu tạo các dị vòng thơm – Tính chất hóa học của dị vòng có tính thơm – Câu hỏi lượng giá 		[1] Chương 6: Trang 72-84	CO1, CO2, CO3, CO4, CO5, CO6, CO7, CO8, CO9
	7. Hợp chất dị vòng 5 cạnh 1 dị tố	2		
7	<ul style="list-style-type: none"> – Kiểm tra giữa kỳ – Nhóm furane – Nhóm pyrrole – Nhóm thiophene – Câu hỏi lượng giá 		[1] Chương 7: Trang 85-96	CO1, CO2, CO3, CO4, CO5, CO6, CO7, CO8, CO9
	8. Hợp chất dị vòng 5 cạnh nhiều dị tố	2		
8	<ul style="list-style-type: none"> – Nhóm oxazole – Nhóm thiazole – Nhóm imidazole: 1,3-diazole – Pyrazole: 1,2-diazole – Câu hỏi lượng giá 		[1] Chương 8: Trang 97-105	CO1, CO2, CO3, CO4, CO5, CO6, CO7, CO8, CO9
	9. Hợp chất dị vòng 6 cạnh 1 dị tố	2		
8	<ul style="list-style-type: none"> – Pyridine – Pyrane – Câu hỏi lượng giá 		[1] Chương 9: Trang 106-120	CO1, CO2, CO3, CO4, CO5, CO6, CO7, CO8, CO9
8,9	10. Hợp chất dị vòng 6 cạnh nhiều dị tố	2		

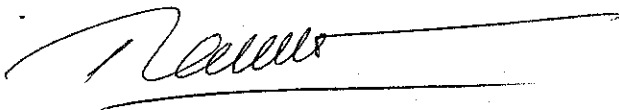
	<ul style="list-style-type: none"> - Hợp chất dị vòng 2 dị tố là nito (N) - Hợp chất dị vòng 2 dị tố là nito (N) và lưu huỳnh (S) - Hợp chất dị vòng 2 dị tố là nito (N) và oxy (O) - Hợp chất dị vòng 2 dị tố oxy (O) - Câu hỏi lượng giá 		[1] Chương 10: Trang 121-129	CO1, CO2, CO3, CO4, CO5, CO6, CO7, CO8, CO9
	11. Hợp chất thiên nhiên (Terpene)	3		
9	<ul style="list-style-type: none"> - Định nghĩa và phân loại - Monoterpene $C_{10}H_{16}$ - Sesquiterpene $(C_5H_8)_3$ - Diterpene $(C_5H_8)_4$ - Triterpene $(C_5H_8)_6$ - Tetraterpene $(C_5H_8)_8$ - Polyterpene - Câu hỏi lượng giá 		[1] Chương 11: Trang 130-153	CO1, CO2, CO3, CO4, CO5, CO6, CO7, CO8, CO9
	12. Hợp chất thiên nhiên (Steroid)	2		
10	<ul style="list-style-type: none"> - Đánh số trên khung steroid - Cấu hình và danh pháp của khung steroid - Cấu hình và danh pháp các nhóm thế trên khung steroid - Cấu dạng của steroid <ul style="list-style-type: none"> - Sterol (Sterin) - Các acid mật - Các Hormon - Câu hỏi lượng giá 		[1] Chương 12: Trang 154-166	CO1, CO2, CO3, CO4, CO5, CO6, CO7, CO8, CO9
	13. Những vấn đề chung (Thực hành)	1		
1	<ul style="list-style-type: none"> - Nội quy phòng thí nghiệm - Kỹ thuật an toàn trong thực hành Hóa hữu cơ - Những điều cần biết khi xảy ra tai nạn - Một số hiểu biết về tính độc hại của các hóa chất sử dụng trong thực hành Hóa hữu cơ - Một số dụng cụ, thiết bị, hệ thống phản ứng thông dụng trong thí nghiệm 		[2] Chương 1: Trang 1-25	CO1, CO2, CO3, CO4, CO5, CO6, CO7, CO8, CO9

	- Những thao tác, kỹ thuật cơ bản trong thí nghiệm Hóa hữu cơ - Cách trình bày một bài phức trình thực hành Hóa hữu cơ			
--	---	--	--	--

14. Yêu cầu của giảng viên đối với học phần

- Phòng học có bảng lớn, máy chiếu, phấn, micrô, máy chiếu và loa.

TRƯỞNG KHOA
(ký tên)



TS.BSCKII. THÁI VIẾT TẶNG

TRƯỞNG BỘ MÔN
(ký tên)



Lê Văn Đil

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

Tên học phần: Thực hành Hóa Hữu cơ 2 (Experimental Organic Chemistry 2)

Mã học phần: 0102000954

1. Thông tin về học phần

Số tín chỉ: 1

- Thực hành: 1

Tổng số tiết quy chuẩn: 30

Phân bổ thời gian:

Tổng thời gian học của sinh viên	Giờ trên lớp				Tổng thời gian học trên lớp và tự học
	L	T	P	O	
L = Lý thuyết T = Bài tập P = Thực hành O = Thảo luận/seminar	0	0	30	0	30 + 60 = 90

Loại học phần: Bắt buộc

Học phần tiên quyết: Hóa đại cương, Hóa hữu cơ 1,

Học phần học trước: Hóa đại cương, Hóa vô cơ, Hóa hữu cơ 1.

Học phần học song hành: Không

Ngôn ngữ giảng dạy: Tiếng Việt □

2. Đơn vị phụ trách: Bộ môn Hóa cơ bản, Khoa Y, Trường Đại học Nam Cần Thơ.

3. Mục tiêu của học phần (kí hiệu MT):

* Về kiến thức

MT1: Trang bị cho sinh viên các kiến thức cơ bản về tính chất vật lý, tính chất hóa học, phương pháp điều chế và ứng dụng hợp chất hữu cơ thông qua các bài thực hành, từ đó có thể giải thích các vấn đề trong hóa học liên quan đến thực tiễn và ngành Y Dược.

MT2: Trang bị cho sinh viên kiến thức cơ bản về việc sử dụng các dụng cụ, thiết bị hóa chất thí nghiệm một cách hợp lý và chính xác.

* Về kỹ năng

MT3: Rèn luyện cho sinh viên những kỹ năng cơ bản về việc sử dụng các dụng cụ, thiết bị phòng thí nghiệm, cách pha chế hóa chất và sử dụng hóa chất một cách an toàn, kỹ năng phân tích, xử lý kết quả sau khi thực tập.

MT4: Rèn luyện cho sinh viên những kỹ năng tìm kiếm và nghiên cứu tài liệu học phần Hóa hữu cơ, kỹ năng vận dụng lý thuyết và thực hành vào nghiên cứu khoa học, thực tiễn và khái quát hóa được kiến thức để áp dụng vào nghề nghiệp liên quan đến Y – Dược.

MT5: Kỹ năng làm việc độc lập, cũng như làm việc nhóm, kỹ năng tự học và cập nhật kiến thức chuyên môn thích ứng với yêu cầu của công việc.

*** Về năng lực tự chủ và trách nhiệm**

MT6: Tự giác thực hiện tốt các quy định an toàn nghề nghiệp cho bản thân, cộng đồng, trung thực và có trách nhiệm trong công tác chuyên môn. Có ý thức tự học và nâng cao trình độ.

MT7: Có ý thức bảo vệ, gìn giữ môi trường tự nhiên xung quanh. Nhận thức được tầm quan trọng của việc học và sử dụng các kiến thức cơ bản về lý thuyết và thực hành Hóa hữu cơ làm nền tảng cho các môn học khác liên quan đến chuyên ngành Y Dược.

4. Mức đóng góp của học phần cho chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo

Học phần đóng góp cho chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo (PO) theo mức độ sau:

0 = Không đóng góp; 1 = Mức thấp; 2 = Mức trung bình; 3 = Mức cao

Mã HP	Tên HP	Mức độ đóng góp của học phần cho CDR của CTĐT										
		PO1	PO2	PO3	PO4	PO5	PO6	PO7	PO8	PO9	PO10	PO11
0102000954	Hóa hữu cơ 2-TH	0	0	0	1	0	2	2	1	0	1	1
		PO12	PO13	PO14	PO15	PO16	PO17					
		1	1	0	0	2	1					

5. Chuẩn đầu ra của học phần (CO)

Mục tiêu HP	CDR của HP	Nội dung CDR của học phần Hoàn thành học phần này, sinh viên đạt được:	CDR của CTĐT
Kiến thức			
MT1	CO1	Mô tả được những kiến thức cơ bản khi làm việc trong phòng thí nghiệm: kỹ thuật an toàn khi sử dụng hóa chất, cách sử dụng dụng cụ, thiết bị.	PO4, PO6
MT1	CO2	Biết cách pha chế các loại nồng độ dung dịch, các thuốc thử cần sử dụng trong bài thực hành	PO4, PO6

MT2	CO3	Hiểu rõ được phương pháp tổng hợp và tính chất các chất hữu cơ trong bài thực hành.	PO4, PO6
MT2	CO4	Mô tả và giải thích được các thao tác, kỹ thuật thực hiện trong các bài thực hành	PO4, PO6
Kỹ năng			
MT3 MT4	CO5	Phân tích và giải thích được các hiện tượng xảy, kết quả trong các thí nghiệm	PO2, PO8, PO10, PO11, PO12, PO13
MT3 MT4	CO6	Xử lý được số liệu, kết quả thí nghiệm trong các bài điều chế tổng hợp, tính hiệu suất phản ứng	PO2, PO8, PO10, PO11, PO12, PO13
MT3 MT4	CO7	Phân tích và giải thích được kết quả quy trình điều chế tổng hợp hợp chất hữu cơ.	PO2, PO8, PO10, PO11, PO12, PO13
MT5	CO8	Làm việc nhóm hiệu quả	PO2, PO8, PO10, PO11, PO12, PO13
MT5	CO9	Phát triển năng lực phân tích, tổng hợp, so sánh và hình thành tư duy phản biện	PO7, PO9, PO11, PO12, PO13
Năng lực tự chủ và trách nhiệm			
MT6	CO10	Tuân thủ đúng các quy định an toàn phòng thí nghiệm và có ý thức bảo vệ môi trường	PO16, PO17
MT6	CO11	Xử lý kết quả và hoàn thành bài báo cáo thí nghiệm đúng thời gian qui định	PO16, PO17.
MT7	CO12	Có tác phong và cách thức làm việc chuẩn mực	PO16, PO17

6. Nội dung tóm tắt của học phần

Học phần Thực hành Hóa hữu cơ 2 bao gồm hai phần lý thuyết và thực hành. Phần lý thuyết bao gồm những vấn đề chung về quy định và kỹ thuật an toàn phòng thí nghiệm, các kỹ thuật cơ bản sử dụng dụng cụ, thiết bị và hướng dẫn pha chế dung dịch. Phần thực hành bao gồm các bài thí nghiệm để kiểm tra tính chất, định tính và điều chế các hợp chất hữu cơ phù hợp với các phản ứng hóa học đặc trưng đã được học ở học phần Hóa hữu cơ. Đáp ứng được những yêu cầu cần thiết cho sinh viên ngành Dược.

7. Phương pháp, hình thức tổ chức dạy học

Phương pháp, hình thức	Mục đích	CDR của HP đạt được
------------------------	----------	---------------------

tổ chức dạy học		
Thuyết trình	Cung cấp cho sinh viên hệ thống kiến thức nền tảng của môn học một cách khoa học, logic.	CO1, CO2, CO3, CO4, CO5, CO6, CO7
Thảo luận	Thông qua việc hỏi đáp giữa giảng viên và sinh viên để làm rõ các nội dung kiến thức trong môn học.	CO1, CO2, CO3, CO4, CO5, CO6, CO7
Thí nghiệm	Giúp sinh viên nắm vững các thao tác, kỹ thuật cơ bản trong thí nghiệm hóa học	CO5, CO6, CO7
Trực quan	Giúp sinh viên có thái độ nghiêm túc, hứng thú trong học tập.	CO5, CO6, CO7
Nghiên cứu bài học, đọc tài liệu tham khảo	Giúp sinh viên tăng cường năng lực tự học, tự nghiên cứu.	CO8, CO9

8. Phương pháp, hình thức tổ chức sinh viên tự học

STT	Tên bài/Nội dung cụ thể	Phương pháp tự học	Tài liệu tham khảo
4	<p>Bài 1: Dụng cụ và kỹ thuật thực nghiệm cơ bản trong phòng thí nghiệm. Điều chế Aspirin</p> <p>Bài 2: Hợp chất dị vòng. Vitamin</p> <p>Bài 3: Hợp chất tạp chức: hydroxyacid, carbohydrate, amino acid, protein</p> <p>Bài 4: Chiết, tách cafein từ lá trà</p> <p>Bài 5: Điều chế paracetamol</p> <p>Bài 6: Tách các sắc tố màu của lá cây xanh bằng sắc ký cột</p>	Học nhóm. Chia làm 6 nhóm, mỗi nhóm sẽ tìm hiểu về một bài trong nội dung thực hành.	Bộ môn Hóa cơ bản □ Khoa Y □ Trường Đại học Nam Cần Thơ (2022), <i>Bài giảng Thực hành Hóa hữu cơ 2.</i>

9. Nhiệm vụ của sinh viên

- Dự lớp: đọc trước bài giảng, giáo trình, phát hiện vấn đề, nghe giảng, nêu các câu hỏi và tham gia thảo luận về các vấn đề do giáo viên và sinh viên khác đặt ra.
- Bài tập: chuẩn bị bài tập, phát hiện vấn đề, tham gia giải và sửa bài tập trên lớp, học nhóm.
- Nghiên cứu: đọc tài liệu tham khảo, tham gia làm việc nhóm, trình bày – báo cáo.

- Thực hành: thuộc quy trình kỹ thuật trước khi thực hành (theo bảng kiểm thực hành), có thái độ nghiêm túc trong học tập, biết cách học tập, làm việc theo nhóm.
- Thực hiện đúng quy trình kỹ thuật một thủ thuật ít nhất 2 - 3 lần trong một buổi thực hành (kỹ thuật rửa dụng cụ, đun nóng, cân hóa chất, pha chế các dung dịch acid, base, muối, lấy hóa chất,...).
- Tìm kiếm, tham khảo các tài liệu do giảng viên hướng dẫn.
- Tự học, tự nghiên cứu ở nhà những vấn đề đã được nghe giảng tại lớp.

10. Đánh giá kết quả học tập của sinh viên (thang điểm 10)

TT	Hình thức	Trọng số (%)	Tiêu chí đánh giá	CĐR của HP	Điểm tối đa
1	Chuyên cần (ý thức, tác phong...)	20	- Tuân thủ các quy định, nội quy và thực tập nghiêm túc trong giờ thực hành. - Tham dự buổi học bắt buộc là 100%	CO7, CO8	10
2	Bài kiểm tra tại lớp	30	Kiểm tra sự chuẩn bị bài ở mỗi buổi thực tập	CO1, CO2, CO3, CO4, CO7, CO8	10
3	Thực tập	50	Viết lại các bài phức trình, sau mỗi buổi thực tập	CO5, CO6, CO7, CO8	10

11. Rubric đánh giá môn học

STT	Chuẩn đầu ra học phần	Nội dung đánh giá	Không đạt (<4.0)	Trung bình yếu/Trung bình khá (4.0-6.99)	Khá (7.0-7.99)	Giỏi/Xuất sắc (8.0-10.0)	Điểm tối đa (thang điểm)
1	CO1, CO2, CO3, CO4	Kiến thức	Không nắm được kiến thức cơ bản về tính chất vật lý, tính chất hóa học, phương pháp điều chế và ứng dụng hợp chất hữu cơ thông qua các bài thực hành, từ đó có thể giải thích các vấn đề trong hóa học liên quan đến thực tiễn và ngành Y Dược.	Nắm được kiến thức cơ bản về tính chất vật lý, tính chất hóa học, phương pháp điều chế và ứng dụng hợp chất hữu cơ thông qua các bài thực hành Không nắm được kiến thức cơ bản về việc sử dụng các dụng cụ, thiết bị hóa chất thí	Nắm được kiến thức cơ bản về tính chất vật lý, tính chất hóa học, phương pháp điều chế và ứng dụng hợp chất hữu cơ thông qua các bài thực hành, từ đó có thể giải thích các vấn đề trong hóa học liên quan đến thực tiễn và ngành Y Dược.	Nắm được kiến thức cơ bản về tính chất vật lý, tính chất hóa học, phương pháp điều chế và ứng dụng hợp chất hữu cơ thông qua các bài thực hành, từ đó có thể giải thích các vấn đề trong hóa học liên quan đến thực tiễn và ngành Y Dược.	1

			Không nắm được kiến thức cơ bản về việc sử dụng các dụng cụ, thiết bị hóa chất thí nghiệm một cách hợp lý và chính xác.	nghiệm một cách hợp lý và chính xác.	Không nắm được kiến thức cơ bản về việc sử dụng các dụng cụ, thiết bị hóa chất thí nghiệm một cách hợp lý và chính xác.	Nắm được kiến thức cơ bản về việc sử dụng các dụng cụ, thiết bị hóa chất thí nghiệm một cách hợp lý và chính xác.
	CO5, CO6, CO7	Kỹ năng	<p>Chưa có kỹ năng cơ bản về việc sử dụng các dụng cụ, thiết bị phòng thí nghiệm, cách pha chế hóa chất và sử dụng hóa chất một cách an toàn, kỹ năng phân tích, xử lý kết quả sau khi thực tập.</p> <p>Chưa có kỹ năng tìm kiếm và nghiên cứu tài liệu học phần Hóa hữu cơ, kỹ năng vận dụng lý thuyết và thực hành vào nghiên cứu khoa học, thực tiễn và khái quát hóa được kiến thức để áp dụng vào nghề nghiệp liên quan đến Y - Dược.</p> <p>Chưa có kỹ năng làm việc độc lập, cũng như làm việc nhóm, kỹ năng tự học và cập nhật kiến thức chuyên môn thích ứng với yêu cầu của công việc.</p>	<p>Có kỹ năng cơ bản về việc sử dụng các dụng cụ, thiết bị phòng thí nghiệm, cách pha chế hóa chất và sử dụng hóa chất một cách an toàn, kỹ năng phân tích, xử lý kết quả sau khi thực tập.</p> <p>Chưa có kỹ năng tìm kiếm và nghiên cứu tài liệu học phần Hóa hữu cơ, kỹ năng vận dụng lý thuyết và thực hành vào nghiên cứu khoa học, thực tiễn và khái quát hóa được kiến thức để áp dụng vào nghề nghiệp liên quan đến Y - Dược.</p> <p>Chưa có kỹ năng làm việc độc lập, cũng như làm việc nhóm, kỹ năng tự học và cập nhật kiến thức chuyên môn thích ứng với yêu cầu của công việc.</p>	<p>Có kỹ năng cơ bản về việc sử dụng các dụng cụ, thiết bị phòng thí nghiệm, cách pha chế hóa chất và sử dụng hóa chất một cách an toàn, kỹ năng phân tích, xử lý kết quả sau khi thực tập.</p> <p>Có kỹ năng tìm kiếm và nghiên cứu tài liệu học phần Hóa hữu cơ, kỹ năng vận dụng lý thuyết và thực hành vào nghiên cứu khoa học, thực tiễn và khái quát hóa được kiến thức để áp dụng vào nghề nghiệp liên quan đến Y - Dược.</p> <p>Chưa có kỹ năng làm việc độc lập, cũng như làm việc nhóm, kỹ năng tự học và cập nhật kiến thức chuyên môn thích ứng với yêu cầu của công việc.</p>	<p>Có kỹ năng cơ bản về việc sử dụng các dụng cụ, thiết bị phòng thí nghiệm, cách pha chế hóa chất và sử dụng hóa chất một cách an toàn, kỹ năng phân tích, xử lý kết quả sau khi thực tập.</p> <p>Có kỹ năng tìm kiếm và nghiên cứu tài liệu học phần Hóa hữu cơ, kỹ năng vận dụng lý thuyết và thực hành vào nghiên cứu khoa học, thực tiễn và khái quát hóa được kiến thức để áp dụng vào nghề nghiệp liên quan đến Y - Dược.</p> <p>Có kỹ năng làm việc độc lập, cũng như làm việc nhóm, kỹ năng tự học và cập nhật kiến thức chuyên môn thích ứng với yêu cầu của công việc.</p>

	CO8, CO9	Năng lực tự chủ, tự chịu trách nhiệm	Không tuân thủ đúng các quy định an toàn phòng thí nghiệm và không có ý thức bảo vệ môi trường Không xử lý kết quả và hoàn thành bài báo cáo thí nghiệm đúng thời gian qui định Có tác phong và cách thức làm việc không chuẩn mực	· Tuân thủ đúng các quy định an toàn phòng thí nghiệm và có ý thức bảo vệ môi trường Xử lý kết quả và hoàn thành bài báo cáo thí nghiệm đúng thời gian qui định Có tác phong và cách thức làm việc không chuẩn mực	Thái độ làm việc nghiêm túc, cẩn thận, sai sót được hạn chế. · Có khả năng tự tìm hiểu tài liệu tự nghiên cứu và giải quyết các vấn đề phát sinh. · Tuân thủ đúng các quy định an toàn phòng thí nghiệm và có ý thức bảo vệ môi trường Xử lý kết quả và hoàn thành bài báo cáo thí nghiệm đúng thời gian qui định	· Thái độ làm việc nghiêm túc, cẩn thận, sai sót được hạn chế. · Có khả năng tự tìm hiểu tài liệu tự nghiên cứu và giải quyết các vấn đề phát sinh. · Có tinh thần làm việc nhóm, hỗ trợ, giúp đỡ nhau. Tuân thủ đúng các quy định an toàn phòng thí nghiệm và có ý thức bảo vệ môi trường Xử lý kết quả và hoàn thành bài báo cáo thí nghiệm đúng thời gian qui định Có tác phong và cách thức làm việc chuẩn mực
--	-------------	--------------------------------------	--	--	--	---

12. Học liệu

12.1. Tài liệu học tập

[1] Bộ môn Hóa cơ bản □ Khoa Y □ Trường Đại học Nam Cần Thơ (2017), *Bài giảng Thực hành Hóa hữu cơ 2*.

12.2. Tài liệu tham khảo

[2] PGS.TS.Trương Thế Kỳ(2011), *Hóa hữu cơ*, Nhà xuất bản Y học.

[3] Đặng Như Tại (2016) – Ngô Thị Thuận, *Hóa học hữu cơ tập 1*, Nhà xuất bản giáo dục.

13. Nội dung chi tiết học phần

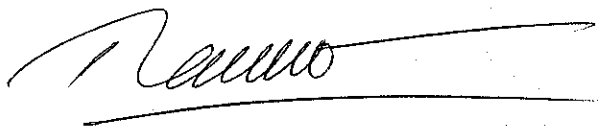
Tuần	Nội dung	Tài liệu	CĐR của HP
1	<i>Chương 1: Những vấn đề chung</i>		
1	<i>Chương 2: Những dụng cụ đơn giản và kỹ thuật cơ bản trong thí nghiệm Hóa hữu cơ</i>	[2] Chương 1: Trang 1-25	CO1, CO2, CO3, CO4, CO5, CO6, CO7, CO8, CO9
	<i>Chương 3: Nội dung thực hành</i>		
1	Bài 1: Định tính các hợp chất hydrocarbon và dẫn xuất hydrocarbon, alcol, phenol, ether	[2] Trang 26-31	CO5, CO6, CO7, CO8

2	Bài 2: Định tính các hợp chất aldehyde và ketone	[2] Trang 32-37	CO5, CO6, CO7, CO8
3	Bài 3: Định tính các hợp chất carboxylic acid, ester, amine	[2] Trang 38-43	CO5, CO6, CO7, CO8
4	Bài 4: Phản ứng sulfon hóa. Điều chế para-toluene sulfonate natri	[2] Trang 44-47	CO5, CO6, CO7, CO8
5	Bài 5: Đồng phân <i>cis-trans</i>	[2] Trang 48-49	CO5, CO6, CO7, CO8
6	Bài 6: Phản ứng ester hóa: điều chế ester isoamyl acetate	[2] Trang 50-53	CO5, CO6, CO7, CO8

14. Yêu cầu của giảng viên đối với học phần

- Phòng thực hành có đầy đủ các trang thiết bị, máy móc và hóa chất cần thiết như: tủ hút, bếp đun, bộ đun hoàn lưu, đèn soi UV, cân điện tử, bếp đun cách thủy,...

TRƯỞNG KHOA
(ký tên)



TS.BSCKII. THÁI VIẾT TĂNG

1. TRƯỞNG BỘ MÔN
(ký tên)



Lê Văn Bìl

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

1. Thông tin về học phần

Tên học phần: Giáo dục thể chất 1 - Bóng chuyền

Mã học phần: 0101000872

Số tín chỉ: 01 tín chỉ

Tổng số tiết quy chuẩn: 30 tiết

Phân bố thời gian:

Tổng thời gian học của sinh viên	Giờ trên lớp				Tổng thời gian học trên lớp và tự học
	L	T	P	O	
L - Lý thuyết					30 + 60 = 90
T - Bài tập					
P - Thực hành	3	0	27	0	
O - Thảo luận/seminar					

L loại học phần: Bất buộc

Học phần tiên quyết: Không

Học phần học trước: Không

Học phần học song hành: Không

Ngôn ngữ giảng dạy: Tiếng Việt Tiếng Anh:

Đơn vị phụ trách: Tổ Giáo dục thể chất - Khoa Cơ bản

2. Thông tin về các giảng viên

Giảng viên tổ Giáo dục thể chất - Khoa Cơ bản phụ trách

3. Mục tiêu của học phần (kí hiệu MT):

* Về kiến thức

MT1: Hiểu về lịch sử hình thành, phát triển môn bóng chuyền, đặc điểm, tính chất, tác dụng trong tập luyện môn bóng chuyền trên thế giới và Việt Nam.

MT2: Nắm được xu thế phát triển của bóng chuyền hiện đại, đặc điểm của bóng chuyền đỉnh cao ở Việt Nam.

MT3: Nắm vững các yếu lĩnh kỹ thuật cơ bản trong môn bóng chuyền.

MT4: Nắm vững một số quy định về sân bãi, dụng cụ và luật trong môn bóng chuyền.

• **Về kỹ năng**

MT5: Có kỹ năng cơ bản của môn bóng chuyền (chuyền bóng, đập bóng, phát bóng, đập bóng) khi thực hành trên lớp và trong thực tiễn thi đấu môn bóng chuyền.

• **Về năng lực tư chủ và trách nhiệm**

MT6: Có kỹ năng xử lý tình huống nhanh, kỹ năng giao tiếp và ứng xử trong tập thể.

MT7: Có ý thức chăm sóc sức khỏe và tinh thần thể thao cao thượng.

MT8: Có ý thức và tham gia tích cực các hình thức hoạt động thể dục thể thao quan chung.

MT9: Tự giác tập luyện, hướng dẫn người khác cùng tập luyện.

MT10: Có ý thức phòng ngừa bệnh tật trong tập luyện và thi đấu thể thao.

4. Mức đóng góp của học phần cho chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo

Học phần (HP) đóng góp cho chuẩn đầu ra (CDR) của chương trình đào tạo (CTĐT), ta ký hiệu là PO, theo mức độ sau:

0 – Không đóng góp; 1 – Mức thấp; 2 – Mức trung bình; 3 – Mức cao

Mã HP	Tên HP	Mức đã đóng góp của học phần cho CDR của CTĐT									
		PO1	PO2	PO3	PO4	PO5	PO6	PO7	PO8	PO9	PO10
0100872	Giáo dục thể chất I Bóng chuyền	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
		PO10	PO11	PO12	PO13	PO14	PO15	PO16	PO17		
		0	0	0	0	0	1	1	0		

5. Chuẩn đầu ra của học phần (ký hiệu CO)

Mục tiêu HP	CDR của HP	Nội dung CDR của học phần Hoàn thành học phần này, sinh viên đạt được:	CDR của CTĐT
Kiến thức			
MT1	CO1	Biết được lịch sử hình thành và phát triển môn bóng chuyền trên Thế giới và Việt Nam, đặc điểm, tính chất và tác dụng trong tập luyện môn bóng chuyền.	PO15
MT2	CO2	Biết được xu thế phát triển của bóng chuyền hiện đại, đặc điểm của bóng chuyền đỉnh cao của Việt Nam.	PO15
MT3	CO3	Nắm vững và thực hành được các yếu lĩnh kỹ thuật cơ bản trong môn bóng chuyền.	PO15
MT4 MT5	CO4	Nắm vững một số quy định về sân bãi, dụng cụ và luật trong môn bóng chuyền.	PO15
Kỹ năng			

MT3 MT5 MT6	CO5	Thực hiện được các kỹ năng cơ bản của môn bóng chuyền (chuyền bóng, đập bóng, phát bóng, đập bóng) khi thực hành trên lớp cũng như trong thực tiễn thi đấu môn bóng chuyền	PO16
Năng lực tự chủ và trách nhiệm			
MT7 MT10	CO6	Nhận thức được tầm quan trọng của việc tập luyện thể dục thể thao, phòng ngừa bệnh tật trong tập luyện và thi đấu thể thao.	PO16
MT6 MT8 MT9	CO7	Tích cực tham gia các hoạt động thể dục thể thao quần chúng, tự giác tập luyện, hướng dẫn người khác cùng tập luyện	PO16

6. Nội dung tóm tắt của học phần

Học phần bóng chuyền trang bị cho sinh viên:

- Những kiến thức về lịch sử hình thành và phát triển môn bóng chuyền trên thế giới và Việt Nam;
- Đặc điểm, tính chất và tác dụng trong tập luyện môn bóng chuyền;
- Xu thế phát triển của bóng chuyền hiện đại;
- Đặc điểm của bóng chuyền đỉnh cao ở Việt Nam;
- Kỹ năng cơ bản về các kỹ thuật của môn bóng chuyền;
- Một số quy định về sân bãi, dụng cụ và luật trong môn bóng chuyền

7. Phương pháp, hình thức tổ chức dạy học

Phương pháp, hình thức tổ chức dạy học	Mục đích	CBR của HP đạt được
Thuyết trình	Cung cấp cho sinh viên kiến thức cơ bản của môn học một cách khoa học, logic.	CO1, CO2
Thảo luận	Thông qua việc hỏi đáp giữa giảng viên và sinh viên để làm rõ các nội dung kiến thức trong môn học.	CO1, CO2, CO3, CO4
Thực hành (Thí phạm, sử dụng lời nói, tập luyện, trò chơi, trực quan)	Giúp sinh viên hiểu rõ và thực hiện được các kỹ năng chuyên môn trong bóng chuyền, đồng thời phát triển thể lực cho sinh viên	CO3, CO4, CO5
Nghiên cứu bài học, đọc tài liệu tham khảo	Giúp người học tăng cường năng lực tư học, tự nghiên cứu	CO6, CO7

8. Nhiệm vụ của sinh viên

Dự lớp: đọc trước giáo trình, phát hiện vấn đề, nghe giảng, nêu các câu hỏi và tham gia thảo luận về các vấn đề do giảng viên và sinh viên khác đặt ra

Thảo luận: giữa giảng viên và sinh viên để làm rõ các nội dung kiến thức trong môn học
Lư học, tự nghiên cứu ở nhà nhưng vấn đề đã được nghe giảng trong buổi học

Ra, vào lớp đúng giờ quy định

Tham gia đầy đủ 100% giờ thực hành và tập luyện theo hướng dẫn của giảng viên

Chuẩn bị dụng cụ và trang phục theo quy định

Tham dự thi phân thực hành

9. Đánh giá kết quả học tập của sinh viên (thang điểm 10)

TT	Hình thức	Trọng số (%)	Tiền chi đánh giá	CĐR của HP	Điểm tối đa
1	Chuyên cần	10 10	+ Tính chu đáo, mức độ tích cực chuẩn bị bài và tham gia các hoạt động trong giờ học. + Thời gian tham dự buổi học bắt buộc, vắng không quá 20% số tiết học. Tỷ số tiết vắng, GV quyết định số điểm theo tỷ lệ vắng	CO1, CO2	10
2	Hai kiểm tra giữa kỳ	30	+ Yêu cầu phát của lưới và vào sân + Đối với nam: Phát bóng cao tay 5 quả + Đối với nữ: Phát bóng thấp tay 5 quả	CO3, CO4, CO5, CO6	10
3	Thi kết thúc HP (đợt 1)	25	+ Đem bóng cơ hạn trước mặt + Đối với nam: 10 lần đem bóng liên tục qua lại không rơi (cách lưới). + Đối với nữ: 10 lần đem bóng liên tục qua lại không rơi (không cách lưới).	CO3, CO4, CO5, CO6	10
4	Thi kết thúc HP (đợt 2)	25	+ Chuyển bóng cơ hạn trước mặt + Đối với nam: 10 lần chuyển bóng liên tục qua lại không rơi (cách lưới). + Đối với nữ: 10 lần chuyển bóng liên tục qua lại không rơi (không cách lưới).	CO3, CO4, CO5, CO6	10

10. Học liệu

10.1. Tài liệu học tập:

[1] Huỳnh Minh Tam, *Bài giảng môn Bóng chuyền*, khoa Cơ học, Trường Đại học Nam Cần Thơ, năm 2019

10.2. Tài liệu tham khảo

[2] Dương Tuyết, *Cái Tôi, Tôi yêu thể thao: Bóng chuyền*, Nhà xuất bản Mỹ Thuật, năm 2009

11. Nội dung chi tiết học phần

Tuần	Nội dung	Tài liệu	CĐR của HP
LÝ THUYẾT			
	Chương 1: Lịch sử phát triển môn bóng chuyền		
	Sự hình thành và phát triển môn bóng chuyền Đặc điểm, tính chất và tác dụng trong tập luyện môn bóng chuyền Xu thế phát triển của bóng chuyền hiện đại Đặc điểm của bóng chuyền đỉnh cao của Việt Nam	[1]	C01, C02, C06, C07
	Chương 2 Kỹ thuật bóng chuyền		
I	Tư thế và di chuyển Kỹ thuật chuyền bóng Kỹ thuật đệm bóng Kỹ thuật phát bóng Kỹ thuật đập bóng Kỹ thuật chắn bóng	[1]	C03, C04, C05, C06, C07
	Chương 3 Sân bãi, dụng cụ thi đấu		
	Sân: Kích thước sân thi đấu, mặt sân, các đường trên sân, các khu trên sân, nhiệt độ, ánh sáng Lưới và cột: chiều cao của lưới, cấu tạo lưới, hàng giới hạn, ăng ten, cột lưới. Bóng: bóng chuẩn, tính đồng nhất của quả bóng, bóng dùng trong các cuộc thi đấu Thế giới, số lượng bóng và số người nhặt bóng trong thi đấu	[1]	C04, C06, C07
	Chương 4 Những người tham gia	[1]	
	Đội bóng: thành phần của đội bóng, vị trí của đội bóng, đôi hình thi đấu của đội, vị trí của vận động viên trong	[1]	C04, C06, C07

Tuần	Nội dung	Tài liệu	CĐR của HP
	sai, lỗi sai vị trí, trang phục, thay đổi trang phục Thay người: giới hạn thay người, thay người ngoài lệ, thay người đi bước, thay người không hợp lệ Thẻ thực thi đơn Đồng tác đánh bóng: số lần chạm bóng của một đội, tính chất chạm bóng, lỗi đánh bóng		
THỰC HÀNH			[1]
2	Bài 1: Tư thế và di chuyển Tư thế chuẩn bị Tư thế đánh bóng Di chuyển: Chạy, bước, nhảy, ngã	[1]	C03, C05, C06, C07
3 - 4	Bài 2: Kỹ thuật phát bóng thấp tay Phát bóng thấp tay trước mặt (chính diện) Phát bóng thấp tay nghiêng mình	[1]	C03, C05, C06, C07
5 - 6	Bài 3: Kỹ thuật phát bóng cao tay Phát bóng cao tay trước mặt (chính diện) Phát bóng cao tay nghiêng mình	[1]	C03, C05, C06, C07
KIỂM TRA GIỮA KỲ		[1]	
7 - 8	Bài 4: Kỹ thuật đập bóng Đập bóng cơ bản Đập bóng về phía sau Lấn ngã đập bóng	[1]	C03, C05, C06, C07
9 - 10	Bài 5: Kỹ thuật chuyền bóng Chuyền bóng cơ bản Chuyền bóng lật sau đầu Bật nhảy chuyền bóng Chuyền bóng kết hợp lấn ngã	[1]	C03, C05, C06, C07
KIỂM TRA CUỐI KỲ (ĐỢT 1)			C03, C05, C06, C07
KIỂM TRA CUỐI KỲ (ĐỢT 2)			C03, C05, C06, C07

12. Cơ sở và thiết bị

Sân bãi sân bóng chuyên, bóng chuyền và một số dụng cụ khác

Đối với sinh viên: trang phục thể dục và mang giày.

KHOA CƠ BẢN



Nguyễn Chí Thăng

BỘ MÔN



Huỳnh Minh Lam

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

1. Thông tin về học phần

Tên học phần: Giáo dục thể chất 2 - Quần vợt

Mã học phần: 0101000873

Số tín chỉ: 01 tín chỉ

Tổng số tiết quy chuẩn: 30 tiết

Phan hình thời gian:

Tổng thời gian học của sinh viên	Giờ trên lớp				Tổng thời gian học trên lớp và tự học
	L	T	P	O	
L = Ly thuyết					30 + 60 = 90
T = Bài tập					
P = Thực hành	3	0	27	0	
O = Thảo luận/seminar					

Loại học phần: Rất hược

Học phần tiên quyết: Không

Học phần học trước: Không

Học phần học song hành: Không

Ngôn ngữ giảng dạy: Tiếng Việt Tiếng Anh:

Đơn vị phụ trách: Tổ Giảng dạy thể chất - Khoa Cơ bản

2. Thông tin về các giảng viên

Giảng viên tổ Giảng dạy thể chất - Khoa Cơ bản phụ trách

3. Mục tiêu của học phần (kí hiệu MT):

* Về kiến thức:

MT1: Hiểu về lịch sử hình thành, phát triển môn quần vợt trên thế giới và Việt Nam, ý nghĩa và lợi ích của người chơi môn quần vợt

MT2: Nắm vững các nguyên lý, kỹ thuật cơ bản của môn quần vợt

MT3: Nắm vững các kỹ thuật đánh bóng trong quần vợt

MT4: Nắm vững một số quy định trong quần vợt, hệ thống tính điểm và một số sửa đổi trong quần vợt.

*** Về kỹ năng**

MT5: Có kỹ năng thực hiện các kỹ thuật cơ bản của môn quần vợt (kỹ thuật cầm vợt, Kỹ thuật đánh bóng xoay lên bên phải, kỹ thuật đánh bóng 1 tay xoay lên bên trái, kỹ thuật giao bóng) khi thực hành trên lớp và trong thực tiễn thi đấu môn quần vợt

*** Về năng lực tự chủ và trách nhiệm**

MT6: Có kỹ năng xử lý tình huống nhanh, kỹ năng giao tiếp và ứng xử trong tập thể.

MT7: Có ý thức chăm sóc sức khỏe và tinh thần thể thao cao thượng

MT8: Có ý thức tích cực tham gia các hình thức hoạt động thể dục thể thao quần chúng.

MT9: Tự giác tập luyện, hướng dẫn người khác cùng tập luyện.

MT10: Có ý thức phòng ngừa chấn thương trong tập luyện và thi đấu thể thao.

4. Mục đóng góp của học phần cho chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo

Học phần (HP) đóng góp cho chuẩn đầu ra (CDR) của chương trình đào tạo (CTĐT), là ký hiệu là PO, theo mức độ sau:

0 – Không đóng góp; 1 – Mức thấp; 2 – Mức trung bình; 3 – Mức cao

Mã HP	Tên HP	Mức độ đóng góp của học phần cho CDR của CTĐT								
		PO1	PO2	PO3	PO4	PO5	PO6	PO7	PO8	PO9
0101000871	Giáo dục thể chất 2 - Quần vợt	0	0	0	0	0	0	0	0	0
		PO10	PO11	PO12	PO13	PO14	PO15	PO16	PO17	
		0	0	0	0	0	1	1	0	

5. Chuẩn đầu ra của học phần (ký hiệu CO)

Mục tiêu HP	CDR của HP	Nội dung CDR của học phần Hoàn thành học phần này, sinh viên đạt được	CDR của CTĐT
Kiến thức			
MT1	CO1	Biết được lịch sử hình thành và phát triển môn quần vợt trên Thế giới và Việt Nam, ý nghĩa và lợi ích của người chơi môn quần vợt.	PO15
MT2	CO2	Nắm được các nguyên lý kỹ thuật cơ bản của môn quần vợt.	PO15
MT3	CO3	Nắm vững và thực hành được các kỹ thuật đánh bóng trong quần vợt.	PO15
MT4 MT5	CO4	Nắm vững một số quy định trong quần vợt, hệ thống tính điểm và một số sửa đổi trong quần vợt.	PO15
Kỹ năng			

MT3	CO5	Thực hiện được các kỹ thuật cơ bản của môn quần vợt (Kỹ thuật cầm vợt, Kỹ thuật đánh bóng xoay lên bên phải, Kỹ thuật đánh bóng 1 tay xoay lên bên trái, Kỹ thuật giao bóng) khi thực hành trên lớp cũng như trong thực tiễn thi đấu môn quần vợt	PO16
MT4			
MT5			
MT6			
MT8			
MT9			
Năng lực tự chủ và trách nhiệm			
MT7	CO6	Nhận thức được tầm quan trọng của việc tập luyện thể dục thể thao, phòng ngừa bệnh tật trong tập luyện và thi đấu thể thao	PO16
MT9			
MT10			
MT6	CO7	Tích cực tham gia các hoạt động thể dục thể thao quần chúng, tự giác tập luyện, hướng dẫn người khác cùng tập luyện	PO16
MT8			
MT9			

6. Nội dung tóm tắt của học phần

Học phần Quần vợt trang bị cho sinh viên:

- Những kiến thức về lịch sử hình thành và phát triển môn quần vợt trên thế giới và Việt Nam;
- Ý nghĩa và lợi ích của người chơi môn quần vợt;
- Các nguyên lý kỹ thuật cơ bản của môn quần vợt;
- Các kỹ thuật đánh bóng (kỹ thuật cầm vợt, kỹ thuật đánh bóng xoay lên bên phải, kỹ thuật đánh bóng 1 tay xoay lên bên trái, kỹ thuật giao bóng);
- Một số quy định trong quần vợt, hệ thống tính điểm và một số sửa đổi trong quần vợt.

7. Phương pháp, hình thức tổ chức dạy học

Phương pháp, hình thức tổ chức dạy học	Mục đích	CBR của HP đạt được
Thuyết trình	Cung cấp cho sinh viên kiến thức cơ bản của học phần một cách khoa học, logic	CO1, CO2, CO3, CO4, CO5
Thảo luận	Thông qua việc hỏi đáp giữa giảng viên và sinh viên để làm rõ các nội dung kiến thức trong học phần	CO1, CO2, CO3, CO4, CO5
Thực hành (Thi phạm, sử dụng lời nói, tập luyện, trò chơi, trực quan)	Giúp sinh viên hiểu rõ và thực hiện được các kỹ năng chuyên môn trong bóng chuyền, đồng thời phát triển thể lực cho sinh viên	CO3, CO5, CO6, CO7
Nghiên cứu tài liệu, đọc tài liệu tham khảo	Giúp người học tăng cường năng lực tự học, tự nghiên cứu	CO1, CO2, CO3, CO4, CO5

8. Nhiệm vụ của sinh viên

Dự lớp: đọc trước giáo trình, phát hiện vấn đề, nghe giảng, nêu các câu hỏi, tham gia thảo luận về các vấn đề do giảng viên và sinh viên đặt ra.

Thảo luận giữa giảng viên và sinh viên để làm rõ các nội dung, kiến thức trong học phần.

Tự học, tự nghiên cứu ở nhà những vấn đề đã được nghe giảng trong buổi học.

Ra, vào lớp đúng giờ quy định.

Tham gia đầy đủ 100% giờ thực hành và tập luyện theo hướng dẫn của giảng viên.

Chuẩn bị dụng cụ và trang phục theo quy định.

Tham dự thi phân thực hành.

9. Đánh giá kết quả học tập của sinh viên (thang điểm 10)

TT	Hình thức	Trọng số (%)	Tiêu chí đánh giá	CĐR của HP	Điểm tối đa
1	Chuyên cần	10 10	+ Lĩnh chú động, mức độ tích cực chuẩn bị bài và tham gia các hoạt động trong giờ học. + Thời gian tham dự buổi học mỗi tuần, vắng không quá 20% số tiết học. Tuy số tiết vắng, GV quyết định số điểm theo tỷ lệ vắng	C01, C02	10
2	Bài kiểm tra giữa kỳ	30	+ Giao bóng theo số trường (topspin; sidespin; flat) + Giao bóng 05 qua hên góc phải + Giao bóng 05 qua hên góc trái	C03, C04, C05, C06	10
3	Thi kết thúc HP (đợt 1)	25	+ Đánh bóng thuận tay (forehand) + Đánh 05 lần theo đường thẳng về cuối sân + Đánh 05 lần theo đường chéo về cuối sân	C03, C04, C05, C06	10
4	Thi kết thúc HP (đợt 2)	25	+ Đánh bóng trái tay (backhand) + Đánh 05 lần theo đường thẳng về cuối sân + Đánh 05 lần theo đường chéo về cuối sân	C03, C04, C05, C06	10

10. Học liệu

10.1. Tài liệu học tập

[1] Lê Tiên Đe - Huỳnh Minh Tâm, *Bài giảng môn quần vợt*, khoa Cơ bản, Trường Đại học Nam Cần Thơ, năm 2019

10.2. Tài liệu tham khảo

[2] Vũ Nhu Ý, *Hướng dẫn chơi quần vợt*. Nhà xuất bản thể dục thể thao Hà Nội, năm 2007.

11. Nội dung chi tiết học phần

Tuần	Nội dung	Tài liệu	CĐR của HP
LÝ THUYẾT			
	Chương 1: Lịch sử hình thành và phát triển môn quần vợt		
	+ Nguồn gốc và lịch sử phát triển môn Quần vợt trên thế giới + Lịch sử phát triển môn quần vợt ở Việt Nam. + Ý nghĩa, lợi ích của người chơi môn Quần vợt	[1]	C01, C06, C07
	Chương 2 Nguyên lý kỹ thuật cơ bản của quần vợt		
	+ Cấu trúc sinh cơ học của hoạt động đánh bóng trong Quần vợt + Điều khiển hoạt động đánh bóng + Các yếu tố đánh bóng	[1]	C02, C05, C06, C07
	Chương 3 Kỹ thuật đánh bóng		
	+ Cách cầm vợt + Kỹ thuật đánh bóng xoay lên bên phải (forehand) + Kỹ thuật đánh bóng 1 tay xoay lên bên trái (backhand) + Kỹ thuật giao bóng	[1]	C03, C05, C06, C07
	Chương 4 Một số quy định trong quần vợt		
	+ Sân, thiết bị cố định, bóng và vợt: sân thi đấu, thiết bị cơ định, bóng, vợt. + Giao bóng và đỡ giao bóng: đánh đơn, đánh đôi + Chọn bên và chọn giao bóng	[1]	C04, C05, C06, C07

Tuần	Nội dung	Tài liệu	CDR của HP
	<ul style="list-style-type: none"> + Bài khi giao bóng: đánh đơn, đánh đôi + Bài giao bóng + Đầu thu thừa điểm 		
	Chương 5: Hệ thống tính điểm trong quần vợt		
	<ul style="list-style-type: none"> + Hệ thống tính điểm: tính điểm trong game, tính van trong hiệp, số hiệp tối đa, tiên hành trên đầu và thời gian nghỉ, thay bóng + Cán trở đôi phương + Bóng mi trên vạch + Bóng chạm các thiết bị cơ định + Đánh bóng trả vợt + Đầu thu bị cản trở 	[1]	C04, C06, C07
THỰC HÀNH			
2	Bài 1: <ul style="list-style-type: none"> + Cách cầm vợt, tư thế chuẩn bị và di chuyển + Cách cầm vợt + Tư thế chuẩn bị + Di chuyển 	[1]	C03, C05, C06, C07
3	Bài 2: <ul style="list-style-type: none"> + Kỹ thuật giao bóng (topspin; sidespin; flat) + Tư thế chuẩn bị + Yêu lĩnh động tác: giao bóng thẳng, giao bóng chéo, giao bóng xoay + Kết thúc động tác 	[1]	C03, C05, C06, C07
KIỂM TRA GIỮA KỲ			
4	Bài 3: <ul style="list-style-type: none"> + Kỹ thuật đánh bóng xoay lên bên phải (forehand) + Tư thế chuẩn bị + Yêu lĩnh động tác + Kết thúc động tác 	[1]	C03, C05, C06, C07
5 - 6 -	Bài 4:	[1]	C03, C05,

Tuan	Nội dung	Tài liệu	CDR của HP
7	+ Kỹ thuật đánh hông 1 tay xoay lên bên trái (backhand) + Tư thế chuẩn bị + Yêu linh động tác + Kết thúc động tác		CO6, CO7
8 - 9 - 10	Bài 5: + Kỹ thuật đánh trả giao hòng + Phát triển kỹ năng đánh trả giao hòng và hạn chế sức tấn công của đối phương	[1]	CO3, CO5, CO6, CO7
	KIỂM TRA CUỐI KỶ (ĐỢT 1)		CO3, CO5, CO6, CO7
	KIỂM TRA CUỐI KỶ (ĐỢT 2)		CO3, CO5, CO6, CO7

12. Cơ sở và thiết bị

- Sân bãi: sân quan võ, hông, võ và một số dụng cụ khác
- Đối với sinh viên: trang phục thể dục, võ và mang giày.

KHOA CƠ BẢN



Nguyễn Chí Thống

HỢI MÔN



Huỳnh Minh Tâm

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

1. Thông tin về học phần

Tên học phần: Giáo dục thể chất 3 – Bóng đá

Mã học phần: 0101000874

Số tín chỉ: 01 tín chỉ

Tổng số tiết quy chuẩn: 30 tiết

Phân bố thời gian:

Tổng thời gian học của sinh viên	Giờ trên lớp				Tổng thời gian học trên lớp và tự học
	L	T	P	Q	
L = Lý thuyết					
T = Hai tập					
P = Thực hành	3	0	27	0	30 + 60 = 90
Q = Thảo luận/seminar					

Loại học phần: **Rất huộc**

Học phần tiên quyết: **Không**

Học phần học trước: **Không**

Học phần học song hành: **Không**

Ngôn ngữ giảng dạy: Tiếng Việt Tiếng Anh:

Đơn vị phụ trách: **Tổ Giáo dục thể chất - Khoa Cơ bản**

2. Thông tin về các giảng viên

Giảng viên từ Giáo dục thể chất - Khoa Cơ bản phụ trách

3. Mục tiêu của học phần (ki hiệu MT):

* Về kiến thức

MT1: Hiểu về lịch sử hình thành và phát triển môn bóng đá trên Thế giới và Việt Nam, đặc điểm và tác dụng của môn bóng đá.

MT2: Nắm vững các đặc điểm, phân loại và yếu lĩnh kỹ thuật cơ bản (tang bóng, dẫn bóng, nhận bóng và đá bóng) trong môn bóng đá

MT3: Nắm vững kiến thức về luật bóng đá 3 người

*** Về kỹ năng**

MT4: Có kỹ năng vận dụng các kỹ năng cơ bản của môn bóng đá khi thực hành trên lớp cũng như trong thực tiễn thi đấu môn bóng đá.

MT5: Có kỹ năng xử lý tình huống nhanh.

*** Về năng lực tự chủ và trách nhiệm**

MT6: Có kỹ năng giao tiếp và ứng xử trong tập thể

MT7: Có ý thức chăm sóc sức khỏe và tinh thần thể thao cao thượng.

MT8: Có ý thức tích cực tham gia các hình thức hoạt động thể dục thể thao quần chúng

MT9: Tự giác tập luyện và hướng dẫn người khác cùng tập luyện.

MT10: Có ý thức phòng ngừa bệnh tật trong tập luyện và thi đấu thể thao.

4. Mức đóng góp của học phần cho chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo

Học phần (HP) đóng góp cho chuẩn đầu ra (CDR) của chương trình đào tạo (CTĐT), là ký hiệu là PO, theo mức độ sau:

0 = Không đóng góp; 1 = Mức thấp; 2 = Mức trung bình; 3 = Mức cao

Mã HP	Tên HP	Mức đóng góp của học phần cho CDR của CTĐT								
		PO1	PO2	PO3	PO4	PO5	PO6	PO7	PO8	PO9
010101874	Giáo dục thể chất 1 Bóng đá	0	0	0	0	0	0	0	0	0
		PO10	PO11	PO12	PO13	PO14	PO15	PO16	PO17	
		0	0	0	0	0	1	1	0	

5. Chuẩn đầu ra của học phần (CO)

Mục tiêu HP	CDR của HP	Nội dung CDR của học phần Hoàn thành học phần này, sinh viên đạt được:	CDR của CTĐT
Kiến thức			
MT1	CO1	Biết được lịch sử phát triển môn bóng đá trên Thế giới, Việt Nam, đặc điểm, tác dụng của môn bóng đá.	PO15
MT2	CO2	Nắm được khái niệm và phân loại kỹ thuật môn bóng đá.	PO15
MT2 MT4	CO3	Nắm vững và thực hành được các yêu lĩnh kỹ thuật cơ bản (tang bóng, dẫn bóng, nhận bóng và đá bóng) trong môn bóng đá.	PO15
MT3	CO4	Nắm vững các kiến thức về luật bóng đá 5 người.	PO15

Kỹ năng			
MT2 MT4 MT5	CO5	Thực hiện được các kỹ thuật cơ bản của môn bóng đá khi thực hành trên lớp cũng như trong thực tiễn thi đấu môn bóng đá	PO16
Năng lực tư chủ và trách nhiệm			
MT7 MT10	CO6	Nhận thức được tầm quan trọng của việc tập luyện thể dục thể thao, phòng ngừa bệnh tật trong tập luyện và thi đấu thể thao	PO16
MT5 MT6 MT8 MT9	CO7	Tích cực tham gia các hình thức hoạt động thể dục thể thao quan chung, tự giác tập luyện, hướng dẫn người khác cùng tập luyện	PO16

6. Nội dung tóm tắt của học phần

Học phần bóng đá trang bị cho sinh viên:

- Những kiến thức về lịch sử phát triển môn bóng đá trên thế giới và Việt Nam
- Đặc điểm và tác dụng của môn bóng đá.
- Kiến thức cơ bản về các yếu tố kỹ thuật của môn bóng đá như: tang bóng, dẫn bóng, nhận bóng và đá bóng, luật bóng đá 5 người.

7. Phương pháp, hình thức tổ chức dạy học

Phương pháp, hình thức tổ chức dạy học	Mục đích	CĐR của HP đạt được
Thuyết trình	Cung cấp cho sinh viên kiến thức cơ bản của học phần một cách khoa học, logic.	CO1, CO2
Thảo luận	Thông qua việc hỏi đáp giữa giảng viên và sinh viên để làm rõ các nội dung kiến thức trong môn học.	CO1, CO2, CO3, CO4
Thực hành (Thi phạm, sử dụng lời nói, tập luyện, trò chơi, trực quan)	Giúp sinh viên hiểu rõ và thực hiện được các kỹ năng chuyên môn trong bóng đá, đồng thời phát triển thể lực cho sinh viên	CO3, CO4, CO5
Nghiên cứu hai học, đọc tài liệu tham khảo	Giúp người học tăng cường năng lực tư duy, tự nghiên cứu.	CO6, CO7

8. Nhiệm vụ của sinh viên

Dự lớp: đọc trước giáo trình, phát hiện vấn đề, nghe giảng, nêu các câu hỏi, tham gia thảo luận về các vấn đề do giảng viên và sinh viên đặt ra

Thảo luận trong giờ học giữa giảng viên và sinh viên để làm rõ các nội dung, kiến thức trong học phần.

Tự học, tự nghiên cứu những vấn đề đã được nghe giảng trong giờ học

Ra, vào lớp đúng giờ quy định.

Tham gia đầy đủ 100% giờ thực hành và tập luyện theo hướng dẫn của giảng viên.

Chuẩn bị dụng cụ và trang phục theo quy định.

Tham dự thi phân thực hành

9. Đánh giá kết quả học tập của sinh viên (thang điểm 10)

TT	Hình thức	Trong số (%)	Tiêu chí đánh giá	CBR của HP	Điểm tối đa
1	Chuyên cần	20	+ Tính chủ động, mức độ tích cực chuẩn bị bài và tham gia các hoạt động trong giờ học. + Thời gian tham dự buổi học hát hoặc, vắng không qua 20% số tiết học. Tuy số tiết vắng, GV quyết định số điểm theo tỷ lệ vắng	CO1, CO2	10
2	Hai kiểm tra giữa kỳ	30	Mỗi SV được kiểm tra 2 lần, lấy kết quả lần thi tốt nhất - Đối với nam: 20 lần chạm hàng liên tục - Đối với nữ: 10 lần chạm hàng liên tục	CO3, CO4, CO5, CO6	10
3	Thi kết thúc HP (đợt 1)	25	Mỗi SV được kiểm tra 2 lần, lấy kết quả lần thi tốt nhất Đối với nam: Đá 5 qua vào khung thanh lưm với khoảng cách 10m hàng lờng hạn chạn Đối với nữ: Đá 5 qua vào khung thanh lưm với khoảng cách 08m hàng lờng hạn chạn	CO3, CO4, CO5, CO6	10
4	Thi kết thúc HP (đợt 2)	25	Mỗi SV được kiểm tra 2 lần, lấy kết quả lần thi tốt nhất Đối với nam: Đá 5 qua vào khung thanh 6m với khoảng cách 15m hàng mả trong hạn chạn Đối với nữ: Đá 5 qua vào khung thanh 6m với khoảng cách 10m hàng mả trong hạn chạn	CO3, CO4, CO5, CO6	10

10. Học liệu

10.1. Tài liệu học tập

[1] Huỳnh Minh Tam, *Bài giảng môn Bóng đá*, khoa Cơ học, Trường Đại học Nam Cần Thơ, năm 2019

10.2. Tài liệu tham khảo

[2] Trần Hải Yến, *Toi yêu thể thao. Bóng đá*, Nhà xuất bản Mỹ Thuật, năm 2012.

11. Nội dung chi tiết học phần

Tuần	Nội dung	Tài liệu	CĐR của HP
LÝ THUYẾT			
1	Chương 1: Giới thiệu môn bóng đá		
	+ Sơ lược lịch sử phát triển môn bóng đá trên Thế giới, Việt Nam + Đặc điểm và tác dụng của môn bóng đá + Sơ lược về các giải vô địch quốc gia + Các liên đoàn bóng đá quốc tế và khu vực + Thành tích giải vô địch bóng đá Thế giới	[1]	C01, C06, C07
	Chương 2: Kỹ thuật môn bóng đá		
	- Khai niệm và phân loại kỹ thuật môn bóng đá + Kỹ thuật tang bóng + Kỹ thuật dẫn bóng + Kỹ thuật đá bóng + Kỹ thuật tranh cướp bóng	[1]	C02, C05, C06, C07
	Chương 3: Luật bóng đá 5 người		
	+ Luật I: Sân thi đấu + Luật II: Bóng + Luật III: Số lượng cầu thủ + Luật IV: Trang phục cầu thủ + Luật VIII: Thời gian thi đấu + Luật IX: Bắt đầu và bắt đầu lại trận đấu + Luật X: Bóng trong cuộc và bóng ngoài cuộc + Luật XI: Bàn thắng hợp lệ + Luật XII: Lỗi và hành vi thiếu đạo đức	[1]	C04, C06, C07

Tuần	Nội dung	Tài liệu	CĐR của HP
	<ul style="list-style-type: none"> + Luật XIII: Những quả phạt + Luật XIV: Lỗi tổng hợp + Luật XV: Phạt đền + Luật XVI: Đá biên + Luật XVII: Quả ném phạt bóng + Luật XVIII: Quả phạt góc + Những hướng dẫn về đá luân lưu 		
THỰC HÀNH			
2 - 3	Bài 1: <ul style="list-style-type: none"> + Kỹ thuật tang bóng + Đặc điểm + Phân loại + Yêu lĩnh kỹ thuật 	[1]	C02, C03, C05, C06, C07
4 - 5	Bài 2: <ul style="list-style-type: none"> + Kỹ thuật đá bóng + Khai niệm + Yêu lĩnh và đặc điểm các kỹ thuật đá bóng 	[1]	C02, C03, C05, C06, C07
KIỂM TRA GIỮA KỲ			
6 - 7 - 8 - 9	Bài 3: <ul style="list-style-type: none"> + Kỹ thuật đá bóng + Kết cấu đồng tác kỹ thuật đá bóng + Các điểm tiếp xúc của bàn chân sử dụng để đá bóng + Yêu lĩnh và đặc điểm của đá bóng 	[1]	C02, C03, C05, C06, C07
10	Bài 4: <ul style="list-style-type: none"> + Kỹ thuật tranh cướp bóng + Tranh cướp trước mắt + Tranh cướp bóng bên cạnh + Tranh cướp bóng sau lưng + Xoạc bóng trước mắt 	[1]	C02, C03, C05, C06, C07

Tuần	Nội dung	Tài liệu	CDR của HP
	KIỂM TRA CUỐI KỲ (ĐỢT 1)		C03, C05, C06, C07
	KIỂM TRA CUỐI KỲ (ĐỢT 2)		C03, C05, C06, C07

12. Cơ sở và thiết bị

San bái: san hong đá, hong, cọc, khung thành và một số dụng cụ khác

Đội với sinh viên: trang phục thể dục và mang giày.

KHOA CƠ BẢN



Nguyễn Chí Thăng

BỘ MÔN



Huỳnh Minh Tâm

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

1. Thông tin về học phần

Tên học phần: Anh văn căn bản 1

Mã học phần: 0101000861

Số tín chỉ: 3

Tổng số tiết quy chuẩn: 45

Phân bổ thời gian:

Tổng thời gian học của sinh viên	Giờ trên lớp				Tổng thời gian học trên lớp và tự học
	L	T	P	O	
L = Lý thuyết	L	T	P	O	45 + 90 = 135
T = Bài tập					
P = Thực hành	30	15	0	0	
O = Thảo luận/seminar					

Loại học phần: Bắt buộc

Học phần tiên quyết: Không

Học phần học song hành: Không

Ngôn ngữ giảng dạy: Tiếng Việt Tiếng Anh:

Đơn vị phụ trách: Trung tâm đào tạo chuẩn đầu ra và phát triển nguồn nhân lực

2. Giảng viên phụ trách môn học

Các giảng viên Bộ môn Anh văn – Trung tâm Đào tạo Chuẩn đầu ra và Phát triển nguồn nhân lực.

3. Mục tiêu của học phần (kí hiệu MT):

*Về kiến thức

MT1: Biết được vốn từ vựng căn bản để nói về các vấn đề liên quan đến bản thân như tự giới thiệu, công việc, gia đình, hoạt động hằng ngày. Đồng thời, sinh viên có thể học được các cấu trúc ngữ pháp căn bản trong quá trình viết đoạn văn ngắn.

MT2: Phân biệt được sự khác biệt của ngữ điệu trong văn nói.

*Về kỹ năng

MT3: Rèn luyện kỹ năng đọc hiểu bằng tiếng Anh đối với các tài liệu phổ biến như sách, báo; rèn luyện kỹ năng giao tiếp tự tin hơn bằng tiếng Anh trong những tình huống thông thường, bao gồm kỹ năng giao tiếp trước đám đông, kỹ năng làm việc đội, nhóm.

*Về năng lực tự chủ và trách nhiệm

MT4: Xây dựng cho sinh viên thái độ ham học hỏi, khả năng phân biệt và thói quen sử dụng tiếng Anh trong giờ học, khi giao tiếp với bạn bè và ngoài lớp học.

MT5: Nhận thức tầm quan trọng của việc học tiếng Anh trong thời kỳ hội nhập

4. Mức đóng góp của học phần cho chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo

Học phần đóng góp cho chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo (PO) theo mức độ sau:

0 = Không đóng góp; 1 = Mức thấp; 2 = Mức trung bình; 3 = Mức cao

Mã HP	Tên HP	Mức độ đóng góp của học phần cho CĐR của CTĐT								
		PO1	PO2	PO3	PO4	PO5	PO6	PO7	PO8	PO9
18000086 010100010	Anh văn căn bản 1	0	0	1	0	0	0	0	0	0
		PO10	PO11	PO12	PO13	PO14	PO15	PO16	PO17	
		0	0	1	0	0	0	1	1	

5. Chuẩn đầu ra của học phần (CO)

Mục tiêu HP	CĐR của HP	Nội dung CĐR của học phần Hoàn thành học phần này, sinh viên đạt được:	CĐR của CTĐT
Kiến thức			
MT1, MT2	CO1	Hiểu rõ các vấn đề về chữ viết và ngữ âm cơ bản như: hệ thống chữ cái, hệ thống nguyên âm, phụ âm, kí hiệu phiên âm quốc tế, trọng âm từ, trọng âm câu, phát âm cuối.	PO3
MT1, MT2	CO2	Vận dụng được vốn từ vựng cơ bản về các chủ đề gần gũi quen thuộc như: bản thân, gia đình, bạn bè, nghề nghiệp, nơi ở, đất nước, quốc tịch, các hoạt động thường ngày, hoạt động giải trí, cảm xúc, ngôn ngữ sử dụng trong lớp học, etc.	PO3
MT1, MT2	CO3	Nắm vững các điểm ngữ pháp cơ bản như: thì hiện tại đơn, hiện tại tiếp diễn, tương lai đơn; danh từ số ít, số nhiều; dạng sở hữu cách; các dạng tính từ và trạng từ; câu cầu khiến và một số cấu trúc câu thông dụng ... Có khả năng đọc hiểu các đoạn văn ngắn, mẫu tin ngắn.	PO3
Kỹ năng			
MT3	CO4	Rèn luyện khả năng giao tiếp tự tin hơn bằng tiếng Anh trong những tình huống thông thường và rèn	PO12

Mục tiêu HP	CĐR của HP	Nội dung CĐR của học phần Hoàn thành học phần này, sinh viên đạt được:	CĐR của CTĐT
		luyện kỹ năng đọc hiểu các tài liệu thông thường bằng tiếng Anh. Sinh viên tập nói tiếng Anh trước đám đông và phát triển kỹ năng làm việc theo đội, nhóm.	
MT1, MT2	CO5	Hình thành các kỹ năng nghe - nói bằng tiếng Anh cơ bản với bạn học thông qua các hoạt động thực hành các tình huống đơn giản và quen thuộc.	PO3
Năng lực tự chủ và trách nhiệm			
MT4	CO6	- Xây dựng cho sinh viên thái độ ham học hỏi, khả năng phản biện và thói quen sử dụng tiếng Anh trong giờ học, khi giao tiếp với bạn bè và ngoài lớp học.	PO16
MT5	CO7	- Nhận thức tầm quan trọng của việc học tiếng Anh trong thời kỳ hội nhập.	PO17

6. Nội dung tóm tắt của học phần

Học phần Anh Văn Căn Bản 1 (AVCB1) là học phần đầu tiên trong hệ thống các học phần Anh văn căn bản (AVCB) dành cho các lớp Tiếng Anh không chuyên bậc Đại học và Cao đẳng chính quy, hệ vừa học vừa làm. Giáo trình được sử dụng trong suốt học phần này là American English File (second edition) của NXB Oxford. Học phần này bắt đầu từ Unit 01 và kết thúc là Unit 06, trong đó bao gồm 4 đơn vị bài học chính trên lớp và 2 đơn vị bài học tự học (6 Units) và 2 đơn vị bài ôn (2 Reviews). Mỗi đơn vị bài học được phân chia thành các bài học nhỏ hơn với mục đích giúp sinh viên tiếp cận nội dung một cách tự nhiên và hiệu quả nhất. Nội dung của học phần tập trung vào các chủ đề: thông tin cá nhân, quốc tịch, các hoạt động hằng ngày, gia đình, công việc, ngày tháng, các mùa trong năm, cảm xúc, ngôn ngữ sử dụng trong lớp học.

7. Phương pháp, hình thức tổ chức dạy học

Phương pháp, hình thức tổ chức dạy học	Mục đích	CĐR của HP đạt được
Thuyết giảng	Cung cấp cho sinh viên hệ thống kiến thức nền tảng của môn học một cách khoa học, logic.	CO1

Thảo luận	Thông qua việc hỏi đáp giữa giáo viên và sinh viên để làm rõ các nội dung kiến thức trong môn học.	CO2, CO3, CO4, CO5, CO6
Bài tập	Giúp sinh viên hiểu rõ và biết vận dụng các nội dung môn học vào các vấn đề thực tiễn.	CO2, CO3
Nghiên cứu bài học, đọc tài liệu tham khảo	Giúp người học tăng cường năng lực tự học, tự nghiên cứu.	CO3, CO4, CO6, CO7

8. Nhiệm vụ của sinh viên

- Dự lớp: đọc trước giáo trình, phát hiện vấn đề, nghe giảng.
- Thảo luận theo cặp nhóm các vấn đề liên quan đến bài học; tham gia đóng góp ý kiến, xây bài tại lớp.
- Bài tập: làm bài tập trên lớp và hoàn thành phần bài giảng viên giao về nhà
- Nghiên cứu: đọc tài liệu tham khảo
- Tham khảo các tài liệu do giảng viên hướng dẫn.
- Tự học, tự nghiên cứu ở nhà những vấn đề đã được nghe giảng tại lớp.

9. Đánh giá kết quả học tập của sinh viên

- **Thang điểm đánh giá**
- Sử dụng thang 10 điểm cho tất cả các hình thức đánh giá trong học phần.
- **Hình thức, tiêu chí đánh giá và trọng số điểm**

Hình thức	Trọng số (%)	Tiêu chí đánh giá	CDR của HP	Điểm tối đa
Chuyên cần + bài tập về nhà và phát biểu trên lớp	10	- Tính chủ động, mức độ tích cực chuẩn bị bài và tham gia các hoạt động trong giờ học	CO1, CO2, CO3, CO4, CO5, CO6, CO7	10
	10	- Thời gian tham dự buổi học bắt buộc	CO1, CO2, CO3, CO4, CO5, CO6	10
Kiểm tra giữa kỳ (Nghe và Nói)	30	- Chất lượng bài làm (Nghe) và trình bày (Nói)	CO1, CO2, CO3	10

Thi kết thúc học phần - Trắc nghiệm: Từ vựng, ngữ pháp và kỹ năng Đọc hiểu - Tự luận: Kỹ năng Viết	50	- Theo đáp án, thang điểm quy định	CO1, CO2, CO3	10
--	----	------------------------------------	---------------	----

10. Học liệu

- Tài liệu học tập

[1] Latham-Koenig, C., Oxenden, C., & Seligson, P. (2013). *American English File 1 (2nd Ed.)*. Oxford publishing.

- Tài liệu tham khảo

[1] Liz, & Soars, J. (2009). *American Headway 1 (2nd Ed.)*. Oxford publishing.

11. Nội dung chi tiết học phần

Tuần	Nội dung	Tài liệu	CDR của HP
	Unit 1A: My name's Hannah, not Anna		
1	+ <u>Grammar</u> : To Be (+), Subject pronouns + <u>Vocabulary</u> : days of the week, numbers 0-20, greetings, the alphabet	+Grammar (p. 5) +Vocabulary (ps. 5 & 148)	CO1, CO2, CO3, CO6, CO7
	+ <u>Workbook</u>	+Workbook (ps 4 & 5)	CO1, CO2, CO3, CO7
	Unit 1B: All over the world		
2	+ <u>Grammar</u> : To Be (?) and (-) + <u>Vocabulary</u> : countries in the world, numbers 21-100	+Grammar (p. 7) +Vocabulary (ps. 6 & 149)	CO1, CO2, CO3, CO6, CO7
	+ <u>Workbook</u> :	+Workbook (ps. 6 & 7)	CO1, CO2, CO3, CO7
	Unit 1C: Open your books, please!		
3	+ <u>Grammar</u> : Possessive adjectives + <u>Vocabulary</u> : classroom language	+Grammar (p. 9) +Vocabulary (ps. 8 & 150)	CO1, CO2, CO3, CO6, CO7
	+ <u>Workbook</u> : *Speaking: UNIT 1 questions	+Workbook (ps. 8 & 9) +Speaking practice	CO1, CO2, CO3, CO4,

Tuần	Nội dung	Tài liệu	CĐR của HP
	review	(supplement)	CO5, CO7
	Unit 2A: A writer's room		
4	+ <u>Grammar</u> : The articles a/an ; Plurals: this/that/these/those + <u>Vocabulary</u> : Things	+Grammar (p. 13) +Vocabulary (ps.12 & 151)	CO1, CO2, CO3, CO6, CO7
	+ <u>Workbook</u> :	+Workbook (ps. 11 & 12)	CO1, CO2, CO3, CO7
	Unit 2B: Stars and Stripes		
5	+ <u>Grammar</u> : Adjectives + <u>Vocabulary</u> : colors, adjectives, modifiers; very/really + <u>Reading</u> : Hollywood Stars	+Grammar (p. 14) +Vocabulary (ps. 14 & 152) +Reading (p. 15)	CO1, CO2, CO3, CO6, CO7
	+ <u>Workbook</u> :	+Workbook (ps. 13 & 14)	CO1, CO2, CO3, CO7
	Unit 2C: After 300 feet, turn right		
6	+ <u>Grammar</u> : The imperatives; Let's + <u>Vocabulary</u> : feelings	+Grammar (p. 17) +Vocabulary (p. 16)	CO1, CO2, CO3, CO6, CO7
	+ <u>Workbook</u> : +Review and Check 1 & 2 *<u>Speaking</u>: UNIT 2 questions review	+Workbook (ps. 15 & 16) +Review and check 1 & 2 (ps. 18 & 19) +Speaking practice (supplement)	CO1, CO2, CO3, CO4, CO5, CO7
	Extra-lesson		
7	+ <u>Grammar</u> : -Objective pronouns -Like + V-ing + <u>Listening Practice 1</u> + <u>Writing Practice 1</u> : Order the words to make complete sentences.	+Grammar (p. 134) +Listening practice 1 (supplement) +Writing practice 1 (supplement)	CO1, CO2, CO3, CO4, CO6, CO7
	Unit 3A: Things I love about the US		

Tuần	Nội dung	Tài liệu	CĐR của HP
8	+ <u>Grammar</u> : The simple present (+) and (-) + <u>Vocabulary</u> : verb phrases + <u>Reading</u> : STATE PARKS, freeways and other things I love about the US.	+Grammar (p. 20) +Vocabulary (ps. 20 & 153) +Reading (p. 21)	CO1, CO2, CO3, CO6, CO7
	+ <u>Workbook</u> :	+Workbook (ps. 17 & 18)	CO1, CO2, CO3, CO7
	Unit 3B: Work and Play		
9	+ <u>Grammar</u> : The simple present (?) + <u>Vocabulary</u> : Jobs + <u>Listening</u> : His job; her job + <u>Reading</u> : Uniform – FOR or AGAINST	+Grammar (p. 22) +Vocabulary (ps. 22 & 154) +Listening (p. 22) +Reading (p. 23)	CO1, CO2, CO3, CO6, CO7
	+ <u>Workbook</u> :	+Workbook (ps. 19 & 20)	CO1, CO2, CO3, CO7
	Unit 3C: Meeting online!		
10	+ <u>Grammar</u> : Word order in questions + <u>Vocabulary</u> : question words + <u>Listening</u> : Meeting online	+Grammar (p. 25) +Vocabulary (p. 25) +Listening (p. 24)	CO1, CO2, CO3, CO4, CO6, CO7
	+ <u>Workbook</u> : page 21 + 22 *Speaking practice: Unit 3- question review	+Workbook (ps. 21 & 22) +Speaking practice (supplement)	CO1, CO2, CO3, CO4, CO5, CO7
	MID –TERM TEST		CO1, CO2, CO3, CO4, CO7
11	MID –TERM TEST <u>Writing Practice 2</u> : 5 Writing Topics Review.	-Writing practice (supplement)	CO1, CO2, CO3, CO7
	Unit 4A: Is she his wife or his sister?		

Tuần	Nội dung	Tài liệu	CDR của HP
12	+ <u>Grammar</u> : Whose...? possessive 's + <u>Vocabulary</u> : Family + Listening and Speaking:	+Grammar (p. 28) +Vocabulary (ps.28 & 155) +Listening and Speaking (p.29)	CO1, CO2, CO3, CO4, CO5, CO6, CO7
	- <u>Workbook</u> :	+Workbook (ps. 24 & 25)	CO1, CO2, CO3, CO7
	<i>Unit 4B: What a life!</i>		
13	+ <u>Grammar</u> : prep of time (at, in, on) and place (at, in, to) + <u>Vocabulary</u> : Everyday activities + <u>Reading & Listening</u> : Father & Daughter – whose day is more stressful + <u>Speaking & Writing</u> : Interview your partner about typical weekday.	+ Grammar (p. 31) + Vocabulary (ps. 30 & 156) + Reading & Listening (p. 30) + Speaking & Writing (p. 31)	CO1, CO2, CO3, CO4, CO5, CO6, CO7
	+ <u>Workbook</u>	+ Workbook (ps. 26 & 27)	CO1, CO2, CO3, CO7
	<i>Unit 4C: Short life, long life?</i>		
14	+ <u>Grammar</u> : position of adverbs and expressions of frequency + <u>Vocabulary</u> : Adverbs of frequency + <u>Reading & Speaking</u> : The Secrets of a long life.	+Grammar (p. 32) +Vocabulary (p. 32) +Reading & Speaking (p. 33)	CO1, CO2, CO3, CO4, CO5, CO6, CO7
	+ <u>Workbook</u> : *<i>Speaking practice: UNIT 4 questions review</i>	+Workbook (ps. 28 & 29) +Speaking practice (supplement)	CO1, CO2, CO3, CO4, CO5, CO7
	<i>Review for the final exam</i>		
15	+Grammar: -Present Continuous -Can/ Can't +Listening Practice 2 +Speaking Practice +Review for the final exam	+Grammar (p. 132) +Listening practice 2 (supplement) +Speaking practice (supplement)	CO1, CO2, CO3, CO4, CO5, CO6, CO7

12. Cơ sở và thiết bị

- Phòng học với sức chứa khoảng 60 sinh viên, có trang bị bảng lớn, máy chiếu, hệ thống khuếch đại âm thanh.
- Trang thiết bị, dụng cụ giảng dạy.
- Giáo viên tự trang bị máy tính cá nhân và các công cụ hỗ trợ khác.

TTĐTCĐR & PTNNL



TS. Trần Thị Thùy

BỘ MÔN ANH VĂN



Nguyễn Hai Khoa

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

1. Thông tin về học phần

Tên học phần: Anh văn căn bản 2

Mã học phần: 0101000862

Số tín chỉ: 3

Tổng số tiết quy chuẩn: 45

Phân bổ thời gian:

Tổng thời gian học của sinh viên	Giờ trên lớp				Tổng thời gian học trên lớp và tự học
L = Lý thuyết T = Bài tập P = Thực hành O = Thảo luận/seminar	L 30	T 15	P 0	O 0	45 + 90 = 135

Loại học phần: Bắt buộc

Học phần tiên quyết: Anh văn căn bản 1

Học phần học trước: Không

Học phần học song hành: Không

Ngôn ngữ giảng dạy: Tiếng Việt Tiếng Anh:

Đơn vị phụ trách: Trung tâm đào tạo chuẩn đầu ra và phát triển nguồn nhân lực

2. Giảng viên phụ trách môn học

Các giảng viên Bộ môn Anh văn – Trung tâm Đào tạo Chuẩn đầu ra và Phát triển nguồn nhân lực

3. Mục tiêu của học phần (kí hiệu M)

*Về kiến thức

MT1 Hiểu các câu và các cụm từ thường dùng trong giao tiếp cơ bản (ví dụ: thông tin cá nhân và gia đình, mua sắm, địa lý, việc làm). Hiểu và phân biệt được các tình huống văn hóa của các nước nói tiếng Anh.

MT2 Biết cách phát âm rõ ràng các từ quen thuộc nhằm đạt được mục đích giao tiếp.

*Về kỹ năng

MT3 Giao tiếp được trong các tình huống đơn giản và thường gặp về các vấn đề quen thuộc trong cuộc sống. Diễn đạt các thông tin cơ bản về chính mình, cuộc sống xung quanh, và các yêu cầu căn bản.

MT4 Làm việc độc lập và nhóm độc lập trong các vấn đề quen thuộc trong cuộc sống

*** Về năng lực tự chủ và trách nhiệm**

MT5 Có đạo đức nghề nghiệp và có khả năng sáng tạo trong công việc.

MT6 Nhận thức tầm quan trọng của tiếng Anh trong các lĩnh vực để tăng việc học và ứng dụng tiếng Anh một cách hiệu quả.

4. Mức đóng góp của học phần cho chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo

Học phần đóng góp cho chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo (PO) theo mức độ sau:

0 = Không đóng góp; 1 = Mức thấp; 2 = Mức trung bình; 3 = Mức cao

Mã HP	Tên HP	Mức độ đóng góp của học phần cho CĐR của CTĐT								
		PO1	PO2	PO3	PO4	PO5	PO6	PO7	PO8	PO9
0101000862	Anh văn căn bản 2	0	0	2	0	0	0	0	0	0
		PO10	PO11	PO12	PO13	PO14	PO15	PO16	PO17	
	0	0	2	0	0	0	1	1		

5. Chuẩn đầu ra của học phần (CO)

Mục tiêu HP	CĐR của HP	Nội dung CĐR của học phần Hoàn thành học phần này, sinh viên đạt được:	CĐR của CTĐT
Kiến thức			
MT1, MT2, MT3	CO1	Phân biệt được các loại động từ ở quá khứ, cách nhấn trọng âm trong từ và câu, các âm gần giống nhau	PO3
MT1, MT2, MT3	CO2	Biết và phân biệt được âm thực và địa danh của các nước nói tiếng Anh	PO3
Kỹ năng			
MT4, MT5	CO3	Giao tiếp được trong các tình huống quen thuộc trong cuộc sống ở quá khứ, hiện tại và tương lai, về âm thực và địa danh trong các tình huống giao tiếp quen thuộc	PO12
MT4, MT5	CO4	So sánh và liên hệ trong các tình huống giao tiếp quen thuộc	PO12
MT6	CO5	Sử dụng tiếng Anh để tương tác một cách lưu loát và rõ ràng trong làm việc nhóm và độc lập với người khác.	PO12
Năng lực tự chủ và trách nhiệm			
MT7, MT8	CO6	Nhận thức tầm quan trọng của tiếng Anh trong các tình huống học tập và làm việc và của việc phát âm trong tiếng Anh	PO16
MT7, MT8	CO7	Nâng cao khả năng học tập và nghiên cứu suốt đời.	PO17

6. Nội dung tóm tắt của học phần

Học phần Anh Văn Căn Bản 2 (AVCB2) là học phần thứ hai trong hệ thống các học phần Anh văn căn bản (AVCB) dành cho các lớp Tiếng Anh không chuyên bậc Đại học và Cao đẳng chính quy, hệ vừa học vừa làm. Giáo trình được sử dụng trong suốt học phần này là American English File 1 (second edition) của NXB Oxford. Học phần này bắt đầu từ Unit 7 cho tới Unit 12, trong đó bao gồm 6 đơn vị bài học (6 Units) và 2 đơn vị bài ôn (2 Reviews). Mỗi đơn vị bài học được phân chia thành các bài học nhỏ hơn với mục đích giúp các bạn sinh viên tiếp cận nội dung một cách tự nhiên và hiệu quả nhất.

7. Phương pháp, hình thức tổ chức dạy học

Phương pháp, hình thức tổ chức dạy học	Mục đích	CĐR của HP đạt được
Thuyết trình	Cung cấp cho sinh viên hệ thống kiến thức nền tảng của môn học một cách khoa học, logic.	CO1, CO2, CO3, CO4, CO6, CO7
Thảo luận	Thông qua việc hỏi đáp giữa giáo viên và sinh viên để làm rõ các nội dung kiến thức trong môn học.	CO1, CO2, CO3, CO4, CO6, CO7
Làm việc nhóm	Thông qua việc hỏi đáp giữa sinh viên và sinh viên để làm rõ các nội dung kiến thức trong môn học và rèn luyện các kỹ năng giao tiếp.	CO2, CO3, CO4, CO5, CO6
Bài tập	Giúp sinh viên hiểu rõ và biết vận dụng các nội dung môn học vào các vấn đề thực tiễn.	CO1, CO2, CO7
Nghiên cứu bài học, đọc tài liệu tham khảo	Giúp người học tăng cường năng lực tự học, tự nghiên cứu.	CO1, CO4, CO7

8. Nhiệm vụ của sinh viên

- Dự lớp: đọc trước giáo trình, phát hiện vấn đề, nghe giảng, nêu các câu hỏi và tham gia thảo luận về các vấn đề do giáo viên và sinh viên khác đặt ra.
- Bài tập: chuẩn bị bài tập, phát hiện vấn đề, tham gia giải và sửa bài tập trên lớp.
- Nghiên cứu: đọc tài liệu tham khảo, tham gia thuyết trình.
- Thảo luận nhóm hoặc thuyết trình tại lớp do giảng viên phân công.
- Làm bài tập ứng dụng hoặc bài tập tình huống để củng cố kiến thức (lý thuyết) đã được học.

- Tham khảo các tài liệu do giảng viên hướng dẫn.
- Tự học, tự nghiên cứu ở nhà những vấn đề đã được nghe giảng tại lớp.

9. Đánh giá kết quả học tập của sinh viên

9.1 Thang điểm đánh giá

Sử dụng thang 10 điểm cho tất cả các hình thức đánh giá trong học phần.

9.2 Hình thức, tiêu chí đánh giá và trọng số điểm

Hình thức	Trọng số (%)	Tiêu chí đánh giá	CĐR của HP	Điểm tối đa
Chuyên cần	10	Tính chủ động, mức độ tích cực chuẩn bị bài và tham gia các hoạt động trong giờ học Thời gian tham dự buổi học bắt buộc	CO1, CO2, CO3, CO4, CO5, CO6, CO7	10
Bài tập cá nhân	10	- Theo chất lượng bài nộp	CO1, CO2, CO3, CO4, CO5, CO6	10
Bài kiểm tra giữa kỳ (Nghe 10%, Nói 20%)	30	- Theo đáp án, thang điểm của giảng viên	CO1, CO2, CO3, CO4, CO5, CO6	10
Thi kết thúc HP - Trắc nghiệm: Từ vựng, ngữ pháp và kỹ năng Đọc hiểu - Tự luận: Kỹ năng Viết	50	- Theo đáp án, thang điểm của giảng viên	CO1, CO2, CO3, CO4, CO5, CO6	10

10. Học liệu

10.1. Tài liệu học tập

[1] Latham-Koenig, C., Oxenden, C., & Seligson, P. (2013). *American English file 1*. Oxford: Oxford University Press

10.2. Tài liệu tham khảo

[1] Soars, L., & Wheeldon, S. (2009). *American Headway 1*. Oxford: Oxford University Press

11. Nội dung chi tiết học phần

Tuần	Nội dung	Tài liệu	CĐR của HP
1	Unit 7A: At the National Portrait Gallery + Grammar (G): Simple past of be: was / were + Vocabulary (V): word formation + Pronunciation (P): sentence stress	Bài 7A, Trang 52-53 Sách bài tập Bài 7A, Trang 43-44	CO1, CO2, CO3, CO4, CO5, CO6, CO7

Tuần	Nội dung	Tài liệu	CDR của HP
2	Unit 7B: Chelsea girls + G: simple past: regular verbs + V: past time expressions + P: -ed endings	Bài 7B, Trang 54-55 Sách bài tập Bài 7B, Trang 45-46	CO1, CO2, CO3, CO4, CO5, CO6, CO7
3	Unit 7C: A night to remember + G: simple past: irregular verbs + V: go, have, get + P: sentence stress (cont.)	Bài 7C, Trang 56-57 Sách bài tập Bài 7C, Trang 47-48	CO1, CO2, CO3, CO4, CO5, CO6, CO7
4	A murder story + G: simple past: regular and irregular + V: irregular verbs + P: simple past verbs	Bài 8A, Trang 60-61 Sách bài tập Bài 8A, Trang 50-51	CO1, CO2, CO3, CO4, CO5, CO6, CO7
5	Unit 8B: A house with a history + G: there is / there are; some / any + plural nouns + V: the house + P: /er/ and /ir/, sentence stress	Bài 8B, Trang 62-63 Sách bài tập Bài 8B, Trang 52-53	CO1, CO2, CO3, CO4, CO5, CO6, CO7
6	Unit 8C: A night in a haunted hotel + G: there was / there were + V: prepositions of place and movement + P: silent letters	Bài 8C, Trang 64-65 Sách bài tập Bài 8C, Trang 54-55	CO1, CO2, CO3, CO4, CO5, CO6, CO7
7	Review 1 + Workbook correction + Listening Test Review Grammar of U11: adverbs, verbs + infinitive, articles (Grammar bank page 145)	Bài ôn tập Trang 66-67, 145	CO1, CO2, CO3, CO4, CO5, CO6, CO7
8	Unit 9A: What I ate yesterday + G: countable / uncountable nouns; a / an; some / any + V: food + P: the letter ea	Bài 9A Trang 68-69 Sách bài tập Bài 9A, Trang 56-57	CO1, CO2, CO3, CO4, CO5, CO6, CO7
9	Unit 9B: White gold + G: quantifiers: how much / how many, a lot of, etc. + V: food containers + P: /f/ and /s/	Bài 9B Trang 70-71 Sách bài tập Bài 9B, Trang 58-59	CO1, CO2, CO3, CO4, CO5, CO6, CO7

Tuần	Nội dung	Tài liệu	CDR của HP
10	Unit 9C: Quiz night + G: comparative adjectives + V: high numbers + P: /ər/, sentence stress	Bài 9C Trang 72-73 Sách bài tập Bài 9C, Trang 60-61	CO1, CO2, CO3, CO4, CO5, CO6, CO7
11	Midterm test (Speaking test)		
12	Unit 10A: The most dangerous road... + G: superlative adjectives + V: places and buildings + P: consonant groups	Bài 10A Trang 76-77 Sách bài tập Bài 10A, Trang 63-64	CO1, CO2, CO3, CO4, CO5, CO6, CO7
13	Unit 10B: CouchSurf around the world + G: be going to (plans), future time expressions + V: vacations + P: sentence stress	Bài 10B Trang 78-79 Sách bài tập Bài 10B, Trang 65-66	CO1, CO2, CO3, CO4, CO5, CO6, CO7
14	Unit 10C: What's going to happen? + G: be going to (predictions) + V: verb phrases + P: the letters /oo/ + Workbook page 67-68	Bài 10C Trang 80-81 Sách bài tập Bài 10C, Trang 67-68	CO1, CO2, CO3, CO4, CO5, CO6, CO7
15	+ Review 2 + Workbook correction + Review Grammar off U12 : Present perfect (Grammar bank page 147) + Review for final test	Bài ôn tập Trang 82-83, 147	CO1, CO2, CO3, CO4, CO5, CO6, CO7

TTĐTCĐR & PTNNL


TS. Trần Thị Thùy

BỘ MÔN ANH VĂN


Nguyễn Hai Khoa

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

1. Thông tin về học phần

Tên học phần: Anh văn chuyên ngành dược

Mã học phần: 0102000422

Số tín chỉ: 3 Tín chỉ

Tổng số tiết quy chuẩn: 45 tiết

Phân bố thời gian:

Tổng thời gian học của sinh viên	Giờ trên lớp				Tổng thời gian học trên lớp và tự học
	L	T	P	O	
L = Lý thuyết					45 + 90 = 135
T = Bài tập					
P = Thực hành	30	05	10	0	
O = Thảo luận/seminar					

Loại học phần: Bắt buộc

Học phần tiên quyết: Anh văn căn bản 1, và Anh văn căn bản 2

Học phần học trước: Không

Học phần học song hành: Không

Ngôn ngữ giảng dạy: Tiếng Việt Tiếng Anh:

Đơn vị phụ trách: Bộ môn Tiếng Anh – TTĐTCDR& PTNNL

2. Thông tin giảng viên: Bộ môn Tiếng Anh – TTĐTCDR& PTNNL

3. Mục tiêu của học phần (kí hiệu MT):

* Về kiến thức

MT1: Hiểu và ứng dụng từ vựng, thuật ngữ chuyên ngành bằng tiếng Anh trong đọc hiểu các tài liệu chuyên môn về ngành nghề Dược, Dược lý học, loại thuốc và dạng thuốc, công dụng và cách sử dụng một số loại thuốc...

MT2: Ôn lại những chủ điểm ngữ pháp dược trình bày ngắn gọn và lồng ghép vào bài học, bài tập.

MT3: Nắm được những kiến thức về y học ở mức tổng quan, những kiến thức về Dược học ở mức độ chuyên môn, đồng thời cũng đi sâu vào giới thiệu những vấn đề xã hội thực tế, kiến thức thực tế của ngành Dược học.

- **Về kỹ năng**

MT4: Kỹ năng phân tích các tình huống giao tiếp chuyên ngành đơn giản về các chủ đề đã học.

MT5: Kỹ năng phân tích đọc hiểu các tài liệu chuyên ngành Dược học bằng tiếng Anh và kỹ năng làm bài tập chuyên ngành về từ vựng, ngữ pháp và đọc hiểu.

MT6: Kỹ năng thực hiện bài báo cáo tiếng Anh chuyên ngành bằng chương trình Powerpoint và kỹ năng trình bày nhóm trước lớp.

MT7: Phát triển kỹ thuật ứng dụng các công cụ công nghệ hỗ trợ dịch thuật và phân tích tiếng Anh chuyên ngành nhanh và hiệu quả.

- **Về năng lực tự chủ và trách nhiệm**

MT8: Có khả năng làm việc độc lập, hỗ trợ nhau trong quá trình làm việc nhóm học tiếng Anh và có thái độ hợp tác trong ứng xử, giao tiếp với mọi người và có khả năng sáng tạo trong học tập.

MT9: Nhận thức tầm quan trọng việc học và ứng dụng tiếng Anh trong chuyên ngành để chủ động nghiên cứu và nâng cao khả năng tự học tiếng Anh.

4. Mức đóng góp của học phần cho chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo

Học phần đóng góp cho chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo (PO) theo mức độ sau:

0 = Không đóng góp; 1 = Mức thấp; 2 = Mức trung bình; 3 = Mức cao

Mã HP	Tên HP	Mức độ đóng góp của học phần cho CĐR của CTĐT								
		PO1	PO2	PO3	PO4	PO5	PO6	PO7	PO8	PO9
000422	Anh Văn Chuyên Ngành Dược									
		0	0	3	0	0	0	0	0	0
		PO10	PO11	PO12	PO13	PO14	PO15	PO16	PO17	
		1	1	1	1	1	0	1	1	

5. Chuẩn đầu ra của học phần (CO)

Mục tiêu HP	CĐR của HP	Nội dung CĐR của học phần Hoàn thành học phần này, sinh viên đạt được:	CĐR của CTĐT
Kiến thức			
MT1 MT3	CO1	Biết được các thuật ngữ chuyên ngành bằng tiếng Anh để trình bày về ngành nghề Dược, Dược lý học và việc sử dụng của số loại thuốc thông thường kèm theo những cảnh báo.	PO3

MT2 MT5	CO2	Phân tích được các dạng bài tập ngữ pháp chuyên ngành và các bài đọc hiểu chuyên ngành	PO3
MT3 MT4	CO3	Hiểu những vấn đề xã hội thực tế của ngành Dược học. Ứng dụng vào các tình huống giao tiếp chuyên ngành đơn giản.	PO3
MT1 MT2 MT5	CO4	Phân tích nội dung các bài đọc hiểu chủ điểm về ngành nghề dược, thuốc từ thiên nhiên, phân loại thuốc và tác động của thuốc.	PO3
MT1 MT2 MT5	CO5	Phân tích nội dung các bài đọc hiểu chủ điểm về tác dụng phụ của thuốc, cơ chế tác động của thuốc vào cơ thể	PO3
MT1 MT2 MT5	CO6	Phân tích nội dung các bài đọc hiểu chủ điểm về dược lý của một số loại thuốc quan trọng –phổ biến trên thị trường	PO3
MT1 MT2 MT5	CO7	Phân tích nội dung các bài đọc hiểu chủ điểm về việc tiêm thuốc và cách đo lường thuốc	PO3
Kỹ năng			
MT1 MT5 MT6 MT7 MT8	CO8	Vận dụng được kiến thức tiếng Anh và thực hiện được việc trình bày nhóm một số bài thuốc, dược liệu bằng tiếng Anh, và dịch thuật các đoạn đơn giản từ Anh sang Việt và ngược lại.	PO10, PO11, PO12, PO13, PO14
MT5 MT7	CO9	Ứng dụng các công cụ công nghệ hỗ trợ dịch thuật và phân tích tiếng Anh chuyên ngành nhanh và hiệu quả.	PO10, PO11, PO12, PO13, PO14
Năng lực tự chủ và trách nhiệm			
MT7 MT9	CO10	Nhận thức tầm quan trọng việc học và ứng dụng tiếng Anh trong chuyên ngành để chủ động nghiên cứu và nâng cao khả năng tự học tiếng Anh.	PO16, PO17.

6. Nội dung tóm tắt của học phần

Học phần Anh Văn chuyên ngành Dược nhằm cung cấp và trang bị từ ngữ, thuật ngữ chuyên ngành Dược cho sinh viên. Môn học bao gồm các bài đọc và bài tập liên quan về lĩnh vực Dược học phù hợp với giai đoạn học và gắn liền với kiến thức chuyên ngành của

sinh viên ngành Dược. Đồng thời, môn học có phần hướng dẫn thực tập và cách thực hiện bài báo cáo tiếng Anh bằng chương trình Powerpoint. Nội dung của học phần tập trung vào các chủ điểm: ngành nghề dược, phân loại thuốc, một số tác dụng phụ của thuốc, việc hấp thụ thuốc, thuốc thảo dược, cách sử dụng một số thuốc kháng sinh thông thường như Ampicillin, Penicillin, Tetracycline..., và công dụng của một số loại thuốc như vitamin hoặc streptomycin đối với cơ thể, an toàn thuốc, và đảm bảo chất lượng thuốc.

7. Phương pháp, hình thức tổ chức dạy học

Phương pháp, hình thức tổ chức dạy học	Mục đích	CĐR của HP đạt được
Trình bày nhóm	Sinh viên vận dụng được kiến thức tiếng Anh và tự tin hơn khi trình bày trước, và phát triển kỹ năng làm việc theo nhóm khi được hướng dẫn bày nhóm một số bài thuốc, dược liệu bằng tiếng Anh, và dịch thuật các đoạn đơn giản từ Anh sang Việt và ngược lại.	CO1, CO3, CO5, CO6, CO7, CO8, CO9, CO10
Thảo luận bài học	Thông qua việc hỏi đáp giữa giáo viên và sinh viên để làm rõ các nội dung kiến thức trong môn học.	CO1, CO2, CO3, CO4, CO5, CO6, CO9, CO10
Bài tập	Giúp sinh viên hiểu rõ và biết vận dụng các nội dung môn học vào tự lượng giá năng lực	CO1, CO2, CO3, CO9
Nghiên cứu bài học, đọc tài liệu tham khảo	Giúp người học tăng cường năng lực tự học, tự nghiên cứu.	CO9, CO10

8. Nhiệm vụ của sinh viên

- Dự lớp: đọc trước giáo trình, phát hiện vấn đề, nghe giảng, nêu các câu hỏi và tham gia thảo luận về các vấn đề do giáo viên và sinh viên khác đặt ra.
- Bài tập: chuẩn bị bài tập, phát hiện vấn đề, tham gia giải và sửa bài tập trên lớp.
- Nghiên cứu: đọc tài liệu tham khảo, tham gia trình bày – báo cáo.
- Thảo luận nhóm hoặc ứng dụng dịch thuật tại lớp do giảng viên phân công.

- Làm bài tập ứng dụng hoặc bài tập tình huống để củng cố kiến thức (lý thuyết) đã được học.
- Tham khảo các tài liệu do giảng viên hướng dẫn.
- Tự học, tự nghiên cứu ở nhà những vấn đề đã được nghe giảng tại lớp.

9. Đánh giá kết quả học tập của sinh viên (thang điểm 10)

TT	Hình thức	Trọng số (%)	Tiêu chí đánh giá	CDR của HP	Điểm tối đa
1	Chuyên cần	20	- Tính chủ động, mức độ tích cực chuẩn bị bài và tham gia các hoạt động trong giờ học - Tham dự buổi học bắt buộc tối thiểu là 80%	CO1, CO2, CO3, CO4, CO5, CO6, CO7, CO10	10
2	Bài tập cá nhân	0	Được cộng điểm vào điểm chuyên cần.	CO1, CO2, CO3, CO4, CO5, CO6	10
3	Bài kiểm tra định kỳ	10	Bài kiểm tra trắc nghiệm theo đáp án, thang điểm của giảng viên	CO1, CO2, CO3, CO4, CO8, CO10	10
4	Thuyết trình – Trình bày	20	Sinh viên thuyết trình nhóm được đánh giá theo bảng nhận xét của giảng viên	CO1, CO3, CO5, CO6, CO7, CO8, CO9, CO10	10
5	Thi kết thúc HP	50	Theo đáp án, thang điểm của giảng viên	CO1, CO2, CO3, CO4, CO5, CO6 CO7, CO8	10

10. Học liệu

10.1. Tài liệu học tập

[1] Huỳnh Châu Anh Khoa – Trần Thanh Nga (2018), *Bài giảng Anh văn chuyên ngành Dược*.

10.2. Tài liệu tham khảo

[2] University of Medical and Pharmaceutical – HoChiMinh city School of Basic Sciences, *English for pharmacy major*.

[3] Gareth Thomas. *Fundamentals of Medicinal chemistry*, John Wiley & Son, Ltd, 2000.

[4] Đinh Đắc Phúc và Hồ Liên Biện (1998), *A Course in Medical English*, NXB Thành phố Hồ Chí Minh.

11. Nội dung chi tiết học phần

Tuần	Nội dung	Tài liệu	CĐR của HP
	Unit 1: Pharmacy Profession		
1	<ul style="list-style-type: none"> - Introduce knowledge of the pharmacy profession and present department of a pharmaceutical company. - Present knowledge about how to operate a pharmacy store. - Do exercises. 	[1]. Trang 4-10	CO1, CO2, CO3, CO4, CO8, CO9, CO10.
	Unit 2: Drugs Interaction- Abuse and Pharmaceutical Industry.		
2	<ul style="list-style-type: none"> -Present knowledge of the usage of drugs and some things about pharmaceutical industry in English. - Use terminologies about drug and pharmaceutical industry in real situations - do exercises 	[1]. Trang 11-15.	CO1, CO2, CO3, CO4, CO8, CO9, CO10.
	Unit 3: Drug Development – Natural Medicines		
3	<ul style="list-style-type: none"> . Present knowledge of some kinds of medicinal plants and their uses in English. - Use terminologies about natural medicine in real situations - do exercises 	[1]. Trang 16-19	CO1, CO2, CO3, CO4, CO8, CO9, CO10.

	Unit 4: Medication – Drug Classification		
4	<p>-Present knowledge of some forms of medicine and their uses in English</p> <p>- Use terminologies about symptoms and medical problems in real situations.</p> <p>- do exercises</p>	[1]. Trang 20-25.	CO1, CO2, CO3, CO4, CO8, CO9, CO10.
	Unit 5: Adverse Drug Reaction		
5	<p>. Present knowledge of some adverse reactions of medicines in English.</p> <p>- Use terminologies about symptoms and reactions in English.</p> <p>- do exercises</p>	[1]. Trang 26-30.	CO1, CO2, CO3, CO5, CO8, CO9, CO10.
	Unit 6: Distribution, Metabolism and Elimination of Antibiotics		
6	<p>- Present knowledge of some mechanism of antibiotics in English</p> <p>- Use terminologies about reaction and uses of drug in English.</p> <p>- do exercises</p>	[1]. Trang 31-32	CO1, CO2, CO3, CO5, CO8, CO9, CO10.
	Unit 7: Administration and Absorption of Some Medicines		

7-8	<ul style="list-style-type: none"> - Present knowledge of the usage and some information of some common medicines in English. - Use terminologies about some medicines in real situations - do exercises <p>** Mid-term test</p>	[1]. Trang 33-38	CO1, CO2, CO3, CO6, CO8, CO9, CO10.
Unit 8: Using a Pharmacology Reference			
9	<ul style="list-style-type: none"> -Present knowledge of the prescribing information of some antibiotics - Use terminologies about using some popular antibiotics and antihistamine in giving treatment for patients in real situations. - do exercises 	[1] Trang 39-43.	CO1, CO2, CO3, CO6, CO8, CO9, CO10.
Unit 9: Dose – Response Relationship			
10-11	<ul style="list-style-type: none"> - Present how to measure and give some kinds of medicines and they way to give medicines in English. - Use terminologies about measuring and giving medicines in real situations. - do exercises 	[1]. Trang 44-49	CO1, CO2, CO3, CO7, CO8, CO9, CO10.
Unit 10: When and How to give Injection			

12	- Present how and when to give injection in English. - Use terminologies about sickness and medicine by injection in real situations. - do exercises	[1] Trang 50-54	CO1, CO2, CO3, CO7, CO8, CO9, CO10.
13	Students' presentations	U16, U17, U18, U19, U20, U21	CO1, CO3, CO5, CO6, CO7, CO8, CO9, CO10.
14	Students' presentations	U22, U23, U24, U25, U26	CO1, CO3, CO5, CO6, CO7, CO8, CO9, CO10
15	Revision for the final test		

12. Cơ sở và thiết bị

- Phòng học có bảng lớn, máy chiếu
- Phương tiện: tăng âm

TRUNG TÂM ĐT CDR&PTNNL

BỘ MÔN ANH VĂN


TS. Trần Thị Thùy


Nguyễn Hai Khoa

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

1. Thông tin về học phần

Tên học phần: Bệnh học

Mã học phần: 0102000434

Số tín chỉ: 3

Tổng số tiết quy chuẩn: 45

Phân bố thời gian:

Tổng thời gian học của sinh viên	Giờ trên lớp				Tổng thời gian học trên lớp và tự học
	L	T	P	O	
L = Lý thuyết T = Bài tập P = Thực hành O = Thảo luận/seminar	45	0	0	0	45 + 90 = 135

Loại học phần: **Bắt buộc**

Học phần tiên quyết: Sinh lý, Giải phẫu, Sinh lý bệnh miễn dịch

Học phần học trước: Sinh lý, Giải phẫu, Sinh lý bệnh miễn dịch

Học phần học song hành: **Không**

Ngôn ngữ giảng dạy: Tiếng Việt Tiếng Anh:

2. Đơn vị phụ trách: Khoa Y

3. Mục tiêu của học phần (kí hiệu MT):

* Về kiến thức

MT1: Trình bày được triệu chứng, bệnh học và nguyên tắc điều trị các bệnh thường gặp tại cơ quan cơ, xương, hô hấp, tiêu hóa, tuần hoàn, thận-tiết niệu, sinh dục, thần kinh, giác quan

• Về kỹ năng

MT2: Kỹ thuật nhận biết các bệnh thường gặp tại cơ quan cơ, xương, hô hấp, tiêu hóa, tuần hoàn, thận-tiết niệu, sinh dục, thần kinh, giác quan theo bảng kiểm.

• Về năng lực tự chủ và trách nhiệm

MT3: Trung thực, khách quan, có tinh thần trách nhiệm cao trong công việc.

MT4: Có tinh thần cầu tiến, nâng cao trình độ chuyên môn.

MT5: Có khả năng làm việc độc lập, làm việc nhóm. Đoàn kết, giúp đỡ đồng nghiệp trong công việc.

4. Mức đóng góp của học phần cho chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo

Học phần đóng góp cho chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo (PO) theo mức độ sau:

0 = Không đóng góp; 1 = Mức thấp; 2 = Mức trung bình; 3 = Mức cao

Mã HP	Tên HP	Mức độ đóng góp của học phần cho CDR của CTĐT										
		PO1	PO2	PO3	PO4	PO5	PO6	PO7	PO8	PO9	PO10	PO11
010200 0434	Bệnh học	0	0	0	1	0	0	0	2	0	1	1
		PO1 2	PO1 3	PO1 4	PO1 5	PO1 6	PO17					
		1	1	1	0	1	1					

5. Chuẩn đầu ra của học phần (CO)

Mục tiêu HP	CDR của HP	Nội dung CDR của học phần Hoàn thành học phần này, sinh viên đạt được:	CDR của CTĐT
Kiến thức			
MT1	CO1	Trình bày được triệu chứng, bệnh học và nguyên tắc điều trị các bệnh thường gặp tại cơ quan cơ, xương, hô hấp, tiêu hóa, tuần hoàn, thận-tiết niệu, sinh dục, thần kinh, giác quan	PO4
Kỹ năng			
MT2	CO2	Kỹ thuật thăm khám các bệnh thường gặp tại cơ quan cơ, xương, hô hấp, tiêu hóa, tuần hoàn, thận-tiết niệu, sinh dục, thần kinh, giác quan theo bảng kiểm.	PO8, PO10, PO11, PO12, PO13, PO14
Năng lực tự chủ và trách nhiệm			
MT3	CO3	Trung thực, khách quan, có tinh thần trách nhiệm cao trong công việc.	PO16, PO17
MT4	CO4	Có tinh thần cầu tiến, nâng cao trình độ chuyên môn.	PO16, PO17
MT5	CO5	Có khả năng làm việc độc lập, làm việc nhóm. Đoàn kết, giúp đỡ đồng nghiệp trong công việc.	PO16, PO17

6. Nội dung tóm tắt của học phần

Học phần bệnh học cung cấp cho sinh viên các kiến thức về nguyên nhân, cơ chế bệnh sinh, triệu chứng lâm sàng, phương pháp điều trị các bệnh cơ bản.

7. Phương pháp, hình thức tổ chức dạy học

Phương pháp, hình thức tổ chức dạy học	Mục đích	CDR của HP đạt được
Thuyết trình	Cung cấp cho sinh viên hệ thống kiến thức nền tảng của môn học một cách khoa học, logic.	CO1, CO2

Thảo luận bài học	Thông qua việc hỏi đáp giữa giáo viên và sinh viên để làm rõ các nội dung kiến thức trong môn học.	CO1, CO2, CO3
Nghiên cứu bài học, đọc tài liệu tham khảo	Giúp người học tăng cường năng lực tự học, tự nghiên cứu.	CO1, CO2, CO3, CO4, CO5

8. Nhiệm vụ của sinh viên

- Dự lớp: đọc trước giáo trình, phát hiện vấn đề, nghe giảng, nêu các câu hỏi và tham gia thảo luận về các vấn đề do giáo viên và sinh viên khác đặt ra.
- Nghiên cứu: đọc tài liệu tham khảo, tham gia trình bày – báo cáo.
- Tham khảo các tài liệu do giảng viên hướng dẫn.
- Tự học, tự nghiên cứu ở nhà những vấn đề đã được nghe giảng tại lớp.

9. Đánh giá kết quả học tập của sinh viên (thang điểm 10)

TT	Hình thức	Trọng số (%)	Tiêu chí đánh giá	CĐR của HP	Điểm tối đa
Đánh giá quá trình (trọng số 50%)					
1	Chuyên cần	10	- Tính chủ động, mức độ tích cực chuẩn bị bài và tham gia các hoạt động trong giờ học	CO1, CO2, CO3, CO4, CO5	10
		10	- Thời gian tham dự buổi học bắt buộc, vắng không quá 20% số tiết học. Tùy số tiết vắng, GV quyết định số điểm theo tỷ lệ vắng	CO1, CO2, CO3, CO4, CO5	10
2	Kiểm tra giữa kỳ	30	- Sinh viên làm một bài kiểm tra cá nhân - Tiêu chí đánh giá bài kiểm tra (giảng viên nêu cụ thể)	CO1, CO2, CO3, CO4, CO5	10
Thi kết thúc học phần (trọng số 50%)					
3	Thi kết thúc HP	50	- Thi kết thúc học phần + Hình thức thi: trắc nghiệm + Tiêu chí đánh giá bài thi: theo đáp án của giảng viên ra đề	CO1, CO2, CO3, CO4, CO5	10

10. Học liệu

10.1. Tài liệu học tập

[1] Ngô Quý Châu (2018), Bệnh học nội khoa tập 1, Nhà xuất bản y học Hà Nội.

[2] Ngô Quý Châu (2018), Bệnh học nội khoa tập 2, Nhà xuất bản y học Hà Nội.

10.2. Tài liệu tham khảo

[3] Đỗ Gia Tuyền và cộng sự (2021), Triệu chứng học nội khoa tập 1, Nhà xuất bản y học Hà Nội.

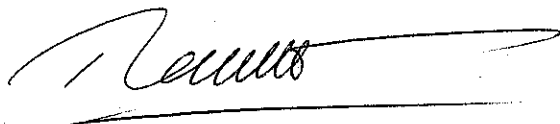
11. Nội dung chi tiết học phần

Tuần	Nội dung	Số tiết	Tài liệu	CĐR của HP
1	Đại cương hệ hô hấp, tuần hoàn	3	[1]. Trang 50-59, 97-104	CO1, CO2, CO3, CO4, CO5
2	Đại cương hệ tiêu hóa, thần kinh, tiết niệu	3	[1]. Trang 128-139, 314-325, 178-184	CO1, CO2, CO3, CO4, CO5
3	Hen phế quản - Bệnh phổi tắc nghẽn mạn tính	2	[1]. Trang 81-96	CO1, CO2, CO3, CO4, CO5
4	Suy tim - Tăng huyết áp	2	[1]. Trang 105-120	CO1, CO2, CO3, CO4, CO5
5	Đái tháo đường	2	[1]. Trang 209-221	CO1, CO2, CO3, CO4, CO5
6	Suy thận cấp - mạn	2	[1]. Trang 192-200	CO1, CO2, CO3, CO4, CO5
7	Viêm cầu thận cấp - mạn	2	[1]. Trang 185-191	CO1, CO2, CO3, CO4, CO5
8	Bệnh vô thương thận	2	[1]. Trang 236-245.	CO1, CO2, CO3, CO4, CO5
9	Loét dạ dày - tá tràng ; Táo bón - Tiêu chảy	2	[1]. Trang 140-144, 159-166	CO1, CO2, CO3, CO4, CO5
10	Xơ gan	2	[1]. Trang 145-150	CO1, CO2, CO3, CO4, CO5
11	Thiếu máu	2	[1]. Trang 251-259	CO1, CO2, CO3, CO4, CO5
12	Bệnh lao	2	[1]. Trang 279-287	CO1, CO2, CO3, CO4, CO5
13	Viêm gan virus	2	[1] Trang 304-309	CO1, CO2, CO3, CO4, CO5
14	Tai biến mạch máu não	2	[1] Trang 335-341	CO1, CO2, CO3, CO4, CO5

12. Cơ sở và Thiết bị

- Phòng học có bảng lớn, máy chiếu
- Phương tiện: tăng âm

TRƯỞNG KHOA
(ký tên)



TS. BSKII. THÁI VIẾT TĂNG

TRƯỞNG BỘ MÔN
(ký tên)



Ngô Minh Hùng

Cần Thơ, ngày tháng năm 2022

ĐỀ CƯƠNG HỌC PHẦN

NĂM HỌC 2022 - 2023

Tên học phần: Hóa lý

Mã học phần: 0102000471

1. Thông tin về học phần

Số tín chỉ: 2

- Lý thuyết: 2 Tổng số tiết quy chuẩn: 30

Phân bổ thời gian:

Tổng thời gian học của sinh viên	Giờ lên lớp				Tổng thời gian học trên lớp và tự học
	L	T	P	O	
L = Lý thuyết T = Bài tập P = Thực hành O = Thảo luận/Seminar	30	0	0	0	30 + 60 = 90

Loại học phần: Bắt buộc

Học phần tiên quyết: Hóa vô cơ, Hóa hữu cơ.

Học phần học song hành: Không

Ngôn ngữ giảng dạy: Tiếng Việt □ Tiếng Anh *

2. Đơn vị phụ trách: Bộ môn Hóa Lý – Hóa Dược

3. Mục tiêu của học phần (kí hiệu MT)

***Về kiến thức**

MT1. Trình bày được những tính chất Hóa lý cơ bản về điện hoá học.

MT2. Trình bày được quá trình động học của các phản ứng đơn giản và phức tạp, ảnh hưởng của nhiệt độ tới tốc độ phản ứng, đặc điểm của phản ứng xúc tác, phản ứng xúc tác acid- base và xúc tác phân hóa.

MT3. Nêu được cách điều chế và tinh chế keo, nắm vững được các tính chất của hệ keo,

điều chế và giải thích được các yếu tố ảnh hưởng đến độ bền của nhũ dịch, phân loại và nắm vững được vai trò của các chất hoạt động bề mặt.

***Về kỹ năng**

MT4. Giải thích được cơ chế phát sinh điện thế trên bề mặt điện cực, rút ra vai trò của việc ứng dụng các phép đo điện cực trong lĩnh vực dược.

MT5. Sử dụng được các dụng cụ phân tích thông thường trong phòng thí nghiệm.

MT6. Vận dụng được kiến thức của học phần vào các môn chuyên ngành sâu và đời sống.

*** Về năng lực tự chủ và trách nhiệm**

MT7. Hình thành thái độ học tập tích cực và chủ động, phát huy tinh thần tự học và nghiên cứu.

MT8. Hăng hái, chăm chỉ trong các buổi thực tập tại phòng thí nghiệm, qua đó góp phần rèn luyện tay nghề và rèn luyện tác phong khoa học, thận trọng, chính xác trong nghề nghiệp.

4. Mức đóng góp của học phần cho chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo

Học phần đóng góp cho chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo (PO) theo mức độ sau:

0 = Không đóng góp; 1 = Mức thấp; 2 = Mức trung bình; 3 = Mức cao

Mã HP	Tên HP	Mức độ đóng góp của học phần cho CĐR của CTĐT								
		PO 1	PO2	PO3	PO4	PO5	PO6	PO7	PO8	PO 9
00047 1	Hóa lý	0	0	0	2	0	1	2	0	0
		PO 10	PO1	PO1	PO1	PO1	PO1	PO1	PO1	PO1
		1	1	2	1	3	4	5	6	7
		1	2	1	1	0	0	0	1	

5. Chuẩn đầu ra của học phần (CO)

Mục tiêu HP	CĐR của HP	Nội dung CĐR của học phần Hoàn thành học phần này, sinh viên đạt được	CĐR của CTĐT
Kiến thức			
MT1	CO1	Trình bày được những tính chất Hóa lý cơ bản về điện hoá học.	PO4, PO6, PO7
MT2	CO2	Trình bày được quá trình động học của các phản ứng đơn giản và phức tạp, ảnh hưởng của nhiệt độ tới tốc độ phản ứng, đặc điểm của phản ứng xúc tác, phản ứng xúc tác acid- base và xúc tác phân hóa.	PO4, PO6, PO7
MT3	CO3	Nêu được cách điều chế và tinh chế keo, nắm vững được các tính chất của hệ keo, điều chế và giải thích được các yếu tố ảnh hưởng đến độ bền của nhũ dịch, phân loại và nắm vững được vai trò của các chất hoạt động bề mặt.	PO4, PO6, PO7
Kỹ năng			
MT4	CO4	Giải thích được cơ chế phát sinh điện thế trên bề mặt điện cực, rút ra vai trò của việc ứng dụng các phép đo điện cực trong lĩnh vực dược.	PO4, PO6
MT5	CO5	Sử dụng được các dụng cụ phân tích thông thường trong phòng thí nghiệm.	PO4, PO6
MT6	CO6	Vận dụng được kiến thức của học phần vào các môn chuyên ngành sâu và đời sống.	PO4, PO6, PO10
Năng lực tự chủ và trách nhiệm			
MT7	CO7	Hình thành thái độ học tập tích cực và chủ động, phát huy tinh thần tự học và nghiên cứu	PO17
MT8	CO8	Hăng hái, chăm chỉ trong các buổi thực tập tại labo, qua đó góp phần rèn luyện tay nghề và	PO17

Mục tiêu HP	CDR của HP	Nội dung CDR của học phần	CDR của CTĐT
		Hoàn thành học phần này, sinh viên đạt được	
		rèn luyện tác phong khoa học, thận trọng, chính xác trong nghề nghiệp.	

6. Nội dung tóm tắt của học phần

Hoá lý là môn khoa học trung gian giữa hoá học và vật lý nghiên cứu mối quan hệ giữa hai dạng biến đổi Hoá học và Vật lý của vật chất, giữa các tính chất hoá lý với thành phần hoá học và cấu tạo của vật chất; nghiên cứu cơ chế, tốc độ của các quá trình biến đổi cũng như các yếu tố bên ngoài ảnh hưởng đến quá trình đó. Hoá lý giới hạn trong các nội dung: các nguyên tắc hoá lý của dung dịch và cân bằng pha, động hoá học và xúc tác, điện hoá học, các hệ phân tán và các hiện tượng bề mặt, dung dịch cao phân tử. Các nội dung của Hoá lý là một phần kiến thức cơ sở cần thiết khi học tập môn Hoá phân tích, Kiểm nghiệm thuốc, Chiết xuất dược liệu cũng như các môn học thuộc chuyên ngành công nghệ Dược như sản xuất nguyên liệu làm thuốc, bào chế các dạng thuốc, nghiên cứu sinh dược học, dược động học...

7. Phương pháp, hình thức tổ chức dạy học

Phương pháp, hình thức tổ chức dạy học	Mục đích	CDR của HP đạt được
Thuyết giảng	Cung cấp cho sinh viên hệ thống kiến thức nền tảng của môn học một cách khoa học, logic.	CO1, CO2, CO3
Nghiên cứu bài học, đọc tài liệu tham khảo	Giúp người học tăng cường năng lực tự học, tự nghiên cứu.	CO6, CO7

8. Nhiệm vụ của sinh viên

- Dự lớp: đọc trước giáo trình, phát hiện vấn đề, nghe giảng.
- Nghiên cứu: đọc tài liệu tham khảo, tham gia thuyết trình.
- Thảo luận theo nhóm các vấn đề liên quan đến bài học; tham gia đóng góp ý kiến, xây dựng bài tại lớp

- Tham khảo các tài liệu do giảng viên hướng dẫn.

- Tự học, tự nghiên cứu ở nhà những vấn đề đã được nghe giảng tại lớp.

9. Đánh giá kết quả học tập của sinh viên (thang điểm 10)

TT	Hình thức	Trọng số (%)	Tiêu chí đánh giá	CDR của HP	Điểm tối đa
1	Chuyên cần	10	Tính chủ động, mức độ tích cực chuẩn bị bài và tham gia các hoạt động trong giờ học	CO1,CO2, CO3,CO4, CO5,CO6	10
		10	Thời gian tham dự buổi học bắt buộc, vắng không quá 20% số tiết học. Tùy số tiết vắng, GV quyết định số điểm theo tỉ lệ vắng.		10
2	Kiểm tra giữa kỳ	30	* Sinh viên làm một bài kiểm tra cá nhân. - Tiêu chí đánh giá bài kiểm tra (giảng viên nêu cụ thể) * Một bài báo cáo nhóm hoặc seminar hoặc bài tập lớn theo quy định của giảng viên phụ trách giảng dạy. - Tiêu chí đánh giá bài báo cáo, seminar, bài tập lớn (giảng viên nêu cụ thể)	CO1, CO2, CO3	10
3	Thi kết thúc học phần	50	+ Thi kết thúc học phần + Hình thức thi: trắc nghiệm + Tiêu chí đánh giá bài thi: Theo đáp án của giảng viên ra đề.	CO1, CO2, CO3	10

10. Học liệu

10.1. Tài liệu học tập

[1] *Bài giảng Hóa lý*, Khoa Dược, trường Đại học Nam Cần Thơ.

[2] *Bài giảng thực hành Hóa lý*, Khoa Dược, trường Đại học Nam Cần Thơ.

10.2. Tài liệu tham khảo

[3] Phạm Ngọc Bùng (2014), *Hoá lý dược: Sách đào tạo dược sĩ đại học*, NXB Y học

[4] Đỗ Minh Quang (2011), *Hoá lý dược: Sách đào tạo dược sĩ đại học*, NXB Y học

[5] Phan Phước Hiền (2009), *Giáo trình hóa lý*, NXB Nông Nghiệp

11. Nội dung chi tiết học phần

11.1. Lý thuyết (3 tiết/ tuần)

Tuần	Nội dung		Số tiết	Tài liệu	CDR của HP
1-2-3-4	Chương I	HOÁ HỌC VỀ TRẠNG THÁI KEO		[1] (trang 1)	CO1, CO2, CO3, CO4, CO5, CO6
	Bài 1	HỆ PHÂN TÁN	1		
	Bài 2	ĐIỀU CHẾ VÀ TÍNH CHẾ KEO	2		
	Bài 3	TÍNH CHẤT CỦA HỆ KEO	3		
	Bài 4	ĐỘ BỀN VỮNG VÀ SỰ KEO TỤ	3		
	Bài 5	HỆ BÁN KEO VÀ HỆ PHÂN TÁN THÔ	3		
5-6	Chương II	CÁC HIỆN TƯỢNG BỀ MẶT VÀ SỰ HẤP PHỤ		[1](trang 69)	CO1, CO2, CO3, CO4, CO5, CO6
	Bài 6	CÁC HIỆN TƯỢNG BỀ MẶT	3		
		KIỂM TRA GIỮA HỌC PHẦN			

Tuần	Nội dung		Số tiết	Tài liệu	CDR của HP
	Bài 7	SỰ HẤP PHỤ	3		
7-8	Chương III	ĐỘNG HÓA HỌC		[1] (trang 98)	CO1, CO2, CO3, CO4, CO5, CO6
	Bài 8	ĐỘNG HỌC CỦA CÁC PHẢN ỨNG HOÁ HỌC	3		
	Bài 9	XÚC TÁC	3		
9-10	Chương IV	ĐIỆN HÓA HỌC		[1] (trang 132)	CO1, CO2, CO3, CO4, CO5, CO6
	Bài 10	ĐỘ DẪN ĐIỆN CỦA DUNG DỊCH CHẤT ĐIỆN LY	3		
	Bài 11	ĐIỆN CỰC VÀ PIN ĐIỆN	3		

12. Cơ Sở và thiết bị

- Phòng học có bảng lớn, phấn, micro, máy chiếu và loa.

Cần Thơ, ngày tháng ... năm 2023

P. KHOA DƯỢC
(ký tên)



Chai Chi Lam

P. BỘ MÔN
(ký tên)



Trần Duy Khang

Cần Thơ, ngày tháng năm 2022

ĐỀ CƯƠNG HỌC PHẦN
NĂM HỌC 2022 - 2023

1. Thông tin về học phần

Tên học phần: Hóa lý – thực hành

Mã học phần: 0102000939

Số tín chỉ: 3

- Thực hành: 1 : Tổng số tiết quy chuẩn: 30

Phân bổ thời gian:

Tổng thời gian học của sinh viên	Giờ lên lớp				Tổng thời gian học trên lớp và tự học
L = Lý thuyết	L	T	P	O	30 + 60 = 90
T = Bài tập	0	0	30	0	
P = Thực hành					
O = Thảo luận/Seminar					

Loại học phần: Bắt buộc

Học phần tiên quyết: Hóa vô cơ, Hóa hữu cơ.

Học phần học song hành: Không

Ngôn ngữ giảng dạy: Tiếng Việt Tiếng Anh *

2. Đơn vị phụ trách: Bộ môn Hóa Lý – Hóa Dược

3. Mục tiêu của học phần (kí hiệu MT)

***Về kiến thức**

MT1. Trình bày được những tính chất Hóa lý cơ bản về điện hoá học.

MT2. Trình bày được quá trình động học của các phản ứng đơn giản và phức tạp, ảnh hưởng của nhiệt độ tới tốc độ phản ứng, đặc điểm của phản ứng xúc tác, phản ứng xúc tác acid- base và xúc tác phân hóa.

MT3. Nêu được cách điều chế và tinh chế keo, nắm vững được các tính chất của hệ keo,

điều chế và giải thích được các yếu tố ảnh hưởng đến độ bền của nhũ dịch, phân loại và nắm vững được vai trò của các chất hoạt động bề mặt.

***Về kỹ năng**

MT4. Giải thích được cơ chế phát sinh điện thế trên bề mặt điện cực, rút ra vai trò của việc ứng dụng các phép đo điện cực trong lĩnh vực dược.

MT5. Sử dụng được các dụng cụ phân tích thông thường trong phòng thí nghiệm.

MT6. Vận dụng được kiến thức của học phần vào các môn chuyên ngành sâu và đời sống.

*** Về năng lực tự chủ và trách nhiệm**

MT7. Hình thành thái độ học tập tích cực và chủ động, phát huy tinh thần tự học và nghiên cứu.

MT8. Hăng hái, chăm chỉ trong các buổi thực tập tại phòng thí nghiệm, qua đó góp phần rèn luyện tay nghề và rèn luyện tác phong khoa học, thận trọng, chính xác trong nghề nghiệp.

4. Mức đóng góp của học phần cho chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo

Học phần đóng góp cho chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo (PO) theo mức độ sau:

0 = Không đóng góp; 1 = Mức thấp; 2 = Mức trung bình; 3 = Mức cao

Mã HP	Tên HP	Mức độ đóng góp của học phần cho CDR của CTĐT								
		PO1	PO2	PO3	PO4	PO5	PO6	PO7	PO8	PO9
000 471	Hóa lý - TH	0	0	0	2	0	1	2	0	0
		PO10	PO1	PO1	PO1	PO1	PO1	PO1	PO1	PO1
	1	2	1	1	0	0	0	1		

5. Chuẩn đầu ra của học phần (CO)

Mục tiêu HP	CDR của HP	Nội dung CDR của học phần Hoàn thành học phần này, sinh viên đạt được	CDR của CTĐT
Kiến thức			
MT1	CO1	Trình bày được những tính chất Hóa lý cơ	PO4, PO6, P07

Mục tiêu HP	CĐR của HP	Nội dung CĐR của học phần Hoàn thành học phần này, sinh viên đạt được	CĐR của CTĐT
		bản vẽ điện hoá học.	
MT2	CO2	Trình bày được quá trình động học của các phản ứng đơn giản và phức tạp, ảnh hưởng của nhiệt độ tới tốc độ phản ứng, đặc điểm của phản ứng xúc tác, phản ứng xúc tác acid- base và xúc tác phân hóa.	PO4, PO6, PO7
MT3	CO3	Nêu được cách điều chế và tinh chế keo, nắm vững được các tính chất của hệ keo, điều chế và giải thích được các yếu tố ảnh hưởng đến độ bền của nhũ dịch, phân loại và nắm vững được vai trò của các chất hoạt động bề mặt.	PO4, PO6, PO7
Kỹ năng			
MT4	CO4	Giải thích được cơ chế phát sinh điện thế trên bề mặt điện cực, rút ra vai trò của việc ứng dụng các phép đo điện cực trong lĩnh vực được.	PO4, PO6
MT5	CO5	Sử dụng được các dụng cụ phân tích thông thường trong phòng thí nghiệm.	PO4, PO6
MT6	CO6	Vận dụng được kiến thức của học phần vào các môn chuyên ngành sâu và đời sống.	PO4, PO6, PO10
Năng lực tự chủ và trách nhiệm			
MT7	CO7	Hình thành thái độ học tập tích cực và chủ động, phát huy tinh thần tự học và nghiên cứu	PO17
MT8	CO8	Hăng hái, chăm chỉ trong các buổi thực tập tại labo, qua đó góp phần rèn luyện tay nghề	PO17

Mục tiêu HP	CĐR của HP	Nội dung CĐR của học phần Hoàn thành học phần này, sinh viên đạt được	CĐR của CTĐT
		và rèn luyện tác phong khoa học, thận trọng, chính xác trong nghề nghiệp.	

6. Nội dung tóm tắt của học phần

Học phần này sẽ cung cấp cho sinh viên khả năng thực hiện được các kỹ thuật cơ bản xác định một số đại lượng hóa lý trong động hoá học, điện hoá học, hấp phụ, dung dịch keo và cao phân tử.

7. Phương pháp, hình thức tổ chức dạy học

Phương pháp, hình thức tổ chức dạy học	Mục đích	CĐR của HP đạt được
Thực hành	Cung cấp cho sinh viên biết thực hiện được các kỹ thuật cơ bản xác định một số đại lượng hóa lý trong động hoá học, điện hoá học, hấp phụ, dung dịch keo và cao phân tử	CO1, CO2, CO3, CO4
Nghiên cứu bài học, đọc tài liệu tham khảo	Giúp người học tăng cường năng lực tự học, tự nghiên cứu.	CO5, CO6

8. Nhiệm vụ của sinh viên

- Dự lớp: đọc trước bài giảng thực hành Hóa lý
- Thảo luận theo nhóm các vấn đề liên quan đến bài học; tham gia đóng góp ý kiến, xây bài tại lab.
- Nghiên cứu: đọc tài liệu tham khảo
- Tham khảo các tài liệu do giảng viên hướng dẫn.
- Tự học, tự nghiên cứu ở nhà những vấn đề đã được nghe giảng tại lớp

9. Đánh giá kết quả học tập của sinh viên (thang điểm 10)

TT	Hình thức	Trọng số (%)	Tiêu chí đánh giá	CĐR của HP	Điểm tối đa
1	Điểm thực hành	30	<ul style="list-style-type: none"> - Nộp báo cáo của các buổi thực hành - Cách thức phân công làm việc theo nhóm - Thao tác chính xác 	CO1,CO2, CO3, CO4, CO5, CO6, CO7,CO8	10
2	Thi	70	<ul style="list-style-type: none"> + Thi kết thúc học phần + Hình thức thi: Thực hành + Tiêu chí đánh giá bài thi: Theo đáp án của giảng viên ra đề. 		10

10. Học liệu

10.1. Tài liệu học tập

- [1] Bài giảng Hóa lý, Khoa Dược, trường Đại học Nam Cần Thơ.
 [2] Bài giảng thực hành Hóa lý, Khoa Dược, trường Đại học Nam Cần Thơ.

10.2. Tài liệu tham khảo

- [3] Phạm Ngọc Bùng (2014), *Hoá lý dược: Sách đào tạo dược sĩ đại học*, NXB Y học
 [4] Đỗ Minh Quang (2011), *Hoá lý dược: Sách đào tạo dược sĩ đại học*, NXB Y học
 [5] Phan Phước Hiền (2009), *Giáo trình hóa lý*, NXB Nông Nghiệp

11. Nội dung chi tiết học phần

Tuần	Nội dung		Số tiết	Tài liệu	CĐR của HP
1	Bài 1.	Sự đông vón của hệ keo	5	[2] trang 3	CO1, CO2, CO3, CO4, CO5,CO6
2	Bài 2.	Phản ứng bậc nhất: Thủy phân acetat ethyl	5	[2] trang 6	CO1, CO2, CO3, CO4, CO5,CO6

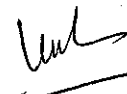
Tuần	Nội dung		Số tiết	Tài liệu	CDR của HP
3	Bài 3.	Phản ứng bậc hai: Xà phòng hóa acetat ethyl	5	[2] trang 8	CO1, CO2, CO3, CO4, CO5, CO6
4	Bài 4.	Độ dẫn điện của dung dịch	5	[2] trang 10	CO1, CO2, CO3, CO4, CO5, CO6
5	Bài 5.	Sự hấp phụ acid acetic trên than hoạt	5	[2] trang 13	CO1, CO2, CO3, CO4, CO5, CO6
6		Thi kết thúc học phần	5		

12. Cơ Sở và thiết bị

- Phòng học có bảng lớn, phấn, micrô, máy chiếu và loa.
- Phòng thực hành có đầy đủ các trang thiết bị và máy móc cần thiết như: Bếp đun cách thủy, Tủ sấy, cân phân tích, máy đo độ dẫn điện, tủ hút và các hóa chất cần thiết....

Cần Thơ, ngày . tháng... năm 2023

P. KHOA DƯỢC
(ký tên)


Châu Chí Cẩm

P. BỘ MÔN
(ký tên)


Trần Duy Khang

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

1. Thông tin về học phần

Tên học phần: Hóa phân tích 1

Mã học phần: 0102000271

Số tín chỉ: 2

Tổng số tiết quy chuẩn: 30 tiết

Phạm vi thời gian: Học kỳ 4

Tổng thời gian học của sinh viên	Giờ trên lớp				Tổng thời gian học trên lớp và tự học
	L	T	P	O	
L = Lý thuyết					30 + 60 = 90
T = Bài tập					
P = Thực hành	24	3	0	3	
O = Thảo luận/seminar					

Loại học phần: Bắt buộc

Học phần tiền quyết: hóa hữu cơ 2

Học phần học song hành: Không

Ngôn ngữ giảng dạy: Tiếng Việt Tiếng Anh:

Đơn vị phụ trách: Bộ môn Hóa phân tích - Kiểm nghiệm

2. Thông tin về giảng dạy

Giảng viên Bộ môn Hóa phân tích - Kiểm nghiệm - Khoa Dược phụ trách

3. Mục tiêu của học phần (kí hiệu MT)

* Về kiến thức

MT1: Trình bày được nguyên tắc của phương pháp hóa học: Acid-base, tạo phức chất, oxi hóa, kết tủa, khối lượng

MT2: Vận dụng được các phương pháp phân tích thể tích trong phân tích các chất.

* Về kỹ năng

MT3: Thực hiện được các thao tác khi định lượng: đo thể tích, đo khối lượng

MT4: Thực hiện được việc xử lý được số liệu thực nghiệm

MT5: Trình bày được kết quả phân tích một cách khoa học.

MT6: Có phương pháp luận khoa học trong nghiên cứu về phương pháp phân tích

***Về năng lực tự chủ và trách nhiệm**

MT7: Nhận thức được vai trò nhiệm vụ của người được sĩ đại học trong lĩnh vực đảm bảo chất lượng thuốc

MT8: Có dân đức nghề nghiệp, đảm bảo tính trung thực, khách quan trong phân tích.

4. Mức đóng góp của học phần cho chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo

Học phần đóng góp cho chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo (PO) theo mức độ sau:

0 = Không đóng góp; 1 = Mức thấp; 2 = Mức trung bình; 3 = Mức cao

Mã HP	Tên HP	Mức đóng góp của học phần cho CBR của CTĐT					
		PO1	PO2	PO3	PO4	PO5	PO6
0102000271	Hóa phân tích 1	0	0	0	1	0	2
		PO7	PO8	PO9	PO10	PO11	PO12
		2	1	0	1	1	1
		PO13	PO14	PO15	PO16	PO17	
		1	0	0	2	1	

5. Chuẩn đầu ra của học phần (CO)

Mức tiêu HP	CBR của HP	Nội dung CBR của học phần Hoàn thành học phần này, sinh viên đạt được:	CBR của CTĐT
Kiến thức			
MT1	CO1	Trình bày được nguyên tắc của phương pháp hóa học: Acid-base, tạo phức chất, oxi hóa, kết tủa, khối lượng.	PO4, PO6, PO7
MT2	CO2	Vận dụng được các phương pháp phân tích thể tích trong phân tích các chất.	PO4, PO6, PO7
Kỹ năng			
MT3	CO3	Thực hiện được các thao tác khi định lượng: đo thể tích, đo khối lượng	PO7, PO16

MT4	CO4	Thực hiện được việc xử lý được số liệu thực nghiệm	PO7, PO16
MT5	CO5	Trình bày được kết quả phân tích một cách khoa học.	PO7, PO16
MT6	CO6	Có phương pháp luận khoa học trong nghiên cứu và phương pháp phân tích	PO7, PO16
Năng lực tự chủ và trách nhiệm			
MT7	CO7	Nhận thức được vai trò nhiệm vụ của người được si đại học trong lĩnh vực đảm bảo chất lượng thuốc, phối hợp nhóm thực hiện phân tích.	PO16, PO17
MT8	CO8	Có đạo đức nghề nghiệp, đảm bảo tính trung thực, khách quan trong phân tích.	PO16, PO17

6. Nội dung tóm tắt của học phần

Học phần này cung cấp cho sinh viên những cơ sở lý thuyết của hóa phân tích: trình bày các vấn đề liên quan trực tiếp đến các phương pháp phân tích hóa học và phân tích công cụ như: các cách hiệu thi nồng độ dung dịch, hỗn loại cân bằng hóa học, xử lý thông kê số liệu và trình bày kết quả *Phân thực hành*: Sinh viên sẽ được thực hiện các phương pháp phân tích gồm có 5 phương pháp chính, 4 phương pháp chuẩn độ (acid - base, tạo phức chất, oxi hóa khử và kết tủa) và phân tích khối lượng

7. Phương pháp, hình thức tổ chức dạy học

Phương pháp, hình thức tổ chức dạy học	Mục đích	CĐR của HP đạt được
Thuyết giảng	Cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản nhất, có hệ thống, khoa học	CO1, CO2
Thảo luận	Rèn luyện cho sinh viên làm việc nhóm và phát hiện vấn đề	CO1, CO2, CO3, CO4, CO5, CO6, CO7, CO8
Vấn đáp	Tạo cơ hội cho sinh viên phát triển tính sáng tạo, sự tư lự	CO1, CO2, CO3, CO4, CO5, CO6, CO7, CO8
Bài tập	Cho sinh viên tập xây dựng và triển khai các ý tưởng khoa học.	CO1, CO2, CO3, CO4, CO5, CO6, CO7, CO8

8. Nhiệm vụ của sinh viên

- Dự lớp: đọc trước giao trình, phát hiện vấn đề, nghe giảng.
- Thảo luận theo nhóm các vấn đề liên quan đến bài học, tham gia đóng góp ý kiến, xây bài tại lớp

- Nghiên cứu: đọc tài liệu tham khảo
- Tham khảo các tài liệu do giảng viên hướng dẫn.
- Tự học, tự nghiên cứu ở nhà nhưng vấn đề đã được nghe giảng tại lớp

9. Đánh giá kết quả học tập của sinh viên (thang điểm 10)

TT	Hình thức	Trọng số (%)	Tiêu chí đánh giá	CĐR của HP	Điểm tối đa
1	Chuyên cần + hai tập về nhà và phát hiệu trên lớp	10	- Tính chủ động, mức độ tích cực chuẩn bị bài và tham gia các hoạt động trong giờ học	CO1,CO2,CO3, CO4, CO5, CO6 CO7, CO8	10
		10	- Thời gian tham dự buổi học hết học, Vắng không quá 20% số tiết học Tuy số tiết vắng, GV quyết định số điểm theo tỷ lệ vắng	CO1,CO2,CO3, CO4, CO5, CO6 CO7, CO8	10
2	Kiểm tra giữa kỳ	30	Thực hiện bài kiểm tra trắc nghiệm	CO1,CO2,CO3, CO4, CO5, CO6 CO7, CO8	10
3	Thi kết thúc học phần	50	Thi kết thúc học phần + Hình thức thi: trắc nghiệm + Tiêu chí đánh giá hai thi: Theo đáp án, thang điểm quy định	CO1,CO2,CO3, CO4, CO5, CO6 CO7, CO8	10

10. Học liệu

10.1. Tài liệu học tập

[1]. Bài giảng Hóa Phân Tích 1 (2022) - Bài giảng nội bộ. Bộ môn Hóa phân tích – Kiểm nghiệm, Khoa Dược, Trường Đại học Nam Cần Thơ.

10.2. Tài liệu tham khảo

[2]. Trần Tư An (2016), *Hóa Phân tích tập 1. Phân tích hóa học*, NXB Y học.

[3]. Vũ Thị Bạch Huệ (2015), *Hóa phân tích tập 1*, NXB Giáo dục.


11. Nội dung chi tiết học phần

Tuần	Nội dung	Số tiết	Tài liệu	CBR của HP
1	Bài 1. Đại cương về hóa phân tích	3	[1]	C01, C02
	Bài 2. Cân bằng hóa học trong dung dịch	3	[1]	C01, C02
2	Bài 3. Sử dụng thống kê trong phân tích số liệu	3	[1]	C02
	Bài 4. Nồng độ dung dịch	3		C02, C05, C06
3	Bài 5. Phương pháp phân tích khối lượng	3	[1]	C02, C05, C06
	Bài 6. Phương pháp phân tích thể tích	3	[1]	C02, C05, C06
4	Bài 7. Phương pháp acid-base	3	[1]	C01
	Bài 8. Phương pháp oxy hóa-khử	3	[1]	C01
5	Bài 9. Phương pháp kết tủa.	3	[1]	C01
	Bài 10. Phương pháp tạo phức.	3	[1]	C01


12. Yêu cầu của giảng viên đối với học phần

- Phòng học cơ bản lớn, phân, micro, máy chiếu và loa

1/ KHOA DƯỢC
(ky ten)


TS. Thái Thị Liên

BỘ MÔN
(ky ten)


Nguyễn Phương Linh

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

1. Thông tin về học phần

Tên học phần: Hóa Phân Tích 1-Thực hành

Mã học phần: 0107C00950

Số tín chỉ: 01 tín chỉ

Tổng số tiết quy chuẩn: 30 tiết

Phan bố thời gian: 4

Tổng thời gian học của sinh viên	Giờ trên lớp				Tổng thời gian học trên lớp và tự học
	L	T	P	O	
L – Ly thuyết					
T = Bài tập					
P – Thực hành	0	0	30	0	30 + 60 = 90
O = Thảo luận/seminar					

Loại học phần: Bắt buộc

Học phần tiền quyết: Hóa hân cơ 2

Học phần học trước: Không

Học phần học song hành: Không

Ngôn ngữ giảng dạy: Tiếng Việt Tiếng Anh

Đơn vị phụ trách: Bộ môn Hóa phân tích – Kiểm nghiệm, Khoa Dược

2. Thông tin về các giảng viên

Giảng viên Bộ môn Hóa phân tích – Kiểm nghiệm - Khoa Dược phụ trách.

3. Mục tiêu của học phần (kỳ hiệu MT)

• Kiến thức

MT1: Trình bày được nguyên tắc của phương pháp hóa học: Acid-base, tạo phức chất, oxi hóa, kết tủa, khối lượng.

MT2: Vận dụng được các phương pháp phân tích thể tích trong phân tích các chất.

*** Về kỹ năng**

MT3: Thực hiện được các thao tác khi định lượng: đo thể tích, đo khối lượng

MT4: Thực hiện được việc xử lý được số liệu thực nghiệm

MT5: Trình bày được kết quả phân tích một cách khoa học

MT6: Có phương pháp luận khoa học trong nghiên cứu về phương pháp phân tích

*** Về năng lực tự chủ và trách nhiệm**

MT7: Nhận thức được vai trò nhiệm vụ của người được si đại học trong lĩnh vực đảm bảo chất lượng thuốc

MT8: Có đạo đức nghề nghiệp, đảm bảo tính trung thực, khách quan trong phân tích.

4. Mức đóng góp của học phần cho chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo

Học phần (HP) đóng góp cho chuẩn đầu ra (CĐR) của chương trình đào tạo (CTĐT), ta ký hiệu là PO, theo mức độ sau:

0 = Không đóng góp; 1 = Mức thấp; 2 = Mức trung bình; 3 = Mức cao

Mã HP	Tên HP	Mức đóng góp của học phần cho CĐR của CTĐT								
		PO1	PO2	PO3	PO4	PO5	PO6	PO7	PO8	PO9
0102000950	Hóa Phân Tích 1 - Thực hành	0	0	0	3	3	0	3	0	3
		PO10	PO11	PO12	PO13	PO14	PO15	PO16	PO17	
		0	2	2	2	0	0	3	3	

5. Chuẩn đầu ra của học phần (ký hiệu CO)

Mức tiên HP	CĐR của HP	Nội dung chuẩn đầu ra của học phần Hoàn thành học phần này, sinh viên đạt được:	CĐR của CTĐT
Kiến thức			
MT1	CO1	Trình bày được nguyên tắc của phương pháp hóa học: Acid-bazơ, tạo phức chất, oxy hóa, kết tủa, khối lượng	PO4, PO6, PO7
MT2	CO2	Vận dụng được các phương pháp phân tích thể tích trong phân tích các chất.	PO4, PO6, PO7
Kỹ năng			
MT3	CO3	Thực hiện được các thao tác khi định lượng: đo thể	PO7, PO16

		tiết, đo khối lượng	
MT4	CO4	Thực hiện được việc xử lý được số liệu thực nghiệm	PO7, PO16
MT5	CO5	Trình bày được kết quả phân tích một cách khoa học	PO7, PO16
MT6	CO6	Cố phương pháp luận khoa học trong nghiên cứu về phương pháp phân tích	PO7, PO16
Năng lực tự chủ và trách nhiệm			
MT7	CO7	Nhận thức được vai trò nhiệm vụ của người được sử dụng đại học trong lĩnh vực đảm bảo chất lượng thuốc, phối hợp nhóm thực hiện phân tích	PO16, PO17
MT8	CO8	Cơ đạo đức nghề nghiệp, đảm bảo tính trung thực, khách quan trong phân tích	PO16, PO17

6. Nội dung tóm tắt của học phần

Học phần này cung cấp cho sinh viên những cơ sở lý thuyết của hóa phân tích: trình bày các vấn đề liên quan trực tiếp đến các phương pháp phân tích hóa học và phân tích công cụ như: các cách hiệu thị nồng độ dung dịch, bốn loại cân bằng hóa học, xử lý thống kê số liệu và trình bày kết quả. Phân thực hành: Sinh viên sẽ được thực hiện các phương pháp phân tích gồm có 5 phương pháp chính, 4 phương pháp chuẩn độ (acid - base, tạo phức chất, oxi hóa khử và kết tủa) và phân tích khối lượng

7. Phương pháp, hình thức tổ chức dạy học

Phương pháp, hình thức tổ chức dạy học	Mục đích	CBR của HP đạt được
Thuyết giảng	Cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản nhất, có hệ thống, khoa học	CO1, CO2
Thảo luận	Rèn luyện cho sinh viên làm việc nhóm và phát hiện vấn đề	CO1, CO2, CO3, CO4, CO5, CO6, CO7, CO8
Vấn đáp	Tạo cơ hội cho sinh viên phát triển tính sáng tạo, sự tự tin.	CO1, CO2, CO3, CO4, CO5, CO6, CO7, CO8
Thực hành	Cho sinh viên ứng dụng kiến thức và rèn luyện các kỹ năng đã học.	CO1, CO2, CO3, CO4, CO5, CO6, CO7, CO8

8. Nhiệm vụ của sinh viên

Dự lớp: đọc trước giáo trình, phát hiện vấn đề, nghe giảng, nêu các câu hỏi, tham gia thảo luận về các vấn đề do giảng viên và sinh viên khác đặt ra

Chuẩn bị nội dung, tham gia thảo luận

Nghiên cứu, đọc tài liệu tham khảo

Làm bài tập thực hành, hoặc giải quyết tình huống để củng cố kiến thức đã học

Tự học, tự nghiên cứu ở nhà nhưng vẫn đề mà giảng viên yêu cầu

9. Đánh giá kết quả học tập của sinh viên (thang điểm 10)

TT	Hình thức	Trọng số (%)	Tiêu chí đánh giá	CĐR của HP	Điểm tối đa
Đánh giá qua trình (trọng số 70%)					
1	Báo cáo	40	+ Tính chu đáo, mức độ tích cực chuẩn bị bài và tham gia các hoạt động trong giờ học + Tham dự đầy đủ tất cả các buổi học, thực hành và làm báo cáo theo yêu cầu của giảng viên	C01, C02, C03, C04, C05, C06, C07, C08	10
2	Kiểm tra thường xuyên	30	+ Kiểm tra trên lớp theo đề chung, đáp án, thang điểm của GV và quy về theo tỷ lệ (30%).	C01, C02, C03, C04, C05, C06, C07, C08	10
Thi kết thúc học phần (trọng số 30%)					
3	Thi lý thuyết và thực hành	30	+ Thi theo đề chung, đáp án, thang điểm của GV và quy về theo tỷ lệ (30%)	C01, C02, C03, C04, C05, C06, C07, C08	10

10. Học liệu

10.1. Tài liệu chính

[1] Bài giảng Thực hành Hóa Phân Tích 1 (2022) – Bài giảng nội bộ, Bộ môn Hóa phân tích – Kiểm nghiệm, Khoa Dược, Trường Đại học Nam Cần Thơ

10.2. Tài liệu tham khảo

[2]. Trần Lưu An (2016), Hóa Phân tích tập 1: Phân tích hóa học, NXB Y học

[3]. Võ Thị Bạch Huệ (2015), Hóa phân tích tập 1, NXB Giáo dục

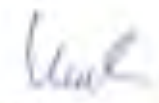
11 Nội dung chi tiết của học phần

Tuần	Nội dung	Tài liệu	CĐR của HP
1	Pha và xác định nồng độ dung dịch HCl. Định lượng NaHCO ₃ .	[1]	C01, C02, C03, C04, C05, C06, C07, C08
2	Pha và xác định nồng độ dung dịch KMnO ₄ Định lượng muối Mohr	[1]	C01, C02, C03, C04, C05, C06, C07, C08
3	Pha và xác định nồng độ dung dịch Na ₂ S ₂ O ₃ Định lượng Na ₂ SO ₃	[1]	C01, C02, C03, C04, C05, C06, C07, C08
4	Định lượng NaCl, KBr, KI.	[1]	C01, C02, C03, C04, C05, C06, C07, C08
5	Định lượng Ca ²⁺ và xác định độ cứng của nước.	[1]	C01, C02, C03, C04, C05, C06, C07, C08
6	Pha xác định nồng độ NaOH. Định lượng CH ₃ COOH	[1]	C01, C02, C03, C04, C05, C06, C07, C08

12. Cơ sở và thiết bị

- Phòng thực hành có đầy đủ các thiết bị và máy móc cần thiết phục vụ thực hành.

KHOA DƯỢC


TS. Bùi Thị Xuân

BỘ MÔN


Huỳnh Phương Thảo

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

1. Thông tin về học phần

Tên học phần: Hóa phân tích 2

Mã học phần: 0102000908

Số tín chỉ: 2 tín chỉ

Tổng số tiết quy chuẩn: 30 tiết

Phân bổ thời gian:

Tổng thời gian học của sinh viên	Giờ trên lớp				Tổng thời gian học trên lớp và tự học
L = Lý thuyết	L	T	P	O	30 + 60 = 90
T = Bài tập	24	3	0	3	
P = Thực hành					
O = Thảo luận /seminar					

Loại học phần: Bắt buộc

Học phần tiên quyết: Hóa Phân Tích 1

Học phần học trước: không

Học phần học song hành: Không

Ngôn ngữ giảng dạy: Tiếng Việt Tiếng Anh:

Đơn vị phụ trách: Bộ môn Hóa Phân Tích – Kiểm Nghiệm

2. Thông tin về các giảng viên

Giảng viên Bộ môn Hóa phân tích – Kiểm nghiệm - Khoa Dược phụ trách.

3. Mục tiêu của học phần (kí hiệu MT):

*Về kiến thức

MT1. Giải thích được nguyên tắc và ứng dụng của phương pháp phân tích điện thế.

MT2. Trình bày được phương pháp phân tích đo điện thế, phương pháp phân tích volt-ampe, phương pháp điện phân và đo điện lượng.

MT3. Giải thích được nguyên tắc và ứng dụng các nhóm kỹ thuật phân tích quang phổ

MT4. Trình bày được khối phổ (UV-Vis, IR, ...) và chia tách (TLC, HPLC, ...) MT5. Trình bày được việc phân tích định lượng thuốc

***Về kỹ năng**

MT6. Vận hành được các thiết bị phân tích như: Máy phân tích điện hóa, máy quang phổ UV-vis, máy HPLC vào việc phân tích thuốc.

***Về năng lực tự chủ và trách nhiệm**

MT7. Nhận thức được vai trò nhiệm vụ của người dược sĩ đại học trong lĩnh vực kiểm nghiệm thuốc, đảm bảo nguồn cung ứng thuốc phục vụ công tác chăm sóc sức khỏe nhân dân.

4. Mức đóng góp của học phần cho chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo

Học phần đóng góp cho chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo (PO) theo mức độ sau:

0 = Không đóng góp; 1 = Mức thấp; 2 = Mức trung bình; 3 = Mức cao

Mã HP	Tên HP	Mức độ đóng góp của học phần cho CDR của CTĐT					
		PO1	PO2	PO3	PO4	PO5	PO6
000271	Hóa phân tích 2	0	0	0	1	0	3
		PO7	PO8	PO9	PO10	PO11	PO12
		3	2	0	2	1	1
		PO13	PO14	PO15	PO16	PO17	
		1	0	0	3	1	

5. Chuẩn đầu ra của học phần (CO)

Mục tiêu HP	CDR của HP	Nội dung CDR của học phần Hoàn thành học phần này, sinh viên đạt được:	CDR của CTĐT
Kiến thức			
MT1	CO1	Giải thích được nguyên tắc và ứng dụng của phương pháp phân tích điện thế	PO4, PO6, PO7
MT2	CO2	Trình bày được phương pháp phân tích đo điện thế, phương pháp phân tích volt-ampe, phương pháp điện phân và đo điện lượng.	PO4, PO6, PO7
MT3	CO3	Giải thích được nguyên tắc và ứng dụng các nhóm kỹ thuật phân tích quang phổ	PO4, PO6, PO7
MT4	CO4	Trình bày được khối phổ (UV-Vis, IR, ...) và chia tách (TLC, HPLC, ...)	PO4, PO6, PO7

MT5	CO5	Trình bày được việc phân tích định lượng thuốc	PO4, PO6, PO7
Kỹ năng			
MT6	CO6	Vận hành được các thiết bị phân tích như: Máy phân tích điện hóa, máy quang phổ UV-vis, máy HPLC vào việc phân tích thuốc.	PO7, PO16
Năng lực tự chủ và trách nhiệm			
MT6	CO7	Có khả năng phân tích định lượng nguyên liệu thuốc thành phẩm	PO16, PO17

6. Nội dung tóm tắt của học phần

Học phần này sẽ cung cấp cho sinh viên các phương pháp hóa lý trong phân tích như: phương pháp phân chia hay các phương pháp tách (sắc ký, điện di...); các phương pháp phân tích quang học (phương pháp quang phổ hấp thụ phân tử, phương pháp huỳnh quang phân tử và nguyên tử...); các phương pháp phân tích điện hóa (phương pháp đo thế, đo pH, chuẩn độ đo thế). Phần thực hành sinh viên thực hiện được phép đo pH, sắc ký giấy, định tính và định lượng một số chất bằng phương pháp quang phổ UV-VIS. Kết thúc học phần sinh viên có được vốn kiến thức cơ bản để học tiếp các môn chuyên ngành.

7. Phương pháp, hình thức tổ chức dạy học

Phương pháp, hình thức tổ chức dạy học	Mục đích	CĐR của HP đạt được
Thuyết giảng	Cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản nhất, có hệ thống, khoa học.	CO1, CO2, CO3, CO4, CO5
Thảo luận	Rèn luyện cho sinh viên làm việc nhóm và phát hiện vấn đề	CO1, CO2, CO3, CO4, CO5, CO6, CO7
Vấn đáp	Tạo cơ hội cho sinh viên phát triển tính sáng tạo, sự tự tin.	CO1, CO2, CO3, CO4, CO5, CO6, CO7
Bài tập	Cho sinh viên tập xây dựng và triển khai các ý tưởng khoa học.	CO1, CO2, CO3, CO4, CO5, CO6, CO7

8. Nhiệm vụ của sinh viên

- Dự lớp: đọc trước giáo trình, phát hiện vấn đề, nghe giảng.
- Thảo luận theo nhóm các vấn đề liên quan đến bài học; tham gia đóng góp ý kiến, xây bài tại lớp.
- Nghiên cứu: đọc tài liệu tham khảo
- Tham khảo các tài liệu do giảng viên hướng dẫn.
- Tự học, tự nghiên cứu ở nhà những vấn đề đã được nghe giảng tại lớp.

9. Đánh giá kết quả học tập của sinh viên (thang điểm 10)

TT	Hình thức	Trọng số (%)	Tiêu chí đánh giá	CĐR của HP	Điểm tối đa
1	Chuyên cần	10	Tính chủ động, mức độ tích cực chuẩn bị bài và tham gia các hoạt động trong giờ học	CO1,CO2, CO3, CO4, CO5, CO6 CO7	10
		10	Thời gian tham dự buổi học bắt buộc, vắng không quá 20% số tiết học. Tùy số tiết vắng, GV quyết định số điểm theo tỷ lệ vắng.	CO1,CO2, CO3, CO4, CO5, CO6 CO7	10
2	Kiểm tra giữa kỳ	30	<p>* Sinh viên làm một bài kiểm tra cá nhân.</p> <p>- Tiêu chí đánh giá bài kiểm tra: trả lời đúng các câu hỏi trong đề, tùy số lượng câu đúng sẽ có tỉ lệ điểm tương ứng</p> <p>* Một bài báo cáo nhóm hoặc seminar hoặc bài tập lớn theo quy định của giảng viên phụ trách giảng dạy.</p> <p>- Tiêu chí đánh giá bài báo cáo, seminar, bài tập lớn: nội dung và hình thức trình bày đạt yêu cầu đề ra.</p>	CO1,CO2, CO3, CO4, CO5, CO6 CO7	10
3	Thi kết thúc học phần	50	<p>+ Thi kết thúc học phần</p> <p>+ Hình thức thi: trắc nghiệm</p> <p>+ Tiêu chí đánh giá bài thi: Theo đáp án của giảng viên ra đề.</p>	CO1,CO2, CO3,CO4, CO5,CO6, CO7	10

10. Học liệu

10.1. Tài liệu học tập

[1]. Bài giảng Hóa Phân Tích 2 (2022) – Bài giảng nội bộ, Bộ môn Hóa phân tích – Kiểm nghiệm, Khoa Dược, Trường Đại học Nam Cần Thơ.

10.2. Tài liệu tham khảo

[2]. Trần Tử An (2016), *Hóa Phân tích 2*, NXB Y Học.

[3]. Võ Thị Bạch Huệ (2015), *Hóa Phân Tích 2*, NXB Giáo Dục.

11. Nội dung chi tiết học phần

STT	Nội dung	Số tiết	Tài liệu	CDR của HP
1	Phương pháp phân tích điện thế	3	[1] (Trang 5)	CO1,CO5,CO6 CO7
2	Đại cương về quang học	3	[1] (Trang 28)	CO1,CO5,CO6 CO7
3	Quang phổ tử ngoại khả kiến	3	[1] (Trang 41)	CO1,CO5,CO6 CO7
4	Quang phổ hấp thụ hồng ngoại	3	[1] (Trang 68)	CO1,CO5,CO6 CO7
5	Các phương pháp tách chiết	3	[1] (Trang 80)	CO1,CO5,CO6 CO7
6	Đại cương về sắc ký	3	[1] (Trang 99)	CO1,CO5,CO6 CO7
7	Sắc ký lớp mỏng (TLC)	3	[1] (Trang 120)	CO1,CO5,CO6 CO7
8	Sắc ký giấy	3	[1] (Trang 141)	CO1,CO5,CO6 CO7
9	Sắc ký cột	3	[1] (Trang 151)	CO1,CO5,CO6 CO7
10	Sắc ký lỏng hiệu năng cao.	3	[1] (Trang 159)	CO1,CO5,CO6 CO7

12. Yêu cầu của giảng viên đối với học phần

Phòng học có bảng lớn, phấn, micro, máy chiếu và loa.

P. KHOA DƯỢC


ThS. Nguyễn Ngọc裴

BỘ MÔN


Huỳnh Phương Thảo

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

1. Thông tin về học phần

Tên học phần: Hóa phân tích 2 – Thực hành

Mã học phần: 0102000951

Số tín chỉ: 1 tín chỉ

Tổng số tiết quy chuẩn: 30 tiết

Phân bố thời gian:

Tổng thời gian học của sinh viên	Giờ trên lớp				Tổng thời gian học trên lớp và tự học
L = Lý thuyết	L	T	P	O	30 + 60 = 90
T = Bài tập	0	0	30	0	
P = Thực hành					
O = Thảo luận /seminar					

Loại học phần: Bắt buộc

Học phần tiên quyết: Hóa Phân Tích 1

Học phần học trước: không

Học phần học song hành: Không

Ngôn ngữ giảng dạy: Tiếng Việt Tiếng Anh:

Đơn vị phụ trách: Bộ môn Hóa Phân Tích – Kiểm Nghiệm

2. Thông tin về các giảng viên

Giảng viên Bộ môn Hóa phân tích – Kiểm nghiệm - Khoa Dược phụ trách.

3. Mục tiêu của học phần (kí hiệu MT):

*Về kiến thức

MT1. Giải thích được nguyên tắc và ứng dụng của phương pháp phân tích điện thế.

MT2. Trình bày được phương pháp phân tích đo điện thế, phương pháp phân tích volt-ampe, phương pháp điện phân và đo điện lượng.

MT3. Giải thích được nguyên tắc và ứng dụng các nhóm kỹ thuật phân tích quang phổ

MT4. Trình bày được khối phổ (UV-Vis, IR, ...) và chia tách (TLC, HPLC, ...) MT5.

Trình bày được việc phân tích định lượng thuốc

***Về kỹ năng**

MT6. Vận hành được các thiết bị phân tích như: Máy phân tích điện hóa, máy quang phổ UV-vis, máy HPLC vào việc phân tích thuốc.

***Về năng lực tự chủ và trách nhiệm**

MT7. Nhận thức được vai trò nhiệm vụ của người dược sĩ đại học trong lĩnh vực kiểm nghiệm thuốc, đảm bảo nguồn cung ứng thuốc phục vụ công tác chăm sóc sức khỏe nhân dân.

4. Mức đóng góp của học phần cho chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo

Học phần đóng góp cho chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo (PO) theo mức độ sau:

0 = Không đóng góp; 1 = Mức thấp; 2 = Mức trung bình; 3 = Mức cao

Mã HP	Tên HP	Mức độ đóng góp của học phần cho CDR của CTĐT					
		PO1	PO2	PO3	PO4	PO5	PO6
010200095 1	Hóa phân tích 2 – Thực hành	0	0	0	1	0	3
		PO7	PO8	PO9	PO10	PO11	PO12
		3	2	0	2	1	1
		PO13	PO14	PO15	PO16	PO17	
		1	0	0	3	1	

5. Chuẩn đầu ra của học phần (CO)

Mục tiêu HP	CDR của HP	Nội dung CDR của học phần Hoàn thành học phần này, sinh viên đạt được:	CDR của CTĐT
Kiến thức			
MT1	CO1	Giải thích được nguyên tắc và ứng dụng của phương pháp phân tích điện thế	PO4, PO6, PO7
MT2	CO2	Trình bày được phương pháp phân tích đo điện thế, phương pháp phân tích volt-ampe, phương pháp điện phân và đo điện lượng.	PO4, PO6, PO7
MT3	CO3	Giải thích được nguyên tắc và ứng dụng các nhóm kỹ thuật phân tích quang phổ	PO4, PO6, PO7
MT4	CO4	Trình bày được khối phổ (UV-Vis, IR, ...) và chia tách (TLC, HPLC, ...)	PO4, PO6, PO7
MT5	CO5	Trình bày được việc phân tích định lượng thuốc	PO4, PO6, PO7
Kỹ năng			

MT6	CO6	Vận hành được các thiết bị phân tích như: Máy phân tích điện hóa, máy quang phổ UV-vis, máy HPLC vào việc phân tích thuốc.	PO7, PO16
Năng lực tự chủ và trách nhiệm			
MT6	CO7	Có khả năng phân tích định lượng nguyên liệu thuốc thành phẩm	PO16, PO17

6. Nội dung tóm tắt của học phần

Học phần này sẽ cung cấp cho sinh viên các phương pháp hóa lý trong phân tích như: phương pháp phân chia hay các phương pháp tách (sắc ký, điện di...); các phương pháp phân tích quang học (phương pháp quang phổ hấp thụ phân tử, phương pháp huỳnh quang phân tử và nguyên tử...); các phương pháp phân tích điện hóa (phương pháp đo thế, đo pH, chuẩn độ đo thế). Phần thực hành sinh viên thực hiện được phép đo pH, sắc ký giấy, định tính và định lượng một số chất bằng phương pháp quang phổ UV-VIS. Kết thúc học phần sinh viên có được vốn kiến thức cơ bản để học tiếp các môn chuyên ngành.

7. Phương pháp, hình thức tổ chức dạy học

Phương pháp, hình thức tổ chức dạy học	Mục đích	CDR của HP đạt được
Thuyết giảng	Cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản nhất, có hệ thống, khoa học.	CO1, CO2, CO3, CO4, CO5
Thảo luận	Rèn luyện cho sinh viên làm việc nhóm và phát hiện vấn đề	CO1, CO2, CO3, CO4, CO5, CO6, CO7
Vấn đáp	Tạo cơ hội cho sinh viên phát triển tính sáng tạo, sự tự tin.	CO1, CO2, CO3, CO4, CO5, CO6, CO7
Bài tập	Cho sinh viên tập xây dựng và triển khai các ý tưởng khoa học.	CO1, CO2, CO3, CO4, CO5, CO6, CO7

8. Nhiệm vụ của sinh viên

- Dự lớp: đọc trước giáo trình, phát hiện vấn đề, nghe giảng.
- Thảo luận theo nhóm các vấn đề liên quan đến bài học; tham gia đóng góp ý kiến, xây bài tại lớp.
- Nghiên cứu: đọc tài liệu tham khảo
- Tham khảo các tài liệu do giảng viên hướng dẫn.
- Tự học, tự nghiên cứu ở nhà những vấn đề đã được nghe giảng tại lớp.

9. Đánh giá kết quả học tập của sinh viên (thang điểm 10)

TT	Hình thức	Trọng số (%)	Tiêu chí đánh giá	CDR của HP	Điểm tối đa
----	-----------	--------------	-------------------	------------	-------------

Đánh giá quá trình (trọng số 70%)					
1	Báo cáo	40	+ Tính chủ động, mức độ tích cực chuẩn bị bài và tham gia các hoạt động trong giờ học. + Tham dự đầy đủ tất cả các buổi học, thực hành và làm báo cáo theo yêu cầu của giảng viên.	CO1, CO2, CO3, CO4, CO5, CO6, CO7, CO8	10
2	Kiểm tra thường xuyên	30	+ Kiểm tra trên lớp theo đề chung, đáp án, thang điểm của GV và quy về theo tỷ lệ (30%).	CO1, CO2, CO3, CO4, CO5, CO6, CO7, CO8	10
Thi kết thúc học phần (trọng số 30%)					
3	Thi lý thuyết và thực hành	30	+ Thi theo đề chung, đáp án, thang điểm của GV và quy về theo tỷ lệ (30%).	CO1, CO2, CO3, CO4, CO5, CO6, CO7, CO8	10

10. Học liệu

10.1. Tài liệu học tập

[1]. Bài giảng Thực hành Hóa Phân Tích 2 (2022)– Bài giảng nội bộ, Bộ môn Hóa phân tích – Kiểm nghiệm, Khoa Dược, Trường Đại học Nam Cần Thơ.

10.2. Tài liệu tham khảo

[2]. Trần Tử An (2016), *Hóa Phân tích 2*, NXB Y Học.

[3]. Võ Thị Bạch Huệ (2015), *Hóa Phân Tích 2*, NXB Giáo Dục.

11. Nội dung chi tiết học phần

Tuần	Nội dung	Số tiết	Tài liệu	CDR của HP
1	Khảo sát phổ UV-Vis của dung dịch kali permanganat trong môi trường acid	5	[2] (Trang 3)	CO3, CO4, CO5, CO6, CO7

2	Định lượng hỗn hợp acid H ₂ SO ₄ &H ₃ PO ₄ bằng phương pháp chuẩn độ điện thế	5	[2] (Trang 6)	CO1, CO4, CO5, CO6, CO7
3	Định lượng viên nén paracetamol bằng phương pháp UV-Vis	5	[2] (Trang 9)	CO3, CO4, CO5, CO6, CO7
4	Định tính các sulfamid bằng SKLM	5	[2] (Trang 11)	CO3, CO4, CO5, CO6, CO7
5	Định tính tinh dầu hương nhu bằng SKLM	5	[2] (Trang 12)	CO3, CO4, CO5, CO6, CO7
6	Định lượng đồng thời paracetamol và cafein trong chế phẩm bằng sắc ký lỏng hiệu năng cao	5	[2] (Trang 13)	CO4, CO5, CO6, CO7

12. Cơ sở và thiết bị

Phòng thực hành có đầy đủ các thiết bị và máy móc cần thiết phục vụ thực hành.

P. KHOA DƯỢC



ThS. Nguyễn Ngọc Lê

BỘ MÔN



Huỳnh Phương Thảo

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

NĂM HỌC 2022-2023

Tên học phần: Hóa sinh

Mã học phần: 0102000485

1. Thông tin về học phần

Số tín chỉ: 2

- Lý thuyết : 2

Tổng số tiết quy chuẩn:

30

Phân bố thời gian:

Tổng thời gian học của sinh viên	Giờ trên lớp				Tổng thời gian học trên lớp và tự học
	L	T	P	O	
L = Lý thuyết	L	T	P	O	30 + 60 = 90
T = Bài tập					
P = Thực hành	30	0	0	0	
O = Thảo luận/seminar					

Loại học phần: Bắt buộc

Học phần tiên quyết: Sinh học đại cương và Hóa hữu cơ

Học phần học song hành: Không

Ngôn ngữ giảng dạy: Tiếng Việt Tiếng Anh:

2. Đơn vị phụ trách: Bộ môn Hóa lý – Hóa dược

3. Mục tiêu của học phần (kí hiệu MT):

* Về kiến thức

MT1: Hiểu và nắm được các khái niệm hóa sinh tĩnh, hóa sinh động và vai trò của hóa sinh đối với y dược.

MT2: Hiểu và nắm vững cấu tạo, phân loại, chức năng các chất cơ bản: glucid, lipid, protid, acid nucleic đối với cơ thể sống.

MT3: Hiểu và nắm vững được các quá trình chuyển hóa các chất cơ bản trong cơ thể. Vận dụng lý thuyết về chuyển hóa để giải thích các bệnh liên quan rối loạn chuyển hóa trong cơ thể cũng như sử dụng thuốc để điều trị bệnh.

*** Về kỹ năng**

MT4: Kỹ năng cơ bản tiến trình hóa sinh trong cơ thể người (thực hành trong phòng thí nghiệm, sử dụng được các thiết bị thông dụng và đảm bảo an toàn).

MT5: Kỹ năng định tính, xác định các chất cơ bản: glucid, lipid, protid.

MT6: Kỹ năng xác định hoạt tính enzym.

MT7: Kỹ năng xác định, phân tích các chất có trong mẫu bệnh phẩm: máu, nước tiểu.

• Về năng lực tự chủ và trách nhiệm

MT8: Có khả năng làm việc độc lập và làm việc nhóm, có đạo đức nghề nghiệp và có khả năng sáng tạo trong công việc.

MT9: Nhận thức tầm quan trọng của Hóa sinh liên quan đến các kiến thức và bổ sung cho chuyên ngành.

4. Mức đóng góp của học phần cho chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo

Học phần đóng góp cho chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo (PO) theo mức độ sau:

0 = Không đóng góp; 1 = Mức thấp; 2 = Mức trung bình; 3 = Mức cao

Mã HP	Tên HP	Mức độ đóng góp của học phần cho CDR của CTĐT								
		PO1	PO2	PO3	PO4	PO5	PO6	PO7	PO8	PO9
0102 0004 85	Hóa sinh	0	0	1	3	2	2	0	0	0
		PO10	PO11	PO12	PO13	PO14	PO15	PO16	PO17	
		0	0	1	1	0	0	0	1	

5. Chuẩn đầu ra của học phần (CO)

Mục tiêu HP	CDR của HP	Nội dung CDR của học phần Hoàn thành học phần này, sinh viên đạt được:	CDR của CTĐT
Kiến thức			
MT1	CO1	Nắm được các khái niệm về hóa sinh tĩnh, hóa sinh động cũng như vai trò của Hóa sinh với Y được	PO3, PO4, PO5, PO6

MT2	CO2	Hiểu và nắm được cấu tạo, vai trò, chức năng của các chất cơ bản đối với cơ thể sống.	PO3, PO4, PO5, PO6
MT3	CO3	Hiểu và nắm được cơ chế chuyển hóa của các chất cơ bản trong cơ thể sống.	PO3, PO4, PO5, PO6
Kỹ năng			
MT4	CO4	Kỹ năng cơ bản tiến trình hóa sinh trong cơ thể người (thực hành trong phòng thí nghiệm, sử dụng được các thiết bị thông dụng và đảm bảo an toàn).	PO12, PO13
MT5	CO5	Kỹ năng định tính, xác định các chất cơ bản: glucid, lipid, protid.	PO12, PO13
MT6	CO6	Kỹ năng xác định hoạt tính enzym.	PO12, PO13
MT7	CO7	Kỹ năng xác định, phân tích các chất có trong mẫu bệnh phẩm: máu, nước tiểu...	PO12, PO13
Năng lực tự chủ và trách nhiệm			
MT8	CO8	Có khả năng làm việc độc lập và làm việc nhóm, có đạo đức nghề nghiệp và có khả năng sáng tạo trong công việc.	PO17
MT9	CO9	Nhận thức tầm quan trọng của Hóa sinh có liên quan đến các kiến thức và bổ sung cho chuyên ngành.	PO17

6. Nội dung tóm tắt của học phần

Hóa sinh học là học phần mô tả cấu tạo và chuyển hóa các chất trong cơ thể, nồng độ các chất đó trong tế bào và dịch sinh vật, cơ chế tạo thành cùng quá trình vận chuyển thoái hóa các chất, sự trao đổi năng lượng để duy trì sự sống. Hơn nữa, hóa sinh còn giúp nhận biết, phân tích và giải thích được sự thay đổi, cơ chế của sự thay đổi thông qua các xét nghiệm hóa sinh.

7. Phương pháp, hình thức tổ chức dạy học

Phương pháp, hình thức tổ chức dạy học	Mục đích	CĐR của HP đạt được
Thuyết trình	Cung cấp cho sinh viên hệ thống kiến thức nền tảng của môn học một cách khoa học, logic.	CO1, CO2, CO3, CO4, CO5, CO6
Thảo luận bài học	Thông qua việc hỏi đáp giữa giảng viên và sinh viên để làm rõ các nội dung kiến thức trong môn học.	CO1, CO2, CO3, CO4, CO5, CO6
Bài tập	Giúp sinh viên hiểu rõ và biết vận dụng các nội dung môn học vào các vấn đề thực tiễn.	CO5, CO6, CO9
Nghiên cứu bài học, đọc tài liệu tham khảo	Giúp người học tăng cường năng lực tự học, tự nghiên cứu.	CO7, CO8

8. Nhiệm vụ của sinh viên

- Dự lớp: đọc trước giáo trình, phát hiện vấn đề, nghe giảng, nêu các câu hỏi và tham gia thảo luận về các vấn đề do giáo viên và sinh viên khác đặt ra.
- Bài tập: chuẩn bị bài tập, phát hiện vấn đề, tham gia giải và sửa bài tập trên lớp.
- Nghiên cứu: đọc tài liệu tham khảo, tham gia trình bày – báo cáo.
- Thảo luận nhóm hoặc ứng dụng dịch thuật tại lớp do giảng viên phân công.
- Làm bài tập ứng dụng hoặc bài tập tình huống để củng cố kiến thức (lý thuyết) đã được học.
- Tham khảo các tài liệu do giảng viên hướng dẫn.
- Tự học, tự nghiên cứu ở nhà những vấn đề đã được nghe giảng tại lớp.

9. Đánh giá kết quả học tập của sinh viên (thang điểm 10)

TT	Hình thức	Trọng số (%)	Tiêu chí đánh giá	CĐR của HP	Điểm tối đa
1	Chuyên cần	10	Tính chủ động, mức độ tích cực chuẩn bị bài và tham gia các hoạt động trong giờ học	CO1,CO, CO3,CO, CO5,CO6	10
		10	Thời gian tham dự buổi học bắt buộc, vắng không quá 20% số tiết học. Tùy số tiết vắng, GV quyết định số điểm theo tỉ lệ vắng.		10
2	Kiểm tra giữa kỳ	30	<p>* Sinh viên làm một bài kiểm tra cá nhân.</p> <p>- Tiêu chí đánh giá bài kiểm tra (giảng viên nêu cụ thể)</p> <p>* Một bài báo cáo nhóm hoặc seminar hoặc bài tập lớn theo quy định của giảng viên phụ trách giảng dạy.</p> <p>- Tiêu chí đánh giá bài báo cáo, seminar, bài tập lớn (giảng viên nêu cụ thể)</p>	CO1,CO2, CO3	10
3	Thi kết thúc học phần	50	<p>+ Thi kết thúc học phần</p> <p>+ Hình thức thi:.....</p> <p>+ Tiêu chí đánh giá bài thi: Theo đáp án của giảng viên ra đề.</p>	CO1,CO2, CO3	10

10. Học liệu

10.1. Tài liệu học tập

- [1] Khoa Dược, Trường Đại học Nam Cần Thơ (2022), *Bài giảng thực hành Hóa sinh.*
- [2] Khoa Dược, Trường Đại học Nam Cần Thơ (2022), *Bài giảng Hóa sinh.*

10.2. Tài liệu tham khảo

[2] Bộ Y tế, Trần Thanh Nhân (2009), *Hóa sinh học (Dùng cho đào tạo dược sĩ đại học)*, NXB giáo dục Việt Nam

[3] Lê Xuân Trường (2015), *Hóa sinh lâm sàng*, NXB y học.

[4] Bộ Y tế, Nguyễn Nghiêm Luật (2012), *Hóa sinh sách đào tạo bác sĩ đa khoa*, NXB y học.

[5] Lê Xuân Trường (2015), *Những xét nghiệm hóa sinh hiện đại sử dụng trong lâm sàng*, NXB y học.

11. Nội dung chi tiết học phần

Tuần	Nội dung	Số tiết	Tài liệu	CĐR của HP
	1. Hóa sinh và y dược 2. Hóa học glucid	3		
1	- Khái niệm Hóa sinh tĩnh, hóa sinh động. - Vai trò của Hóa sinh đối với Y dược. - Định nghĩa, phân loại glucid. - Monosaccharid. - Oligosaccharid. - Polysaccharid.		[1]. Trang 1 - 8 [1]. Trang 9 - 15	CO1, CO2, CO3, CO4, CO5, CO6, CO7, CO8, CO9
	3. Hóa học lipid	2		
2	- Định nghĩa phân loại lipid. - Vai trò, tính chất hóa sinh của lipid.		[1]. Trang 16 - 22	CO1, CO2, CO3, CO4, CO5, CO6, CO7, CO8, CO9
	4. Hóa học protid + hemoglobin	3		
2, 3	- Định nghĩa, vai trò, phân loại protid. - Tính chất chung của acid amin, peptid. - Bậc cấu trúc của protein. - Tính chất hòa tan, kết tủa, biến tính của protein. - Công thức cấu tạo của hemoglobin. - Tính chất hóa học, sinh học quan trọng của hemoglobin, myoglobin.		[1]. Trang 23 - 37 [1]. Trang 51 - 61	CO1, CO2, CO3, CO4, CO5, CO6, CO7, CO8, CO9

Tuần	Nội dung	Số tiết	Tài liệu	CDR của HP
	- Sự thay đổi các chỉ số hóa sinh của chuyển hóa hemoglobin.			
	5. Hóa học acid nucleic	2		
3	- Thành phần cấu tạo của acid deoxyribonucleic (ADN) và acid ribonucleic (ARN). - Đặc điểm cấu trúc ADN và ARN.		[1]. Trang 38 - 50	CO1, CO2, CO3, CO4, CO5, CO6, CO7, CO8, CO9
	7. Enzyme	2		
4	- Cấu trúc căn bản của enzym. - Cách gọi tên enzym. - Vai trò của enzym trong y học.		[1]. Trang 62 - 75	CO1, CO2, CO3, CO4, CO5, CO6, CO7, CO8, CO9
	8. Chuyển hóa các chất oxy hóa sinh học, hô hấp tế bào, chu trình Krebs.	3		
4, 5	- Khái niệm chuyển hóa các chất. - Sự hô hấp tế bào. - Sự phosphoryl hóa. - Chu trình Krebs.		[1]. Trang 76 - 99	CO1, CO2, CO3, CO4, CO5, CO6, CO7, CO8, CO9
	10. Thăng bằng acid - base	2		
5	- Vai trò của hệ thống đệm trong điều hòa acid - base. - Phương trình Henderson-Hasselbach. - Sự thăng bằng acid-base. - Thông số đánh giá trạng thái acid-base của cơ thể.		[1]. Trang 118 - 122	CO1, CO2, CO3, CO4, CO5, CO6, CO7, CO8, CO9
	11. Trao đổi muối nước	2		
5, 6	- Vai trò của muối nước. - Nhu cầu về muối nước của cơ thể. - Sự hấp thu và bài xuất muối nước.		[1]. Trang 123 - 130	CO1, CO2, CO3, CO4, CO5, CO6, CO7, CO8, CO9

Tuần	Nội dung	Số tiết	Tài liệu	CDR của HP
	<ul style="list-style-type: none"> - Sự phân phối muối, nước trong cơ thể. - Vận chuyển muối, nước trong cơ thể. - Điều hòa trao đổi muối nước trong cơ thể. - Rối loạn trao đổi muối, nước. 			
	12. Hóa sinh gan	2		
7	<ul style="list-style-type: none"> - Thành phần hóa học của gan. - Chức năng chuyển hóa glucid, lipid, protein. - Một số xét nghiệm hóa sinh hệ thống gan - mật. 		[1]. Trang 131 - 139	CO1, CO2, CO3, CO4, CO5, CO6, CO7, CO8, CO9
	13. Hóa sinh thận, nước tiểu	2		
7, 8	<ul style="list-style-type: none"> - Chức năng bài tiết. - Chuyển hóa các chất trong thận. - Nước tiểu. - Những chất bất thường trong nước tiểu. 		[1]. Trang 140 - 147	CO1, CO2, CO3, CO4, CO5, CO6, CO7, CO8, CO9
	14. Chuyển hóa glucid	2		
8	<ul style="list-style-type: none"> - Đại cương. - Thoái hóa glucose. - Tổng hợp. - Sự chuyển hóa glucose ở một số trạng thái. - Liên quan chuyển hóa của glucose. - Điều hòa chuyển hóa glucose và glycogen - hoạt động của hormon và những nhân tố khác trong quá trình chuyển hóa. - Rối loạn chuyển hóa glucid. 		[1]. Trang 148 - 176	CO1, CO2, CO3, CO4, CO5, CO6, CO7, CO8, CO9
	15. Chuyển hóa lipid	2		
9	<ul style="list-style-type: none"> - Sự tiêu hóa và hấp thu lipid trong thức ăn. - Sự thoái hóa lipid. - Sinh tổng hợp lipid. - Sự chuyển hóa cholesteron. 		[1]. Trang 177 - 212	CO1, CO2, CO3, CO4, CO5, CO6, CO7, CO8, CO9

Tuần	Nội dung	Số tiết	Tài liệu	CĐR của HP
	- Sự chuyển hóa lipoprotein.			
	16. Chuyển hóa protid và acid amin	3		
10	- Biến hóa protein. - Thoái hóa acid amin. - Tổng hợp acid amin. - Sinh tổng hợp protein.		[1]. Trang 123 - 263	CO1, CO2, CO3, CO4, CO5, CO6, CO7, CO8, CO9

12. Cơ Sở và thiết bị

- Phòng học có bảng lớn, phấn, micrô, máy chiếu và loa.

Cần Thơ, ngày tháng năm 2022

P. TRƯỞNG KHOA

(ký tên)



Chai Thị Cẩm

P. TRƯỞNG BỘ MÔN

(ký tên)



Lorân Duy Khang

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

NĂM HỌC 2022-2023

1. Thông tin về học phần

Tên học phần: Hóa sinh -Thực hành

Mã học phần: 0102000940

Số tín chỉ: 1

- Thực hành : 1

Tổng số tiết quy chuẩn: 30

Phân bổ thời gian:

Tổng thời gian học của sinh viên	Giờ trên lớp				Tổng thời gian học trên lớp và tự học
	L	T	P	O	
L = Lý thuyết					
T = Bài tập					
P = Thực hành	0	0	30	0	30 + 60 = 90
O = Thảo luận/seminar					

Loại học phần: Bắt buộc

Học phần tiên quyết: Sinh học đại cương, Hóa hữu cơ, Hóa sinh-LT

Học phần học song hành: Không

Ngôn ngữ giảng dạy: Tiếng Việt Tiếng Anh:

2. Đơn vị phụ trách: Bộ môn Hóa lý – Hóa dược

3. Mục tiêu của học phần (kí hiệu MT):

***Về kiến thức**

MT1: Hiểu và nắm được các khái niệm hóa sinh tĩnh, hóa sinh động và vai trò của hóa sinh đối với y dược.

MT2: Hiểu và nắm vững cấu tạo, phân loại, chức năng các chất cơ bản: glucid, lipid, protid, acid nucleic đối với cơ thể sống.

MT3: Hiểu và nắm vững được các quá trình chuyển hóa các chất cơ bản trong cơ thể. Vận dụng lý thuyết về chuyển hóa để giải thích các bệnh liên quan rối loạn chuyển hóa trong cơ thể cũng như sử dụng thuốc để điều trị bệnh.

*** Về kỹ năng**

MT4: Kỹ năng cơ bản tiến trình hóa sinh trong cơ thể người (thực hành trong phòng thí nghiệm, sử dụng được các thiết bị thông dụng và đảm bảo an toàn).

MT5: Kỹ năng định tính, xác định các chất cơ bản: glucid, lipid, protid.

MT6: Kỹ năng xác định hoạt tính enzym.

• Về năng lực tự chủ và trách nhiệm

MT7: Có khả năng làm việc độc lập và làm việc nhóm, có đạo đức nghề nghiệp và có khả năng sáng tạo trong công việc.

MT8: Nhận thức tầm quan trọng của Hóa sinh liên quan đến các kiến thức và bổ sung cho chuyên ngành.

4. Mức đóng góp của học phần cho chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo

Học phần đóng góp cho chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo (PO) theo mức độ sau:

0 = Không đóng góp; 1 = Mức thấp; 2 = Mức trung bình; 3 = Mức cao

Mã HP	Tên HP	Mức độ đóng góp của học phần cho CDR của CTĐT								
		PO1	PO2	PO3	PO4	PO5	PO6	PO7	PO8	PO9
0009 40	Hóa Sinh-TH	0	0	0	2	0	1	2	0	0
		PO10	PO11	PO12	PO13	PO14	PO15	PO16	PO17	
		1	2	1	1	0	0	1	1	

5. Chuẩn đầu ra của học phần (CO)

Mục tiêu HP	CDR của HP	Nội dung CDR của học phần Hoàn thành học phần này, sinh viên đạt được:	CDR của CTĐT
Kiến thức			
MT1	CO1	Nắm được các khái niệm về hóa sinh tĩnh, hóa sinh động cũng như vai trò của Hóa sinh với Y dược	PO3, PO4, PO5, PO6
MT2	CO2	Hiểu và nắm được cấu tạo, vai trò, chức năng của các chất cơ bản đối với cơ thể sống.	PO3, PO4, PO5, PO6

MT3	CO3	Hiểu và nắm được cơ chế chuyển hóa của các chất cơ bản trong cơ thể sống.	PO3, PO4, PO5, PO6
Kỹ năng			
MT4	CO4	Kỹ năng cơ bản tiến trình hóa sinh trong cơ thể người (thực hành trong phòng thí nghiệm, sử dụng được các thiết bị thông dụng và đảm bảo an toàn).	PO12, PO13
MT5	CO5	Kỹ năng định tính, xác định các chất cơ bản: glucid, lipid, protid.	PO12, PO13
MT6	CO6	Kỹ năng xác định hoạt tính enzym.	PO12, PO13
Năng lực tự chủ và trách nhiệm			
MT7	CO7	Có khả năng làm việc độc lập và làm việc nhóm, có đạo đức nghề nghiệp và có khả năng sáng tạo trong công việc.	PO17
MT8	CO8	Nhận thức tầm quan trọng của Hóa sinh có liên quan đến các kiến thức và bổ sung cho chuyên ngành.	PO17

6. Nội dung tóm tắt của học phần

Học phần này sẽ cung cấp cho sinh viên những kiến thức, kỹ năng cơ bản tiến trình hóa sinh trong cơ thể người (thực hành trong phòng thí nghiệm, sử dụng được các thiết bị thông dụng và đảm bảo an toàn), kỹ năng xác định hoạt tính enzym.

7. Phương pháp, hình thức tổ chức dạy học

Phương pháp, hình thức tổ chức dạy học	Mục đích	CDR của HP đạt được
Thực hành	Cung cấp cho sinh viên biết định tính và xác định các chất cơ bản.	CO1, CO2, CO3, CO4, CO5, CO6

Nghiên cứu bài học, đọc tài liệu tham khảo	Giúp người học tăng cường năng lực tự học, tự nghiên cứu.	CO7, CO8
---	---	-----------------

8. Nhiệm vụ của sinh viên

- Dự lớp: đọc trước bài giảng thực hành Hóa sinh
- Thảo luận theo nhóm các vấn đề liên quan đến bài học; tham gia đóng góp ý kiến, xây bài tại lab.
- Nghiên cứu: đọc tài liệu tham khảo
- Tham khảo các tài liệu do giảng viên hướng dẫn.
- Tự học, tự nghiên cứu ở nhà những vấn đề đã được nghe giảng tại lớp.

9. Đánh giá kết quả học tập của sinh viên (thang điểm 10)

TT	Hình thức	Trọng số (%)	Tiêu chí đánh giá	Điểm tối đa
1	Bài báo cáo	30	- Nhận xét, giải thích, biện luận các kết quả của phản ứng - Tiêu chí đánh giá bài báo cáo (giảng viên nêu cụ thể)	10
2	Kiểm tra Kết thúc HP	70	- Tiến hành định tính các chất đã học. - Tiêu chí đánh giá bài kiểm tra (giảng viên nêu cụ thể)	10

10. Học liệu

10.1. Tài liệu học tập

- [1] Khoa Dược, Trường Đại học Nam Cần Thơ (2022), *Bài giảng thực hành Hóa sinh.*
- [2] Khoa Dược, Trường Đại học Nam Cần Thơ (2022), *Bài giảng Hóa sinh.*

10.2. Tài liệu tham khảo

- [2] Bộ Y tế, Trần Thanh Nhân (2009), *Hóa sinh học (Dùng cho đào tạo dược sĩ đại học)*, NXB giáo dục Việt Nam
- [3] Lê Xuân Trường (2015), *Hóa sinh lâm sàng*, NXB y học.
- [4] Bộ Y tế, Nguyễn Nghiêm Luật (2012), *Hóa sinh sách đào tạo bác sĩ đa khoa*, NXB y học.
- [5] Lê Xuân Trường (2015), *Những xét nghiệm hóa sinh hiện đại sử dụng trong lâm sàng*, NXB y học.

11. Nội dung chi tiết học phần

Tuần	Nội dung	Tiết	Tài liệu	CDR của HP
1	Các kỹ thuật và kỹ năng cơ bản trong phòng thực hành	5	[1]	CO1, CO2, CO3, CO4, CO5, CO6
2	Enzym	5	[1]	CO1, CO2, CO3, CO4, CO5, CO6
3	Hóa học chuyển hóa lipid và ứng dụng	5	[1]	CO1, CO2, CO3, CO4, CO5, CO6
4	Hóa học chuyển hóa glucid và ứng dụng	5	[1]	CO1, CO2, CO3, CO4, CO5, CO6
5	Hóa học chuyển hóa protid và ứng dụng	5	[1]	CO1, CO2, CO3, CO4, CO5, CO6
6	Hóa học chuyển hóa Hemoglobin và một số xét nghiệm chẩn đoán, theo dõi bệnh gan mật	5	[1]	CO1, CO2, CO3, CO4, CO5, CO6

12. Cơ Sở và thiết bị


- Phòng học có bảng lớn, phấn.

- Phòng thực hành có đầy đủ các trang thiết bị và máy móc cần thiết như: Bếp đun cách thủy, Tủ sấy, Cân và các hóa chất cần thiết....

Cần Thơ, ngày tháng năm 2023

P. TRƯỞNG KHOA

(ký tên)


Châu Chí Cẩm²

P. TRƯỞNG BỘ MÔN

(ký tên)


Trần Duy Khang

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

1. Thông tin về học phần

Tên học phần: Kỹ sinh trung

Mã học phần: 0102000496

Số tín chỉ: 01 tín chỉ

Tổng số tiết quy chuẩn: 15 tiết

Phân bố thời gian: Học kỳ 4

Loại thời gian học của sinh viên	Giờ trên lớp				Loại thời gian học trên lớp và tự học
I = Lý thuyết	I	T	P	Q	15 + 30 = 45
T = Bài tập					
P = Thực hành	15	0	0	0	
Q = Thảo luận/seminar					

Loại học phần: Bắt buộc

Học phần tiên quyết: Sinh học đại cương

Học phần học trước:

Học phần học song hành:

Ngôn ngữ giảng dạy: Tiếng Việt Tiếng Anh:

2. Đơn vị phụ trách: Bộ môn Vi sinh - kỹ sinh

3. Mục tiêu của học phần (ki hiển MT):

*** Về kiến thức**

MT1: Trình bày tính phổ biến và tầm quan trọng của hiện tượng nhiễm ký sinh trung.

MT2: Mô tả quan hệ con người - ký sinh trung - môi trường - đóng vai trò trong dạy truyền nhiễm ký sinh trung

MT3: Nhận diện đặc điểm hình thái, chu trình phát triển, dịch tễ và tính chất gây bệnh của những ký sinh trung phổ biến ở Việt Nam.

MT4: Trình bày nguyên tắc điều trị và phòng chống bệnh ký sinh trung.

*** Về kỹ năng**

MT5: Thực hành sử dụng kính hiển vi và cách làm tiêu bản hiển vi

MT6: Thực hành các thao tác trong labo Kỹ sinh trung để chẩn đoán một số Ký sinh trung phổ biến

*** Về năng lực tự chủ và trách nhiệm**

MT7: Có khả năng làm việc độc lập và làm việc nhóm, có dân dục nghề nghiệp và có khả năng sáng tạo trong công việc.

MT8: Tích cực trong việc học tập, tỉ mỉ, cẩn thận trong thực hành thao tác, tự nghiên cứu

4. Mức đóng góp của học phần cho chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo

Học phần đóng góp cho chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo (PO) theo mức độ sau:

0 = Không đóng góp; 1 = Mức thấp; 2 = Mức trung bình; 3 = Mức cao

Mã HP	Tên HP	Mức đo đóng góp của học phần cho CDR của CTĐT						
		PO1	PO2	PO3	PO4	PO5	PO6	PO7
010200049 6	Kỹ sinh trung							
		0	0	0	2	0	1	1
		PO8	PO9	PO10	PO11	PO12	PO13	PO14
		0	0	0	0	1	2	0
		PO15	PO16	PO17				
1	1	1						

5. Chuẩn đầu ra của học phần (CO)

Mức điều HP	CDR của HP	Nội dung CDR của học phần Hoàn thành học phần này, sinh viên đạt được	CDR của CTĐT
Kiến thức			
MT1	CO1	Hiểu và trình bày được tính phổ biến và tầm quan trọng của hiện tượng nhiễm ký sinh trùng.	PO4
MT2	CO2	Hiểu và trình bày được mối quan hệ con người – ký sinh trùng – môi trường – động vật trong dạy truyền nhiễm ký sinh trùng.	PO4
MT3	CO3	Hiểu và phân tích được những đặc điểm hình thái, chu trình phát triển, dịch tễ và tính chất gây bệnh của những ký sinh trùng phổ biến ở Việt Nam.	PO4, PO6
MT4	CO4	Trình bày nguyên tắc chẩn trị và phòng chống bệnh ký sinh trùng	PO4, PO6.
Kỹ năng			
MT5 MT6	CO5	Thực hành sử dụng kính hiển vi và cách làm tiêu bản hiển vi. Thực hành các thao tác trong labo Kỹ sinh trung để chẩn đoán một số Ký sinh trùng phổ biến.	PO7, PO13
Năng lực tự chủ và trách nhiệm			
MT7 MT8	CO6	Có khả năng làm việc độc lập và làm việc nhóm, có đạo đức nghề nghiệp và có khả năng sáng tạo trong công việc. Tích cực trong việc học tập, tỉ mỉ, cẩn thận trong thực hành thao tác, tự nghiên cứu	PO11, PO12, PO13, PO15, PO16, PO17

6. Nội dung tóm tắt của học phần

Học phần Ky sinh trung cung cấp cho sinh viên những khái niệm cơ bản như đại cương về ky sinh trung, bệnh học sốt rét, các đặc điểm sinh học, hình thái, sinh lý, chu kỳ phát triển của nấm, giun, sán, amip. Học phần này cung cấp cho sinh viên các phương pháp chẩn đoán bệnh, nguyên tắc điều trị, thực hành lấy mẫu, làm tiêu bản ky sinh trung gây bệnh

7. Phương pháp, hình thức tổ chức dạy học

Phương pháp, hình thức tổ chức dạy học	Mục đích	CAR của HP đạt được
Thuyết trình	Cung cấp cho sinh viên hệ thống kiến thức nền tảng của môn học một cách khoa học, logic.	CO1, CO2, CO3, CO4
Thảo luận	Thông qua việc hỏi đáp giữa giáo viên và sinh viên để làm rõ các nội dung kiến thức trong môn học.	CO1, CO2, CO3, CO4
Thực hành	Giúp sinh viên hiểu rõ và biết vận dụng các nội dung môn học vào các vấn đề thực tiễn.	CO5
Nghiên cứu tài liệu, đọc tài liệu tham khảo	Giúp người học tăng cường năng lực tự học, tự nghiên cứu.	CO6

8. Nhiệm vụ của sinh viên

- Dự lớp: đọc trước giáo trình, phát hiện vấn đề, nghe giảng, nêu các câu hỏi và tham gia thảo luận về các vấn đề do giáo viên và sinh viên khác đặt ra
- Nghiên cứu: đọc tài liệu tham khảo, tham gia thuyết trình
- Thảo luận to hoặc thuyết trình tại lớp do giảng viên phân công.
- Thực hành để củng cố kiến thức (lý thuyết) đã được học.
- Tham khảo các tài liệu do giảng viên hướng dẫn
- Tự học, tự nghiên cứu ở nhà nhưng vấn đề đã được nghe giảng tại lớp

9. Đánh giá kết quả học tập của sinh viên (thang điểm 10)

TT	Hình thức	Trọng số (%)	Tiêu chí đánh giá	CAR của HP	Điểm tối đa
1	Chuyên cần	10	<ul style="list-style-type: none">• Tính chu đáo, mức độ tích cực chuẩn bị bài và tham gia các hoạt động trong giờ học• Thời gian tham dự buổi học đầy đủ	CO1, CO2, CO3, CO4, CO5, CO6	5
2	Thực hành	15	Chất lượng sản phẩm giao nộp	CO5, CO6	10
3	Bài kiểm tra định kỳ	25	Theo đáp án, thang điểm của giảng viên	CO1, CO2, CO3, CO4, CO5, CO6	10
4	Thi kết	50	Theo đáp án, thang điểm của giảng viên	CO1, CO2,	10

	thực HP		viên	CO3, CO4, CO5, CO6	
--	---------	--	------	-----------------------	--

10. Học liệu

10.1. Tài liệu học tập

- [1] Nguyễn Huỳnh Bích Liễu (2018), *Kỹ sinh trung*, Thư viện Đại học Nam Cần Thơ
- [2] Nguyễn Huỳnh Bích Liễu (2018) *Kỹ sinh trung Giao trình thực hành*, Thư viện Đại học Nam Cần Thơ.

10.2. Tài liệu tham khảo

- [3] Nguyễn Văn Văn (2012), *Kỹ sinh trung y học*, Nhà xuất bản Y học
- [4] Trần Xuân Mai (2015), *Kỹ sinh trung y học*, Nhà xuất bản Y học

11. Nội dung chi tiết học phần

Tuần	Nội dung	Số tiết	Tài liệu	CĐR của HP
1	1. Kỹ sinh học đại cương 2. Đơn bào	3		
	Trình bày định nghĩa, đặc điểm, các kiểu tương quan, vai trò gây bệnh-truyền bệnh của kỹ sinh trung Trình bày đặc điểm bệnh kỹ sinh trung, chẩn đoán và phòng ngừa. Nêu được các quy định về danh pháp. Trình bày đặc điểm về hình thể, sinh lý và phân loại đơn bào. Mô tả hình thể, đặc tính của các loại và chu trình phát triển của kỹ sinh trung sốt rét Vai trò gây bệnh, thuốc điều trị và phòng ngừa bệnh kỹ sinh trung sốt rét.		[1], [3], [4]	CO1, CO2, CO3, CO4, CO6
2	3. Giun	3		
	Mô tả hình dạng con trưởng thành,ấu trùng và trung Trình bày chu trình phát triển Trình bày cách đặc điểm sinh học, vai trò gây bệnh, cách chẩn đoán và điều trị bệnh.		[1], [3], [4]	CO1, CO2, CO3, CO4, CO6
3	4. Sán	3		

	<p>Mô tả hình dạng con trùng thành, ấu trùng và trung</p> <p>Trình bày chu trình phát triển</p> <p>Trình bày cách đặc điểm sinh học, vai trò gây bệnh, cách chẩn đoán và điều trị bệnh</p>		[1], [3], [4]	CO1, CO2, CO3, CO4, CO6
4	5. Tiết túc	3		
	Nêu các đặc điểm về hình thể, sinh học và vai trò gây bệnh.		[1], [3], [4]	CO1, CO2, CO3, CO4, CO6
5	6. Vi nấm	3		
	<p>Mô tả được hình thể, cấu trúc tế bào và hình thức sinh sản của vi nấm</p> <p>Trình bày các phương pháp chẩn, điều trị và phòng ngừa các dạng bệnh do vi nấm.</p>		[1], [3], [4]	CO1, CO2, CO3, CO4, CO6

12. Cơ sở và thiết bị

- Phòng học cơ hàng lôm, máy chiếu
- Phương tiện: tăng âm

TRƯỞNG KHOA

(ký tên)

[Handwritten signature]

TS. Thái Thị Liên

TRƯỞNG BỘ MÔN

(ký tên)

[Handwritten signature]

Nguyễn Thị Anh

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

1. Thông tin về học phần

Tên học phần: Ký sinh trùng – Thực hành

Mã học phần: 0102000955

Số tín chỉ: 01

Tổng số tiết quy chuẩn: 30

Phân bố thời gian: Học kỳ 4

Tổng thời gian học của sinh viên	Giờ trên lớp				Tổng thời gian học trên lớp và tự học
I. – Lý thuyết	I	T	P	O	30 + 60 = 90
T – Bài tập					
P – Thực hành	0	0	30	0	
O – Thảo luận/seminar					

Loại học phần: Bắt buộc

Học phần tiền quyết: Sinh học đại cương

Học phần học trước:

Học phần học song hành:

Ngôn ngữ giảng dạy: Tiếng Việt Tiếng Anh:

2. Đơn vị phụ trách: Bộ môn Vi sinh - ký sinh

3. Mục tiêu của học phần (kí hiệu MT):

• Về kỹ năng

M11: Thực hành sử dụng kính hiển vi và cách làm tiêu bản hiển vi

MT2: Đọc được giọt máu dày, giọt máu mỏng để tìm ký sinh trùng sốt rét

MT3: Nhận biết được các dạng phát triển của ký sinh trùng sốt rét trong máu ngoại biên.

M14: Xác nhận được loài *Plasmodium* ký sinh trong máu *P. falciparum*, *P. vivax*, *P. malariae*

MT5: Xác định được thể hoạt động và bào nang của: *E. histolytica*, *E. coli*, *Trichomonas intestinalis*, *Giardia intestinalis*

M16: Nhận biết và phân biệt được trứng, ấu trùng và con trưởng thành các loài giun ký sinh đường tiêu hóa thường gặp.

MT7: Nhận biết và phân biệt được trứng, ấu trùng và con trưởng thành các loài san ký sinh đường tiêu hóa thường gặp

MT8: Sinh viên phải nhận biết và phân biệt được các tiết tục gây bệnh và truyền bệnh

• Về năng lực tự chủ và trách nhiệm

MT9: Có khả năng làm việc độc lập và làm việc nhóm, có đạo đức nghề nghiệp và có khả năng sáng tạo trong công việc.

MT10: Tích cực trong việc học tập, tỉ mỉ, cẩn thận trong thực hành thao tác, tự nghiên cứu.

4. **Mức đóng góp của học phần cho chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo**

Học phần đóng góp cho chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo (PO) theo mức độ sau:

0 – Không đóng góp; 1 = Mức thấp; 2 = Mức trung bình; 3 = Mức cao

Mã HP	Tên HP	Mức độ đóng góp của học phần cho CDR của CTĐT							
		PO1	PO2	PO3	PO4	PO5	PO6	PO7	
010200095 5	Ký sinh trung Thực hành	0	0	0	2	0	1	1	
		PO8	PO9	PO10	PO11	PO12	PO13	PO14	
		0	0	0	0	1	2	0	
		PO15	PO16	PO17					
		1	1	1					

5. **Chuẩn đầu ra của học phần (CO)**

Mục tiêu HP	CDR của HP	Nội dung CDR của học phần Hoàn thành học phần này, sinh viên đạt được:	CDR của CTĐT
Kỹ năng			
MT1	CO1	Thực hành sử dụng kính hiển vi và cách làm tiêu bản hiển vi.	PO7, PO13
MT2		Đọc được giọt máu dày, giọt máu mỏng để tìm ký sinh trùng sốt rét.	
MT3		Nhận biết được các dạng phát triển của ký sinh trùng sốt rét trong máu ngoại biên.	
MT4		Xác nhận được loài <i>Plasmodium</i> ký sinh trong máu: <i>P. falciparum</i> , <i>P. vivax</i> , <i>P. malariae</i>	
MT5		Xác định được thể hoạt động và bao nang của: <i>E. histolytica</i> , <i>E. coli</i> , <i>Trichomonas intestinalis</i> , <i>Giardia intestinalis</i>	
MT6		Nhận biết và phân biệt được trứng, ấu trùng và con trưởng thành các loại giun ký sinh đường tiêu hóa thường gặp.	
MT7		Nhận biết và phân biệt được trứng, ấu trùng và con trưởng thành các loại sán ký sinh đường tiêu hóa thường gặp	
MT8		Sinh viên phải nhận biết và phân biệt được các tiết túc gây bệnh và truyền bệnh	

Năng lực tự chủ và trách nhiệm			
MT9 MN10	CO6	Có khả năng làm việc độc lập và làm việc nhóm, có đam mê nghề nghiệp và có khả năng sáng tạo trong công việc. Tích cực trong việc học tập, tỉ mỉ, cẩn thận trong thực hành thao tác, tự nghiên cứu	PO11, PO12, PO13, PO15, PO16, PO17

6. Nội dung tóm tắt của học phần

Học phần Kỹ sinh trung-Thực hành cung cấp cho sinh viên sinh viên cách thực hành lấy máu, làm tiêu bản, cách quan sát và nhận biết các dạng phát triển của kỹ sinh trung gây bệnh. Học phần này cung cấp cho sinh viên phương pháp chẩn đoán bệnh, nguyên tắc điều trị các bệnh liên quan đến kỹ sinh trung gây bệnh thường gặp

7. Phương pháp, hình thức tổ chức dạy học

Phương pháp, hình thức tổ chức dạy học	Mục đích	CR của HP đạt được
Thực hành	Giúp sinh viên hiểu rõ và biết vận dụng các nội dung môn học vào các vấn đề thực tiễn.	CO5
Nghiên cứu bài học, đọc tài liệu tham khảo	Giúp người học tăng cường năng lực tự học, tự nghiên cứu	CO6

8. Nhiệm vụ của sinh viên

- Thực hành để củng cố kiến thức (lý thuyết) đã được học
- Tham khảo các tài liệu do giảng viên hướng dẫn
- Tự học, tự nghiên cứu ở nhà nhưng vẫn để đã được nghe giảng tại lớp.

9. Đánh giá kết quả học tập của sinh viên (thang điểm 10)

TT	Hình thức	Trọng số (%)	Tiêu chí đánh giá	CR của HP	Điểm tối đa
Đánh giá quá trình (trọng số 50%)					
1	Báo cáo	30	Hình thức và nội dung hai báo cáo	CO6	10
2	Thái độ	20	Quá trình thực hiện các thao tác thực hành trong phòng thí nghiệm	CO5, CO6	10
Kiểm tra kết thúc học phần (trọng số 50%)					
3	Thực hành	50	Nhận dạng các loại kỹ sinh trung	CO5, CO6	10

10. Học liệu

10.1. Tài liệu học tập

- [1] Nguyễn Huỳnh Bích Liên (2018), *Kỹ sinh trung*, Thư viện Đại học Nam Cần Thơ
- [2] Nguyễn Huỳnh Bích Liên (2018) *Kỹ sinh trung Giao trình thực hành*, Thư viện Đại học Nam Cần Thơ

10.2. Tài liệu tham khảo

[3] Nguyễn Văn Việt (2012), *Kỹ sinh trùng y học*, Nhà xuất bản Y học

[4] Trần Xuân Mai (2015), *Kỹ sinh trùng y học*, Nhà xuất bản Y học.

11. Nội dung chi tiết học phần


Tuần	Nội dung	Số tiết	Tài liệu	CDR của HP
1	1. Các kỹ thuật tìm ký sinh trùng sốt rét. Hình thể ký sinh trùng sốt rét	5		
	Làm, nhuộm và đọc được giọt máu đậy, giọt máu mỏng để tìm ký sinh trùng sốt rét. Nhận biết được các dạng phát triển của ký sinh trùng sốt rét trong máu ngoại biên. Xác nhận được loại <i>Plasmodium</i> ký sinh trong máu: <i>P. falciparum</i> , <i>P. vivax</i> , <i>P. malariae</i>		[2], [3], [4]	CO1, CO2, CO3, CO4, CO5, CO6
2	2. Hình thể đơn bào	5		
	- Xác định được thể hoạt động và bao nang của <i>E. histolytica</i> , <i>E. coli</i> , <i>Trichomonas intestinalis</i> , <i>Giardia intestinalis</i>		[2], [3], [4]	CO1, CO2, CO3, CO4, CO5, CO6
3	3. Hình thể con giun trưởng thành. Hình thể trứng giun	5		
	- Nhận biết và phân biệt được trứng, ấu trùng và con trưởng thành các loại giun ký sinh đường tiêu hóa thường gặp		[2], [3], [4]	CO1, CO2, CO3, CO4, CO5, CO6
4	4. Hình thể sản trứng thành. Hình thể trứng san	5		
	- Nhận biết và phân biệt được trứng, ấu trùng và con trưởng thành các loại san ký sinh đường tiêu hóa thường gặp		[2], [3], [4]	CO1, CO2, CO3, CO4, CO5, CO6
5	5. Hình thể tiết túc	5		
	Sinh viên phải nhận biết và phân biệt được các tiết túc gây bệnh và truyền bệnh thường gặp		[2], [3], [4]	CO1, CO2, CO3, CO4, CO5, CO6
6	6. Xét nghiệm nam trực tiếp	5		

	Nhuộm và làm một tiêu bản vi nấm.		[2], [3], [4]	C01, C03, C05, C06	C02, C04.
--	-----------------------------------	--	---------------	--------------------------	--------------

12. Cơ sở và thiết bị

- Phòng học cơ bản lớn, máy chiếu
- Phương tiện: kính hiển vi, lam kính, tiêu bản kỹ sinh trung.

 **TRƯỞNG KHOA**
(kỵ tên)


TS. Thái Thị Cẩm

 **TRƯỞNG BỘ MÔN**
(kỵ tên)


Nguyễn Hùng Anh

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN**1. Thông tin về học phần****Tên học phần:** Phương pháp nghiên cứu khoa học Dược**Mã học phần:** 0102000524**Số tín chỉ:** 2**Tổng số tiết quy chuẩn:** 30**Phân bố thời gian:**

Tổng thời gian học của sinh viên	Giờ trên lớp				Tổng thời gian học trên lớp và tự học
	L	T	P	O	
L = Lý thuyết	L	T	P	O	30 + 60 = 90
T = Bài tập					
P = Thực hành	30	0	0	0	
O = Thảo luận/seminar					

Loại học phần: Bắt buộc**Học phần tiên quyết:** Dược lâm sàng I**Học phần học song hành:** Không**Ngôn ngữ giảng dạy:** Tiếng Việt Tiếng Anh:**2. Đơn vị phụ trách:** Bộ môn Dược lý – Dược lâm sàng**3. Mục tiêu của học phần (kí hiệu MT):*****Về kiến thức****+ Về kiến thức:**

MT1. Phân biệt được các loại nghiên cứu và thiết kế nghiên cứu cơ bản.

MT2. Viết được các mục tiêu nghiên cứu. Lựa chọn được các biến số cần thiết cho mỗi mục tiêu.

MT3. Trình bày được các kỹ thuật chọn mẫu và cách tính toán cỡ mẫu trong nghiên cứu, lựa chọn và thiết kế được công cụ thích hợp để thu thập số liệu

MT4. Phân tích được các loại sai số, yếu tố nhiễu và cách khắc phục

MT5. Vận dụng được phương pháp phân tích số liệu và trình bày số liệu thích hợp cho mỗi số liệu

+ Về kỹ năng

MT6. Viết được một đề cương nghiên cứu khoa học

MT7. Viết được một bài báo cáo khoa học

+ Về năng lực tư chủ và trách nhiệm

MT8. Thể hiện tính chủ động, nghiêm túc trong quá trình học tập và nghiên cứu.

MT9. Hình thành thói quen vận dụng lý thuyết vào giải quyết các vấn đề trong thực tế.

MT10. Rèn luyện tính cẩn thận, chính xác, trung thực và kiên nhẫn khi hành nghề.

4. Mức đóng góp của học phần cho chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo

Học phần đóng góp cho chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo (PO) theo mức độ sau

Ma HP	Ten HP	Mức đóng góp của học phần cho CĐR của CTĐT						
		PO1	PO2	PO3	PO4	PO5	PO6	PO7
000524	Phương pháp nghiên cứu khoa học Dược	PO8	PO9	PO10	PO11	PO12	PO13	PO14
		0	2	3	2	0	1	0
		0	0	0	0	1	1	1
		PO15	PO16	PO17				
		1	1	1				

5. Chuẩn đầu ra của học phần (CO)

Mục tiêu HP	CĐR của HP	Nội dung CĐR của học phần Hoàn thành học phần này, sinh viên đạt được:	CĐR của CTĐT
Kiến thức			
MT1	CO1	Phân biệt được các loại nghiên cứu và thiết kế nghiên cứu cơ bản.	PO2, PO3, PO4, PO6
MT2	CO2	Viết được các mục tiêu nghiên cứu. Lựa chọn được các biến số cần thiết cho mỗi mục tiêu.	PO2, PO3, PO4, PO6
MT3	CO3	Trình bày được các kỹ thuật chọn mẫu và cách tính toán cỡ mẫu trong nghiên cứu. Lựa chọn và thiết kế được công cụ thích hợp để thu thập số liệu.	PO2, PO3, PO4, PO6
MT4	CO4	Phân tích được các loại sai số, yếu tố nhiễu và cách khắc phục.	PO2, PO3, PO4, PO6

MT5	CO5	Vận dụng được phương pháp phân tích số liệu và trình bày số liệu thích hợp cho mỗi số liệu	PO2, PO3, PO4, PO6
Kỹ năng			
MT6	CO6	Viết được một đề cương nghiên cứu khoa học	PO12, PO13, PO14
MT7	CO7	Viết được một bài báo cáo khoa học	PO12, PO13, PO14
Năng lực tự chủ và trách nhiệm			
MT8	CO8	Thể hiện tính chủ động, nghiêm túc trong quá trình học tập và nghiên cứu	PO15, PO16, PO17
MT9	CO9	Hình thành thói quen vận dụng lý thuyết vào giải quyết các vấn đề trong thực tế	PO15, PO16, PO17
MT10	CO10	Rèn luyện tính cẩn thận, chính xác, trung thực và kiên nhẫn khi hành nghề	PO15, PO16, PO17

6. Nội dung tóm tắt của học phần

Giới thiệu cho sinh viên khái quát cơ bản về khoa học và nghiên cứu khoa học trong y tế, các phương pháp nghiên cứu, phương pháp chọn mẫu, cách tính cỡ mẫu, phân tích số liệu nghiên cứu.

Áp dụng các kiến thức về phương pháp nghiên cứu khoa học để xây dựng đề cương và viết báo cáo khoa học.

7. Phương pháp, hình thức tổ chức dạy học

Phương pháp, hình thức tổ chức dạy học	Mục đích	CĐR của HP đạt được
Lý thuyết giảng	Truyền tải những kiến thức chính, trọng tâm của từng bài học. Đảm bảo bám sát theo các mục tiêu chuẩn đầu ra của từng bài	CO1, CO2, CO7
Thảo luận	Thông qua việc hỏi đáp giữa giảng viên và sinh viên để làm rõ các nội dung kiến thức trong môn học. Rèn cạnh đó tạo điều kiện cho sinh viên tìm hiểu kiến thức mới bằng các bài tiểu luận được giao	CO1, CO2, CO3, CO4, CO5, CO6

	ngẫu nhiên	
Nghiên cứu hai học, đọc tài liệu tham khảo	Giúp người học tăng cường năng lực tư học, tư nghiên cứu, sáng tạo nhằm mục đích đạt được mức tư duy bậc cao cho sinh viên.	CO3, CO4

8. Nhiệm vụ của sinh viên

- Dự lớp: đọc trước giao trình, nghe giảng
- Tuân thủ giờ giấc và quy định nội qui cho sinh viên trong giờ giảng
- Thảo luận theo nhóm các vấn đề liên quan đến bài học; tham gia đóng góp ý kiến, trả lời các câu hỏi của giảng viên tại lớp.
- Trình bày ý kiến sau mỗi buổi học để giảng viên khắc phục về sau
- Nghiên cứu, đọc tài liệu tham khảo do giảng viên hướng dẫn giới thiệu. Hoàn thành các bài báo cáo theo đúng yêu cầu của giảng viên đứng lớp.
- Tự học, tư nghiên cứu ở nhà nhưng vấn đề đã được nghe giảng tại lớp

9. Đánh giá kết quả học tập của sinh viên (thang điểm 10)

TT	Hình thức	Trọng số (%)	Tiêu chí đánh giá	CĐR của HP	Thang điểm
1	Chuyên cần	10	+ Tích chu đúng, mức độ tích cực chuẩn hi hai và tham gia các hoạt động trong giờ học.	CO8, CO9, CO10	10
		10	- Thời gian tham dự buổi học bắt buộc , vắng không quá 20% số tiết học. Tuy số tiết vắng, GV quyết định số điểm theo tỷ lệ vắng.	CO8, CO9, CO10	10
2	Thường xuyên	30	<ul style="list-style-type: none"> * Sinh viên làm một bài kiểm tra cá nhân. - Tiêu chí đánh giá bài kiểm tra: sinh viên hiểu và vận dụng được những kiến thức từ đầu thời gian học đến thời điểm hiện tại để giải thích các tình huống do giảng viên đặt ra trong kiểm tra. - Một bài kiểm tra đánh giá bao gồm hai phần: câu hỏi trắc nghiệm khách quan và câu hỏi tình huống. * Một bài báo cáo nhóm hoặc seminar hoặc hai tập lớn theo quy định của giảng viên phụ trách giảng dạy. - Tiêu chí đánh giá bài báo cáo: 	CO1, CO2, CO3, CO4	10

			<p>nhằm xem xét khả năng phân tích và ứng dụng của sinh viên.</p> <p>- Bài báo cáo tiểu luận sẽ được phân chia ngẫu nhiên. Mỗi sinh viên đều phải hoàn thành quyển tiểu luận và thỏa mãn yêu cầu giảng viên đặt ra để đủ điều kiện dự thi đánh giá kết thúc học phần.</p>		
3	Thi kết thúc HP	50	<p>+ Thi kết thúc học phần</p> <p>+ Hình thức: Mỗi sinh viên làm một bài tiểu luận nộp theo quy định của Nhà trường và theo sự hướng dẫn của Giảng viên</p> <p>+ Tiêu chí đánh giá bài thi: Theo đáp án của giảng viên ra đề</p>	CO1, CO2, CO3, CO4, CO5, CO6, CO7	10

10. Học liệu

[1] Lê Hách Quang (2015), *Phương pháp nghiên cứu y- dược học*, NXB Y Học, Hà Nội

11. Nội dung chi tiết học phần

Tuần	Nội dung	Số tiết	Tài liệu	CĐR của HP
1	<p>Bài 1. Đạo đức trong nghiên cứu khoa học</p> <p>1. Lịch sử của đạo đức trong nghiên cứu y tế</p> <p>2. Các vấn đề đạo đức trong nghiên cứu</p> <p>3. Chức năng của Hội đồng đạo đức</p>	2	[1]	CO1
2	<p>Bài 2. Đại cương về khoa học và Phương pháp nghiên cứu khoa học</p> <p>1. Đặc điểm của nghiên cứu khoa học</p> <p>2. Các phương pháp nghiên cứu khoa học</p> <p>3. Phân loại phương pháp nghiên cứu khoa học</p>	2	[1]	CO1, CO2
	<p>Bài 3. Xác định mục tiêu trong nghiên cứu khoa học</p> <p>1. Phân biệt các loại mục tiêu</p> <p>2. Xác định được các loại mục tiêu trong nghiên cứu khoa học</p>	2	[1]	CO3, CO4
3	<p>Bài 4. Xác định và xây dựng biên số trong NCKH</p> <p>1. Khái niệm và vai trò của biên số</p> <p>2. Phân biệt được các loại biên số khác</p>	2	[1]	CO1, CO2

	<p>nhau</p> <p>3. Xác định được hiện số cho vấn đề nghiên cứu đã chọn</p>			
	<p>Bài 5. Phương pháp nghiên cứu mô tả</p> <p>1. Các loại nghiên cứu mô tả</p> <p>2. Điểm mạnh và điểm yếu của nghiên cứu mô tả</p>	2	II	CO1, CO2, CO3
4	<p>Bài 6. Phương pháp nghiên cứu Bệnh chung – Thuận tập – Thực nghiệm</p> <p>1. Đặc điểm thiết kế nghiên cứu định lượng</p> <p>2. Ưu, nhược điểm của các nghiên cứu bệnh chung – thuận tập – thực nghiệm</p> <p>3. Áp dụng được thiết kế định lượng phù hợp với chủ đề nghiên cứu</p>	2	III	CO1, CO2, CO3
	<p>Bài 7. Phương pháp nghiên cứu định tính</p> <p>1. Khai niệm, mục đích, đặc điểm nghiên cứu định tính</p> <p>2. Hiểu được cách áp dụng nghiên cứu định tính</p> <p>3. Xác định được vấn đề, tên đề tài, câu hỏi, mục tiêu nghiên cứu định tính</p>	2	III	CO1, CO2, CO3, CO4
5	<p>Bài 8. Kỹ thuật và công cụ thu thập số liệu</p> <p>1. Mô tả được các kỹ thuật thu thập số liệu định lượng</p> <p>2. Xác định được các kỹ thuật thu thập số liệu thích hợp cho nghiên cứu cụ thể</p>	2	III	CO1, CO2, CO3, CO4
6	<p>Bài 9. Sai số và yếu tố nhiễu trong nghiên cứu khoa học</p> <p>1. Các loại sai số thường gặp trong nghiên cứu</p> <p>2. Cách hạn chế sai số trong nghiên cứu</p>	2	III	CO1, CO2, CO3, CO4
7	<p>Bài 10. Xác định đối tượng nghiên cứu và chọn mẫu nghiên cứu</p> <p>1. Xác định và mô tả những phương pháp chung của chọn mẫu</p> <p>2. Quyết định về phương pháp chọn mẫu và kích thước mẫu phù hợp nhất cho thiết kế nghiên cứu đã được phát triển</p>	2	III	CO1, CO2, CO3, CO4

8	Bài 11. Xử lý và phân tích số liệu – Trình bày kết quả 1. Các bước xử lý số liệu trong nghiên cứu khoa học 2. Các trình bày số liệu sau khi đã phân tích	3	[1]	CO1, CO2, CO3, CO4
9	Bài 12. Triển khai đề tài nghiên cứu Khoa học 1. Lựa chọn đề tài nghiên cứu 2. Xây dựng đề cương nghiên cứu khoa học 3. Tiến hành nghiên cứu 4. Tổng kết nghiệm thu và công bố	3	[1]	CO1, CO2, CO3, CO4, CO6, CO7
10	Bài 13. Hướng dẫn viết đề tài nghiên cứu khoa học 1. Các bước viết một báo cáo khoa học 2. Nội dung chính của báo cáo khoa học	3	[1]	CO1, CO2, CO3, CO4, CO6, CO7
Tổng		30 tiết		

12. Cơ sở và thiết bị

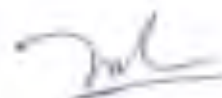
- Phòng học có hàng lớn, phấn, micro, máy chiếu và loa

KHOA DƯỢC
(ky ten)



TS. Lê Thị Ngọc Liên

BỘ MÔN
(ky ten)



Nguyễn Hiền Việt Anh

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

1. Thông tin về học phần

Tên học phần: Sinh lý

Mã học phần: 0102000535

Số tín chỉ: 3

Tổng số tiết quy chuẩn: 60

Phân bổ thời gian:

Tổng thời gian học của sinh viên	Giờ trên lớp				Tổng thời gian học trên lớp và tự học
L = Lý thuyết T = Bài tập P = Thực hành O = Thảo luận/seminar	L	T	P	O	
	30	0	0	0	30 + 60 = 90

Loại học phần: Bắt buộc

Học phần tiên quyết: Giải phẫu

Học phần học trước: Không

Học phần học song hành: Không

Ngôn ngữ giảng dạy: Tiếng Việt Tiếng Anh:

2. Đơn vị phụ trách: Bộ môn Sinh lý

3. Mục tiêu của học phần (kí hiệu MT):

* Về kiến thức

MT1: Trình bày được chức năng và hoạt động của các cơ quan trong cơ thể người

MT2: Vận dụng những kiến thức về Sinh lý học vào diễn giải các diễn biến, phản ứng, hiện tượng trong cơ thể người.

• Về kỹ năng

MT3: Đánh giá phương pháp thăm dò chức năng cơ bản ứng dụng trong lâm sàng.

MT4: Có khả năng làm việc và thảo luận nhóm trong quá trình học tập

• Về năng lực tự chủ và trách nhiệm

MT5: Rèn luyện các phẩm chất đạo đức cá nhân: trung thực, cẩn trọng, chính xác, khách quan, có ý thức học tập phát triển nghề nghiệp suốt đời.

4. Mức đóng góp của học phần cho chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo

Học phần đóng góp cho chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo (PO) theo mức độ sau:

0 = Không đóng góp; 1 = Mức thấp; 2 = Mức trung bình; 3 = Mức cao

Mã HP	Tên HP	Mức độ đóng góp của học phần cho CĐR của CTĐT								
		PO1	PO2	PO3	PO4	PO5	PO6	PO7	PO8	PO9
0102000535	Sinh lý	0	0	0	1	0	0	0	2	0
		PO10	PO11	PO12	PO13	PO14	PO15	PO16	PO17	
		1	1	1	1	1	0	1	1	

5. Chuẩn đầu ra của học phần (CO)

Mục tiêu HP	CĐR của HP	Nội dung CĐR của học phần Hoàn thành học phần này, sinh viên đạt được:	CĐR của CTĐT
Kiến thức			
MT1	CO1	Trình bày được chức năng và hoạt động của các cơ quan trong cơ thể người.	PO2, PO4, PO6
MT2	CO2	Vận dụng những kiến thức về Sinh lý học vào diễn giải các diễn biến, phản ứng, hiện tượng trong cơ thể người	PO2, PO4, PO6
Kỹ năng			
MT3	CO3	Đánh giá phương pháp thăm dò chức năng cơ bản ứng dụng trong lâm sàng	PO11, PO12, PO14.
MT4	CO4	Có khả năng làm việc và thảo luận nhóm trong quá trình học tập	PO11, PO12, PO14.
Năng lực tự chủ và trách nhiệm			
MT5	CO5	Rèn luyện các phẩm chất đạo đức cá nhân: trung thực, cẩn trọng, chính xác, khách quan, có ý thức học tập phát triển nghề nghiệp suốt đời	PO21

6. Nội dung tóm tắt của học phần

Học phần Sinh lý cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về chức năng, hoạt động của các cơ quan trong cơ thể người như sinh lý máu, sinh lý của các hệ cơ quan bao gồm hệ tuần hoàn, hô hấp, tiêu hóa, thần kinh, giác quan, tiết niệu, nội tiết, sinh dục.

7. Phương pháp, hình thức tổ chức dạy học

Phương pháp, hình thức tổ chức dạy học	Mục đích	CĐR của HP đạt được

Thuyết trình	Cung cấp cho sinh viên hệ thống kiến thức nền tảng của môn học một cách khoa học, logic.	CO1, CO2, CO5
Thảo luận	Thông qua việc hỏi đáp giữa giáo viên và sinh viên để làm rõ các nội dung kiến thức trong môn học.	CO1, CO2, CO3, CO4, CO5
Thực hành	Giúp sinh viên hiểu rõ và biết vận dụng các nội dung môn học vào các vấn đề thực tiễn.	CO1, CO2, CO3, CO4, CO5
Nghiên cứu bài học, đọc tài liệu tham khảo	Giúp người học tăng cường năng lực tự học, tự nghiên cứu.	CO1, CO2, CO3, CO4, CO5

8. Nhiệm vụ của sinh viên

- Dự lớp: đọc trước giáo trình, phát hiện vấn đề, nghe giảng, nêu các câu hỏi và tham gia thảo luận về các vấn đề do giáo viên và sinh viên khác đặt ra.
- Nghiên cứu: đọc tài liệu tham khảo, tham gia thuyết trình.
- Thảo luận tổ hoặc thuyết trình tại lớp do giảng viên phân công.
- Thực hành để củng cố kiến thức (lý thuyết) đã được học.
- Tham khảo các tài liệu do giảng viên hướng dẫn.
- Tự học, tự nghiên cứu ở nhà những vấn đề đã được nghe giảng tại lớp.

9. Đánh giá kết quả học tập của sinh viên (thang điểm 10)

TT	Hình thức	Trọng số (%)	Tiêu chí đánh giá	CĐR của HP	Điểm tối đa
1	Chuyên cần	10	- Tính chủ động, mức độ tích cực chuẩn bị bài và tham gia các hoạt động trong giờ học	CO3, CO4, CO5	5
			- Thời gian tham dự buổi học bắt buộc		5
2	Thực hành	15	Chất lượng sản phẩm giao nộp	CO1, CO2, CO3, CO4, CO5	10
3	Bài kiểm tra định kỳ	25	Theo đáp án, thang điểm của giảng viên	CO1, CO2, CO3, CO4, CO5	10
4	Thi kết thúc HP	50	Theo đáp án, thang điểm của giảng viên	CO1, CO2, CO3, CO4, CO5	10

10. Học liệu

10.1. Tài liệu học tập

[1] Bộ môn Sinh lý –Sinh lý bệnh Đại học Nam Cần Thơ (2018), *Sinh lý học*, Thư viện Đại học Nam Cần Thơ.

10.2. Tài liệu tham khảo

[2]. Phạm Thị Minh Đức (2011), *Sinh lý học*, Nhà xuất bản Y học.

[3]. Trần Văn Ngọc, Nguyễn Thị Lệ (2018), Sinh lý học y khoa, Nhà xuất bản Y học, TP. Hồ Chí Minh.

[4]. Phan Ngọc Tiến (2020), Sinh lý học y khoa, ĐH Quốc gia Tp. HCM.

[5]. Phạm Thị Minh Đức (2022), Sinh lý học : Sách đào tạo bác sĩ đa khoa, Nhà xuất bản Y học.

[6]. Nguyễn Thị Lệ (2019), Giáo trình thực hành sinh lý học, ĐH Quốc gia Tp. HCM.

11. Nội dung chi tiết học phần

Tuần	Nội dung	Tài liệu	CĐR của HP
1	Sinh lý máu 1. Sinh lý hồng cầu 2. Nhóm máu và truyền máu 3. Sinh lý bạch cầu 4. Sinh lý tiểu cầu 5. Đông cầm máu	[1],[2],[3],[4]	CO1, CO2, CO5
2	Sinh lý hệ tuần hoàn 1. Hoạt động điện của tim 2. Chu kỳ tim 3. Sinh lý hệ mạch 4. Điều hòa hoạt động tim mạch	[1],[2],[3],[4]	CO1, CO2, CO5
3	Sinh lý hệ hô hấp 1. Thông khí phổi 2. Trao đổi khí tại phổi 3. Chuyên chở khí trong máu 4. Điều hoà hô hấp	[1],[2],[3],[4]	CO1, CO2, CO5
4	Sinh lý hệ tiết niệu 1. Đặc điểm cấu trúc và chức năng của thận 2. Chức năng tạo nước tiểu của thận 3. Các phương pháp thăm dò chức năng thận	[1],[2],[3],[4]	CO1, CO2, CO5

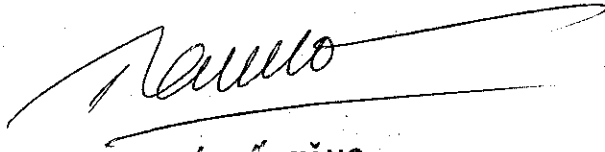
	4. Chức năng nội tiết của thận và điều hòa thăng bằng nội môi		
5-6	Sinh lý hệ tiêu hóa – Gan mật 1. Các hoạt động chức năng của hệ tiêu hóa 2. Tiêu hóa ở miệng 3. Tiêu hóa ở dạ dày 4. Tiêu hóa và hấp thu ở ruột non 5. Tiêu hóa ở ruột già 6. Sinh lý gan mật	[1],[2],[3],[4]	CO1, CO2, CO5
7	Sinh lý hệ nội tiết 1. Đại cương về hệ nội tiết và hormon 2. Sinh lý tuyến yên 3. Sinh lý tuyến giáp và tuyến cận giáp 4. Sinh lý tụy nội tiết 5. Sinh lý tuyến thượng thận	[1],[2],[3],[4]	CO1, CO2, CO5
8	Sinh lý hệ sinh dục 1. Sinh lý sinh dục nữ 2. Sinh lý sinh dục nam	[1],[2],[3],[4]	CO1, CO2, CO5
9	Sinh lý hệ thần kinh 1. Sinh lý cảm giác 2. Sinh lý vận động 3. Sinh lý phản xạ 4. Sinh lý hệ thần kinh thực vật	[1],[2],[3],[4]	CO1, CO2, CO5
10	Sinh lý giác quan 1. Thị giác 2. Thính giác 3. Vị giác 4. Khứu giác	[1],[2],[3],[4]	CO1, CO2, CO5

12. Cơ sở và thiết bị

- Phòng học có bảng lớn, máy chiếu

TRƯỞNG KHOA

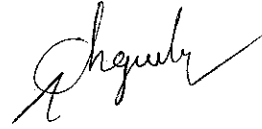
(ký tên)



TS. BSKII. THÁI VIẾT TẶNG

TRƯỞNG BỘ MÔN

(ký tên)



Hoàng Chiếu Đan

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

1. Thông tin về học phần

Tên học phần: Sinh lý – Thực hành

Mã học phần: 0102000956

Số tín chỉ: 1

Tổng số tiết quy chuẩn: 30

Phân bố thời gian:

Tổng thời gian học của sinh viên	Giờ trên lớp				Tổng thời gian học trên lớp và tự học
L = Lý thuyết	L	T	P	O	30 + 60 = 90
T = Bài tập					
P = Thực hành	0	0	30	0	
O = Thảo luận/seminar					

Loại học phần: Bắt buộc

Học phần tiên quyết: Giải phẫu

Học phần học trước: Không

Học phần học song hành: Không

Ngôn ngữ giảng dạy: Tiếng Việt Tiếng Anh:

Đơn vị phụ trách: Bộ môn Sinh lý

2. Thông tin giảng viên: GV Bộ môn Sinh lý

3. Mục tiêu của học phần (kí hiệu MT):

* Về kiến thức

MT1: Trình bày được chức năng và hoạt động của các cơ quan trong cơ thể người

MT2: Vận dụng những kiến thức về Sinh lý học vào diễn giải các diễn biến, phản ứng, hiện tượng trong cơ thể người.

• Về kỹ năng

MT3: Thực hiện được một số xét nghiệm và phương pháp thăm dò chức năng cơ bản ứng dụng trong lâm sàng.

MT4: Có khả năng làm việc và thảo luận nhóm trong quá trình học tập

• Về năng lực tự chủ và trách nhiệm

MT5: Rèn luyện các phẩm chất đạo đức cá nhân: trung thực, cẩn trọng, chính xác, khách quan, có ý thức học tập phát triển nghề nghiệp suốt đời.

4. Mức đóng góp của học phần cho chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo

Học phần đóng góp cho chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo (PO) theo mức độ sau:

0 = Không đóng góp; 1 = Mức thấp; 2 = Mức trung bình; 3 = Mức cao

Mã HP	Tên HP	Mức độ đóng góp của học phần cho CDR của CTĐT								
		PO1	PO2	PO3	PO4	PO5	PO6	PO7	PO8	PO9
000535	Sinh lý	0	0	0	1	0	0	0	2	0
		PO10	PO11	PO12	PO13	PO14	PO15	PO16	PO17	
		1	1	1	1	1	0	1	1	

5. Chuẩn đầu ra của học phần (CO)

Mục tiêu HP	CDR của HP	Nội dung CDR của học phần Hoàn thành học phần này, sinh viên đạt được:	CDR của CTĐT
Kiến thức			
MT1	CO1	Trình bày được chức năng và hoạt động của các cơ quan trong cơ thể người.	PO2, PO4, PO6
MT2	CO2	Vận dụng những kiến thức về Sinh lý học vào diễn giải các diễn biến, phản ứng, hiện tượng trong cơ thể người	PO2, PO4, PO6
Kỹ năng			
MT3	CO3	Thực hiện được một số xét nghiệm và phương pháp thăm dò chức năng cơ bản ứng dụng trong lâm sàng	PO11, PO12, PO14.
MT4	CO4	Có khả năng làm việc và thảo luận nhóm trong quá trình học tập	PO11, PO12, PO14.
Năng lực tự chủ và trách nhiệm			
MT5	CO5	Rèn luyện các phẩm chất đạo đức cá nhân: trung thực, cần trọng, chính xác, khách quan, có ý thức học tập phát triển nghề nghiệp suốt đời	PO21

6. Nội dung tóm tắt của học phần

Học phần Sinh lý cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về chức năng, hoạt động của các cơ quan trong cơ thể người như sinh lý máu, sinh lý của các hệ cơ quan bao gồm hệ tuần hoàn, hô hấp, tiêu hóa, thần kinh, giác quan, tiết niệu, nội tiết, sinh dục.

7. Phương pháp, hình thức tổ chức dạy học

Phương pháp, hình thức tổ chức dạy học	Mục đích	CDR của HP đạt được
Thuyết trình	Cung cấp cho sinh viên hệ thống kiến thức nền tảng của môn học một cách khoa học, logic.	CO1, CO2, CO5
Thảo luận	Thông qua việc hỏi đáp giữa giáo viên và sinh viên để làm rõ các nội dung kiến thức trong môn học.	CO1, CO2, CO3, CO4, CO5
Thực hành	Giúp sinh viên hiểu rõ và biết vận dụng các nội dung môn học vào các vấn đề thực tiễn.	CO1, CO2, CO3, CO4, CO5
Nghiên cứu bài học, đọc tài liệu tham khảo	Giúp người học tăng cường năng lực tự học, tự nghiên cứu.	CO1, CO2, CO3, CO4, CO5

8. Nhiệm vụ của sinh viên

- Dự lớp: đọc trước giáo trình, phát hiện vấn đề, nghe giảng, nêu các câu hỏi và tham gia thảo luận về các vấn đề do giáo viên và sinh viên khác đặt ra.
- Nghiên cứu: đọc tài liệu tham khảo, tham gia thuyết trình.
- Thảo luận tổ hoặc thuyết trình tại lớp do giảng viên phân công.
- Thực hành để củng cố kiến thức (lý thuyết) đã được học.
- Tham khảo các tài liệu do giảng viên hướng dẫn.
- Tự học, tự nghiên cứu ở nhà những vấn đề đã được nghe giảng tại lớp.

9. Đánh giá kết quả học tập của sinh viên (thang điểm 10)

TT	Hình thức	Trọng số (%)	Tiêu chí đánh giá	CDR của HP	Điểm tối đa
1	Chuyên cần	10	- Tính chủ động, mức độ tích cực chuẩn bị bài và tham gia các hoạt động trong giờ học - Thời gian tham dự buổi học bắt buộc	CO3, CO4, CO5	5 5
2	Thực hành	15	Chất lượng sản phẩm giao nộp	CO1, CO2, CO3, CO4, CO5	10
3	Bài kiểm tra định kỳ	25	Theo đáp án, thang điểm của giảng viên	CO1, CO2, CO3, CO4, CO5	10
4	Thi kết thúc HP	50	Theo đáp án, thang điểm của giảng viên	CO1, CO2, CO3, CO4, CO5	10

10. Học liệu

10.1. Tài liệu học tập

[1] Bộ môn Sinh lý –Sinh lý bệnh Đại học Nam Cần Thơ (2018), *Sinh lý học*, Thư viện Đại học Nam Cần Thơ.

10.2. Tài liệu tham khảo

[2]. Phạm Thị Minh Đức (2011), Sinh lý học, Nhà xuất bản Y học.

[3]. Phan Ngọc Tiến (2020), Sinh lý học y khoa, Đại học Quốc gia Tp. Hồ Chí Minh.

[4]. Phạm Thị Minh Đức (2022), Sinh lý học, Nhà xuất bản Y học.

[5]. Nguyễn Thị Lệ (2019), Giáo trình thực hành sinh lý học, Đại học Quốc gia Tp. Hồ Chí Minh.

11. Nội dung chi tiết học phần

Tuần	Nội dung	Số tiết	Tài liệu	CĐR của HP	
1	Đo huyết áp động mạch gián tiếp	5	[1],[2],[5]	CO3, CO5	CO4,
2	Phân tích huyết đồ	5	[1],[2],[5]	CO3, CO5	CO4,
3	Xác định nhóm máu hệ ABO và Rh	5	[1],[2],[5]	CO3, CO5	CO4,
4	Nghiệm pháp dung nạp Glucose đường uống	5	[1],[2],[5]	CO3, CO5	CO4,
5	Hệ số thanh lọc	5	[1],[2],[5]	CO3, CO5	CO4,
6	Hô hấp ký	5	[1],[2],[5]	CO3, CO5	CO4,

12. Cơ sở và thiết bị

- Phòng học thực hành có đầy đủ trang thiết bị cho học tập theo dự trù

TRƯỞNG KHOA
(ký tên)



TS. BSCKII. THÁI VIẾT TĂNG

P. TRƯỞNG BỘ MÔN
(ký tên)



Hoàng Thủy Anh

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

1. Thông tin về học phần

Tên học phần: Thực hành dược khoa (dược liệu)

Mã học phần: 0102000555

Số tín chỉ: 01 tín chỉ

Tổng số tiết quy chuẩn: 30 tiết

Phân bố thời gian:

Tổng thời gian học của sinh viên	Giờ trên lớp				Tổng thời gian học trên lớp và tự học
	L	T	P	O	
L = Lý thuyết					
T = Bài tập					
P = Thực hành	0	0	30	0	30+60=90
O = Thảo luận/seminar					

Loại học phần: Bất buộc.

Học phần tiền quyết: Thực vật dược.

Học phần học trước: Thực vật dược.

Học phần học song hành: Không

Ngôn ngữ giảng dạy: Tiếng Việt Tiếng Anh

Đơn vị phụ trách: Bộ môn Dược liệu - Thực vật dược.

2. Thông tin về các giảng viên

Giảng viên Bộ môn Dược liệu - Thực vật dược - khoa Dược phụ trách.

3. Mục tiêu của học phần (ký hiệu MT)

* Về kiến thức

MT1. Mô tả được đặc điểm hình thái và sự phân bố của cây thuốc để tránh nhầm lẫn khi sử dụng.

MT2. Trình bày được bộ phận dung và cách che bền để không làm ảnh hưởng hoạt chất và không gây độc với nhưng được liệu cơ đoc.

MT3. Trình bày được thành phần hóa học chính và công dụng, cách dùng của cây thuốc.

** Về kỹ năng*

MT4. Nhận biết được 100 được liệu thông dụng và nắm được những kiến thức cơ bản của được liệu.

** Về năng lực tự chủ và trách nhiệm*

MT5. Có khả năng làm việc nhóm.

MT6. Xác định được vị trí, tầm quan trọng của học phần Thực hành dược khoa (dược liệu) trong ngành Dược.

4. Mức đóng góp của học phần cho chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo

Học phần (HP) đóng góp cho chuẩn đầu ra (CĐR) của chương trình đào tạo (CTĐT), ta ký hiệu là PO, theo mức độ sau:

0 – Không đóng góp; 1 = Mức thấp; 2 = Mức trung bình; 3 = Mức cao

Mã HP	Tên HP	Mức độ đóng góp của học phần cho CĐR của CTĐT								
		PO1	PO2	PO3	PO4	PO5	PO6	PO7	PO8	PO9
0102 0005 55	Thực hành	0	0	0	0	1	1	1	0	0
	dược	PO10	PO11	PO12	PO13	PO14	PO15	PO16	PO17	
	khóa (dược liệu)	0	0	1	1	0	0	0	1	

5. Chuẩn đầu ra của học phần (ký hiệu CO)

Mục tiêu HP	CĐR của HP	Nội dung CĐR của học phần Hoàn thành học phần này, sinh viên đạt được:	CĐR của CTĐT
Kiến thức			
MT1	CO1	Trình bày được đặc điểm của các nhóm thuốc	PO5, PO6

		được phân loại dựa vào tác dụng chính của thuốc: thuốc giải nhiệt, thanh nhiệt, hành khí	
MT2	CO2	Biết cách phân tích và xây dựng một phương thuốc dựa vào vai trò của các vị thuốc trong phương thuốc.	PO5, PO6
MT3	CO3	Hướng dẫn sử dụng được các vị thuốc theo lý luận y học cổ truyền.	PO5, PO6
Kỹ năng			
MT4	CO4	Nhận biết được các vị thuốc cơ trong nội dung thực hành	PO7, PO12, PO13
MT5	CO5	Thực hiện được kỹ thuật hao chế vài dạng thuốc cổ truyền	PO7, PO12, PO13
Năng lực tự chủ và trách nhiệm			
MT6	CO6	Coi trọng việc phát triển thuốc từ dược liệu gần với hao về tại nguyên, môi trường.	PO17

6. Nội dung tóm tắt của học phần

Học phần này cung cấp cho người học các kiến thức và kỹ năng về nhận thức được liệu, thực hiện được một số phản ứng định tính sơ bộ nhưng được liệu thông dụng, và áp dụng vào thực tiễn các hoạt động trong lĩnh vực chiết xuất dược liệu, sản xuất thuốc từ dược liệu, quản lý và ứng dụng các nguyên liệu làm thuốc có nguồn gốc từ dược liệu

7. Phương pháp, hình thức tổ chức dạy học

Phương pháp, hình thức tổ chức dạy học	Mục đích	CĐR của HP đạt được
Thực hành	Giúp sinh viên nhận biết được các dược liệu thông dụng, biết được tên Việt Nam, tên khoa học, bộ phận dùng, thành phần hóa học, cách dùng của một số dược liệu.	CO1, CO2, CO3, CO4
Nghiên cứu hai học, đọc tài liệu tham khảo	Giúp người học tăng cường năng lực tự học, tự nghiên cứu	CO5, CO6

8. Nhiệm vụ của sinh viên

- Dự lớp: đọc trước hai giảng.
- Nghiên cứu: đọc tài liệu tham khảo
- Tham khảo các tài liệu do giảng viên hướng dẫn.
- Tự học, tự nghiên cứu ở nhà những vấn đề đã được nghe giảng tại lớp.

9. Đánh giá kết quả học tập của sinh viên (thang điểm 10)

TT	Hình thức	Trọng số (%)	Tiêu chí đánh giá	CĐR của HP	Điểm tối đa
1	Kiểm tra đầu giờ	30	* Sinh viên làm một hai kiểm tra cá nhân - Tiêu chí đánh giá hai kiểm tra (giảng viên nêu cụ thể)	CO2, CO3, CO4	10
2	Kiểm tra cuối giờ	20	* Sinh viên nhận thực dược liệu * Sinh viên làm một hai kiểm tra cá nhân. - Tiêu chí đánh giá hai kiểm tra (giảng viên nêu cụ thể)	CO2, CO3, CO4	10
3	Kiểm tra hết môn	50	Kiểm tra hết môn + Hình thức kiểm tra: tự luận + Tiêu chí đánh giá hai thi: Theo đáp án của giảng viên ra đề	CO2, CO3, CO4	10

10. Học liệu

10.1 Tài liệu học tập

[1] Trường Đại học Nam Cần Thơ (2022), *Giáo trình nhận thực dược liệu*

10.2. Tài liệu tham khảo

[2] Võ Văn Chi (2012), *Từ Điển Cây thuốc Việt Nam tập 1*, Nhà xuất bản Y học

[3] Võ Văn Chi (2012), *Từ Điển Cây thuốc Việt Nam tập 2*, Nhà xuất bản Y học

[4] Trương Thị Đẹp (2016), *Thực vật dược*, Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam.

[5] Trần Hưng (2021), *Nhận thực cây thuốc và dược liệu*, Nhà xuất bản Y học.

[6] Đỗ Tất Lợi (2014), *Những cây thuốc và vị thuốc Việt Nam*, Nhà xuất bản Hồng Đức.

11. Nội dung chi tiết của học phần

Tuần	Nội dung	Tài liệu	CĐR của HP
1	Đọc viết tên 1 a tỉnh + Dược liệu nhóm cam sít, nhuan trắng, giun san.	[1]	CO1, CO2, CO3, CO4, CO5, CO6

2	Dược liệu nhóm hô hấp, ho hen, phụ nữ, kháng sinh – mụn nhọt.		CO1, CO2, CO3, CO4, CO5, CO6
3	Dược liệu nhóm kích thích tiêu hóa, tri tiêu chảy	[1]	CO1, CO2, CO3, CO4, CO5, CO6
4	Dược liệu nhóm bổ dưỡng, phong thấp, đau nhức	[1]	CO1, CO2, CO3, CO4, CO5, CO6
5	Dược liệu nhóm lợi tiểu, gan, mật, tim mạch – huyết áp – tiểu đường, an thần	[1]	CO1, CO2, CO3, CO4, CO5, CO6
6	Kiểm tra kết thúc môn	[1]	CO1, CO2, CO3, CO4, CO5, CO6

12. Cơ sở và thiết bị

Phòng học thực hành có hàng lớn, phấn, máy chiếu.

- Phòng thực hành có đầy đủ các vị thuốc cần thiết như: Bình vôi, Man kinh tỳ, Bạch chi, Gừng, Nghệ.

TRƯỞNG KHOA


TS. Thái Thị Liên

TRƯỞNG BỘ MÔN


TS. Thái Thị Liên

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

1. Thông tin về học phần

Tên học phần: Thực hành dược khoa Bào chế

Mã học phần: 0102000556

Số tín chỉ: 01

Tổng số tiết quy chuẩn: 30

Phân bổ thời gian:

Tổng thời gian học của sinh viên	Giờ trên lớp				Tổng thời gian học trên lớp và tự học
	L	T	P	O	
L = Lý thuyết T = Bài tập P = Thực hành O = Thảo luận/seminar	0	0	30	0	30 + 60=90

Loại học phần: Bắt buộc

Học phần tiên quyết: Không

Học phần học trước: Không

Học phần học song hành: Không

Ngôn ngữ giảng dạy: Tiếng Việt Tiếng Anh

2. Thông tin về các giảng viên:

Giảng viên Bộ môn Bào chế – Công nghiệp dược

3. Mục tiêu của học phần (kí hiệu MT):

* Về kiến thức

MT1: Có kiến thức chuyên môn cơ bản về bào chế

MT2: Biết các kỹ thuật cân, đo lường thể tích, nghiền trộn, hòa tan, lọc trong bào chế

MT3: Biết vai trò và cách sử dụng các dụng cụ cơ bản trong bào chế

Về kỹ năng

MT4: Thực hiện đúng các kỹ thuật cân, đo lường thể tích, nghiền trộn, hòa tan, lọc trong bào chế

MT5: Thực hiện thao tác đúng với các dụng cụ cơ bản trong bảo chế

MT6: Phân tích và pha chế một số dạng bào chế đơn giản.

Về năng lực tự chủ và trách nhiệm

MT7: Hiểu và thực hiện đúng các quy định về đạo đức nghề nghiệp, quy định về hoạt động chuyên môn.

MT8: Làm việc độc lập và làm việc theo nhóm trong điều kiện làm việc thay đổi, chịu trách nhiệm cá nhân và trách nhiệm đối với nhóm, thể hiện được quan điểm cá nhân trước các vấn đề cần giải quyết.

MT9: Nhận thức được nhu cầu và có khả năng lập kế hoạch học tập suốt đời.

4. Mức đóng góp của học phần cho chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo

Học phần đóng góp cho chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo (PO) theo mức độ sau:

0 = Không đóng góp; 1 = Mức thấp; 2 = Mức trung bình; 3 = Mức cao

Mã HP	Tên HP	Mức độ đóng góp của học phần cho CDR của CTĐT								
		PO1	PO2	PO3	PO4	PO5	PO6	PO7	PO8	PO9
0102 0005 56	Thực hành được khoa Bảo chế									
		0	0	0	3	1	1	3	1	2
		PO10	PO11	PO12	PO13	PO14	PO15	PO16	PO17	
		1	0	1	1	0	0	1	0	

5. Chuẩn đầu ra của học phần (CO)

Mục tiêu HP	CDR của HP	Nội dung CDR của học phần Hoàn thành học phần này, sinh viên đạt được:	CDR của CTĐT
Kiến thức			
MT1	CO1	Có kiến thức chuyên môn cơ bản về bào chế	PO7
MT1	CO2	Biết các kỹ thuật cân, đo lường thể tích, nghiền trộn, hòa tan, lọc trong bào chế	PO7
MT3	CO3	Biết vai trò và cách sử dụng các dụng cụ cơ bản trong bào chế	PO8, PO16
Kỹ năng			
MT4	CO4	Thực hiện đúng các kỹ thuật cân, đo lường thể tích, nghiền trộn, hòa tan, lọc trong bào chế	PO7
MT5	CO5	Thực hiện thao tác đúng với các dụng cụ cơ bản trong bào chế	PO7, PO8

MT6	CO6	Phân tích và pha chế một số dạng bào chế đơn giản.	PO8
Năng lực tự chủ và trách nhiệm			
MT7	CO7	Hiểu và thực hiện đúng các quy định về đạo đức nghề nghiệp, quy định về hoạt động chuyên môn.	PO16
MT8	CO8	Làm việc độc lập và làm việc theo nhóm trong điều kiện làm việc thay đổi, chịu trách nhiệm cá nhân và trách nhiệm đối với nhóm, thể hiện được quan điểm cá nhân trước các vấn đề cần giải quyết	PO17
MT9	CO9	Nhận thức được nhu cầu và có khả năng lập kế hoạch học tập suốt đời	PO17

6. Nội dung tóm tắt của học phần

Môn học trang bị cho sinh viên kiến thức cơ bản về bào chế, về các kỹ thuật và công dụng, cách sử dụng các dụng cụ cơ bản trong bào chế. Vận dụng các kỹ thuật bào chế cơ bản, lựa chọn dụng cụ để bào chế các dạng thuốc đơn giản.

7. Phương pháp, hình thức tổ chức dạy học

Phương pháp, hình thức tổ chức dạy học	Mục đích	CĐR của HP đạt được
Hướng dẫn	Thông qua việc hỏi đáp giữa giáo viên và sinh viên để làm rõ các nội dung kiến thức trong môn học.	CO1, CO2, CO3, CO7
Thực hành	Giúp sinh viên hiểu rõ, rèn luyện các kỹ năng và biết vận dụng các nội dung môn học	CO4, CO5, CO6, CO7
Nghiên cứu bài học, đọc tài liệu tham khảo	Giúp người học tăng cường năng lực tự học, tự nghiên cứu.	CO8, CO9

8. Nhiệm vụ của sinh viên

- Dự lớp: đọc trước giáo trình, phát hiện vấn đề, nghe giảng, nêu các câu hỏi và tham gia thảo luận về các vấn đề do giáo viên và sinh viên khác đặt ra.
- Nghiên cứu: đọc tài liệu tham khảo, tham gia thuyết trình.
- Tự học, tự nghiên cứu ở nhà những vấn đề đã được nghe giảng tại lớp.

9. Đánh giá kết quả học tập của sinh viên (thang điểm 10)

TT	Hình thức	Trọng số (%)	Tiêu chí đánh giá	CDR của HP	Điểm tối đa
1	Chuyên cần	20	- Tính chủ động, mức độ tích cực chuẩn bị bài và tham gia các hoạt động trong giờ học - Thời gian tham dự buổi học bắt buộc	CO1, CO2, CO3, CO4	10
2	Bài phức trình cá nhân	30	Chất lượng sản phẩm giao nộp	CO5, CO6, CO7	10
4	Thi kết thúc HP	50	Theo đáp án, thang điểm của giảng viên	CO6, CO7, CO8, CO9	10

10. Học liệu

10.1. Tài liệu học tập

[1]. Bộ môn Bào chế - Công nghiệp dược, Trường Đại học Nam Cần Thơ (2020), Bài giảng *Thực hành dược khoa Bào chế*.

10.2. Tài liệu tham khảo

[2]. Bào chế và sinh dược học, GS.TS Lê Quan Nghiệm, PGS.TS. Huỳnh Văn Hóa (chủ biên), Giáo dục Việt Nam 2010. 615.1 Ngh304/T.2.

[3]. Võ Xuân Minh, Phạm Ngọc Bùng (chủ biên) (2016), *Kỹ thuật bào chế và sinh dược học các dạng thuốc*. T1, NXB Y Học.


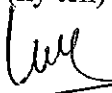
11. Nội dung chi tiết học phần

Tuần	Nội dung	Số tiết	Tài liệu	CDR của HP
1	Kỹ thuật cân	5	[1] Bài 1. Trang 1-8.	CO1, CO2
	Nhận biết về các dạng thuốc		[1] Bài 10. Trang 28-30	CO1, CO9
2	Kỹ thuật nghiền tán	5	[1] Bài 2. Trang 10-11.	CO2, CO3, CO4
	Thuốc mỡ Benzo-sali		[1] Bài 3. Trang 12-13.	CO2, CO3, CO5
3	Thuốc bột paracetamol	5	[1] Bài 4. Trang 14	CO2, CO3, CO5

	Công nghệ		[1] Bài 5. Trang 15	CO2, CO3, CO5
4	Kỹ thuật đo lường thể tích và sử dụng dụng cụ pha chế	5	[1] Bài 6. Trang 16-19	CO2, CO3, CO5
	Nước rửa chén		[1] Bài 7. Trang 20	CO5, CO6, CO8
5	Kỹ thuật hòa tan và lọc	5	[1] Bài 8. Trang 21 - 25	CO5, CO6, CO8
	Dung dịch labarraque		[1] Bài 9. Trang 26 - 27	CO5, CO6, CO8
6	Kiểm tra thực hành	5		

12. Yêu cầu của giảng viên đối với học phần

- Phòng thí nghiệm có bảng lớn, máy chiếu.
- Phương tiện: Đầy đủ hóa chất và dụng cụ thực hành.

<p>P. TRƯỞNG KHOA (ký tên)</p>  <hr/> <p>ThS. Nguyễn Ngọc Lê</p>		<p>BỘ MÔN (ký tên)</p>  <hr/> <p>ThS. Nguyễn Ngọc Lê</p>
--	--	--

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

1. Thông tin về học phần

Tên học phần: Thực vật dược

Mã học phần: 0102000564

Số tín chỉ: 02 tín chỉ

Tổng số tiết quy chuẩn: 30

Phân bổ thời gian:

Tổng thời gian học của sinh viên	Giờ lên lớp				Tổng thời gian học trên lớp và tự học
L = Lý thuyết	L	T	P	O	30 + 60 = 90
T = Bài tập	30	0	0	0	
P = Thực hành					
O = Thảo luận/Seminar					

Loại học phần: bắt buộc

Học phần tiên quyết: Sinh học đại cương

Học phần học trước: Không

Học phần học song hành: Không

Ngôn ngữ giảng dạy: Tiếng Việt

Đơn vị phụ trách: Bộ môn Dược liệu – Thực vật dược

2. Thông tin về các giảng viên

Giảng viên Bộ môn Dược liệu – Thực vật dược

3. Mục tiêu của học phần (kí hiệu MT)

*** Về kiến thức**

MT1: Hiểu được cấu trúc và chức năng của các thành phần trong cấu tạo tế bào thực vật

MT2: Hiểu được cấu trúc, chức năng các loại mô thực vật.

MT3: Hiểu được hình thái và giải phẫu của các cơ quan rễ, thân, lá, hoa, quả, hạt.

MT4: Hiểu và vận dụng được nguyên tắc chung và phương pháp để phân loại thực vật.

MT5: Hiểu được đặc điểm của ngành Quyết, ngành Rêu, ngành Ngọc lan...

** Về kỹ năng*

MT6: Vẽ được các loại tế bào và mô thực vật

MT7: Thực hiện cắt, nhuộm và phân tích được các đặc điểm về hình thái, giải phẫu của rễ, thân, lá, hoa, quả và hạt.

MT8: Phân tích sự khác nhau giữa cấu tạo sơ cấp và cấu tạo thứ cấp của các cơ quan sinh dưỡng của cây.

MT9: Viết được hoa thức và vẽ hoa đồ.

** Về năng lực tự chủ và trách nhiệm*

MT10: Có khả năng làm việc độc lập và làm việc nhóm

MT11: Nhận thức được tầm quan trọng của môn học để làm nền tảng học các học phần tiếp theo như dược liệu 1, dược liệu 2...

4. Mức đóng góp của học phần cho chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo

Học phần đóng góp cho chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo (PO) theo mức độ sau:

0 = Không đóng góp; 1 = Mức thấp; 2 = Mức trung bình; 3 = Mức cao

Mã HP	Tên HP	Mức độ đóng góp của học phần cho CĐR của CTĐT						
		PO1	PO2	PO3	PO4	PO5	PO6	PO7
000564	Thực vật dược	0	0	0	1	0	0	1
		PO8	PO9	PO10	PO11	PO12	PO13	PO14
		0	0	0	0	1	0	0
		PO15	PO16	PO17				
		1	1	1				

5. Chuẩn đầu ra của học phần (CO)

Mục tiêu HP	CĐR của HP	Nội dung CĐR của học phần	CĐR của CTĐT
Kiến thức			

MT1	CO1	Hiểu được cấu trúc và chức năng của các thành phần trong cấu tạo tế bào thực vật	PO4
MT2	CO2	Hiểu được cấu trúc, chức năng các loại mô thực vật.	PO4
MT3	CO3	Hiểu được hình thái và giải phẫu của các cơ quan rễ, thân, lá, hoa, quả, hạt.	PO4
MT4	CO4	Hiểu và vận dụng được nguyên tắc chung và phương pháp để phân loại thực vật.	PO4
MT5	CO5	Hiểu được đặc điểm của ngành Quyết, ngành Rêu, ngành Ngọc lan...	PO4
Kỹ năng			
MT6	CO6	Vẽ được các loại tế bào và mô thực vật	PO7, PO12
MT7	CO7	Thực hiện cắt, nhuộm và phân tích được các đặc điểm về hình thái, giải phẫu của rễ, thân, lá, hoa, quả và hạt.	PO7, PO12
MT8	CO8	Phân tích sự khác nhau giữa cấu tạo sơ cấp và cấu tạo thứ cấp của các cơ quan sinh dưỡng của cây.	PO7, PO12
MT9	CO9	Viết được hoa thức và vẽ hoa đồ.	PO7, PO12
Năng lực tự chủ và trách nhiệm			
MT1 0	CO1 0	Có khả năng làm việc độc lập và làm việc nhóm	PO15, PO16
MT1 1	CO1 1	Nhận thức được tầm quan trọng của môn học để làm nền tảng học các học phần tiếp theo như dược liệu 1, dược liệu 2...	PO17

6. Nội dung tóm tắt của học phần

Gồm 03 chương, 11 bài. Thực vật dược ứng dụng các kiến thức cơ bản của Thực vật học vào ngành Dược để nghiên cứu về đặc điểm hình thái, cấu tạo giải phẫu, sự sinh trưởng các cơ quan sinh dưỡng (rễ, thân, lá) và cơ quan sinh sản (hoa, quả, hạt) của thực vật dùng làm thuốc. Đồng thời cung cấp cho sinh viên cách đọc, viết đúng tên

khoa học của cây thuốc, phương pháp làm tiêu bản thực vật để nghiên cứu cấu tạo giải phẫu.

7. Phương pháp, hình thức tổ chức dạy học

Phương pháp, hình thức tổ chức dạy học	Mục đích	CĐR của HP đạt được
Thuyết trình	Cung cấp cho sinh viên hệ thống kiến thức nền tảng của môn học một cách khoa học, logic.	CO1, CO2, CO3, CO4, CO5
Thảo luận	Thông qua việc hỏi đáp giữa giáo viên và sinh viên để làm rõ các nội dung kiến thức trong môn học.	CO1, CO2, CO3, CO4, CO5
Nghiên cứu bài học, đọc tài liệu tham khảo	Giúp người học tăng cường năng lực tự học, tự nghiên cứu.	CO1, CO2, CO3, CO4, CO5
Thực hành	Giúp người học rèn luyện tính cẩn thận, chính xác, tỉ mỉ và phân tích được các vấn đề trong lý thuyết	CO6, CO7, CO8, CO9, CO10, CO11

8. Nhiệm vụ của sinh viên

- Dự lớp: đọc trước giáo trình, phát hiện vấn đề, nghe giảng.
- Nghiên cứu: đọc tài liệu tham khảo, tham gia thuyết trình.
- Thảo luận theo nhóm các vấn đề liên quan đến bài học; tham gia đóng góp ý kiến, xây dựng bài tại lớp
- Tham khảo các tài liệu do giảng viên hướng dẫn.
- Tự học, tự nghiên cứu ở nhà những vấn đề đã được nghe giảng tại lớp.

9. Đánh giá kết quả học tập của sinh viên (thang điểm 10)

TT	Hình thức	Trọng số (%)	Tiêu chí đánh giá	CĐR của HP	Điểm tối đa
1		10	- Tính chủ động, mức độ tích cực chuẩn bị bài và tham gia các hoạt động trong giờ học	CO1, CO2, CO3,	10

	cán			CO4, CO5	
		10	- Thời gian tham dự buổi học bắt buộc, vắng không quá 20% số tiết học. Tùy số tiết vắng, GV quyết định số điểm theo tỷ lệ vắng	CO1, CO2, CO3, CO4, CO5	10
2	Kiểm tra giữa kỳ	30	- Sinh viên làm một bài kiểm tra cá nhân - Tiêu chí đánh giá bài kiểm tra (giảng viên nêu cụ thể)	CO1, CO2, CO3	10
3	Thi kết thúc HP	50	- Thi kết thúc học phần + Hình thức thi: trắc nghiệm + Tiêu chí đánh giá bài thi: theo đáp án của giảng viên ra đề	CO1, CO2, CO3, CO4, CO5	10

10. Học liệu

10.1. Tài liệu học tập

[1] Đỗ Văn Mai và Đỗ Lê Anh Thư – Giáo trình Thực vật dược - Trường Đại học Nam Cần Thơ (2024).

[2] Thái Thị Cẩm và Vũ Mạnh Hùng – Giáo trình thực hành Thực vật dược- Trường Đại học Nam Cần Thơ (2022).

10.2. Tài liệu tham khảo

[3] Trương Thị Đẹp (2016), *Thực vật dược*, Nhà xuất bản Y học

11. Nội dung chi tiết học phần

Tuần	Nội dung	Tài liệu	CĐR của HP
1 - 2	Bài 1. Tế bào thực vật Bài 2. Mô thực vật	[1] (Trang 1) [1] (Trang 35)	CO1, CO2
3	Bài 3. Rễ cây	[1] (Trang 56)	CO3
4	Bài 4. Thân cây	[1] (Trang 66)	CO3

Tuần	Nội dung	Tài liệu	CDR của HP
5	Bài 5. Lá cây	[1] (Trang 78)	CO3
6-7	Bài 6. Sự sinh sản của thực vật Bài 7. Hoa Bài 8. Quả Bài 9. Hạt	[1] (Trang 92) [1] (Trang 95) [1] (Trang 118) [1] (Trang 126)	CO3
8 9 10	Bài 10. Danh pháp và bậc phân loại thực vật. Bài 11. Ngành Ngọc lan: Lớp Ngọc lan ; Lớp Hành	[1] (Trang 135) [1] (Trang 144)	CO4 CO5

12. Cơ sở và thiết bị

- Phòng học có bảng lớn, phấn, micro, máy chiếu và loa
- Phòng thực hành có đầy đủ hóa chất và trang thiết bị như: Vert iod, Đỏ carmin, Acid acetic, nước Javel, lưỡi lame, lame, lamelle, kính hiển vi,...

P. KHOA DƯỢC

lme
ThS. Nguyễn Ngọc Lê

BỘ MÔN

lme
Chai Chi Cẩm

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

1. Thông tin về học phần

Tên học phần: Thực vật dược-Thực hành

Mã học phần: 0102000565

Số tín chỉ: 01 tín chỉ

Tổng số tiết quy chuẩn: 30

Phân bổ thời gian:

Tổng thời gian học của sinh viên	Giờ lên lớp				Tổng thời gian học trên lớp và tự học
L = Lý thuyết	L	T	P	O	30 + 60 = 90
T = Bài tập	0	0	30	0	
P = Thực hành					
O = Thảo luận/Seminar					

Loại học phần: bắt buộc

Học phần tiên quyết: Sinh học đại cương

Học phần học trước: Không

Học phần học song hành: Không

Ngôn ngữ giảng dạy: Tiếng Việt

Đơn vị phụ trách: Bộ môn Dược liệu - Thực vật dược - Dược học cổ truyền

2. Thông tin về các giảng viên

Giảng viên Bộ môn Dược liệu - Thực vật dược - Dược học cổ truyền

3. Mục tiêu của học phần (kí hiệu MT)

* Về kiến thức

MT1: Hiểu được cấu trúc và chức năng của các thành phần trong cấu tạo tế bào thực vật

MT2: Hiểu được cấu trúc, chức năng các loại mô thực vật.

MT3: Hiểu được hình thái và giải phẫu của các cơ quan rễ, thân, lá, hoa, quả, hạt.

MT4: Hiểu và vận dụng được nguyên tắc chung và phương pháp để phân loại thực vật.

MT5: Hiểu được đặc điểm của ngành Quyết, ngành Rêu, ngành Ngọc lan...

** Về kỹ năng*

MT6: Vẽ được các loại tế bào và mô thực vật

MT7: Thực hiện cắt, nhuộm và phân tích được các đặc điểm về hình thái, giải phẫu của rễ, thân, lá, hoa, quả và hạt.

MT8: Phân tích sự khác nhau giữa cấu tạo sơ cấp và cấu tạo thứ cấp của các cơ quan sinh dưỡng của cây.

MT9: Viết được hoa thức và vẽ hoa đồ.

** Về năng lực tự chủ và trách nhiệm*

MT10: Có khả năng làm việc độc lập và làm việc nhóm

MT11: Nhận thức được tầm quan trọng của môn học để làm nền tảng học các học phần tiếp theo như được liệu 1, được liệu 2...

4. Mức đóng góp của học phần cho chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo

Học phần đóng góp cho chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo (PO) theo mức độ sau:

0 = Không đóng góp; 1 = Mức thấp; 2 = Mức trung bình; 3 = Mức cao

Mã HP	Tên HP	Mức độ đóng góp của học phần cho CDR của CTĐT						
		PO1	PO2	PO3	PO4	PO5	PO6	PO7
010200 0565	Thực vật được	0	0	0	1	0	0	1
		PO8	PO9	PO10	PO11	PO12	PO13	PO14
		0	0	0	0	1	0	0
		PO15	PO16	PO17				
		1	1	1				

5. Chuẩn đầu ra của học phần (CO)

Mục tiêu HP	CDR của HP	Nội dung CDR của học phần	CDR của CTĐT
Kiến thức			
MT1	CO1	Hiểu được cấu trúc và chức năng của các thành phần trong cấu tạo tế bào thực vật	PO4

MT2	CO2	Hiểu được cấu trúc, chức năng các loại mô thực vật.	PO4
MT3	CO3	Hiểu được hình thái và giải phẫu của các cơ quan rễ, thân, lá, hoa, quả, hạt.	PO4
MT4	CO4	Hiểu và vận dụng được nguyên tắc chung và phương pháp để phân loại thực vật.	PO4
MT5	CO5	Hiểu được đặc điểm của ngành Quyết, ngành Rêu, ngành Ngọc lan...	PO4
Kỹ năng			
MT6	CO6	Vẽ được các loại tế bào và mô thực vật	PO7, PO12
MT7	CO7	Thực hiện cắt, nhuộm và phân tích được các đặc điểm về hình thái, giải phẫu của rễ, thân, lá, hoa, quả và hạt.	PO7, PO12
MT8	CO8	Phân tích sự khác nhau giữa cấu tạo sơ cấp và cấu tạo thứ cấp của các cơ quan sinh dưỡng của cây.	PO7, PO12
MT9	CO9	Viết được hoa thức và vẽ hoa đồ.	PO7, PO12
Năng lực tự chủ và trách nhiệm			
MT1 0	CO1 0	Có khả năng làm việc độc lập và làm việc nhóm	PO15, PO16
MT1 1	CO1 1	Nhận thức được tầm quan trọng của môn học để làm nền tảng học các học phần tiếp theo như dược liệu 1, dược liệu 2...	PO17

6. Nội dung tóm tắt của học phần

Thực vật dược ứng dụng các kiến thức cơ bản của Thực vật học vào ngành Dược để nghiên cứu về đặc điểm hình thái, cấu tạo giải phẫu, sự sinh trưởng các cơ quan sinh dưỡng (rễ, thân, lá) và cơ quan sinh sản (hoa, quả, hạt) của thực vật dùng làm thuốc. Đồng thời cung cấp cho sinh viên cách đọc, viết đúng tên khoa học của cây thuốc, phương pháp làm tiêu bản thực vật để nghiên cứu cấu tạo giải phẫu.

7. Phương pháp, hình thức tổ chức dạy học

Phương pháp, hình thức tổ chức dạy học	Mục đích	CDR của HP đạt được
Thuyết trình	Cung cấp cho sinh viên hệ thống kiến thức nền tảng của môn học một cách khoa học, logic.	CO1, CO2, CO3, CO4, CO5
Thảo luận	Thông qua việc hỏi đáp giữa giáo viên và sinh viên để làm rõ các nội dung kiến thức trong môn học.	CO1, CO2, CO3, CO4, CO5
Nghiên cứu bài học, đọc tài liệu tham khảo	Giúp người học tăng cường năng lực tự học, tự nghiên cứu.	CO1, CO2, CO3, CO4, CO5
Thực hành	Giúp người học rèn luyện tính cẩn thận, chính xác, tỉ mỉ và phân tích được các vấn đề trong lý thuyết	CO6, CO7, CO8, CO9, CO10, CO11

8. Nhiệm vụ của sinh viên

- Dự lớp: đọc trước giáo trình, phát hiện vấn đề, nghe giảng.
- Nghiên cứu: đọc tài liệu tham khảo, tham gia thuyết trình.
- Thảo luận theo nhóm các vấn đề liên quan đến bài học; tham gia đóng góp ý kiến, xây dựng bài tại lớp
- Tham khảo các tài liệu do giảng viên hướng dẫn.
- Tự học, tự nghiên cứu ở nhà những vấn đề đã được nghe giảng tại lớp.

9. Đánh giá kết quả học tập của sinh viên (thang điểm 10)

TT	Hình thức	Trọng số (%)	Tiêu chí đánh giá	CDR của HP	Điểm tối đa
1	Bài báo cáo	50	- Vẽ sơ đồ cấu tạo vi phẫu - Viết hoa thức, vẽ hoa đồ - Tiêu chí đánh giá bài báo cáo (giảng viên nêu cụ thể)	CO6, CO7, CO8, CO9, CO10, CO11	10
	Kiểm tra		- Cắt, nhuộm, phân tích và vẽ hình	CO6, CO7, CO8, CO9,	10

2	kết thúc HP	50	- Tiêu chí đánh giá bài kiểm tra (giảng viên nêu cụ thể)	CO10, CO11	
---	-------------	----	--	------------	--

10. Học liệu

10.1. Tài liệu học tập

[1] Thái Thị Cẩm và Vũ Mạnh Hùng – Giáo trình thực hành Thực vật dược- Trường Đại học Nam Cần Thơ (2022).

10.2. Tài liệu tham khảo

[3] Trương Thị Đẹp (2016), *Thực vật dược*, Nhà xuất bản Y Học

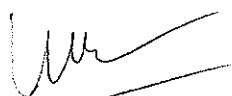
11. Nội dung chi tiết học phần

Tuần	Nội dung	Tài liệu	CDR của HP
1	Tế bào và mô	[2] (Trang 4,7)	CO6, CO10, CO11
2	Rễ cây	[2] (Trang 12)	CO7, CO8, CO10, CO11
3	Thân cây	[2] (Trang 14,15)	CO7, CO8, CO10, CO11
4	Lá cây	[2] (Trang 17)	CO7, CO8, CO10, CO11
5	Hoa	[2] (Trang 19)	CO7, CO9, CO10, CO11
6	Kiểm tra kết thúc học phần		

12. Cơ sở và thiết bị

- Phòng học có bảng lớn, phấn, micro, máy chiếu và loa
- Phòng thực hành có đầy đủ hóa chất và trang thiết bị như: Vert iod, Đỏ carmin, Acid acetic, nước Javel, lưỡi lame, lame, lamelle, kính hiển vi,...

KHOA DƯỢC



BỘ MÔN



ĐỀ CƯƠNG HỌC PHẦN

1. Thông tin về học phần

Tên học phần: Vi sinh

Mã học phần: 0102000567

Số tín chỉ: 2 tín chỉ

Tổng số tiết quy chuẩn: 30 tiết

Phân bố thời gian:

Tổng thời gian học của sinh viên	Giờ trên lớp				Tổng thời gian học trên lớp và tự học
L - Lý thuyết	L	T	P	Q	20 + 10 + 60 = 90
T = Bài tập					
P - Thực hành	20	0	0	10	
Q - Thảo luận/seminar					

Loại học phần: Bắt buộc

Học phần tiền quyết: Sinh học đại cương

Học phần học trước:

Học phần học song hành:

Nguồn ngữ giảng dạy: Tiếng Việt Tiếng Anh:

2. Đơn vị phụ trách: Bộ môn Vi sinh - kỹ sinh

3. Mục tiêu của học phần (kí hiệu MT):

* Về kiến thức

MT1: Trình bày được cấu tạo tế bào vi khuẩn, virus.

MT2: Trình bày được đặc điểm sinh lý, sinh hóa và di truyền tế bào vi sinh vật

MT3: Trình bày được đặc điểm và ứng dụng của miễn dịch trong chẩn đoán và điều trị bệnh nhiễm khuẩn

MT4: Trình bày được đặc điểm sinh học, khả năng gây bệnh, phương pháp chẩn đoán và phòng một số bệnh nhiễm khuẩn thường gặp

* Về kỹ năng

MT5: Thực hành sử dụng kính hiển vi và cách làm tiêu bản hiển vi

MT6: Thực hành các thao tác trong labo vi sinh để chẩn đoán một số chủng vi sinh vật phổ biến

***Về năng lực tự chủ và trách nhiệm**

MT7: Có khả năng làm việc độc lập và làm việc nhóm, có đạo đức nghề nghiệp và có khả năng sáng tạo trong công việc.

MT8: Tích cực trong việc học tập, tỉ mỉ, cẩn thận trong thực hành thao tác, tự nghiên cứu

4. **Mức đóng góp của học phần cho chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo**

Học phần đóng góp cho chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo (PO) theo mức độ sau:

0 = Không đóng góp; 1 = Mức thấp; 2 = Mức trung bình; 3 = Mức cao

Mã HP	Tên HP	Mức độ đóng góp của học phần cho CDR của CTĐT								
		PO1	PO2	PO3	PO4	PO5	PO6	PO7	PO8	PO9
0102000 567	Vi sinh	0	0	0	2	0	1	2	0	0
		PO10	PO11	PO12	PO13	PO14	PO15	PO16	PO17	
		1	1	1	1	1	0	1	1	

5. **Chuẩn đầu ra của học phần (CO)**

Mục tiêu HP	CDR của HP	Nội dung CDR của học phần Hoàn thành học phần này, sinh viên đạt được:	CDR của CTĐT
Kiến thức			
MT1	CO1	Trình bày được cấu tạo tế bào vi khuẩn, virus.	PO4, PO6
MT2	CO2	Trình bày được đặc điểm sinh lý, sinh hóa và di truyền tế bào vi sinh vật	PO4, PO6
MT3	CO3	Trình bày được đặc điểm và ứng dụng của miễn dịch trong chẩn đoán và điều trị bệnh nhiễm khuẩn	PO4, PO6
MT4	CO4	Trình bày được đặc điểm sinh học, khả năng gây bệnh, phương pháp chẩn đoán và phòng một số bệnh nhiễm khuẩn thường gặp	PO4, PO6
Kỹ năng			
MT5 MT6	CO5	Thực hành sử dụng kính hiển vi và cách làm tiêu bản hiển vi Thực hành các thao tác trong labo vi sinh để chẩn đoán một số chủng vi sinh vật phổ biến	PO07, PO10, PO11, PO12, PO13, PO14

Năng lực tự chủ và trách nhiệm			
MT7 MT8	CO6	Có khả năng làm việc độc lập và làm việc nhóm, có đạo đức nghề nghiệp và có khả năng sáng tạo trong công việc. Tích cực trong việc học tập, tỉ mỉ, cẩn thận trong thực hành thao tác, tự nghiên cứu	PO16, PO17

6. Nội dung tóm tắt của học phần

Học phần vì sinh cung cấp cho sinh viên những kiến thức về cấu tạo, đặc điểm sinh hóa, sinh lý và di truyền của vi sinh vật. Đặc điểm, khả năng gây bệnh một số vi khuẩn, virus thường gặp.

7. Phương pháp, hình thức tổ chức dạy học

Phương pháp, hình thức tổ chức dạy học	Mục đích	CBĐ của HP đạt được
Thuyết trình	Cung cấp cho sinh viên hệ thống kiến thức nền tảng của môn học một cách khoa học, logic.	CO1, CO2, CO3, CO4
Thảo luận	Thông qua việc hỏi đáp giữa giảng viên và sinh viên để làm rõ các nội dung kiến thức trong môn học.	CO1, CO2, CO3, CO4
Nghiên cứu bài học, đọc tài liệu tham khảo	Giúp người học tăng cường năng lực tự học, tự nghiên cứu.	CO6

8. Nhiệm vụ của sinh viên

- Dự lớp: đọc trước giáo trình, phát hiện vấn đề, nghe giảng, nêu các câu hỏi và tham gia thảo luận về các vấn đề do giảng viên và sinh viên khác đặt ra
- Nghiên cứu: đọc tài liệu tham khảo, tham gia thuyết trình
- Thảo luận tổ hoặc thuyết trình tại lớp do giảng viên phân công
- Thực hành để củng cố kiến thức (lý thuyết) đã được học.
- Tham khảo các tài liệu do giảng viên hướng dẫn
- Tự học, tự nghiên cứu ở nhà nhưng vấn đề đã được nghe giảng tại lớp

9. Đánh giá kết quả học tập của sinh viên (thang điểm 10)

TT	Hình thức	Trọng số (%)	Tiêu chí đánh giá	CBĐ của HP	Điểm tối đa
----	-----------	--------------	-------------------	------------	-------------

1	Chuyên cần	20	<ul style="list-style-type: none"> Tính chủ động, mức độ tích cực chuẩn bị bài và tham gia các hoạt động trong giờ học Thời gian tham dự buổi học bất học 	CO1, CO2, CO3, CO4, CO5, CO6	10
3	Hai kiểm tra định kỳ	30	Theo đáp án, thang điểm của giảng viên	CO1, CO2, CO3, CO4, CO5, CO6	10
4	Thi kết thúc HP	50	Theo đáp án, thang điểm của giảng viên	CO1, CO2, CO3, CO4, CO5, CO6	10

10. Học liệu

10.1. Tài liệu học tập

[1] Nguyễn Huỳnh Bích Liễu (2022). *Vi sinh: Giáo trình lý thuyết*, Thư viện Đại học Nam Cần Thơ.

[2] Nguyễn Huỳnh Bích Liễu (2022). *Vi sinh: Giáo trình thực hành*, Thư viện Đại học Nam Cần Thơ.

10.2. Tài liệu tham khảo

[3] Cao Văn Thu (2015). *Vi sinh vật học*. Bộ Y tế, NXB Giáo Dục.

11. Nội dung chi tiết học phần

Tuần	Nội dung	Số tiết	Tài liệu	CĐR của HP
1	<p>1. Nhiệm vụ, đối tượng nghiên cứu và quá trình phát triển của vi sinh vật.</p> <p>2. Hình thái và cấu tạo tế bào vi sinh vật</p>	3		
	<p>Nắm được đối tượng và nhiệm vụ của vi sinh vật học.</p> <ul style="list-style-type: none"> Thấy được vai trò lịch sử của việc phát hiện ra vi sinh vật. Xác định được vị trí của vi sinh vật trong sinh giới. Biết cách phân loại vi khuẩn. Vẽ được cấu trúc một tế bào vi khuẩn, nêu những họ phân hạt 		[1], [3]	CO1, CO2, CO3, CO4, CO6

	<p>hước và không bắt hước</p> <ul style="list-style-type: none"> - Phân biệt được cấu trúc thành tế bào vi khuẩn Gram (+) và thành tế bào vi khuẩn Gram (-). - Kể được các nhiệm vụ của mỗi bộ phận trong cấu trúc tế bào vi khuẩn - Ứng dụng để nuôi dưỡng và diệt tế bào vi khuẩn. 			
2	3. Sinh lý vi sinh vật	3		
	<ul style="list-style-type: none"> - Biết được các nhu cầu dinh dưỡng và yếu tố tăng trưởng của vi khuẩn. - Biết trình bày cách tăng trưởng, hiệu đo tăng trưởng của vi khuẩn và các phương pháp đo sự tăng trưởng. - Nêu được các yếu tố môi trường chính ảnh hưởng đến các sự tăng trưởng dân số; phân biệt các nhóm vi sinh vật theo nhiệt độ, pH và oxy. - Biết cách kiểm soát sự tăng trưởng của vi khuẩn. - Nắm được các ứng dụng trong nghiên cứu, chẩn đoán, công nghệ vi sinh. 		[1], [3]	CO1, CO2, CO3, CO4, CO6
3	4. Virus gây bệnh	3		
	<ul style="list-style-type: none"> - Trình bày được cấu trúc và phân loại virus - Trình bày được các giai đoạn, đặc điểm sinh sản ở virus ADN, ARN và retrovirus. - Trình bày được các phương pháp phát hiện virus - Trình bày được một số bệnh gây bởi virus, phương pháp phòng bệnh và điều trị 		[1], [3]	CO1, CO2, CO3, CO4, CO6

4	5. Nhiễm trùng và độc lực của vi sinh vật	3		
	<ul style="list-style-type: none"> - Trình bày khái niệm nhiễm trùng và các hình thái nhiễm trùng - Trình bày các yếu tố tạo nên độc lực vi khuẩn. - Phân tích và so sánh được các phương thức truyền nhiễm. - Nêu các tác hại và biện pháp phòng chống nhiễm trùng. 		[1], [3]	CO1, CO2, CO3, CO4, CO6
5	6. Phản ứng huyết thanh	3		
	<ul style="list-style-type: none"> - Hiểu được ý nghĩa của các phản ứng huyết thanh học - Nêu được đặc điểm của các phản ứng huyết thanh học - Nêu nguyên tắc và ứng dụng của các phản ứng huyết thanh học. 		[1], [3]	CO1, CO2, CO3, CO4, CO6
6	7. Vaccin và huyết thanh	3		
	<ul style="list-style-type: none"> - Nêu được nguyên lý của vaccin và phân loại vaccin. - Nêu được nguyên tắc sử dụng vaccin - Trình bày nguyên lý và nguyên tắc sử dụng huyết thanh miễn dịch 		[1], [3]	CO1, CO2, CO3, CO4, CO6
7	8. Các căn khuẩn gây bệnh	3		
	<ul style="list-style-type: none"> - Mô tả được tính chất vi sinh vật và khả năng gây bệnh của các căn khuẩn gây bệnh - Trình bày được phương pháp chẩn đoán vi khuẩn học của các căn khuẩn gây bệnh - Nêu được các nguyên tắc phòng ngừa và điều trị bệnh 		[1], [3]	CO1, CO2, CO3, CO4, CO6
8	9. Họ vi khuẩn đường ruột (Enterobacteriaceae)	3		

	<ul style="list-style-type: none"> - Mô tả được tính chất vi sinh vật và khả năng gây bệnh của họ vi khuẩn đường ruột. - Trình bày được phương pháp chẩn đoán vi khuẩn học của các vi khuẩn gây bệnh - Nêu được các nguyên tắc phòng ngừa và điều trị bệnh 		[1], [3]	CO1, CO2, CO3, CO4, CO6
9	<p>10. Vi khuẩn dịch hạch</p> <p>11. <i>Vibrio cholerae</i></p> <p>12. <i>Hemophilus influenzae</i>,</p> <p>13. <i>Bordetella pertussis</i></p> <p>14. <i>Pseudomonas aeruginosa</i></p> <p>15. <i>Corynebacterium diphtheriae</i></p>	3		
	<ul style="list-style-type: none"> • Mô tả được tính chất và hình dạng của vi khuẩn. • Nêu được cách thức lây truyền của vi khuẩn • Trình bày được kỹ thuật chẩn đoán vi khuẩn gây bệnh • Nêu được các nguyên tắc phòng ngừa và điều trị bệnh 		[1], [3]	CO1, CO2, CO3, CO4, CO6
10	<p>16. <i>Mycobacteriac-ae</i></p> <p>17. Các xoắn khuẩn gây bệnh</p> <p>18. <i>Rickettsia</i>, 19. <i>Mycoplasma</i></p> <p>20. <i>Chlamydia</i></p>	3		
	<ul style="list-style-type: none"> • Mô tả được tính chất và hình dạng của vi khuẩn. • Nêu được cách thức lây truyền của vi khuẩn. • Trình bày được kỹ thuật chẩn đoán vi khuẩn gây bệnh. • Nêu được các nguyên tắc phòng ngừa và điều trị bệnh 		[1], [3]	CO1, CO2, CO3, CO4, CO6

12. Cơ sở và thiết bị

- Phòng học có hàng lớn, máy chiếu

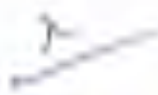
- Phương tiện: tang am

 **TRƯỜNG KHOA**
(ky ten)



TS. Thái Thị Liên

 **TRƯỜNG BỘ MÔN**
(ky ten)



Nguyễn Hùng Anh

ĐỀ CƯƠNG HỌC PHẦN

1. Thông tin về học phần

Tên học phần: Vi sinh – thực hành

Mã học phần: 0102000942

Số tín chỉ: 01 tín chỉ

Tổng số tiết quy chuẩn: 30 tiết

Phân bổ thời gian:

Tổng thời gian học của sinh viên	Giờ trên lớp				Tổng thời gian học trên lớp và tự học
	L	T	P	O	
L = Lý thuyết T = Bài tập P = Thực hành O = Thảo luận/seminar	0	0	20	10	20 + 10 + 60 = 90

Loại học phần: Bắt buộc

Học phần tiên quyết: Sinh học đại cương

Học phần học trước:

Học phần học song hành:

Ngôn ngữ giảng dạy: Tiếng Việt Tiếng Anh

2. Đơn vị phụ trách: Bộ môn Vi sinh - ký sinh

3. Mục tiêu của học phần (kí hiệu MT):

* Về kiến thức

MT1: Trình bày được các kỹ thuật tiêu bản vi sinh, các phương pháp nhuộm vi khuẩn.

MT2: Nêu được sự khác biệt giữa hình thái vi khuẩn sau khi nhuộm Gram.

MT3: Trình bày được sự khác nhau giữa các phản ứng sinh hóa.

* Về kỹ năng

MT4: Thực hành sử dụng kính hiển vi và cách làm tiêu bản hiển vi.

MT5: Thực hành các thao tác trong labo vi sinh để chẩn đoán một số chủng vi sinh vật phổ biến.

MT6: Phân tích những đặc điểm, nguyên tắc của kháng sinh đồ.

MT7: Nắm vững phương pháp phân lập và xác định vi khuẩn, cách làm và đọc kết quả kháng sinh đồ.

***Về năng lực tự chủ và trách nhiệm**

MT8: Có khả năng làm việc độc lập và làm việc nhóm, có đạo đức nghề nghiệp và có khả năng sáng tạo trong công việc.

MT9: Tích cực trong việc học tập, tỉ mỉ, cẩn thận trong thực hành thao tác, tự nghiên cứu.

4. Mức đóng góp của học phần cho chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo

Học phần đóng góp cho chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo (PO) theo mức độ sau:

0 = Không đóng góp; 1 = Mức thấp; 2 = Mức trung bình; 3 = Mức cao

Mã HP	Tên HP	Mức độ đóng góp của học phần cho CDR của CTĐT									
		PO1	PO2	PO3	PO4	PO5	PO6	PO7	PO8	PO9	PO10
0102000 942	Vi sinh - thực hành.	0	0	0	2	0	1	2	0	0	0
		PO10	PO11	PO12	PO13	PO14	PO15	PO16	PO17		
		1	0	1	1	1	0	1	1		

5. Chuẩn đầu ra của học phần (CO)

Mục tiêu HP	CDR của HP	Nội dung CDR của học phần Hoàn thành học phần này, sinh viên đạt được:	CDR của CTĐT
Kiến thức			
MT1	CO1	Trình bày được các kỹ thuật tiêu bản vi sinh, các phương pháp nhuộm vi khuẩn.	PO4, PO6
MT2	CO2	Nêu được sự khác biệt giữa hình thái vi khuẩn sau khi nhuộm Gram.	PO4, PO6
MT3	CO3	Trình bày được sự khác nhau giữa các phản ứng sinh hóa.	PO4, PO6
Kỹ năng			
MT4 MT5	CO4	Thực hành sử dụng kính hiển vi và cách làm tiêu bản hiển vi Thực hành các thao tác trong labo vi sinh để chẩn đoán một số chủng vi sinh vật phổ biến	PO07, PO10
MT6 MT7	CO5	Phân tích những đặc điểm, nguyên tắc của kháng sinh đồ.	PO07, PO10, PO12, PO13, PO14

		Nắm vững phương pháp phân lập và xác định vi khuẩn, cách làm và đọc kết quả kháng sinh đồ.	
Năng lực tự chủ và trách nhiệm			
MT8 MT9	CO6	Có khả năng làm việc độc lập và làm việc nhóm, có đạo đức nghề nghiệp và có khả năng sáng tạo trong công việc. Tích cực trong việc học tập, tỉ mỉ, cẩn thận trong thực hành thao tác, tự nghiên cứu	PO16, PO17

6. Nội dung tóm tắt của học phần

Học phần vi sinh – thực hành cung cấp cho sinh viên những kiến thức về cấu tạo, đặc điểm sinh hóa, sinh lý và di truyền của vi sinh vật. Đặc điểm một số vi khuẩn, virus thường gặp. Trong quá trình thực hành, sinh viên được sử dụng kính hiển vi và cách làm tiêu bản hiển vi, thực hành các thao tác trong labo vi sinh để chẩn đoán một số chủng vi sinh vật phổ biến. Phân tích những đặc điểm, nguyên tắc của kháng sinh đồ. Nắm vững phương pháp phân lập và xác định vi khuẩn, cách làm và đọc kết quả kháng sinh đồ.

7. Phương pháp, hình thức tổ chức dạy học

Phương pháp, hình thức tổ chức dạy học	Mục đích	CDR của HP đạt được
Báo cáo, thảo luận nhóm	Thông qua việc hỏi đáp giữa giáo viên và sinh viên để làm rõ các nội dung kiến thức trong môn học.	CO1, CO2, CO3
Thực hành	Giúp sinh viên hiểu rõ và biết vận dụng các nội dung môn học vào các vấn đề thực tiễn.	CO4, CO5
Nghiên cứu bài học, đọc tài liệu tham khảo	Giúp người học tăng cường năng lực tự học, tự nghiên cứu.	CO6

8. Nhiệm vụ của sinh viên

- Dự lớp: đọc trước giáo trình, phát hiện vấn đề, nghe giảng, nêu các câu hỏi và tham gia thảo luận về các vấn đề do giáo viên và sinh viên khác đặt ra. Thực hiện các thao tác trên kính hiển vi và chuẩn bị mẫu vi khuẩn, kháng sinh đồ.
- Nghiên cứu: đọc tài liệu tham khảo, tham gia thuyết trình.
- Thảo luận, báo cáo nhóm, viết bài báo cáo.
- Thực hành để củng cố kiến thức (lý thuyết) đã được học.
- Tham khảo các tài liệu do giảng viên hướng dẫn.

Tự học; tự nghiên cứu ở nhà những vấn đề đã được nghe giảng tại lớp.

9. Đánh giá kết quả học tập của sinh viên (thang điểm 10)

TT	Hình thức	Trọng số (%)	Tiêu chí đánh giá	CĐR của HP	Điểm tối đa
Đánh giá quá trình (trọng số 50%)					
1	Báo cáo	30	Hình thức và nội dung bài báo cáo	CO1, CO2, CO3	10
2	Thái độ	20	Quá trình thực hiện các thao tác thực hành trong phòng thí nghiệm	CO4, CO5, CO6	10
Kiểm tra kết thúc học phần (trọng số 50%)					
3	Thực hành	50	Thực hiện được làm tiêu bản và nhuộm vi khuẩn. Xác định được các loài vi khuẩn phân lập. Thực hiện được các phản ứng sinh hóa. Mô tả được hình dạng nhóm vi khuẩn và loài vi khuẩn phân lập Thực hiện cách làm và đọc kết quả kháng sinh đồ.	CO4, CO5	10

10. Học liệu

10.1. Tài liệu học tập

[1] Nguyễn Huỳnh Bích Liễu (2022), *Vi sinh. Bài giảng thực hành*.

10.2. Tài liệu tham khảo

[2] Cao Văn Thu, 2015, *Vi sinh vật học*. Bộ Y tế, NXB Giáo Dục.

11. Nội dung chi tiết học phần

Tuần	Nội dung	Số tiết	Tài liệu	CĐR của HP
1	1. Kỹ thuật tiêu bản vi sinh vật -- Các phương pháp nhuộm vi khuẩn. 2. Cách cấy, bảo quản và vận chuyển bệnh phẩm	5		
	1. Sinh viên nắm được các phương pháp làm tiêu bản vi sinh vật. 2. Sinh viên nắm được nguyên tắc nhuộm vi khuẩn. 3. Sinh viên thực hiện làm tiêu bản và nhuộm vi khuẩn.		[1], [2]	CO1, CO2, CO3, CO4, CO5, CO6

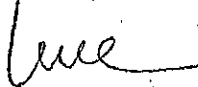
	<ol style="list-style-type: none"> 1. Sinh viên nắm được nguyên tắc thu nhận bệnh phẩm. 2. Sinh viên biết cách thu nhận, bảo quản và vận chuyển bệnh phẩm. 			
2	<ol style="list-style-type: none"> 3. Các phương pháp phân lập và xác định vi khuẩn. 4. Phản ứng sinh hóa. 	5		
	<ol style="list-style-type: none"> 1. Sinh viên nhận biết được các loại môi trường nuôi cấy vi khuẩn 2. Sinh viên thực hiện kỹ thuật cấy và phân lập vi khuẩn. 3. Sinh viên thực hiện tiêu bản quan sát sự di động, hình thái vi khuẩn sau khi nhuộm Gram. 4. Sinh viên xác định vi khuẩn phân lập. <ol style="list-style-type: none"> 1. Sinh viên nắm được nguyên tắc các phản ứng sinh hóa. 2. Sinh viên thực hiện phản ứng sinh hóa xác định đặc tính của vi khuẩn. 		[1], [2]	CO1, CO2, CO3, CO4, CO5, CO6
3	<ol style="list-style-type: none"> 5. Kháng sinh đồ. 	5		
	<ol style="list-style-type: none"> 1. Sinh viên hiểu được các khái niệm MIC, nhạy cảm, nhạy cảm trung gian, đề kháng của vi khuẩn đối với kháng sinh 2. Sinh viên nắm được nguyên tắc, cách làm và cách đọc kết quả kháng sinh đồ theo phương pháp Kirby-Bauer 3. Thực hành làm kháng sinh đồ theo phương pháp Kirby-Bauer và đọc kết quả. 		[1], [2]	CO1, CO2, CO3, CO4, CO5, CO6
4	<ol style="list-style-type: none"> 6. Chẩn đoán tự cầu gây bệnh. 	5		
	<ol style="list-style-type: none"> 1. Sinh viên biết cách lấy bệnh phẩm cổ họng. 2. Sinh viên phân lập tách rời khóm trên các môi trường. 		[1], [2]	CO1, CO2, CO3, CO4, CO5, CO6

	<p>3. Sinh viên nhận được khóm của một số vi khuẩn gây bệnh.</p> <p>4. Sinh viên nhuộm gram, mô tả hình dạng, kích thước của mỗi loại khóm, làm phản ứng phân biệt.</p> <p>5. Sinh viên kết luận được tụ cầu gây bệnh.</p>			
5	7. Chẩn đoán liên cầu. Chẩn đoán phẩy khuẩn tả.	5		
	<p>1. Biết cách lấy bệnh phẩm cổ họng và mẫu phân.</p> <p>2. Phân lập tách rời khóm trên các môi trường.</p> <p>3. Nhận được khóm của một số vi khuẩn gây bệnh cổ họng và bệnh tả.</p> <p>4. Nhuộm đúng gram, mô tả hình dạng, kích thước của mỗi loại khóm, làm phản ứng phân biệt.</p> <p>5. Kết luận được vi khuẩn gây cổ họng và bệnh tả.</p>		[1], [2]	CO1, CO2, CO3, CO4, CO5, CO6
6	8. Chẩn đoán huyết thanh học và các bệnh nhiễm virus.	5		
	<p>1. Sinh viên nắm được một số kỹ thuật chẩn đoán huyết thanh.</p> <p>2. Sinh viên nắm được một số phương pháp chẩn đoán virus.</p>		[1], [2]	CO1, CO2, CO3, CO4, CO5, CO6

12. Cơ sở và thiết bị

- Phòng học có bảng lớn, máy chiếu
- Phương tiện: Kính hiển vi, lam, môi trường thạch, tử cây, kháng sinh, que cấy.

P. TRƯỞNG KHOA
(ký tên)



ThS. Nguyễn Ngọc Lê

P. TRƯỞNG BỘ MÔN
(ký tên)


Nguyễn Hằng Anh

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

1. Thông tin về học phần

Tên học phần: Giải phẫu

Mã học phần: 010200467

Số tín chỉ: 2

Tổng số tiết quy chuẩn: 30

Phân bổ thời gian:

Tổng thời gian học của sinh viên	Giờ lên lớp				Tổng thời gian học trên lớp và tự học
L = Lý thuyết	L	T	P	O	30 + 60 = 90
T = Bài tập	30	0	0	0	
P = Thực hành					
O = Thảo luận/Seminar					

Loại học phần: bắt buộc

Học phần tiên quyết: Không

Học phần học trước: Không

Học phần học song hành: Không

Ngôn ngữ giảng dạy: Tiếng Việt

2. Đơn vị phụ trách: Bộ môn Giải phẫu

3. Mục tiêu của học phần (kí hiệu MT)

+ Về kiến thức

MT1: Mô tả được vị trí, hình thể, liên quan, bó mạch, thần kinh của hệ thống các cơ quan trong cơ thể.

MT2: Vận dụng được các kiến thức đã học về giải phẫu vào trong các môn y học khác và gợi mở các kiến thức thực hành lâm sàng

+ Về kỹ năng

MT3: Chỉ được đầy đủ các chi tiết giải phẫu chính của hệ thống các cơ quan trong cơ thể người bình thường.

MT4: Chỉ được các thành phần chính trên người sống, hình vẽ và trên các mô hình - tiêu bản chi tiết giải phẫu đã được học.

+ Về năng lực tự chủ và trách nhiệm

MT5: Có khả năng làm việc độc lập, làm việc nhóm.

MT6: Rèn luyện tính cẩn thận, tỉ mỉ, chính xác.

4. Mức đóng góp của học phần cho chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo

Học phần đóng góp cho chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo (PO) theo mức độ sau:

0 = Không đóng góp; 1 = Mức thấp; 2 = Mức trung bình; 3 = Mức cao

Mã HP	Tên HP	Mức độ đóng góp của học phần cho CĐR của CTĐT								
		PO1	PO2	PO3	PO4	PO5	PO6	PO7	PO8	PO9
00467	Giải Phẫu	0	0	0	1	0	0	0	1	0
		PO10	PO11	PO12	PO13	PO14	PO15	PO16	PO17	
		0	1	1	1	1	0	1	1	

5. Chuẩn đầu ra của học phần (CO)

Mục tiêu HP	CĐR của HP	Nội dung CĐR của học phần Hoàn thành học phần này, sinh viên đạt được:	CĐR của CTĐT
Kiến thức			
MT1	CO1	Trình bày được hình thái giải phẫu của các hệ cơ quan trong cơ thể.	PO4, PO8, PO11, PO12, PO13, PO14
Kỹ năng			
MT2	CO2	Xác định được các chi tiết thuộc các hệ cơ quan trong cơ thể	PO4, PO8, PO11, PO12, PO13, PO14
Năng lực tự chủ và trách nhiệm			
MT3	CO3	Trung thực, khách quan, có tinh thần trách nhiệm cao trong công việc.	PO16, PO17
MT4	CO4	Có tinh thần cầu tiến, nâng cao trình độ chuyên môn.	PO16, PO17
MT5	CO5	Có khả năng làm việc độc lập, làm việc nhóm. Đoàn kết, giúp đỡ đồng nghiệp trong công việc.	PO16, PO17

6. Nội dung tóm tắt của học phần

Học phần bệnh học cung cấp cho sinh viên các kiến thức về giải phẫu, mô tả các chi tiết hình thái và chức năng của các hệ cơ quan bên trong cơ thể.

7. Phương pháp, hình thức tổ chức dạy học

Phương pháp, hình thức tổ chức dạy học	Mục đích	CDR của HP đạt được
Thuyết trình	Cung cấp cho sinh viên hệ thống kiến thức nền tảng của môn học một cách khoa học, logic.	CO1, CO2
Thảo luận bài học	Thông qua việc hỏi đáp giữa giáo viên và sinh viên để làm rõ các nội dung kiến thức trong môn học.	CO1, CO2, CO3
Nghiên cứu bài học, đọc tài liệu tham khảo	Giúp người học tăng cường năng lực tự học, tự nghiên cứu.	CO1, CO2, CO3, CO4, CO5

8. Nhiệm vụ của sinh viên

- Dự lớp: đọc trước giáo trình, phát hiện vấn đề, nghe giảng.
- Nghiên cứu: đọc tài liệu tham khảo, tham gia thuyết trình.
- Thảo luận theo nhóm các vấn đề liên quan đến bài học; tham gia đóng góp ý kiến, xây dựng bài tại lớp
- Tham khảo các tài liệu do giảng viên hướng dẫn.
- Tự học, tự nghiên cứu ở nhà những vấn đề đã được nghe giảng tại lớp.

9. Đánh giá kết quả học tập của sinh viên (thang điểm 10)

TT	Hình thức	Trọng số (%)	Tiêu chí đánh giá	CDR của HP	Điểm tối đa
1	Chuyên cần	10	- Tính chủ động, mức độ tích cực chuẩn bị bài và tham gia các hoạt động trong giờ học	CO1, CO2, CO3, CO4, CO5	10
		10	- Thời gian tham dự buổi học bắt buộc, vắng không quá 20% số tiết học. Tùy số tiết vắng, GV quyết định số điểm theo tỷ lệ vắng	CO1, CO2, CO3, CO4, CO5	10
2	Kiểm tra giữa kỳ	30	- Sinh viên làm một bài kiểm tra cá nhân - Tiêu chí đánh giá bài kiểm tra (giảng viên nêu cụ thể)	CO1, CO2, CO3, CO4, CO5	10
3	Thi kết thúc HP	50	- Thi kết thúc học phần + Hình thức thi: trắc nghiệm + Tiêu chí đánh giá bài thi: theo đáp án của giảng viên ra đề	CO1, CO2, CO3, CO4, CO5	10

10. Học liệu

[1] Frank H. Netter, MD (2018), Atlas giải phẫu người, Nhà xuất bản Y học.

[2] Trần Sinh Vương, Vũ Bá Anh (2018), Giải phẫu hệ thống : Dùng cho sinh viên cử nhân y học, Nhà xuất bản Y học.

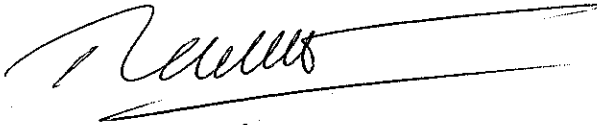
11. Nội dung chi tiết học phần

Tuần	Nội dung	Tài liệu	CDR của học phần
1.	Chương 1. Giải phẫu hệ xương	[2], [3]	CO1, CO2, CO3, CO4, CO5
2.	Chương 2. Giải phẫu hệ cơ	[2], [3]	CO1, CO2, CO3, CO4, CO5
3.	Chương 3. Giải phẫu hệ tuần hoàn	[2], [3]	CO1, CO2, CO3, CO4, CO5
4.	Chương 4. Giải phẫu hệ hô hấp	[2], [3]	CO1, CO2, CO3, CO4, CO5
5.	Chương 5. Giải phẫu hệ tiêu hóa	[1], [3]	CO1, CO2, CO3, CO4, CO5
6.	Chương 6. Giải phẫu hệ tiết niệu	[1], [3]	CO1, CO2, CO3, CO4, CO5
7.	Chương 7. Giải phẫu hệ sinh dục	[1], [3]	CO1, CO2, CO3, CO4, CO5
8.	Chương 8. Giải phẫu hệ thần kinh	[1], [3]	CO1, CO2, CO3, CO4, CO5
9.	Chương 9. Giải phẫu hệ nội tiết	[1], [3]	CO1, CO2, CO3, CO4, CO5
10	Chương 10. Giải phẫu hệ giác quan	[1], [3]	CO1, CO2, CO3, CO4, CO5

12. Cơ sở và thiết bị

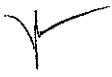
- Phòng học có bảng lớn, máy chiếu
- Phương tiện: tăng âm

TRƯỞNG KHOA
(ký tên)



TS. BSKII. THÁI VIẾT TĂNG

TRƯỞNG BỘ MÔN
(ký tên)



Quách Võ Bích Thuận

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

1. Thông tin về học phần

Tên học phần: Sinh lý bệnh và miễn dịch

Mã học phần: 0102000536

Số tín chỉ: 2

Tổng số tiết quy chuẩn: 30

Phân bổ thời gian:

Tổng thời gian học của sinh viên	Giờ trên lớp				Tổng thời gian học trên lớp và tự học
L = Lý thuyết	L	T	P	O	
T = Bài tập					
P = Thực hành	30	0	0	0	30 + 60 = 90
O = Thảo luận/seminar					

Loại học phần: Bắt buộc

Học phần tiên quyết: sinh lý

Học phần học trước: giải phẫu

Học phần học song hành: Không

Ngôn ngữ giảng dạy: Tiếng Việt Tiếng Anh:

Đơn vị phụ trách: Bộ môn Sinh lý - Sinh lý bệnh

2. Thông tin giảng viên: GV Bộ môn Sinh lý - Sinh lý bệnh

3. Mục tiêu của học phần (kí hiệu MT):

*** Về kiến thức**

MT1: Trình bày được các khái niệm cơ bản về quá trình bệnh lý, về bệnh nguyên-bệnh sinh, về các quy luật cơ bản của sinh lý người trong trạng thái bị bệnh

MT2: Trình bày được cơ chế rối loạn chuyển hóa glucid, lipid, chuyển hóa nước-điện giải, rối loạn thân nhiệt, cơ chế sinh lý bệnh quá trình viêm.

MT3: Trình bày được bệnh nguyên, cơ chế bệnh sinh, biểu hiện của các rối loạn ở hệ cơ quan hô hấp, tuần hoàn, tiêu hóa, tiết niệu.

MT4: Trình bày được các cơ chế miễn dịch tự nhiên và thu được của cơ thể, đặc điểm của kháng nguyên, kháng thể, quá mẫn, dị ứng, cytokin và hệ thống bổ thể.

- Về kỹ năng

MT5: Có khả năng tư duy làm việc và thảo luận nhóm trong quá trình học tập

- Về năng lực tự chủ và trách nhiệm

MT6: Rèn luyện các phẩm chất đạo đức cá nhân: trung thực, cẩn trọng, chính xác, khách quan, có ý thức học tập phát triển nghề nghiệp suốt đời

4. Mức đóng góp của học phần cho chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo

Học phần đóng góp cho chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo (PO) theo mức độ sau:

0 = Không đóng góp; 1 = Mức thấp; 2 = Mức trung bình; 3 = Mức cao

Mã HP	Tên HP	Mức độ đóng góp của học phần cho CĐR của CTĐT								
		PO1	PO2	PO3	PO4	PO5	PO6	PO7	PO8	PO9
000536	Sinh lý bệnh	0	0	0	1	0	0	0	2	0
		PO10	PO11	PO12	PO13	PO14	PO15	PO16	PO17	
		1	1	1	1	1	0	1	1	

5. Chuẩn đầu ra của học phần (CO)

Mục tiêu HP	CĐR của HP	Nội dung CĐR của học phần Hoàn thành học phần này, sinh viên đạt được:	CĐR của CTĐT
Kiến thức			
MT1	CO1	Trình bày được các khái niệm cơ bản về quá trình bệnh lý, về bệnh nguyên – bệnh sinh, về các quy luật cơ bản của sinh lý người trong trạng thái bị bệnh	PO4, PO6
MT2	CO2	Trình bày được cơ chế rối loạn chuyển hóa glucid, lipid, chuyển hóa nước – điện giải, rối loạn thân nhiệt, cơ chế sinh lý bệnh quá trình viêm	PO4, PO6
MT3	CO3	Trình bày được bệnh nguyên, cơ chế bệnh sinh, biểu hiện của các rối loạn ở hệ cơ quan hô hấp, tuần hoàn, tiêu hóa, tiết niệu.	PO4, PO6
MT4	CO4	Trình bày được các cơ chế miễn dịch tự nhiên và thu được của cơ thể, đặc điểm của kháng nguyên, kháng thể, quá mẫn, dị ứng, cytokin và hệ thống bổ thể.	PO4, PO6
Kỹ năng			

MT5	CO5	Có khả năng làm việc và thảo luận nhóm trong quá trình học tập	PO11, PO12, PO14.
Năng lực tự chủ và trách nhiệm			
MT6	CO6	Rèn luyện các phẩm chất đạo đức cá nhân: trung thực, cẩn trọng, chính xác, khách quan, có ý thức học tập phát triển nghề nghiệp suốt đời	PO20

6. Nội dung tóm tắt của học phần

Học phần cung cấp cho sinh viên những kiến thức đại cương về sinh lý bệnh, về rối loạn chuyển hóa glucid và lipid, rối loạn chuyển hóa nước và điện giải, rối loạn thân nhiệt, sinh lý bệnh quá trình viêm, sinh lý bệnh các hệ cơ quan (hô hấp, tuần hoàn, tiêu hóa, tiết niệu). Học phần này còn cung cấp cho sinh viên những kiến thức đại cương về miễn dịch học, kháng nguyên, kháng thể, quá mẫn, dị ứng, cytokin và hệ thống bổ thể.

7. Phương pháp, hình thức tổ chức dạy học

Phương pháp, hình thức tổ chức dạy học	Mục đích	CDR của HP đạt được
Thuyết trình	Cung cấp cho sinh viên hệ thống kiến thức nền tảng của môn học một cách khoa học, logic.	CO1, CO2, CO3, CO4, CO6
Thảo luận	Thông qua việc hỏi đáp giữa giáo viên và sinh viên để làm rõ các nội dung kiến thức trong môn học.	CO1, CO2, CO3, CO4, CO5, CO6
Nghiên cứu bài học, đọc tài liệu tham khảo	Giúp người học tăng cường năng lực tự học, tự nghiên cứu.	CO1, CO2, CO3, CO4, CO6

8. Nhiệm vụ của sinh viên

- Dự lớp: đọc trước giáo trình, phát hiện vấn đề, nghe giảng, nêu các câu hỏi và tham gia thảo luận về các vấn đề do giáo viên và sinh viên khác đặt ra.
- Nghiên cứu: đọc tài liệu tham khảo, tham gia thuyết trình.
- Thảo luận tổ hoặc thuyết trình tại lớp do giảng viên phân công.
- Tham khảo các tài liệu do giảng viên hướng dẫn.
- Tự học, tự nghiên cứu ở nhà những vấn đề đã được nghe giảng tại lớp.

9. Đánh giá kết quả học tập của sinh viên (thang điểm 10)

TT	Hình thức	Trọng số (%)	Tiêu chí đánh giá	CDR của HP	Điểm tối đa
----	-----------	--------------	-------------------	------------	-------------

1	Chuyên cần	20	- Tính chủ động, mức độ tích cực chuẩn bị bài và tham gia các hoạt động trong giờ học - Thời gian tham dự buổi học bắt buộc	CO6	10
2	Bài kiểm tra định kỳ	30	Theo đáp án, thang điểm của giảng viên	CO1, CO2, CO3, CO4, CO5, CO6	10
3	Thi kết thúc HP	50	Theo đáp án, thang điểm của giảng viên	CO1, CO2, CO3, CO4, CO5, CO6	10

10. Học liệu

10.1. Tài liệu học tập

[1] Bộ môn Sinh lý – sinh lý bệnh Đại học Nam Cần Thơ (2022), *Sinh lý bệnh và miễn dịch*.

10.2. Tài liệu tham khảo

[2]. Bộ Y tế, Văn Đình Khoa (2011), *Sinh lý bệnh – Miễn dịch*, Nhà xuất bản Y học.

[3]. Nguyễn Ngọc Lanh (2021), *Sinh lý bệnh học*, Nhà xuất bản Y học.

[4]. Trần Ngọc Dung, Đỗ Hoàng Long (2020), *Miễn dịch – Sinh lý bệnh*, Nhà xuất bản Y học.

11. Nội dung chi tiết học phần

Tuần	Nội dung	Số tiết	Tài liệu	CĐR của HP
1	Đại cương về Sinh lý bệnh 1. Khái niệm về bệnh 2. Bệnh nguyên 3. Bệnh sinh	1	[1], [2]	CO1, CO2, CO3, CO4, CO5, CO6
2	Rối loạn chuyển hóa glucid 1. Đại cương về glucid 2. Điều hòa cân bằng glucose máu 3. Rối loạn chuyển hóa glucid 4. Bệnh đái tháo đường	2	[1], [2]	CO1, CO2, CO3, CO4, CO5, CO6
3	Rối loạn chuyển hóa lipid 1. Đại cương về lipid 2. Điều hòa nội tiết chuyển hóa lipid	3	[1], [2]	CO1, CO2, CO3, CO4, CO5, CO6

	3. Rối loạn chuyển hóa lipid			
4	Rối loạn chuyển hóa nước, điện giải 1. Vai trò của nước và điện giải 2. Cân bằng xuất nhập nước và điện giải 3. Rối loạn chuyển hóa nước 4. Rối loạn chuyển hóa điện giải	3	[1], [2]	CO1, CO2, CO3, CO4, CO5, CO6
5	Sinh lý bệnh quá trình viêm 1. Đại cương về quá trình viêm 2. Những biến đổi trong viêm 3. Quan hệ giữa phản ứng viêm và cơ thể	1	[2], [3]	CO1, CO2, CO3, CO4, CO5, CO6
6	Rối loạn thân nhiệt – Sốt 1. Đại cương về thân nhiệt 2. Rối loạn thân nhiệt thụ động 3. Tăng thân nhiệt chủ động - sốt	2	[2], [3]	CO1, CO2, CO3, CO4, CO5, CO6
7	Sinh lý bệnh hệ hô hấp 1. Cấu trúc, chức năng hệ hô hấp 2. Thẩm dò chức năng hô hấp 3. Thiếu oxy tế bào 4. Suy hô hấp	3	[2], [3]	CO1, CO2, CO3, CO4, CO5, CO6
8	Sinh lý bệnh hệ tuần hoàn 1. Cấu trúc, chức năng hệ	3	[1], [3]	CO1, CO2, CO3, CO4, CO5, CO6

	<p>tuần hoàn</p> <p>2. Suy tuần hoàn do tim</p> <p>3. Suy tuần hoàn do mạch</p>			
9	<p>Sinh lý bệnh hệ tiêu hóa</p> <p>1. Cấu trúc, chức năng hệ tiêu hóa</p> <p>2. Rối loạn tiêu hóa tại dạ dày</p> <p>3. Rối loạn tiêu hóa tại ruột</p>	3	[1], [3]	CO1, CO2, CO3, CO4, CO5, CO6
10	<p>Sinh lý bệnh chức năng thận</p> <p>1. Cấu trúc và chức năng thận</p> <p>2. Thay đổi ở nước tiểu và máu trong bệnh thận</p> <p>3. Bệnh lý cầu thận</p> <p>4. Bệnh lý ống thận</p> <p>5. Thăm dò chức năng trong bệnh lý thận</p>	3	[1], [3]	CO1, CO2, CO3, CO4, CO5, CO6
11	<p>Đại cương về miễn dịch học, tế bào miễn dịch và cơ quan lympho</p> <p>1. Đáp ứng miễn dịch tự nhiên</p> <p>2. Đáp ứng miễn dịch thu được</p> <p>3. Các loại tế bào miễn dịch</p> <p>4. Cơ quan lympho</p>	3	[2], [3], [4]	CO1, CO2, CO3, CO4, CO5, CO6
12	<p>Kháng nguyên - Kháng thể</p> <p>Quá mẫn – dị ứng</p> <p>1. Định nghĩa và các thuộc tính của kháng nguyên</p> <p>2. Các loại kháng nguyên</p>	2	[2], [3], [4]	CO1, CO2, CO3, CO4, CO5, CO6

	chủ yếu 3. Cấu trúc và thuộc tính sinh học của kháng thể 4. Quá mẫn – dị ứng				
13	Cytokin và hệ thống bổ thể 1. Đặc điểm và hoạt tính sinh học của các cytokin 2. Tác dụng sinh học của bổ thể 3. Các bước hoạt hóa bổ thể	1	[2], [3], [4]	CO1, CO3, CO5, CO6	CO2, CO4, CO6

12. Cơ sở và thiết bị

- Phòng học có bảng lớn, máy chiếu
- Phương tiện: tăng âm

TRƯỞNG KHOA
(ký tên)



TS.BSCKII. THÁI VIẾT TẶNG

P. TRƯỞNG BỘ MÔN
(ký tên)



Hoàng Thùy Đan

Cần Thơ, ngày tháng năm 2022

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

NĂM HỌC 2022 - 2023

Tên học phần: Hóa dược phóng xạ

Mã học phần: 0102001702

1. Thông tin về học phần

Số tín chỉ: 2

- Lý thuyết : 2

Tổng số tiết quy chuẩn: 30

Phân bố thời gian:

Tổng thời gian học của sinh viên	Giờ trên lớp				Tổng thời gian học trên lớp và tự học
	L	T	P	O	
L = Lý thuyết T = Bài tập P = Thực hành O = Thảo luận/seminar	30	0	0	0	30 + 60 = 90

Loại học phần: Tự chọn

Học phần tiên quyết: Hóa vô cơ, hóa hữu cơ, hóa phân tích, hóa lý, vi sinh, ký sinh trùng, sinh hóa, sinh lý bệnh, Hóa dược 1, Hóa dược 2 ...

Học phần học song hành: Không

Ngôn ngữ giảng dạy: Tiếng Việt Tiếng Anh:

2. Đơn vị phụ trách: Bộ môn Hóa Lý – Hóa Dược

3. Mục tiêu của học phần (kí hiệu MT):

*Về kiến thức

MT1. Kiến thức về cơ sở vật lý hạt nhân theo hướng ứng dụng để nhận biết được và sử dụng các dạng phóng xạ trong y học.

MT2. Trình bày được các dạng dược phẩm phóng xạ, các phương pháp điều chế, kiểm nghiệm.

MT3. Trình bày được các ứng dụng của dược phẩm phóng xạ trong y học.

***Về kỹ năng**

MT4. Thực hiện được việc tổng hợp hoặc bán tổng hợp một số mẫu thuốc đạt tiêu chuẩn dược dụng.

MT5. Có khả năng Kiểm nghiệm được các mẫu thuốc đã tổng hợp và một số chế phẩm dược dụng khác theo tiêu chuẩn Dược điển.

MT6. Thực hiện được những quá trình thiết kế công thức thuốc hợp lý.

***Về năng lực tự chủ và trách nhiệm**

MT7. Hình thành thái độ học tập tích cực và chủ động, phát huy tinh thần tự học và nghiên cứu.

MT8. Hăng hái, chăm chỉ trong các buổi học, qua đó góp phần rèn luyện tay nghề và rèn luyện tác phong khoa học, thận trọng, chính xác trong nghề nghiệp.

4. Mức đóng góp của học phần cho chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo

Học phần đóng góp cho chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo (PO) theo mức độ sau:

0 = Không đóng góp; 1 = Mức thấp; 2 = Mức trung bình; 3 = Mức cao

Mã HP	Tên HP	Mức độ đóng góp của học phần cho CĐR của CTĐT								
		PO1	PO2	PO3	PO4	PO5	PO6	PO7	PO8	PO9
0102 0017 02	Hóa dược phóng xạ	0	0	0	2	0	1	2	0	0
		PO10	PO11	PO12	PO13	PO14	PO15	PO16	PO17	
		1	2	1	1	0	0	1	1	

5. Chuẩn đầu ra của học phần (CO)

Mục tiêu HP	CĐR của HP	Nội dung CĐR của học phần Hoàn thành học phần này, sinh viên đạt được:	CĐR của CTĐT
Kiến thức			
MT1	CO1	Kiến thức về cơ sở vật lý hạt nhân theo hướng ứng dụng để nhận biết được và sử dụng các dạng phóng xạ trong y học.	PO4, PO6
MT2	CO2	Trình bày được các dạng dược phẩm phóng xạ,	PO4, PO6

Mục tiêu HP	CĐR của HP	Nội dung CĐR của học phần Hoàn thành học phần này, sinh viên đạt được:	CĐR của CTĐT
		các phương pháp điều chế, kiểm nghiệm.	
MT3	CO3	Trình bày được các ứng dụng của dược phẩm phóng xạ trong y học.	PO4, PO6
Kỹ năng			
MT4	CO4	Thực hiện được việc tổng hợp hoặc bán tổng hợp một số mẫu thuốc đạt tiêu chuẩn dược dụng.	PO4
MT5	CO5	Có khả năng Kiểm nghiệm được các mẫu thuốc đã tổng hợp và một số chế phẩm dược dụng khác theo tiêu chuẩn Dược điển.	PO4, PO6
MT6	CO6	Thực hiện được những quá trình thiết kế công thức thuốc hợp lý.	PO4
Năng lực tự chủ và trách nhiệm			
MT7	CO7	Hình thành thái độ học tập tích cực và chủ động, phát huy tinh thần tự học và nghiên cứu.	PO17
MT8	CO8	Hăng hái, chăm chỉ trong các buổi học, qua đó góp phần rèn luyện tay nghề và rèn luyện tác phong khoa học, thận trọng, chính xác trong nghề nghiệp.	PO16, PO17

6. Nội dung tóm tắt của học phần

Học phần này sẽ cung cấp cho sinh viên những kiến thức về cơ sở vật lý hạt nhân theo hướng ứng dụng sinh học phóng xạ, các kỹ năng cơ bản nguyên tắc điều chế, công thức cấu tạo, tính chất lý hóa chính để ứng dụng trong kiểm nghiệm, pha chế, bảo quản thuốc; định tính, thử tinh khiết, định lượng một số Dược phẩm phóng xạ.

7. Phương pháp, hình thức tổ chức dạy học

Phương pháp, hình thức tổ chức dạy học	Mục đích	CDR của HP đạt được
Thuyết giảng	Cung cấp cho sinh viên hệ thống kiến thức nền tảng của môn học một cách khoa học, logic.	CO1, CO2, CO3
Nghiên cứu bài học, đọc tài liệu tham khảo, làm bài báo cáo semina	Giúp người học tăng cường năng lực tự học, tự nghiên cứu.	CO7, CO8

8. Nhiệm vụ của sinh viên

- Dự lớp: đọc trước giáo trình, phát hiện vấn đề, nghe giảng.
- Thảo luận theo nhóm các vấn đề liên quan đến bài học; tham gia đóng góp ý kiến, xây bài tại lớp.
- Nghiên cứu: đọc tài liệu tham khảo
- Tham khảo các tài liệu do giảng viên hướng dẫn.
- Tự học, tự nghiên cứu làm semina ở nhà những vấn đề đã được giảng viên phân công trước và báo cáo semina.

9. Đánh giá kết quả học tập của sinh viên (thang điểm 10)

9.1. Lý thuyết

TT	Hình thức	Trọng số (%)	Tiêu chí đánh giá	CDR của HP	Điểm tối đa
1	Chuyên cần	10	Tính chủ động, mức độ tích cực chuẩn bị bài và tham gia các hoạt động trong giờ học	CO1,CO, CO3,CO4 CO5,CO6	10
		10	Thời gian tham dự buổi học bắt buộc, vắng không quá 20% số tiết học. Tùy số tiết vắng, GV quyết định số điểm theo tỉ lệ vắng.		10

TT	Hình thức	Trọng số (%)	Tiêu chí đánh giá	CĐR của HP	Điểm tối đa
2	Kiểm tra giữa kỳ	30	<ul style="list-style-type: none"> * Sinh viên làm một bài kiểm tra cá nhân. - Tiêu chí đánh giá bài kiểm tra (giảng viên nêu cụ thể) * Một bài báo cáo nhóm hoặc seminar hoặc bài tập lớn theo quy định của giảng viên phụ trách giảng dạy. - Tiêu chí đánh giá bài báo cáo, seminar, bài tập lớn (giảng viên nêu cụ thể) 	CO1,CO2 , CO3	10
3	Thi kết thúc học phần	50	<ul style="list-style-type: none"> + Thi kết thúc học phần + Hình thức thi: Tự luận + Tiêu chí đánh giá bài thi: Theo đáp án của giảng viên ra đề. 	CO1,CO2 , CO3	10

10. Học liệu

10.1. Tài liệu học tập

[1]. Mai Trọng Khoa (2012), *Y học hạt nhân Sách dùng cho sinh viên đại học*, NXB Y học

[2] Phan Sỹ An (2009), *Y học hạt nhân Sách dùng đào tạo bác sĩ đa khoa*, NXB Y học

10.2. Tài liệu tham khảo

[3] Bộ Y Tế (2018), *Dược điển Việt Nam V*, NXB Y học.

[4] Lê Minh Trí và Huỳnh Thị Ngọc Phương (2015), *Hóa dược 1*, NXB Giáo dục Việt Nam, Bộ Y tế.

11. Nội dung chi tiết học phần

11.1. Lý thuyết

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

Tên học phần: **Vaccine và sinh phẩm y tế**

Mã học phần: 0102001703

1. Thông tin về học phần

Số tín chỉ: 2

- Lý thuyết : 2

Tổng số tiết quy chuẩn: 30

Phân bố thời gian: Học kỳ 10

Loại hình học của sinh viên	Giờ trên lớp				Tổng thời gian học trên lớp và tự học
	L	T	P	O	
L - Lý thuyết					30 + 60 = 90
T = Bài tập					
P - Thực hành	30	0	0	0	
O = Thảo luận/seminar					

Loại học phần: Tự chọn

Học phần tiên quyết: Vi sinh, kỹ sinh trung, sinh hóa, sinh lý hệ thống

Học phần học song hành: Không

Ngôn ngữ giảng dạy: **Tiếng Việt** **Tiếng Anh:**

2. Đơn vị phụ trách: Bộ môn Hóa Lý - Hóa Dược

3. Mục tiêu của học phần (kí hiệu MT):

*Về kiến thức

MT1. Trình bày được nguyên lý sử dụng vaccine, cách phân loại vaccine và các phương pháp và quy trình gây miễn dịch chủ động

MT2. Trình bày được các quy định về vận chuyển và bảo quản vaccine, sinh phẩm, lịch tiêm chủng vaccine đang được sử dụng rộng rãi ở nước ta

MT3. Trình bày được các yếu tố ảnh hưởng đến đáp ứng miễn dịch của cơ thể đối với

vacxin.

***Về kỹ năng**

MT4. Thực hiện được việc vận chuyển và bảo quản vacxin, sinh phẩm

MT5. Có khả năng hạn chế được các phản ứng phụ sau tiêm chủng

***Về năng lực tự chủ và trách nhiệm**

MT6. Hình thành thái độ học tập tích cực và chủ động, phát huy tinh thần tự học và nghiên cứu.

MT7. Hăng hái, chăm chỉ trong các buổi thực tập tại labo, qua đó góp phần rèn luyện tay nghề và rèn luyện tác phong khoa học, thân trọng, chính xác trong nghề nghiệp.

4. Mức đóng góp của học phần cho chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo

Học phần đóng góp cho chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo (PO) theo mức độ sau:

0 – Không đóng góp; 1 – Mức thấp; 2 – Mức trung bình; 3 = Mức cao

Mã HP	Tên HP	Mức độ đóng góp của học phần cho CĐR của CTĐT										
		PO1	PO2	PO3	PO4	PO5	PO6	PO7	PO8	PO9	PO10	PO11
010200170 3	Vacxin và sinh phẩm y tế	0	2	0	2	0	1	0	0	0	0	0
		PO12	PO13	PO14	PO15	PO16	PO17					
		1	0	0	0	0	1					

5. Chuẩn đầu ra của học phần (CO)

Mức tiên HP	CĐR của HP	Nội dung CĐR của học phần Hoàn thành học phần này, sinh viên đạt được:	CĐR của CTĐT
Kiến thức			
MT1	CO1	Trình bày được nguyên lý sử dụng vacxin, cách phân loại vacxin và các phương pháp và quy trình gây miễn dịch chủ động	PO2, PO4, PO6
MT2	CO2	Trình bày được nguyên lý sử dụng vacxin, cách phân loại vacxin và các phương pháp và quy trình gây miễn dịch chủ động	PO2, PO4, PO6
MT3	CO3	Trình bày được các yếu tố ảnh hưởng đến đáp ứng	PO2, PO4, PO6

		miễn dịch của cơ thể đối với vaccin.	
Kỹ năng			
MT4	CO4	Thực hiện được việc vận chuyển và bảo quản vaccin, sinh phẩm	PO12
MT5	CO5	Có khả năng hạn chế được các phản ứng phụ sau tiêm chủng	PO12
Năng lực tự chủ và trách nhiệm			
MT6	CO6	Hình thành thái độ học tập tích cực và chủ động, phát huy tinh thần tự học và nghiên cứu	PO17
MT7	CO7	Hang hái, chăm chỉ trong các buổi thực tập tại labo, qua đó góp phần rèn luyện tay nghề và rèn luyện tác phong khoa học, thận trọng, chính xác trong nghề nghiệp	PO17

6. Nội dung tóm tắt của học phần

Học phần này sẽ cung cấp cho sinh viên những kiến thức, kỹ năng cơ bản nguyên tắc sử dụng vaccin, các yếu tố ảnh hưởng đến đáp ứng miễn dịch của cơ thể đối với vaccin, cách phân loại vaccin và lịch tiêm chủng các vaccin đang được sử dụng rộng rãi ở nước ta.

7. Phương pháp, hình thức tổ chức dạy học

Phương pháp, hình thức tổ chức dạy học	Mục đích	CĐR của HP đạt được
Thuyết giảng	Cung cấp cho sinh viên hệ thống kiến thức nền tảng của môn học một cách khoa học, logic.	CO1, CO2, CO3
Nghiên cứu hai học, đọc tài liệu tham khảo	Giúp người học tăng cường năng lực tự học, tự nghiên cứu.	CO7, CO8

8. Nhiệm vụ của sinh viên

- Dự lớp: đọc trước giao trình, phát hiện vấn đề, nghe giảng.

- Thảo luận theo nhóm các vấn đề liên quan đến hai học: tham gia đóng góp ý kiến, xây hai tại lớp
- Nghiên cứu: đọc tài liệu tham khảo
- Tham khảo các tài liệu do giảng viên hướng dẫn
- Tự học, tự nghiên cứu ở nhà những vấn đề đã được nghe giảng tại lớp.

9. Đánh giá kết quả học tập của sinh viên (thang điểm 10)

9.1. Lý thuyết

TT	Hình thức	Trọng số (%)	Tiêu chí đánh giá	CĐR của HP	Điểm tối đa
1	Chuyên cần	10	Tính chủ động, mức độ tích cực chuẩn bị hai và tham gia các hoạt động trong giờ học	CO1,CO2, CO3,CO4, CO5,CO6	10
		10	Thời gian tham dự buổi học hai học, vắng không quá 20% số tiết học.Tuy số tiết vắng, GV quyết định số điểm theo tỉ lệ vắng		10
2	Kiểm tra giữa kỳ	30	<ul style="list-style-type: none"> * Sinh viên làm một hai kiểm tra cá nhân. - Tiêu chí đánh giá hai kiểm tra (giảng viên nêu cụ thể) * Một hai báo cáo nhóm hoặc seminar hoặc hai tập lớn theo quy định của giảng viên phụ trách giảng dạy. - Tiêu chí đánh giá hai báo cáo, seminar, hai tập lớn (giảng viên nêu cụ thể) 	CO1, CO2, CO3	10
3	Thi kết thúc	50	<ul style="list-style-type: none"> + Thi kết thúc học phần + Hình thức thi: 	CO1, CO2, CO3	10

	học phần		+ Tiêu chí đánh giá bài thi: Theo đáp án của giảng viên ra đề		
--	-------------	--	--	--	--

10. Học liệu

Tài liệu tham khảo

[1] Trương Trung cấp y tá Tây Ninh (2015), *Vaccine và sinh phẩm*.

[2] Bộ Y Tế (2013), *Vi sinh vật y học*, NXB Y học.

11. Nội dung chi tiết học phần

11.1. Lý thuyết

Tuần	Nội dung	TIẾT	Tài liệu	CĐR của HP
1,2	Đại cương về miễn dịch	6	[1] (Trang 7-20)	CO1, CO2, CO3, CO4, CO5, CO6
3,4	Đại cương về vaccine và sinh phẩm	6	[1] (Trang 21-36)	CO1, CO2, CO3, CO4, CO5, CO6
5	Vận chuyển và hạn quan vaccine, sinh phẩm	3	[1] (Trang 37-44)	CO1, CO2, CO3, CO4, CO5, CO6
6	Vaccine phòng bệnh lây qua đường hô hấp	3	[1] (Trang 45-58)	CO1, CO2, CO3, CO4, CO5, CO6
7	Vaccine phòng bệnh lây qua đường tiêu hóa	3	[1] (Trang 59-66)	CO1, CO2, CO3, CO4, CO5, CO6
8	Vaccine phòng bệnh lây qua đường máu	2	[1] (Trang 67-72)	CO1, CO2, CO3, CO4, CO5, CO6
	Vaccine phòng bệnh lây qua đường da niêm	1	[1] (Trang 73-76)	CO1, CO2, CO3, CO4, CO5, CO6
9	Chương trình tiêm chủng mở rộng	3	[1] (Trang 77-87)	CO1, CO2, CO3, CO4, CO5, CO6
10	Phản ứng phụ sau tiêm chủng	3	[1] (Trang 89-96)	CO1, CO2, CO3, CO4, CO5, CO6

12. Yêu cầu của giảng viên đối với học phần

- Phong học có bảng lớn, phấn, micro, máy chiếu và loa

TRƯỜNG KHOA
(ky ten)


TS. Thái Thị Lâm

TRƯỜNG BỘ MÔN
(ky ten)


Trần Duy Khang

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

1. Thông tin về học phần

Tên học phần: Hoá sinh lâm sàng

Mã học phần: 0102001704

Số tín chỉ: 2

Tổng số tiết quy chuẩn: 30

Phân bổ thời gian:

Tổng thời gian học của sinh viên	Giờ trên lớp				Tổng thời gian học trên lớp và tự học
	L	T	P	O	
L = Lý thuyết T = Bài tập P = Thực hành O = Thảo luận/seminar	15	00	00	15	15+15+60 = 90

Loại học phần: Tự chọn

Học phần tiên quyết: Hoá sinh, Dược lý, Dược lâm sàng, Bệnh học.

Học phần học trước: Không

Học phần học song hành: Không

Ngôn ngữ giảng dạy: Tiếng Việt Tiếng Anh:

2. Đơn vị phụ trách: Bộ môn Dược lý – Dược lâm sàng

3. Mục tiêu của học phần (kí hiệu MT):

*Về kiến thức

MT1: Hiểu và nắm được các khái niệm hóa sinh tĩnh, hóa sinh động và vai trò của hóa sinh lâm sàng trong điều trị.

MT2: Hiểu và nắm vững cấu tạo, phân loại, chức năng của các quá trình hoá sinh trong cơ thể như nước và chất điện giải, acid – base, hoá sinh thận, hoá sinh gan...

MT3: Hiểu và nắm vững được các quá trình chuyển hóa các chất cơ bản trong cơ thể. Vận dụng lý thuyết về chuyển hóa để giải thích các bệnh liên quan rối loạn chuyển hóa trong cơ thể cũng như sử dụng thuốc để điều trị bệnh.

*Về kỹ năng

MT4. Thực hiện được các xét nghiệm hoá sinh quan trọng trong cơ thể.

MT5. Thực hiện được việc đánh giá kết quả xét nghiệm hoá sinh trên lâm sàng.

MT6. Phân tích được sự phân bố chuẩn của các số liệu, trị số đối chiếu và khoảng đối chiếu...

MT7. Có phương pháp luận khoa học trong nghiên cứu về chuyển hoá và hoá sinh lâm sàng trên các cơ quan như gan, thận...

***Về năng lực tự chủ và trách nhiệm**

MT8. Nhận thức được vai trò nhiệm vụ của người dược sĩ đại học trong lĩnh vực tư vấn sử dụng thuốc an toàn, kiểm nghiệm thuốc.

MT9. Có đạo đức nghề nghiệp, đảm bảo tính trung thực, khách quan.

4. Mức đóng góp của học phần cho chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo

Học phần đóng góp cho chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo (PO) theo mức độ sau:

0 = Không đóng góp; 1 = Mức thấp; 2 = Mức trung bình; 3 = Mức cao

Mã HP	Tên HP	Mức độ đóng góp của học phần cho CDR của CTĐT						
		PO1	PO2	PO3	PO4	PO5	PO6	PO7
0102001704	Hóa Sinh	0	1	0	1	0	2	0
		PO8	PO9	PO10	PO11	PO12	PO13	PO14
	0	0	0	0	1	2	0	
	PO15	PO16	PO17					
	1	2	1					

5. Chuẩn đầu ra của học phần (CO)

Mục tiêu HP	CDR của HP	Nội dung CDR của học phần Hoàn thành học phần này, sinh viên đạt được:	CDR của CTĐT
Kiến thức			
MT1	CO1	Hiểu và nắm được các khái niệm hóa sinh tĩnh, hóa sinh động và vai trò của hóa sinh lâm sàng trong điều trị.	PO2, PO4, PO6
MT2	CO2	Hiểu và nắm vững cấu tạo, phân loại, chức năng của các quá trình hoá sinh trong cơ thể như nước và chất điện giải, acid – base, hoá sinh thận, hoá sinh gan...	PO2, PO4, PO6
MT3	CO3	Hiểu và nắm vững được các quá trình chuyển hóa các chất cơ bản trong cơ thể. Vận dụng lý	

		thuyết về chuyển hóa để giải thích các bệnh liên quan rối loạn chuyển hóa trong cơ thể cũng như sử dụng thuốc để điều trị bệnh.	
Kỹ năng			
MT4	CO4	Thực hiện được các xét nghiệm hoá sinh quan trọng trong cơ thể.	PO12, PO13
MT5	CO5	Thực hiện được việc đánh giá kết quả xét nghiệm hoá sinh trên lâm sàng.	PO12, PO13
MT6	CO6	Phân tích được sự phân bố chuẩn của các số liệu, trị số đối chiếu và khoảng đối chiếu...	PO12, PO13
MT7	CO7	Có phương pháp luận khoa học trong nghiên cứu về chuyển hoá và hoá sinh lâm sàng trên các cơ quan như gan, thận...	PO12, PO13
Năng lực tự chủ và trách nhiệm			
MT8	CO8	Nhận thức được vai trò nhiệm vụ của người dược sĩ đại học trong lĩnh vực tư vấn sử dụng thuốc an toàn, đánh giá xét nghiệm lâm sàng.	PO16, PO17
MT9	CO9	Có đạo đức nghề nghiệp, đảm bảo tính trung thực, khách quan.	PO16, PO17

6. Nội dung tóm tắt của học phần

Học phần hóa sinh lâm sàng bao gồm những kiến thức cơ bản về các giá trị kết quả xét nghiệm trên lâm sàng và ảnh hưởng của các yếu tố này đến sức khỏe của con người. Các kiến thức về các quá trình sinh chuyển hoá của các chất trong cơ thể.

7. Phương pháp, hình thức tổ chức dạy học

Phương pháp, hình thức tổ chức dạy học	Mục đích	CDR của HP đạt được
Thuyết giảng	Cung cấp cho sinh viên hệ thống kiến thức nền tảng của môn học một cách khoa học, logic.	CO1, CO2, CO5, CO6
Thảo luận	Thông qua việc hỏi đáp giữa giáo viên và sinh viên để làm rõ các nội dung kiến thức trong môn học.	CO1, CO2, CO6, CO7

Nghiên cứu tình huống	Thông qua các tình huống ngộ độc, sinh viên có thể đề ra các giải pháp, nhận định liên quan đến tình huống đó	CO1, CO2, CO6
Nghiên cứu bài học, đọc tài liệu tham khảo	Giúp người học tăng cường năng lực tự học, tự nghiên cứu.	CO6, CO7
Thực hành	Giúp người học rèn luyện kỹ năng trong thực tế	CO3, CO4, CO5, CO6, CO7, CO8

8. Nhiệm vụ của sinh viên

- Dự lớp: đọc trước giáo trình, phát hiện vấn đề, nghe giảng.
- Thảo luận theo nhóm các vấn đề liên quan đến bài học; tham gia đóng góp ý kiến, xây bài tại lớp.
- Giải quyết tình huống
- Nghiên cứu: đọc tài liệu tham khảo
- Tham khảo các tài liệu do giảng viên hướng dẫn.
- Tự học, tự nghiên cứu ở nhà những vấn đề đã được nghe giảng tại lớp.

9. Đánh giá kết quả học tập của sinh viên (thang điểm 10)

9.1. Lý thuyết

TT	Hình thức	Trọng số (%)	Tiêu chí đánh giá	CĐR của HP	Điểm tối đa
1	Chuyên cần + bài tập về nhà và phát biểu trên lớp	10	- Tính chủ động, mức độ tích cực chuẩn bị bài và tham gia các hoạt động trong giờ học	CO1, CO2, CO3, CO4, CO5, CO6, CO7, CO8	10
		10	- Thời gian tham dự buổi học bắt buộc, Vắng không quá 20% số tiết học. Tùy số tiết vắng, GV quyết định số điểm theo tỷ lệ vắng	CO1, CO2, CO3, CO4, CO5, CO6, CO7, CO8	10
2	Kiểm tra giữa kỳ	30	Thực hiện bài kiểm tra trắc nghiệm.	CO1, CO2, CO3	10
3	Thi kết thúc học phần	50	Thi kết thúc học phần + Hình thức thi: trắc nghiệm	CO1, CO2, CO3, CO8	10

			+ Tiêu chí đánh giá bài thi: Theo đáp án, thang điểm quy định		
--	--	--	--	--	--

10. Học liệu

[1] Lê Xuân Trường (2015), *Hoá sinh lâm sàng*, NXB Y Học.

[2] Hóa sinh lâm sàng Sách đào tạo Đại học Y / Tạ Thành Văn .- Tái bản lần thứ nhất có sửa chữa và bổ sung .- H. : Y học , 2015 [612.015 H401].

[3] Lê Xuân Trường (2015), *Những xét nghiệm hoá sinh hiện đại sử dụng trong lâm sàng*, NXB Y học.

11. Nội dung chi tiết học phần

Tuần	Nội dung	Số tiết	Tài liệu	CDR của HP
1	Chương 1. Nước – Điện giải	3	[1]	CO1, CO2
2	Chương 2. Thăng bằng acid – base	3	[1]	CO2, CO5
3	Chương 33. Hoá sinh lâm sàng bệnh lý thận	3	[1]	CO2, CO5, CO6
4	Chương 4. Hoá sinh lâm sàng bệnh lý gan mật	3	[1]	CO2, CO5, CO6, CO7
5	Chương 5. Hoá sinh lâm sàng bệnh lý mạch vành cấp	3	[1]	CO2, CO5, CO6, CO7
6	Chương 6. Hoá sinh lâm sàng bệnh lý tuyến nội tiết	3	[1]	CO2, CO5, CO6, CO7
7	Chương 7. Dịch sinh vật	3	[1]	CO2, CO6, CO7
8	Chương 8. Chỉ dấu ung thư (Tumor Makers)	3	[1]	CO2, CO6, CO7
9	Chương 9. Các dịch cơ thể, nghiệm phẩm và các xét nghiệm hoá sinh lâm sàng	3	[1]	CO2, CO6, CO7, CO8

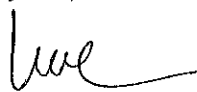
10	Chương 10. Xét nghiệm tin cậy và kiểm tra chất lượng xét nghiệm	3	[1]	CO2, CO6, CO7, CO8, CO9
----	---	---	-----	-------------------------

12. Cơ sở và thiết bị

- Phòng học có bảng lớn, phấn, micrô, máy chiếu và loa.
- Phòng thực hành có đầy đủ các trang thiết bị và máy móc cần thiết phục vụ thực hành.

P. KHOA DƯỢC

(ký tên)



ThS. Nguyễn Ngọc Lê

BỘ MÔN

(ký tên)



ThS. Nguyễn Ngọc Lê

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

1. Thông tin về học phần

Tên học phần: Xét nghiệm lâm sàng

Mã học phần: 0102001694

Số tín chỉ: 2

Tổng số tiết quy chuẩn: 30

Phân bố thời gian:

Loại hình học của sinh viên	Giờ trên lớp				Tổng thời gian học trên lớp và tự học
	L	T	P	Q	
L = Lý thuyết	1	T	P	Q	30 + 60 = 90
T = Bài tập					
P = Thực hành	30	0	0	0	
Q = Thảo luận/seminar					

Loại học phần: Tự chọn

Học phần tiên quyết: Dược lý 2, Dược lâm sàng 1

Học phần học trước: Không

Học phần học song hành: Không

Ngôn ngữ giảng dạy: Tiếng Việt Tiếng Anh:

2. Đơn vị phụ trách: Bộ môn Dược lý - Dược lâm sàng

3. Mục tiêu của học phần (kí hiệu MT):

*Về kiến thức

MT1. Trình bày được nguyên tắc xét nghiệm lâm sàng

MT2. Nắm vững kiến thức liên quan đến xét nghiệm máu, xét nghiệm hóa sinh và xét nghiệm nước tiểu.

*Về kỹ năng

MT3. Linh hoạt trong cập nhật kiến thức điều trị các bệnh lý cơ hội.

MT4. Ứng dụng thành thạo kiến thức lý thuyết sang thực hành lâm sàng trong xét nghiệm lâm sàng

MT5. Phối hợp với các nhân viên y tế khác một cách hiệu quả trong thực hành lâm sàng nhằm giảm thiểu độc kết quả lâm sàng không phù hợp.

MT6. Ứng dụng thành thạo y học bằng chứng trong xét nghiệm lâm sàng

***Về năng lực tự chủ và trách nhiệm**

MT7. Luôn đạt bệnh nhân là trung tâm trong quá trình điều trị

MT8. Ý thức được vai trò của bạn thân trong thực hành lâm sàng.

4. Mục đóng góp của học phần cho chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo

Học phần đóng góp cho chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo (PO) theo mức độ sau:

0 – Không đóng góp; 1 = Mức thấp; 2 = Mức trung bình; 3 = Mức cao

Mã HP	Tên HP	Mức độ đóng góp của học phần cho CDR của CTĐT						
		PO1	PO2	PO3	PO4	PO5	PO6	PO7
0201001694	Xét nghiệm lâm sàng	PO8	PO9	PO10	PO11	PO12	PO13	PO14
		0	1	1	0	1	1	0
		1	2	3	1	0	3	0
		PO15	PO16	PO17				
		1	1	1				

3. Chuẩn đầu ra của học phần (CO)

Mức tiêu HP	CDR của HP	Nội dung CDR của học phần Hoàn thành học phần này, sinh viên đạt được	CDR của CTĐT
Kiến thức			
MT1	CO1	Trình bày được nguyên tắc xét nghiệm lâm sàng	PO2, PO6
MT2	CO2	Nắm vững kiến thức liên quan đến xét nghiệm máu, xét nghiệm hóa sinh và xét nghiệm nước tiểu	PO2, PO3, PO6
Kỹ năng			
MT3	CO3	Linh hoạt trong cập nhật kiến thức điều trị các bệnh lý cơ hội	PO2, PO3, PO6, PO9, PO13
MT4	CO4	Ứng dụng thành thạo kiến thức lý thuyết sang thực hành lâm sàng trong xét nghiệm lâm sàng	PO2, PO8, PO10, PO13
MT5	CO5	Phối hợp với các nhân viên y tế khác một cách hiệu quả trong thực hành lâm sàng nhằm giảm thiểu đọc kết quả lâm sàng không phù hợp	PO2, PO6, PO10
MT6	CO6	Ứng dụng thành tựu y học hằng chứng trong xét nghiệm lâm sàng	PO13
Năng lực tự chủ và trách nhiệm			

M17	CO7	Luôn đạt hình nhân là trung tâm trong quá trình điều trị	PO15, PO16, PO17
M18	CO8	Y thức được vai trò của bản thân trong thực hành lâm sàng	PO15, PO16, PO17

6 Nội dung tóm tắt của học phần

Học phần “Xét nghiệm lâm sàng” được thiết kế dựa trên nền tảng các môn cơ sở ngành và chuyên ngành. Kiến thức của học phần sẽ tạo dựng cho người học một nền tảng cơ bản trong nhận định kết quả lâm sàng. Người học sẽ hiểu được ý nghĩa của các xét nghiệm và giải thích được sự thay đổi kết quả xét nghiệm lâm sàng trong trường hợp bệnh cụ thể.

7 Phương pháp, hình thức tổ chức dạy học

Phương pháp, hình thức tổ chức dạy học	Mục đích	CĐR của HP đạt được
Thuyết giảng	Cung cấp cho sinh viên hệ thống kiến thức nền tảng của môn học một cách khoa học, logic.	CO1, CO2, CO5, CO6
Thảo luận	Thông qua việc hỏi đáp giữa giảng viên và sinh viên để làm rõ các nội dung kiến thức trong môn học.	CO1, CO2, CO6, CO7
Nghiên cứu hai học, đọc tài liệu tham khảo	Giúp người học tăng cường năng lực tư học, tự nghiên cứu.	CO6, CO7

8. Nhiệm vụ của sinh viên

- Dự lớp: đọc trước giáo trình, phát hiện vấn đề, nghe giảng.
- Thảo luận theo nhóm các vấn đề liên quan đến hai học; tham gia đóng góp ý kiến, xây bài tại lớp
- Nghiên cứu: đọc tài liệu tham khảo
- Tham khảo các tài liệu do giảng viên hướng dẫn
- Tư học, tự nghiên cứu ở nhà những vấn đề đã được nghe giảng tại lớp.

9. Đánh giá kết quả học tập của sinh viên (thang điểm 10)

9.1. Lý thuyết

T	Hình thức	Trọng số (%)	Tiêu chí đánh giá	CĐR của HP	Điểm tối đa
T					

1	Chuyên cán + bài tập về nhà và phát hiệu trên lớp	10	Tính chu đồng, mức đa tích cực chuẩn bị hai và tham gia các hoạt động trong giờ học	CO1.CO2, CO3.CO4, CO5.CO6, CO7, CO8	10
		10	Thời gian tham dự buổi học hết học, Vắng không qua 20% số tiết học. Tuy số tiết vắng. GV quyết định số điểm theo tỷ lệ vắng	CO1.CO2, CO3.CO4, CO5.CO6, CO7, CO8	10
2	Kiểm tra giữa kỳ	30	Thực hiện hai kiểm tra trắc nghiệm. Hoặc Thuyết trình về một chủ đề tự chọn	CO1, CO2, CO3	10
3	Thi kết thúc học phần	50	Thi kết thúc học phần + Hình thức thi: trắc nghiệm + Tiêu chí đánh giá bài thi: Theo đáp án, thang điểm quy định	CO1, CO2, CO3, CO8	10

10. Học liệu

10.1. Tài liệu tham khảo

- [1]. Basic Clinical Laboratory Techniques, 2012, 6th Edition, Barbara H. Estridge
Auburn University
- [2]. A Manual of Laboratory and Diagnostic Tests 9th Edition, 2014, Frances
Fischbach R, Marshall B. Dunning (Author), PUBLISHER: I WW

11. Nội dung chi tiết học phần

11.1. Lý Thuyết

Tứn	Nội dung	Số tiết	Tài liệu	CĐR của HP
1	Bài 1. Xét nghiệm hóa sinh lâm sàng	10	[1][2]	CO1, CO2
2	Bài 2. Xét nghiệm vi sinh lâm sàng	10	[1][2]	CO2, CO5, CO6
3	Bài 3. Xét nghiệm huyết học	10	[1][2]	CO2, CO5, CO6


12. Cơ sở và thiết bị

- Phòng học cỡ hàng lớn, phân, micro, máy chiếu và loa.

- Phòng thực hành cơ đầy đủ các trang thiết bị và máy móc cần thiết phục vụ thực hành.

KHOA Đ HỌC

(ky ten)


TS. Thái Thị Lâm

HỒ MÓN

(ky ten)


Nguyễn Hiền Việt Anh

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

1. Thông tin về học phần

Tên học phần: Sử dụng thuốc trong điều trị

Mã học phần: 0102001695

Số tín chỉ: 2

Tổng số tiết quy chuẩn: 30

Phân bố thời gian:

Tổng thời gian học của sinh viên	Giờ trên lớp				Tổng thời gian học trên lớp và tự học
	L	T	P	O	
L = Lý thuyết T = Bài tập P = Thực hành O = Thảo luận/seminar	30	0	0	0	30 + 60 = 90

Loại học phần: Bắt buộc

Học phần tiên quyết: Dược lý 1 và 2

Học phần học song hành: Không

Ngôn ngữ giảng dạy: Tiếng Việt Tiếng Anh:

2. Đơn vị phụ trách: Bộ môn Dược lý – Dược lâm sàng

3. Mục tiêu của học phần (kí hiệu MT):

*Về kiến thức

MT1. Trình bày được kiến thức liên quan đến điều trị: mục tiêu, nguyên tắc điều trị với một số bệnh lý trên đường hô hấp, tim mạch, nội tiết, bệnh nhân nhiễm herpes, rối loạn điện giải. Ngoài ra, người học biết nhận biết được và xử lý được ngộ độc cấp cũng như điều chỉnh liều cho bệnh nhân rối loạn chức năng gan, rối loạn chức năng thận

MT2. Trình bày được các thuốc cụ thể sử dụng trong điều trị bệnh: thông tin dược lực học và dược động học liên quan đến sử dụng thuốc hợp lý, phản ứng bất lợi của thuốc và biện pháp khắc phục và phân tích được ca lâm sàng theo quy trình SOAP trên cơ sở hệ thống hóa kiến thức trong các hướng dẫn điều trị và các tài liệu tham khảo khác có liên quan đến sử dụng thuốc trong điều trị.

*Về kỹ năng

MT3. Tư vấn được cho bệnh nhân về cách sử dụng thuốc hợp lý, an toàn.

MT4. Tham gia vào hoạt động giám sát việc sử dụng thuốc trên lâm sàng.

***Về năng lực tự chủ và trách nhiệm**

MT5. Thể hiện tính chủ động, nghiêm túc trong quá trình học tập và nghiên cứu.

MT6. Hình thành thói quen vận dụng lý thuyết vào giải quyết các vấn đề trong thực tế.

MT7. Rèn luyện tính cẩn thận, chính xác, trung thực và kiên nhẫn khi hành nghề.

4. Mức đóng góp của học phần cho chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo

Học phần đóng góp cho chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo (PO) theo mức độ sau:

0 = Không đóng góp; 1 = Mức thấp; 2 = Mức trung bình; 3 = Mức cao

Mã HP	Tên HP	Mức độ đóng góp của học phần cho CDR của CTĐT						
		PO1	PO2	PO3	PO4	PO5	PO6	PO7
0102001695	Sử dụng thuốc trong điều trị	0	2	0	2	0	2	1
		PO8	PO9	PO10	PO11	PO12	PO13	PO14
		0	0	0	0	2	0	0
		PO15	PO16	PO17				
		1	2	1				

5. Chuẩn đầu ra của học phần (CO)

Mục tiêu HP	CDR của HP	Nội dung CDR của học phần Hoàn thành học phần này, sinh viên đạt được:	CDR của CTĐT
Kiến thức			
MT1	CO1	Nắm được những khái niệm cơ bản và ý nghĩa của các thông số dược động học ứng dụng trong lâm sàng, phân loại theo cơ chế và hướng khắc phục các tương tác thuốc hay gặp trên lâm sàng	PO2, PO4, PO6
MT2	CO2	Trình bày và phân tích được các nguyên tắc trong sử dụng thuốc: điều trị thiếu máu, kháng sinh, glucocorticoid, vitamin, khoáng chất, dung dịch tiêm truyền tĩnh mạch	PO2, PO4, PO6
Kỹ năng			
MT3	CO3	Tư vấn được cho bệnh nhân về cách sử dụng thuốc hợp lý, an toàn	PO12

MT4	CO4	Tham gia vào hoạt động giám sát việc sử dụng thuốc trên lâm sàng	PO12
Năng lực tự chủ và trách nhiệm			
MT5	CO5	Thể hiện tính chủ động, nghiêm túc trong quá trình học tập và nghiên cứu	PO16, PO17
MT6	CO6	Hình thành thói quen vận dụng lý thuyết vào giải quyết các vấn đề trong thực tế	PO16, PO17
MT7	CO7	Rèn luyện tính cẩn thận, chính xác, trung thực và kiên nhẫn khi hành nghề	PO16, PO17

6. Nội dung tóm tắt của học phần

Học phần sử dụng thuốc trong điều trị bao gồm các nội dung: nguyên tắc điều trị một số bệnh lý trên đường hô hấp, tim mạch, nội tiết, bệnh nhân nhiễm herpes, rối loạn điện giải. Ngoài ra, người học biết nhận biết được và xử lý được ngộ độc cấp cũng như điều chỉnh liều cho bệnh nhân rối loạn chức năng gan, rối loạn chức năng thận

7. Phương pháp, hình thức tổ chức dạy học

Phương pháp, hình thức tổ chức dạy học	Mục đích	CDR của HP đạt được
Thuyết giảng	Truyền tải những kiến thức chính, trọng tâm của từng bài học. Đảm bảo bám sát theo các mục tiêu chuẩn đầu ra của từng bài.	CO1, CO2
Thảo luận	Thông qua việc hỏi đáp giữa giáo viên và sinh viên để làm rõ các nội dung kiến thức trong môn học. Bên cạnh đó tạo điều kiện cho sinh viên tìm hiểu kiến thức mới bằng các bài tiểu luận được giao ngẫu nhiên.	CO1, CO2, CO3, CO4, CO5, CO6
Nghiên cứu bài học, đọc tài liệu tham khảo	Giúp người học tăng cường năng lực tự học, tự nghiên cứu, sáng tạo nhằm mục đích đạt được mức tư duy bậc cao cho sinh viên.	CO3, CO4

8. Nhiệm vụ của sinh viên

- Dự lớp: đọc trước giáo trình, nghe giảng.
- Tuân thủ giờ giấc và quy định nội qui cho sinh viên trong giờ giảng.
- Thảo luận theo nhóm các vấn đề liên quan đến bài học; tham gia đóng góp ý kiến, trả lời các câu hỏi của giảng viên tại lớp.
- Phản hồi ý kiến sau mỗi buổi học để giảng viên khắc phục về sau
- Nghiên cứu: đọc tài liệu tham khảo do giảng viên hướng dẫn giới thiệu. Hoàn thành các bài báo cáo theo đúng yêu cầu của giảng viên đứng lớp.
- Tự học, tự nghiên cứu ở nhà những vấn đề đã được nghe giảng tại lớp.

9. Đánh giá kết quả học tập của sinh viên (thang điểm 10)

TT	Hình thức	Trọng số (%)	Tiêu chí đánh giá	CDR của HP	Thang điểm
1	Chuyên cần	10	+ Tính chủ động, mức độ tích cực chuẩn bị bài và tham gia các hoạt động trong giờ học.	CO1, CO2, CO3, CO4	10
		10	+ Thời gian tham dự buổi học bắt buộc, vắng không quá 20% số tiết học. Tùy số tiết vắng, GV quyết định số điểm theo tỷ lệ vắng.	CO5, CO6, CO7	10
2	Thường xuyên	30	<p>* Sinh viên làm một bài kiểm tra cá nhân.</p> <p>- Tiêu chí đánh giá bài kiểm tra: sinh viên hiểu và vận dụng được những kiến thức từ đầu thời gian học đến thời điểm hiện tại để giải thích các tình huống do giảng viên đặt ra trong kiểm tra.</p> <p>- Một bài kiểm tra đánh giá bao gồm hai phần: câu hỏi trắc nghiệm khách quan và câu hỏi tình huống.</p> <p>* Một bài báo cáo nhóm hoặc seminar hoặc bài tập lớn theo quy định của giảng viên phụ trách giảng dạy.</p> <p>- Tiêu chí đánh giá bài báo cáo: nhằm xem xét khả năng phân tích</p>	CO1, CO2, CO3, CO4, CO5, CO6, CO7	10

			và ứng dụng của sinh viên. - Bài báo cáo tiểu luận sẽ được phân chia ngẫu nhiên. Mỗi sinh viên đều phải hoàn thành quyển tiểu luận và thỏa mãn yêu cầu giảng viên đặt ra để đủ điều trị dự thi đánh giá kết thúc học phần.		
3	Thi kết thúc HP	50	+ Thi kết thúc học phần + Hình thức thi trắc nghiệm khách quan. + Tiêu chí đánh giá bài thi: Theo đáp án của giảng viên ra đề.	CO1, CO2, CO3, CO4, CO5, CO6, CO7	10

10. Học liệu

[1]. Hoàng Thị Kim Huyền, J. R. B. J. Brouwers (2014), *Các nguyên lý cơ bản và sử dụng thuốc trong điều trị tập 1*, NXB Y Học, Hà Nội.

[2]. Hoàng Thị Kim Huyền, J. R. B. J. Brouwers (2014), *Các nguyên lý cơ bản và sử dụng thuốc trong điều trị tập 2*, NXB Y Học, Hà Nội.

[3]. Bộ Y Tế (2006), *Dược lâm sàng*, NXB Y Học, Hà Nội.

11. Nội dung chi tiết học phần

Tuần	Nội dung	Số tiết	Tài liệu	CDR của HP
1	Bài 1. Đại cương sử dụng thuốc trong điều trị	3	[1], [2], [3]	CO1, CO2
	Bài 2. Sử dụng thuốc điều trị bệnh lý hô hấp	3	[1], [2], [3]	CO1, CO2, CO3, CO4
2	Bài 3. Sử dụng thuốc điều trị bệnh lý tim mạch	3	[1], [2], [3]	CO1, CO2
	Bài 4. Sử dụng thuốc điều trị bệnh lý nội tiết	3	[1], [2], [3]	CO1, CO2
3	Bài 5. Ngộ độc cấp và cách xử trí	3	[1], [2], [3]	CO1, CO2, CO3
	Bài 6. Sử dụng thuốc điều trị Herpes	3	[1], [2], [3]	CO1, CO2, CO3, CO4
4	Bài 7. Sử dụng thuốc trị rối loạn nước, điện giải	3	[1], [2], [3]	CO1, CO2

	Bài 8. Sử dụng thuốc trong điều trị rối loạn chức năng thận	3	[1], [2], [3]	CO1, CO2
5	Bài 9. Sử dụng thuốc trong điều trị rối loạn chức năng gan	3	[1], [2], [3]	CO1, CO2
	Bài 10. Sử dụng thuốc điều trị viêm gan B	3	[1], [2], [3]	CO1, CO2

12. Cơ sở và thiết bị

- Phòng học có bảng lớn, phấn, micro, máy chiếu và loa.

KHOA DƯỢC

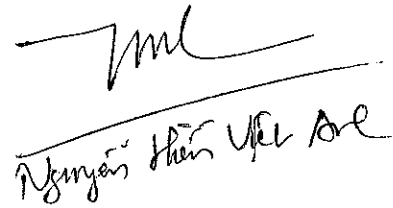
(ký tên)



ThS. Nguyễn Ngọc Lê

BỘ MÔN

(ký tên)



ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

1. Thông tin về học phần

Tên học phần: Bảo chế và sinh dục học 1

Mã học phần: 0102000429

Số tín chỉ: 02 tín chỉ

Tổng số tiết quy chuẩn: 30 tiết

Phân bố thời gian:

Tổng thời gian học của sinh viên	Giờ trên lớp				Tổng thời gian học trên lớp và tự học
	L	T	P	O	
L = Lý thuyết					
T = Bài tập					
P = Thực hành	30	0	0	0	30 + 60 = 90
O = Thảo luận/seminar					

Loại học phần: Bắt buộc

Học phần tiên quyết: Hóa dục 1, Hóa dục 2

Học phần học trước: Thực hành Dục khoa Bảo chế

Học phần học song hành: Không

Ngôn ngữ giảng dạy: Tiếng Việt Tiếng Anh:

Đơn vị phụ trách: Bộ môn Bảo chế - công nghiệp dục

2. Thông tin về các giảng viên

Giảng viên Bộ môn Bảo chế - công nghiệp dục

3. Mục tiêu của học phần (ki hiệu MT):

• Về kiến thức

MT1: Trình bày được định nghĩa, đặc điểm, ưu nhược điểm của các dạng bảo chế thông thường thuộc cấu trúc đồng thể.

MT2: Mô tả được thành phần cơ bản (hoạt chất, tá dục), nguyên tắc bảo chế và các trang thiết bị sử dụng cho mỗi dạng bảo chế này.

MT3: Nêu được các yêu cầu chất lượng của mỗi dạng bảo chế.

• Về kỹ năng

MT4: Bảo chế được các dạng bảo chế thông thường thuộc cấu trúc đồng thể.

MT5: Đánh giá được một số chỉ tiêu chất lượng chính của các dạng bảo chế này.

• Về năng lực tự chủ và trách nhiệm

MT6: Xây dựng được kế hoạch chuyên môn, lập được kế hoạch quản lý, điều phối, cải tiến, phát triển các hoạt động chuyên môn hợp lý với thực tiễn trong lĩnh vực được.

4. **Mức đóng góp của học phần cho chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo**

Học phần (HP) đóng góp cho chuẩn đầu ra (CDR) của chương trình đào tạo (CTĐT), ta ký hiệu là PO, theo mức độ sau:

0 = Không đóng góp; 1 = Mức thấp; 2 = Mức trung bình; 3 = Mức cao

Mã HP	Tên HP	Mức độ đóng góp của học phần cho CDR của CTĐT								
		PO1	PO2	PO3	PO4	PO5	PO6	PO7	PO8	PO9
010 200 042 9	Bảo chế và sinh được học I	0	0	0	3	0	3	3	2	0
		PO10	PO11	PO12	PO13	PO14	PO15	PO16	PO17	
		2	0	2	2	2	0	3	2	

5. **Chuẩn đầu ra của học phần (CO)**

Mục tiêu HP	CDR của HP	Nội dung CDR của học phần Hoàn thành học phần này, sinh viên đạt được:	CDR của CTĐT
Kiến thức			
MT1	CO1	Trình bày được định nghĩa, đặc điểm, ưu nhược điểm của các dạng bảo chế thông thường thuộc cấu trúc đồng thể.	PO4, PO6
MT2	CO2	Mô tả được thành phần cơ bản (hoạt chất, tá dược), nguyên tắc bảo chế và các trang thiết bị sử dụng cho mỗi dạng bảo chế này.	PO4, PO6
MT3	CO3	Nêu được các yêu cầu chất lượng của mỗi dạng bảo chế.	PO4, PO6
Kỹ năng			
MT4	CO4	Bảo chế được các dạng bảo chế thông thường thuộc cấu trúc đồng thể.	PO7, PO8, PO10, PO12, PO14
MT5	CO5	Đánh giá được một số chỉ tiêu chất lượng chính của các dạng bảo chế này.	PO7, PO8, PO10, PO12, PO14
Năng lực tự chủ và trách nhiệm			
MT6	CO6	Xây dựng được kế hoạch chuyên môn, lập được kế hoạch quản lý, điều phối, cải tiến, phát triển các hoạt động chuyên môn hợp lý với thực tiễn trong lĩnh vực được.	PO16, PO17

6. Nội dung tóm tắt của học phần

Học phần Bảo chế và sinh dược học I cung cấp cho sinh viên các kiến thức cơ bản về kỹ thuật bảo chế và sinh dược học các dạng thuốc: dung dịch thuốc uống và thuốc dùng ngoài, thuốc tiêm, thuốc nhỏ mắt, cao thuốc, cồn thuốc.

7. Phương pháp, hình thức tổ chức dạy học

Phương pháp, hình thức tổ chức dạy học	Mục đích	CDR của HP đạt được
Thuyết trình	Cung cấp cho sinh viên hệ thống kiến thức nền tảng của môn học một cách khoa học, logic.	CO1, CO2, CO3,
Thảo luận	Thông qua việc hỏi đáp giữa giáo viên và sinh viên để làm rõ các nội dung kiến thức trong môn học.	CO1, CO2, CO3
Thực hành	Giúp sinh viên hiểu rõ, rèn luyện các kỹ năng và biết vận dụng các nội dung môn học	CO4, CO5, CO6
Nghiên cứu bài học, đọc tài liệu tham khảo	Giúp người học tăng cường năng lực tự học, tự nghiên cứu.	CO6

8. Nhiệm vụ của sinh viên

- Dự lớp: đọc trước giáo trình, phát hiện vấn đề, nghe giảng, nêu các câu hỏi và tham gia thảo luận về các vấn đề do giáo viên và sinh viên khác đặt ra.
- Nghiên cứu: đọc tài liệu tham khảo, tham gia thuyết trình.
- Thảo luận tổ hoặc thuyết trình tại lớp do giảng viên phân công.
- Tự học, tự nghiên cứu ở nhà những vấn đề đã được nghe giảng tại lớp.

9. Đánh giá kết quả học tập của sinh viên (thang điểm 10)

T	Hình thức	Trọng số (%)	Tiêu chí đánh giá	CDR của HP	Điểm tối đa
1	Chuyên cần, bài tập trên lớp và bài tập về nhà	20	+ Tinh chủ động, mức độ tích cực chuẩn bị bài và tham gia các hoạt động trong giờ học. + Thời gian tham dự buổi học bắt buộc, vắng không quá 20% số tiết học. Tùy số tiết vắng, GV quyết định số điểm theo tỷ lệ vắng.	CO1, CO2, CO3	10
2	Thương xuyên	30	Thực hiện bài kiểm tra trắc nghiệm	CO1, CO2, CO3	10
3	Thi kết thúc HP	50	Theo đáp án, thang điểm quy định	CO1, CO2, CO3	10

10. Học liệu

10.1. Tài liệu học tập

[1]. GS.TS Lê Quan Nghiệm, PGS.TS. Huỳnh Văn Hóa (chủ biên) (2010), *Bào chế và sinh dược học - tập 1*, NXB Giáo dục Việt Nam

[2]. Khoa Dược, Trường Đại học Nam Cần Thơ (2018), *Bài giảng Thực tập bào chế và sinh dược học 1*.

10.2. Tài liệu tham khảo

[3]. Võ Xuân Minh, Phạm Ngọc Hùng (chủ biên) (2016), *Kỹ thuật bào chế và sinh dược học các dạng thuốc*, T1, NXB Y Học.


11. Nội dung chi tiết học phần

Tuần	Nội dung	Số tiết	Tài liệu	CDR của HP
1	Đại cương về Bào chế Đại cương về Sinh dược học	3	[1]	CO6
2	Sự hòa tan và kỹ thuật hòa tan hoàn toàn Kỹ thuật lọc	3	[1]	CO1, CO2, CO3
3	Dung dịch thuốc	3	[1]	CO1, CO2, CO3
4	Siro thuốc Nước thơm	3	[1]	CO1, CO2, CO3
5-6	Thuốc tiêm	6	[1]	CO1, CO2, CO3
7	Thuốc nhỏ mắt	3	[1]	CO1, CO2, CO3
8	Đại cương về hòa tan chiết xuất	3	[1]	CO1, CO2, CO3
9	Các phương pháp hòa tan chiết xuất	3	[1]	CO1, CO2, CO3
10	Cao thuốc và dịch chiết đậm đặc Cồn thuốc và rượu thuốc	3	[1]	CO1, CO2, CO3

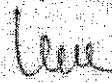
12. Cơ sở và thiết bị

- Phòng học có bảng lớn, phấn, micro, máy chiếu và loa.

KHOA DƯỢC


TS. Lê Hải Liên

BỘ MÔN


Nguyễn Ngọc Lễ

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

1. Thông tin về học phần

Tên học phần: Thực hành Bảo chế và sinh được học 1

Mã học phần: 0102000948

Số tín chỉ: 1

Thời lượng quy chuẩn: 30 tiết

Phân bố thời gian:

Tổng thời gian học của sinh viên	Giờ trên lớp				Tổng thời gian học trên lớp và tự học
	L	T	P	O	
L = Lý thuyết T = Bài tập P = Thực hành O = Thảo luận/seminar	30	0	30	0	30 + 30 + 90 = 150

Loại học phần: Bài thực

Học phần tiên quyết: Bảo chế và sinh được học 1

Học phần học trước: Thực hành Dược khoa Bảo chế

Học phần học song hành: Không

Ngôn ngữ giảng dạy: Tiếng Việt Tiếng Anh:

Đơn vị phụ trách: Bộ môn Bảo chế – Công nghiệp dược

2. Thông tin về các giảng viên

Giảng viên Bộ môn Bảo chế – Công nghiệp dược

3. Mục tiêu của học phần (kí hiệu MT):

* Kiến thức

MT1: Trình bày được định nghĩa, đặc điểm, ưu nhược điểm của các dạng hao chế thông thường thuộc cấu trúc đồng thể.

MT2: Mô tả được thành phần cơ bản (hoạt chất, tá dược), nguyên tắc hao chế và các trang thiết bị sử dụng cho mỗi dạng hao chế này.

MT3: Nêu được các yêu cầu chất lượng của mỗi dạng hao chế.

** Về kỹ năng*

MT4: Hao chế được các dạng hao chế thông thường thuộc cấu trúc đồng thể

MT5: Đánh giá được một số chỉ tiêu chất lượng chính của các dạng hao chế này.

** Về năng lực tự chủ và trách nhiệm*

MT6: Xây dựng được kế hoạch chuyên môn, lập được kế hoạch quản lý, điều phối, cải tiến, phát triển các hoạt động chuyên môn hợp lý với thực tiễn trong lĩnh vực dược.

4. Mức đóng góp của học phần cho chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo

Học phần đóng góp cho chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo (PO) theo mức độ sau:

0 = Không đóng góp; 1 – Mức thấp; 2 – Mức trung bình; 3 – Mức cao

Mã HP	Tên HP	Mức độ đóng góp của học phần cho CĐR của CTĐT								
		PO1	PO2	PO3	PO4	PO5	PO6	PO7	PO8	PO9
0102 0000 948	Thực hành Hao chế và sinh dược học I	0	0	0	0	0	0	3	3	3
		PO10	PO11	PO12	PO13	PO14	PO15	PO16	PO17	
		2	0	1	0	0	1	2	0	

5. Chuẩn đầu ra của học phần (CĐR)

Mức tiêu HP	CĐR của HP	Nội dung CĐR của học phần Hoàn thành học phần này, sinh viên đạt được:	CĐR của CTĐT
		Kiến thức	

MT1	CO1	Trình bày được định nghĩa, đặc điểm, ưu nhược điểm của các dạng bào chế thông thường thuộc cấu trúc đồng thể.	PO2, PO4, PO6
MT2	CO2	Mô tả được thành phần cơ bản (hoạt chất, tá dược), nguyên tắc bào chế và các trang thiết bị sử dụng cho mỗi dạng bào chế này.	PO4, PO6
MT3	CO3	Nêu được các yêu cầu chất lượng của mỗi dạng bào chế.	PO5, PO6
Kỹ năng			
MT4	CO4	Bào chế được các dạng bào chế thông thường thuộc cấu trúc đồng thể.	PO7, PO9, PO10
MT5	CO5	Đánh giá được một số chỉ tiêu chất lượng chính của các dạng bào chế này.	PO7, PO8, PO10
Năng lực tự chủ và trách nhiệm			
MT6	CO6	Xây dựng được kế hoạch chuyên môn, lập được kế hoạch quản lý, điều phối, cải tiến, phát triển các hoạt động chuyên môn hợp lý với thực tiễn trong lĩnh vực dược.	PO16

4. Nội dung tóm tắt của học phần

Học phần Bào chế và sinh dược học 1 cung cấp cho sinh viên các kiến thức cơ bản về kỹ thuật bào chế và sinh dược học các dạng thuốc: dung dịch thuốc uống và thuốc dùng ngoài, thuốc tiêm, thuốc nhỏ mắt, cao thuốc, cồn thuốc.

5. Phương pháp, hình thức tổ chức dạy học

Phương pháp, hình thức tổ chức dạy học	Mục đích	CĐR của HP đạt được
Thuyết trình	Cung cấp cho sinh viên hệ thống kiến thức nền tảng của	CO1, CO2, CO3,

	môn học một cách khoa học, logic.	
Thảo luận	Thông qua việc hỏi đáp giữa giáo viên và sinh viên để làm rõ các nội dung kiến thức trong môn học	CO1, CO2, CO3
Thực hành	Giúp sinh viên hiểu rõ, rèn luyện các kỹ năng và biết vận dụng các nội dung môn học	CO4, CO5, CO6
Nghiên cứu tài liệu tham khảo	Giúp người học tăng cường năng lực tự học, tự nghiên cứu.	CO6

8. Nhiệm vụ của sinh viên

- Dự lớp: đọc trước giáo trình, phát hiện vấn đề, nghe giảng, nêu các câu hỏi và tham gia thảo luận về các vấn đề do giáo viên và sinh viên khác đặt ra.
- Nghiên cứu: đọc tài liệu tham khảo, tham gia thuyết trình.
- Thảo luận tổ hoặc thuyết trình tại lớp do giảng viên phân công.
- Tự học, tự nghiên cứu ở nhà nhưng vấn đề đã được nghe giảng tại lớp.

9. Đánh giá kết quả học tập của sinh viên (thang điểm 10)

TT	Hình thức	Trọng số (%)	Tiêu chí đánh giá	CĐR của HP	Điểm tối đa
1	Bài báo cáo	50	- Kết quả của buổi thực tập, trả lời câu hỏi - Tiêu chí đánh giá (giảng viên nêu cụ thể)	CO4, CO5	10
2	Kiểm tra kết thúc HP	50	- Thực hiện báo chế công một dạng thuộc đa học - Tiêu chí đánh giá hai kiểm tra (giảng viên nêu cụ thể)	CO4, CO5	10

10. Học liên

10.1. Tài liệu học tập

[1]. Khoa Dược, Trường Đại học Nam Cần Thơ (2018). Bài giảng *Thực tập bào chế và sinh dược học 1*.

10.2. Tài liệu tham khảo

[3]. Võ Xuân Minh, Phạm Ngọc Bung (chủ biên) (2016). *Kỹ thuật bào chế và sinh dược học các dạng thuốc*. T1. NXB Y Học.

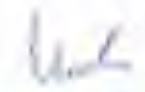
11. Nội dung chi tiết học phần

Tuần	Nội dung	Số tiết	Tài liệu	CĐR của HP
1	Điều chế siro đơn Siro họ Promethazine	5	[1]	CO4, CO5
2	Dung dịch paracetamol Dung dịch dầu xoa	5	[1]	CO4, CO5
3	Pha con	5	[1]	CO4, CO5
4	Nước thơm bạc hà	5	[1]	CO4, CO5
5	Thuốc nhỏ mắt kẽm sulfat Thuốc nhỏ mắt cloramphenicol	5	[1]	CO4, CO5
6	Kiểm tra thực hành	5		CO6

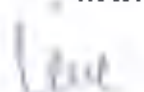
12. Cơ sở và thiết bị

- Phòng thí nghiệm có hạng lớn, đầy đủ hóa chất và trang thiết bị
- Phòng học có bảng lớn, máy chiếu, micro, loa.

KHOA DƯỢC


TS. Thái Thị Kim

BỘ MÔN


Nguyễn Ngọc Lê

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC NAM CÁN THỌ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

1. Thông tin về học phần

Tên học phần: Bao che và sinh được học 2

Mã học phần: 0102000410

Số tín chỉ: 02 tín chỉ

Tổng số tiết quy chuẩn: 30 tiết

Phân bố thời gian:

Tổng thời gian học của sinh viên	Giờ trên lớp				Tổng thời gian học trên lớp và tự học
L = Lý thuyết	L	T	P	Q	30 + 60 = 90
T – Bài tập					
P = Thực hành	30	0	0	0	
Q = Thảo luận/seminar					

Loại học phần: Hai học

Học phần tiền quyết: Bao che và sinh được học 1

Học phần học trước: Không

Học phần học song hành: Không

Ngôn ngữ giảng dạy: Tiếng Việt Tiếng Anh:

Đơn vị phụ trách: Bộ môn Bao che - công nghiệp được

2. Thông tin về các giảng viên

Giảng viên Bộ môn Bao che - công nghiệp được

3. Mục tiêu của học phần (kí hiệu MT)

* Về kiến thức

MT1: Phân tích được đặc điểm, ưu nhược điểm của các dạng bao che thông thường thuộc cấu trúc di thể.

MT2: Mô tả được thành phần cơ bản (hoạt chất, tá dược), nguyên tắc bao chế và các trang thiết bị sử dụng cho mỗi dạng bào chế này.

MT3: Nêu được các yêu cầu chất lượng cho mỗi dạng bào chế này.

* *Về kỹ năng*

MT4: Bao chế được các dạng bào chế thông thường thuộc cấu trúc di thể.

MT5: Đánh giá được một số chỉ tiêu chất lượng chính của các dạng bào chế này.

* *Về năng lực tự chủ và trách nhiệm*

MT6: Có khả năng làm việc độc lập, làm việc nhóm.

MT7: Nhận thức được tầm quan trọng và nhu cầu của lĩnh vực bào chế trong dược học và cuộc sống.

4. Mức đóng góp của học phần cho chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo

Học phần (HP) đóng góp cho chuẩn đầu ra (CĐR) của chương trình đào tạo (CTĐT), là ký hiệu là PO, theo mức độ sau:

0 = Không đóng góp; 1 = Mức thấp; 2 = Mức trung bình; 3 = Mức cao

Mã HP	Tên HP	Mức độ đóng góp của học phần cho CĐR của CTĐT								
		PO1	PO2	PO3	PO4	PO5	PO6	PO7	PO8	PO9
01	Bào chế và sinh dược học 2	0	0	0	3	0	3	3	2	0
02		PO10	PO11	PO12	PO13	PO14	PO15	PO16	PO17	
00		2	0	2	2	2	0	3	2	
04										
30										

5. Chuẩn đầu ra của học phần (ký hiệu CO)

Mức tiêu HP	CĐR của HP	Nội dung chuẩn đầu ra của học phần Hoàn thành học phần này, sinh viên đạt được:	CĐR của CTĐT
Kiến thức			
MT1	CO1	Phân tích được đặc điểm, ưu nhược điểm của các dạng bào chế thông thường thuộc cấu trúc di thể.	PO4, PO6
MT2	CO2	Mô tả được thành phần cơ bản (hoạt chất, tá dược), nguyên tắc bào chế và các trang thiết bị sử dụng cho mỗi dạng bào chế thông thường thuộc cấu trúc di thể.	PO4, PO6
MT3	CO3	Nêu được các yêu cầu chất lượng cho mỗi dạng bào chế thông thường thuộc cấu trúc di thể.	PO4, PO6

Kỹ năng			
MT4	CO4	Rao chế được các dạng bào chế thông thường thuộc cấu trúc dị thể	PO7, PO8, PO10, PO12, PO13, PO14
MT5	CO5	Đánh giá được một số chỉ tiêu chất lượng chính của các dạng bào chế thông thường thuộc cấu trúc dị thể	PO7, PO8, PO10, PO12, PO13, PO14
Năng lực tự chủ và trách nhiệm			
MT6	CO6	Có khả năng làm việc độc lập, làm việc nhóm.	PO16, PO17
MT7	CO7	Nhận thức được tầm quan trọng và nhu cầu của lĩnh vực bào chế trong dược học và cuộc sống.	PO16, PO17

6. Nội dung tóm tắt của học phần

Cung cấp cho sinh viên các kiến thức cơ bản về kỹ thuật bào chế và sinh dược học các dạng thuốc thông thường thuộc cấu trúc dị thể: như thuốc, hỗn dịch, thuốc mỡ dùng trên da và niêm mạc, thuốc đạn, thuốc bột, thuốc viên và thuốc nang..

7. Phương pháp, hình thức tổ chức dạy học

Phương pháp, hình thức tổ chức dạy học	Mục đích	CBR của HP đạt được
Thuyết trình	Cung cấp cho sinh viên hệ thống kiến thức nền tảng của môn học một cách khoa học, logic.	CO1, CO2, CO3
Thảo luận	Thông qua việc hỏi đáp giữa giảng viên và sinh viên để làm rõ các nội dung kiến thức trong môn học.	CO1, CO2, CO3, CO4, CO5, CO6, CO7
Nghiên cứu tài liệu, đọc tài liệu tham khảo	Giúp người học tăng cường năng lực tư duy, tự nghiên cứu.	CO1, CO2, CO3, CO4, CO5, CO6, CO7
Thực hành	Giúp người học có rèn luyện tính cẩn thận, chính xác, tỉ mỉ và phân tích được các vấn đề trong lý thuyết	CO1, CO2, CO3, CO4, CO5, CO6, CO7

8. Nhiệm vụ của sinh viên

- Dự lớp: đọc trước giáo trình, phát hiện vấn đề, nghe giảng

- Nghiên cứu: đọc tài liệu tham khảo, tham gia thuyết trình.
- Thảo luận theo nhóm các vấn đề liên quan đến hai học; tham gia đóng góp ý kiến, xây dựng hai tại lớp
- Tham khảo các tài liệu do giảng viên hướng dẫn.
- Tự học, tự nghiên cứu ở nhà những vấn đề đã được nghe giảng tại lớp.

9. Đánh giá kết quả học tập của sinh viên (thang điểm 10)

TT	Hình thức	Trọng số (%)	Tiêu chí đánh giá	CĐR của HP	Điểm tối đa
Đánh giá quá trình (trọng số 50%)					
1	Chuyên cần	10 10	+ Tính chu đáo, mức độ tích cực chuẩn bị bài và tham gia các hoạt động trong giờ học. + Thời gian tham dự buổi học bất học, vắng không qua 20% số tiết học Tỷ số tiết vắng, GV quyết định số điểm theo tỷ lệ vắng	CO1, CO2, CO3, CO4, CO5, CO6, CO7	10
2	Kiểm tra thường xuyên	30	- Sinh viên làm mọi bài kiểm tra cá nhân - Tiêu chí đánh giá bài kiểm tra (giảng viên nêu cụ thể)	CO1, CO2, CO3	10
Thi kết thúc học phần (trọng số 50%)					
3	Kiểm tra kết thúc HP	50	- Thi kết thúc học phần + Hình thức thi: trắc nghiệm + Tiêu chí đánh giá bài thi: theo đáp án của giảng viên ra đề	CO1, CO2, CO3	10

10. Học liệu

10.1. Tài liệu chính

[1] GS.TS. Lê Quan Nghiêm, PGS.TS. Huỳnh Văn Hóa (chủ biên) (2010). *Bản chế và sinh dược học*, tập 2. NXB Y học

10.2. Tài liệu tham khảo

[2]. Võ Xuân Minh, Nguyễn Văn Long (chủ biên) (2016). *Kỹ thuật bào chế và sinh dược học các dạng thuốc*. Tập 2, sách dùng đào tạo dược sĩ đại học, NXB Y học.

11. Nội dung chi tiết của học phần

Tuần	Nội dung	Số tiết	Tài liệu	CBR của HP
1	Hàn dịch	3	[1]	CO1, CO2, CO3, CO4, CO5, CO6, CO7
2	Nhu tương	3	[1]	CO1, CO2, CO3, CO4, CO5, CO6, CO7
3-4	Thuốc mỡ dùng trên da và niêm mạc	6	[1]	CO1, CO2, CO3, CO4, CO5, CO6, CO7
5	Thuốc đặt	3	[1]	CO1, CO2, CO3, CO4, CO5, CO6, CO7
6	Thuốc hạt – thuốc cốm	3	[1]	CO1, CO2, CO3, CO4, CO5, CO6, CO7
7	Viên nén	3	[1]	CO1, CO2, CO3, CO4, CO5, CO6, CO7
8	Viên nang	3	[1]	CO1, CO2, CO3, CO4, CO5, CO6, CO7
9	Viên bào	3	[1]	CO1, CO2, CO3, CO4, CO5, CO6, CO7
10	Thuốc khí dung	3	[1]	CO1, CO2, CO3, CO4, CO5, CO6, CO7


12. Cơ sở và thiết bị

- Phòng học có bảng lớn, phấn, micrô, máy chiếu và loa

KHOA DƯỢC


TS. Lê Thị Xuân

HỌ MÔN


Nguyễn Ngọc Lê

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

1. Thông tin về học phần

Tên học phần: Bào chế và sinh dược học 2-Thực hành

Mã học phần: 0102000949

Số tín chỉ: 01 tín chỉ

Tổng số tiết quy chuẩn: 30 tiết

Phân bổ thời gian:

Tổng thời gian học của sinh viên	Giờ trên lớp				Tổng thời gian học trên lớp và tự học
L = Lý thuyết	L	T	P	O	30 + 60 = 90
T = Bài tập					
P = Thực hành	0	0	30	0	
O = Thảo luận/seminar					

Loại học phần: Bắt buộc

Học phần tiên quyết: Bào chế và sinh dược học 1, 2

Học phần học trước: Không

Học phần học song hành: Không

Ngôn ngữ giảng dạy: Tiếng Việt Tiếng Anh:

Đơn vị phụ trách: Bộ môn Bào chế - công nghiệp dược

2. Thông tin về các giảng viên

Giảng viên Bộ môn Bào chế - công nghiệp dược

3. Mục tiêu của học phần (ký hiệu MT)

** Về kiến thức*

MT1: Phân tích được đặc điểm, ưu nhược điểm của các dạng bào chế thông thường thuộc cấu trúc dị thể.

MT2: Mô tả được thành phần cơ bản (hoạt chất, tá dược), nguyên tắc bào chế và các trang thiết bị sử dụng cho mỗi dạng bào chế này.

MT3: Nêu được các yêu cầu chất lượng cho mỗi dạng bào chế này.

*** Về kỹ năng**

MT4: Bào chế được các dạng bào chế thông thường thuộc cấu trúc dị thể.

MT5: Đánh giá được một số chỉ tiêu chất lượng chính của các dạng bào chế này.

*** Về năng lực tự chủ và trách nhiệm**

MT6: Có khả năng làm việc độc lập, làm việc nhóm.

MT7: Nhận thức được tầm quan trọng và nhu cầu của lĩnh vực bào chế trong dược học và cuộc sống.

4. Mức đóng góp của học phần cho chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo

Học phần (HP) đóng góp cho chuẩn đầu ra (CDR) của chương trình đào tạo (CTĐT), ta ký hiệu là PO, theo mức độ sau:

0 = Không đóng góp; 1 = Mức thấp; 2 = Mức trung bình; 3 = Mức cao

Mã HP	Tên HP	Mức độ đóng góp của học phần cho CDR của CTĐT								
		PO1	PO2	PO3	PO4	PO5	PO6	PO7	PO8	PO9
01	Bào chế và sinh dược học 2	0	0	0	3	0	3	3	2	0
02		PO10	PO11	PO12	PO13	PO14	PO15	PO16	PO17	
00										
09										
49	Thực hành	2	0	2	2	2	0	3	2	

5. Chuẩn đầu ra của học phần (ký hiệu CO)

Mục tiêu HP	CDR của HP	Nội dung chuẩn đầu ra của học phần Hoàn thành học phần này, sinh viên đạt được:	CDR của CTĐT
Kiến thức			
MT1	CO1	Phân tích được đặc điểm, ưu nhược điểm của các dạng bào chế thông thường thuộc cấu trúc dị thể.	PO4, PO6
MT2	CO2	Mô tả được thành phần cơ bản (hoạt chất, tá dược), nguyên tắc bào chế và các trang thiết bị sử dụng cho mỗi dạng bào chế này.	PO4, PO6

MT3	CO3	Nêu được các yêu cầu chất lượng cho mỗi dạng bào chế này.	PO4, PO6
Kỹ năng			
MT4	CO4	Bào chế được các dạng bào chế thông thường thuộc cấu trúc dị thể.	PO7, PO8, PO10, PO12, PO13, PO14
MT5	CO5	Đánh giá được một số chỉ tiêu chất lượng chính của các dạng bào chế này.	PO7, PO8, PO10, PO12, PO13, PO14
Năng lực tự chủ và trách nhiệm			
MT6	CO6	Có khả năng làm việc độc lập, làm việc nhóm.	PO16, PO17
MT7	CO7	Nhận thức được tầm quan trọng và nhu cầu của lĩnh vực bào chế trong dược học và cuộc sống.	PO16, PO17

6. Nội dung tóm tắt của học phần

Cung cấp cho sinh viên các kiến thức cơ bản về kỹ thuật bào chế và sinh dược học các dạng thuốc: nhũ tương, hỗn dịch, thuốc mỡ dùng trên da và niêm mạc, thuốc đạn, thuốc bột, thuốc viên và thuốc nang..

7. Phương pháp, hình thức tổ chức dạy học

Phương pháp, hình thức tổ chức dạy học	Mục đích	CDR của HP đạt được
Thuyết trình	Cung cấp cho sinh viên hệ thống kiến thức nền tảng của môn học một cách khoa học, logic.	CO1, CO2, CO3
Thảo luận	Thông qua việc hỏi đáp giữa giáo viên và sinh viên để làm rõ các nội dung kiến thức trong môn học.	CO1, CO2, CO3, CO4, CO5, CO6, CO7,
Nghiên cứu bài học, đọc tài liệu tham khảo	Giúp người học tăng cường năng lực tự học, tự nghiên cứu.	CO1, CO2, CO3, CO4, CO5, CO6, CO7,
Thực hành	Giúp người học có rèn luyện tính cẩn thận, chính xác, tỉ mỉ và phân tích được các vấn đề trong lý thuyết	CO1, CO2, CO3, CO4, CO5, CO6, CO7,

8. Nhiệm vụ của sinh viên

- Dự lớp: đọc trước giáo trình, phát hiện vấn đề, nghe giảng.
- Nghiên cứu: đọc tài liệu tham khảo, tham gia thuyết trình.
- Thảo luận theo nhóm các vấn đề liên quan đến bài học; tham gia đóng góp ý kiến, xây dựng bài tại lớp
- Tham khảo các tài liệu do giảng viên hướng dẫn.
- Tự học, tự nghiên cứu ở nhà những vấn đề đã được nghe giảng tại lớp.

9. Đánh giá kết quả học tập của sinh viên (thang điểm 10)

TT	Hình thức	Trọng số (%)	Tiêu chí đánh giá	CĐR của HP	Điểm tối đa
1	Bài báo cáo	50	- Kết quả của buổi thực tập, trả lời câu hỏi - Tiêu chí đánh giá (giảng viên nêu cụ thể)	CO1, CO2, CO3, CO4, CO5, CO6, CO7,	10
2	Kiểm tra kết thúc HP	50	- Thực hiện bào chế công một dạng thuốc đã học - Tiêu chí đánh giá bài kiểm tra (giảng viên nêu cụ thể)	CO1, CO2, CO3, CO4, CO5, CO6, CO7,	10

10. Học liệu

10.1. Tài liệu chính

[1] GS.TS. Lê Quan Nghiệm, PGS.TS. Huỳnh Văn Hóa (chủ biên) (2010), *Bào chế và sinh dược học, tập 2*, NXB Y học.

[2] Bộ môn Bào chế - công nghiệp dược, Trường Đại học Nam Cần Thơ (2016), *Thực hành Bào chế và sinh dược học 2*.

10.2. Tài liệu tham khảo

[3]. Võ Xuân Minh, Nguyễn Văn Long (chủ biên) (2016), *Kỹ thuật bào chế và sinh dược học các dạng thuốc. Tập 2*, sách dùng đào tạo dược sĩ đại học, NXB Y học.

11. Nội dung chi tiết của học phần

Tuần	Nội dung	Số tiết	Tài liệu	CĐR của HP
1	Nhũ tương – Hỗn dịch	5	[1], [2]	CO1, CO2, CO3, CO4,

Tuần	Nội dung	Số tiết	Tài liệu	CĐR của HP
				CO5, CO6, CO7,
2	Thuốc mềm dẹt trên da và niêm mạc	5	[1], [2]	CO1, CO2, CO3, CO4, CO5, CO6, CO7,
3	Thuốc đạn	5	[1], [2]	CO1, CO2, CO3, CO4, CO5, CO6, CO7,
4	Cốm pha hỗn dịch	5	[1], [2]	CO1, CO2, CO3, CO4, CO5, CO6, CO7,
5	Viên nang	5	[1], [2]	CO1, CO2, CO3, CO4, CO5, CO6, CO7,
6	Kiểm tra kết thúc học phần	5		CO1, CO2, CO3, CO4, CO5, CO6, CO7,

12. Cơ sở và thiết bị

- Phòng học có bảng lớn, phấn, micro, máy chiếu và loa
- Phòng thực hành có đầy đủ hóa chất và dụng cụ.

P. KHOA DƯỢC

lwe

ThS. Nguyễn Ngọc Lê

BỘ MÔN

lwe

ThS. Nguyễn Ngọc Lê

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

1. Thông tin về học phần

Tên học phần: Độc chất học

Mã học phần: 0102000464

Số tín chỉ: 1 tín chỉ

Tổng số tiết quy chuẩn: 15 tiết

Phân bố thời gian:

Tổng thời gian học của sinh viên	Giờ trên lớp				Tổng thời gian học trên lớp và tự học
L - Lý thuyết	L	T	P	Q	15 + 30 = 45
T - Bài tập					
P = Thực hành	10	0	0	5	
Q - Thảo luận/seminar					

Loại học phần: Bắt buộc

Học phần tiên quyết: hóa phân tích 1, hóa phân tích 2

Học phần học trước: Không

Học phần học song hành: Không

Ngôn ngữ giảng dạy: Tiếng Việt Tiếng Anh:

Đơn vị phụ trách: Bộ môn Hóa phân tích - Kiểm nghiệm

2. Thông tin về giảng viên: Giảng viên bộ môn Hóa phân tích - Kiểm nghiệm

3. Mục tiêu của học phần (kí hiệu MT):

*Về kiến thức

MT1. Trình bày được nguyên tắc, cơ chế gây độc của một số chất độc thường gặp.

MT2. Trình bày được các phương pháp giải độc của các chất độc thường gặp trong ngành Dược.

*Về kỹ năng

MT3. Thực hiện được việc nghiên cứu độc tính của một chất cơ liên quan đến lĩnh vực dược.

MT4. Có định hướng về việc lấy mẫu, xử lý mẫu trước khi phân tích chất độc

MT5. Có phương pháp luận khoa học trong nghiên cứu về độc tính của hoạt chất ngành Dược từ đó áp dụng trong công tác nghiên cứu thuốc.

***Về năng lực tự chủ và trách nhiệm**

MT6. Nhận thức được vai trò nhiệm vụ của người dược sĩ đại học trong lĩnh vực tư vấn sử dụng thuốc an toàn, kiểm nghiệm thuốc.

MT7. Có đạo đức nghề nghiệp, đảm bảo tính trung thực, khách quan.

4. Mục đóng góp của học phần cho chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo

Học phần đóng góp cho chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo (PO) theo mức độ sau:

0 = Không đóng góp; 1 = Mức thấp; 2 = Mức trung bình; 3 = Mức cao

Mã HP	Tên HP	Mức độ đóng góp của học phần cho CĐR của CTĐT								
		PO1	PO2	PO3	PO4	PO5	PO6	PO7	PO8	PO9
DƯỢC HỌC	Độc chất học	0	0	0	1	0	1	1	1	0
		PO10	PO11	PO12	PO13	PO14	PO15	PO16	PO17	
		1	1	1	1	1	0	1	1	

5. Chuẩn đầu ra của học phần (CO)

Mục tiêu HP	CĐR của HP	Nội dung CĐR của học phần Hoàn thành học phần này, sinh viên đạt được:	CĐR của CTĐT
Kiến thức			
MT1	CO1	Trình bày được nguyên tắc, cơ chế gây độc của một số chất độc thường gặp.	PO4, PO6
MT2	CO2	Hiểu và vận dụng được các phương pháp giải độc của các chất độc thường gặp trong ngành Dược.	PO4, PO6
Kỹ năng			
MT3	CO3	Thực hiện được phương pháp kiểm nghiệm chất độc trong các mẫu khác nhau	PO7, PO8, PO10, PO11, PO12, PO13, PO14
MT4	CO4	Có định hướng về việc lấy mẫu, xử lý mẫu trước khi phân tích chất độc.	PO7, PO8, PO10, PO11, PO12, PO13, PO14
MT5	CO5	Có phương pháp luận khoa học trong nghiên cứu về độc tính của hoạt chất ngành Dược từ đó áp	PO7, PO8, PO10, PO11, PO12, PO13, PO14

		dụng trong công tác nghiên cứu thuốc.	
Năng lực tự chủ và trách nhiệm			
MT6	CO6	Nhận thức được vai trò nhiệm vụ của người dược sĩ đại học trong lĩnh vực tư vấn sử dụng thuốc an toàn, kiểm nghiệm thuốc.	PO16, PO17
MT7	CO7	Có đạo đức nghề nghiệp, đảm bảo tính trung thực, khách quan.	PO16, PO17

6. Nội dung tóm tắt của học phần

Học phần đọc chất học bao gồm những kiến thức cơ bản về độc chất học và ảnh hưởng của các yếu tố này đến sức khỏe của con người. Các kiến thức về các quá trình động học, cơ chế gây ngộ độc và các yếu tố ảnh hưởng đến tác dụng của chất độc.

7. Phương pháp, hình thức tổ chức dạy học

Phương pháp, hình thức tổ chức dạy học	Mục đích	CĐR của HP đạt được
Thuyết giảng	Cung cấp cho sinh viên hệ thống kiến thức nền tảng của môn học một cách khoa học, logic.	CO1, CO2, CO5, CO6
Thảo luận	Thông qua việc hỏi đáp giữa giảng viên và sinh viên để làm rõ các nội dung kiến thức trong môn học.	CO1, CO2, CO6, CO7
Nghiên cứu tình huống	Thông qua các tình huống ngộ độc, sinh viên có thể đề ra các giải pháp, nhận định liên quan đến tình huống đó.	CO1, CO2, CO6
Nghiên cứu hai học, đọc tài liệu tham khảo	Giúp người học tăng cường năng lực tự học, tự nghiên cứu.	CO6, CO7
Thực hành	Giúp người học rèn luyện kỹ năng trong thực tế.	CO3, CO4, CO5, CO6, CO7

8. Nhiệm vụ của sinh viên

- Dự lớp: đọc trước giáo trình, phát hiện vấn đề, nghe giảng.
- Thảo luận theo nhóm các vấn đề liên quan đến hai học, tham gia đóng góp ý kiến, xây bài tại lớp.
- Giải quyết tình huống

- Nghiên cứu: đọc tài liệu tham khảo
- Tham khảo các tài liệu do giảng viên hướng dẫn.
- Tự học, tự nghiên cứu ở nhà những vấn đề đã được nghe giảng tại lớp.

9. Đánh giá kết quả học tập của sinh viên (thang điểm 10)

9.1. Lý thuyết

TT	Hình thức	Trong số (%)	Tiêu chí đánh giá	CR của HP	Điểm tối đa
1	Chuyên cần + hai tập về nhà và phát hiện trên lớp	10	- Tính chủ động, mức độ tích cực chuẩn bị hai và tham gia các hoạt động trong giờ học	CO1,CO2. CO3,CO4. CO5,CO6. CO7	10
		10	- Thời gian tham dự buổi học hết buổi, Vắng không quá 20% số tiết học. Tỷ số tiết vắng. GV quyết định số điểm theo tỷ lệ vắng	CO1,CO2. CO3,CO4. CO5,CO6. CO7	10
2	Kiểm tra giữa kỳ	30	Thực hiện hai kiểm tra trắc nghiệm.	CO1, CO2. CO3	10
3	Thi kết thúc học phần	50	Thi kết thúc học phần + Hình thức thi: trắc nghiệm + Tiêu chí đánh giá hai thi: Theo đáp án, thang điểm quy định theo tỷ lệ 50%	CO1, CO2. CO3	10

10. Học liệu

10.1. Tài liệu chính

- [1]. Bài giảng Độc chất học (2022) – Bài giảng nội bộ. Bộ môn Hóa phân tích - Kiểm nghiệm, Trường Đại học Nam Cần Thơ.
- [2]. Bài giảng Thực hành Độc chất học (2022) – Bài giảng nội bộ. Bộ môn Hóa phân tích - Kiểm nghiệm, Trường Đại học Nam Cần Thơ.

10.2. Tài liệu tham khảo

- [3]. Vũ Văn Đình và cộng sự (2007), *cấp cứu ngộ độc*, NXB Y Học.
- [4]. Nguyễn Quốc Anh, Phạm Đức, Lương Ngọc Khue (2017), *Hướng dẫn chẩn đoán và xử trí ngộ độc*, NXB Y học.
- [5]. Trần Thanh Nhân (2017), *Độc chất học*, NXB giáo dục Việt Nam.

11. Nội dung chi tiết học phần

11.1. Lý Thuyết

Tuần	Nội dung	Số tiết	Tài liệu	CĐR của HP
1	Bài 1. Đại cương về chất độc	3	[1]	CO1, CO2
	Bài 2. Các phương pháp phân tích chất độc	1	[1]	CO1, CO2
2	Bài 3. Các chất độc khí	2	[1]	CO2
	Bài 4. Các chất độc vô cơ	2		CO2, CO5, CO6, CO7
3	Bài 5. Các chất hữu cơ phân lập bằng phương pháp cất kero	2	[1]	CO2, CO5, CO6, CO7
	Bài 6. Acid barbituric và các barbiturat	2	[1]	CO2, CO5, CO6, CO7
4	Bài 7. Các chất độc hữu cơ phân lập bằng cách chiết ở môi trường kiềm	3	[1]	CO1

12. Cơ sở và thiết bị

- Phòng học cỡ hàng lớn, phân, micro, máy chiếu và loa
- Phòng thực hành có đầy đủ các trang thiết bị và máy móc cần thiết phục vụ thực hành.

3. TRƯỞNG KHOA

(ký tên)

TS. *Thái Thị Liên*

♀ TRƯỞNG BỘ MÔN

(ký tên)

Nguyễn Thị Hương Châu

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

1. Thông tin về học phần

Tên học phần: Độc chất học-Thực Hành

Mã học phần: 0102000936

Số tín chỉ: 1 tín chỉ

Tổng số tiết quy chuẩn : 30 tiết

Phân bố thời gian: Học kỳ 6

Tổng thời gian học của sinh viên	Giờ trên lớp				Tổng thời gian học trên lớp và tự học
L = Lý thuyết	L	T	P	Q	
T = Bài tập					
P = Thực hành	0	0	30	0	30 + 60 = 90
Q = Thảo luận/seminar					

Loại học phần: Bất huộc

Học phần tiên quyết: hóa phân tích 1, hóa phân tích 2

Học phần học trước: Không

Học phần học song hành: Không

Ngôn ngữ giảng dạy: Tiếng Việt Tiếng Anh:

Đơn vị phụ trách: Bộ môn Hóa phân tích –Kiểm nghiệm

2. Thông tin về các giảng viên: Giảng viên bộ môn Hóa phân tích –Kiểm nghiệm

3. Mục tiêu của học phần (kí hiệu MT):

*Về kiến thức

MT1. Trình bày được nguyên tắc, phương pháp phân tích của một số chất độc thường gặp.

*Về kỹ năng

MT2. Thực hiện được phương pháp kiểm nghiệm chất độc trong các mẫu khác nhau

MT3. Thực hiện được các phương pháp xử lý mẫu trước khi phân tích chất độc.

*Về năng lực tự chủ và trách nhiệm

MT4. Nhận thức được vai trò nhiệm vụ của người dược sĩ đại học trong lĩnh vực tư vấn sử dụng thuốc an toàn, kiểm nghiệm thuốc.

MT5. Có đạo đức nghề nghiệp, đam mê tinh trung thực, khách quan.

4. Mục đóng góp của học phần cho chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo

Học phần đóng góp cho chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo (PO) theo mức độ sau:

0 = Không đóng góp; 1 = Mức thấp; 2 = Mức trung bình; 3 = Mức cao

Ma HP	Tên HP	Mức độ đóng góp của học phần cho CĐR của CTĐT								
		PO1	PO2	PO3	PO4	PO5	PO6	PO7	PO8	PO9
01020000936	Độc chất học- thực hành	PO1	PO2	PO3	PO4	PO5	PO6	PO7	PO8	PO9
		0	0	0	1	0	1	2	1	0
		PO10	PO11	PO12	PO13	PO14	PO15	PO16	PO17	
		1	1	1	1	1	0	1	1	

5. Chuẩn đầu ra của học phần (CO)

Mức tiêu HP	CĐR của HP	Nội dung CĐR của học phần Hoàn thành học phần này, sinh viên đạt được:	CĐR của CTĐT
Kiến thức			
MT1	CO1	Trình bày được nguyên tắc, cơ chế gây độc của một số chất độc thường gặp.	PO4, PO6
Kỹ năng			
MT2	CO2	Thực hiện được phương pháp kiểm nghiệm chất độc trong các mẫu khác nhau	PO7, PO8, PO10, PO11, PO12, PO13, PO14
MT3	CO3	Thực hiện được việc nghiên cứu độc tính của một chất.	PO7, PO8, PO10, PO11, PO12, PO13, PO14
Năng lực tự chủ và trách nhiệm			
MT4	CO4	Có khả năng lập kế hoạch học tập, nghiên cứu thêm liên quan đến độc tính của các chất	PO16, PO17
MT5	CO5	Có đạo đức nghề nghiệp, đảm bảo tính trung thực, khách quan.	PO16, PO17

6. Nội dung tóm tắt của học phần

Học phần độc chất học bao gồm những kiến thức cơ bản về độc chất học và ảnh hưởng của các yếu tố này đến sức khỏe của con người. Các kiến thức về các quá trình động học, cơ chế gây ngộ độc và các yếu tố ảnh hưởng đến tác dụng của chất độc.

7. Phương pháp, hình thức tổ chức dạy học

Phương pháp, hình thức	Mục đích	CĐR của HP đạt được
------------------------	----------	---------------------

hình thức dạy học		
Thuyết giảng	Cung cấp cho sinh viên hệ thống kiến thức nền tảng của môn học một cách khoa học, logic	CO1, CO2, CO5
Thảo luận	Thông qua việc hỏi đáp giữa giảng viên và sinh viên để làm rõ các nội dung kiến thức trong môn học	CO1, CO2, CO5
Nghiên cứu tình huống	Thông qua các tình huống ngộ độc, sinh viên có thể đề ra các giải pháp, nhận định liên quan đến tình huống đó	CO1, CO2, CO4, CO5
Nghiên cứu hai học, đọc tài liệu tham khảo	Giúp người học tăng cường năng lực tư học, tư nghiên cứu	CO3
Thực hành	Giúp người học rèn luyện kỹ năng trong thực tế	CO3, CO4, CO5, CO6, CO7, CO8

8. Nhiệm vụ của sinh viên

- Dự lớp: đọc trước giao trình, phát hiện vấn đề, nghe giảng
- Thảo luận theo nhóm các vấn đề liên quan đến hai học; tham gia đóng góp ý kiến, xây bài tại lớp.
- Giải quyết tình huống
- Nghiên cứu: đọc tài liệu tham khảo
- Tham khảo các tài liệu do giảng viên hướng dẫn.
- Tư học, tư nghiên cứu ở nhà những vấn đề đã được nghe giảng tại lớp

9. Đánh giá kết quả học tập của sinh viên (thang điểm 10)

TT	Hình thức	Trọng số (%)	Tiêu chí đánh giá	CBĐR của HP	Điểm tối đa
Đánh giá quá trình trong số 70%					
1	Bài báo cáo + kết quả thực hành	40	+ Tính chủ động, mức độ tích cực chuẩn bị bài và tham gia các hoạt động trong giờ học + Tham dự đầy đủ tất cả các buổi học, thực hành và làm bài	CO1, CO2, CO3, CO4, CO5	10

			cần theo yêu cầu của giảng viên.		
2	Kiểm tra thường xuyên	30	+ Kiểm tra trên lớp theo đề chung, đáp án, thang điểm của GV và quy về theo tỷ lệ (30%).	CO1, CO2, CO3, CO4, CO5	10
Thi kết thúc học phần (trọng số 30%)					
3	Thi lý thuyết và thực hành	30	+ Thi theo đề chung, đáp án, thang điểm của GV và quy về theo tỷ lệ (30%)	CO1, CO2, CO3, CO4, CO5	10

10. Học liệu

10.1. Tài liệu Chính

[1]. Bài giảng Thực hành Độc chất học (2022) – Bài giảng nội bộ, Bộ môn Hóa phân tích - Kiểm nghiệm, Trường Đại học Nam Cần Thơ

10.2. Tài liệu tham khảo

[3]. Vũ Văn Đình và cộng sự (2007), *cấp cứu ngộ độc*, NXB Y Học.

[4]. Nguyễn Quốc Anh, Phạm Đức, Lương Ngọc Khuê (2017), *Hướng dẫn chẩn đoán và xử trí ngộ độc*, NXB Y học.

[5]. Trần Thanh Nhân (2017), *Độc chất học*, NXB giáo dục Việt Nam.

11. Nội dung chi tiết học phần

Tuần	Nội dung	Tài liệu	CĐR của HP
5	Hai 1. Phenol	[1]	CO1
	Bài 2. Chất độc phan ứng bằng phương pháp cắt keo theo hơi nước	[1]	CO1
6	Hai 3. Chất độc hữu cơ được chiết xuất bằng dung môi hữu cơ trong môi trường acid	[1]	CO1
	Bài 4. Chất độc hữu cơ được chiết xuất bằng dung môi hữu cơ trong môi trường kiềm	[1]	CO1, CO2, CO3, CO4, CO5
7	Hai 5. Chất độc dễ bay hơi	[1]	CO1, CO2, CO3, CO4, CO5
	Bài 6. Các chất độc vô cơ.	[1]	CO1, CO2, CO3.

			CO4, CO5
--	--	--	----------

12. Cơ sở và thiết bị

- Phòng thực hành có đầy đủ các trang thiết bị và máy móc cần thiết phục vụ thực hành.

TRƯỞNG KHOA

(ky ten)

TS. Thái Thị Liên

TRƯỞNG BỘ MÔN

(ky ten)

Nguyễn Hoàng Thảo